



ADB

Hướng dẫn

XÉT THẦU

XÉT THẦU

Asian Development Bank



Hướng dẫn

XÉT THẦU

Tháng 10-2012

Asian Development Bank

© 2012 Ngân hàng Phát triển châu Á

Bảo lưu toàn bộ tác quyền. Xuất bản năm 2012.
In tại Phi-lip-pin.

ISBN 978-92-9092-1448
Số lưu chiếu TIM102634

Dữ liệu danh mục xuất bản

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

Hướng dẫn xét thầu.

Thành phố Mandaluyong, Phi-lip-pin: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), 2012.

1. Mua sắm. 2. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). I. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

Khi nêu tên hoặc tham chiếu đến bất kỳ vùng lãnh thổ hoặc địa bàn cụ thể nào, hoặc khi sử dụng từ “quốc gia” trong tài liệu này, ADB không có ý định đưa ra bất kỳ nhận định nào về tình trạng pháp lý hay các tình trạng khác của địa bàn hoặc vùng lãnh thổ đó.

ADB chỉ khuyến khích in ấn hoặc sao chép thông tin cho mục đích cá nhân và phi thương mại với sự công nhận nguồn thích hợp từ ADB. Người sử dụng không được bán lại, phân phối lại hay tạo ra các sản phẩm phái sinh cho mục đích thương mại nếu không được ADB chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.

Lưu ý: Trong ấn phẩm này, ký hiệu “\$” nghĩa là đô-la Mỹ.

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
6, Đại lộ ADB, thành phố Mandaluyong
1550 Metro Manila, Phi-lip-pin
Tel +63 2 632 4444
Fax +63 2 636 2444
www.adb.org

MỤC LỤC

	Trang
LỜI TỰA	v
PHẦN I. THỦ TỤC VÀ BÁO CÁO XÉT THẦU	1
MỤC I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
A. Giới Thiệu	3
B. Mục Đích Xét Thầu	4
C. Các Nguyên Tắc Xét Thầu	4
D. Các Phương Thức Đấu thầu Cạnh Tranh của ADB	6
MỤC II. THỦ TỤC XÉT THẦU	9
A. Giai đoạn 1: Thu Thập Thông Tin	9
1. Bước 1: Dữ Liệu Đấu Thầu	9
2. Bước 2: Biên Bản Mở Thầu	9
3. Bước 3: Kiểm Tra Sơ Bộ Tính Hoàn Chỉnh của Hồ Sơ Dự Thầu	10
B. Giai đoạn 2: Xác Định Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Các Hồ Sơ Dự Thầu	10
1. Bước 1: Chuẩn Bị Danh Sách Các Nhà Thầu và Giá Dự Thầu	10
2. Bước 2: Khả Năng Đáp ứng Cơ Bản Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại	11
3. Bước 3: Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản Các Yêu Cầu Kỹ Thuật	12
4. Bước 4: Lập Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Các Hồ Sơ Dự Thầu	14
C. Giai đoạn 3: Đánh Giá Chi Tiết Hồ Sơ Dự Thầu	14
1. Bước 1: Xác Định Số Lượng Hồ Sơ Dự Thầu Cần Đánh Giá Chi Tiết	14
2. Bước 2: Đánh Giá Chi Tiết	15
3. Bước 3: Hiệu Chỉnh Tài Chính Giá Dự Thầu (Các Khía Cạnh Thương Mại)	16
4. Bước 4: Hiệu Chỉnh Tài Chính Giá Dự Thầu (Các Khía Cạnh Kỹ Thuật)	17
5. Đánh Giá Chi Tiết Các Hồ Sơ Dự Thầu đối với Hợp Đồng Xây Lấp	20
D. Giai đoạn 4: Xác Định Hồ Sơ Dự Thầu Đáp Ứng Cơ Bản và Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	22
MỤC III. CƠ CHẾ ƯU TIÊN NỘI ĐỊA KHI SO SÁNH HỒ SƠ DỰ THẦU	25
MỤC IV. CHUẨN BỊ BÁO CÁO XÉT THẦU	31

CÁC PHỤ LỤC	34
<i>Phụ lục 1.</i> <i>BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU</i>	37
<i>Phụ lục 2.</i> <i>BIÊN BẢN MỞ THẦU</i>	38
<i>Phụ lục 3.</i> <i>DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU VÀ GIÁ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA)</i>	41
<i>Phụ lục 3A.</i> <i>DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU VÀ GIÁ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG XÂY LẮP)</i>	43
<i>Phụ lục 4.</i> <i>BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI)</i>	44
<i>Phụ lục 4A.</i> <i>BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT)</i>	51
<i>Phụ lục 5.</i> <i>BẢNG CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI)</i>	52
<i>Phụ lục 5A.</i> <i>BẢNG CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT)</i>	55
<i>Phụ lục 6.</i> <i>BẢNG SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG)</i>	56
<i>Phụ lục 6A.</i> <i>BẢNG SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU</i> <i>(ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG XÂY LẮP)</i>	57
PHẦN II. MẪU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU	62
Ví dụ 1: HỢP ĐỒNG CUNG CẤP	63
Ví dụ 2: HỢP ĐỒNG XÂY LẮP	96
Ví dụ 3: HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG, GIAO HÀNG VÀ LẮP ĐẶT Phương Thức Đấu Thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ	134

Lời Tựa

Các nguyên tắc và thủ tục được trình bày trong Tài Liệu Hướng Dẫn Xét Thầu này (sau đây được gọi là “Hướng Dẫn Xét Thầu”) cũng được quy định tại **Tài Liệu Hướng Dẫn Về Mua Sắm** (“Hướng Dẫn Về Mua Sắm”) và được áp dụng cho các gói thầu mua sắm hàng hóa (“Hàng Hóa” bao gồm cả các dịch vụ liên quan¹) và các công trình (“Công Trình”) được tài trợ toàn bộ hoặc một phần từ khoản vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Theo Hướng Dẫn Về Mua Sắm, ADB yêu cầu các bên vay của mình (“Các Bên Vay”) hoặc các Cơ quan Thực hiện Dự án (“các Cơ quan Thực hiện Dự án”) của các bên vay phải nộp “Báo Cáo Xét Thầu” để ADB chấp thuận trước khi trao thầu.²

Các Báo Cáo Xét Thầu do Bên Vay, Cơ quan Thực hiện Dự án và các chuyên gia tư vấn của họ (“Chuyên Gia Tư Vấn”) lập nhằm đáp ứng yêu cầu của ADB, thường không tuân thủ về hình thức và nội dung; trong nhiều trường hợp các nguyên tắc và thủ tục mua sắm của ADB đã bị vi phạm. Trong những trường hợp như vậy, ADB cần thu thập thông tin bổ sung hoặc yêu cầu các bên giải trình và phân tích thêm sau khi đã nhận được và rà soát sơ bộ báo cáo. Việc kéo dài thời gian do phải giải trình và phân tích bổ sung như vậy thường dẫn đến việc các nhà thầu sẽ bị yêu cầu gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu; tuy nhiên, nếu nhà thầu chào giá dự thầu thấp nhất không muốn tuân thủ yêu cầu gia hạn này thì hợp đồng sẽ phải được trao cho một nhà thầu chào giá dự thầu cao hơn. Đây là kết quả hoàn toàn không mong muốn, không chỉ đối với Cơ quan Thực hiện Dự án là bên phải trả giá cao hơn mức cần thiết để thực hiện một dự án, mà còn cả với các nhà thầu bị bắt buộc phải duy trì giá dự thầu của mình trong một thời hạn không hợp lý, hoặc phải bỏ cuộc cạnh tranh sau khi đã phải trả các chi phí dự thầu. Cuối cùng thì, những diễn biến như vậy là điều không mong muốn xét từ quan điểm vận hành dự án vì theo các điều khoản tại Điều Lệ của mình, ADB là bên phải chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các dự án do ADB tài trợ sẽ được thực hiện theo nguyên tắc “kinh tế và hiệu quả”. Bỏ lỡ cơ hội trao thầu đúng thời điểm cho nhà thầu đáp ứng cơ bản điều kiện dự thầu và có giá đánh giá thấp nhất là không đảm bảo tính kinh tế cũng như hiệu quả của dự án.

Chính vì những khó khăn cố hữu trong quá trình xét thầu và trong việc lập các Báo Cáo Xét Thầu hoàn chỉnh, chính xác và súc tích, ADB đã biên soạn tài liệu Hướng Dẫn Xét Thầu để hướng dẫn Các Bên Vay, Các Cơ quan Thực hiện Dự án, và Các Chuyên Gia Tư Vấn của họ về các thủ tục xét thầu và mẫu báo cáo cần trình cho ADB.

Phần I của Hướng Dẫn Xét Thầu trình bày quy trình xét thầu theo từng bước một cách có hệ thống bao gồm tất cả các yếu tố liên quan được ADB xem xét để xác định hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất theo các điều khoản và điều kiện của hồ sơ mời thầu. Quy trình này cũng minh họa cách lập báo cáo xét thầu để trình cho ADB thông qua việc tập hợp các bảng biểu phân tích được lập trong quá trình xét thầu.

Phần II của Hướng Dẫn Xét Thầu gồm ba mẫu báo cáo xét thầu, một báo cáo cho hợp đồng cung ứng liên quan đến mua sắm hàng hóa; một báo cáo cho hợp đồng xây lắp; và một báo cáo cho hợp đồng cung ứng, giao hàng và lắp đặt liên quan đến các gói thầu mua sắm máy móc, hoặc thiết bị và công trình xây lắp theo một hợp đồng trách nhiệm đầu mối.

¹ Thuật ngữ “Dịch Vụ” không bao gồm các dịch vụ tư vấn. Dịch vụ tư vấn phải tuân theo các luật lệ riêng biệt trong “*Hướng dẫn sử dụng chuyên gia tư vấn của Ngân Hàng Phát Triển Châu Á và Bên Vay*” của ADB.

² Ngưỡng xét duyệt trước áp dụng với Đấu thầu Cạnh tranh Quốc tế và Đấu thầu Cạnh tranh Trong nước thường được quy định trong hiệp định vay của dự án có liên quan.

ADB khuyến khích áp dụng quy trình được đề xuất trong Hướng Dẫn Xét Thầu. Trong một số trường hợp, có thể cần phải có các sửa đổi nhất là đối với các bảng phân tích, cho phù hợp với bản chất của các gói thầu đang được tiến hành.

ADB hi vọng rằng các thông tin được cung cấp trong Hướng Dẫn Xét Thầu là hữu ích và sẽ giúp giảm thiểu hoặc loại trừ các vấn đề mà các bên đã gặp phải trước đây. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng mục đích của Hướng Dẫn Xét Thầu là để hỗ trợ Các Cơ quan Thực hiện Dự án xét thầu theo đúng các nguyên tắc và tập quán mua sắm được thể hiện trong **Hướng Dẫn Về Mua Sắm**. Trong trường hợp có sự tối nghĩa hoặc không nhất quán giữa Hướng Dẫn Xét Thầu này và các quy định của hiệp định vay hoặc của các quy định của hồ sơ mời thầu thì các quy định của hiệp định vay hoặc của hồ sơ mời thầu sẽ được áp dụng thay cho Hướng Dẫn Xét Thầu này.

Để biết thêm thông tin liên quan đến đấu thầu và mua sắm trong phạm vi các dự án được ADB tài trợ có thể liên hệ địa chỉ sau:

Central Operations Services Office
Asian Development Bank
6 ADB Avenue, Mandaluyong City
1550 Metro Manila, Philippines
Fax (632) 636-2444
Telephone (632) 632-4444

PHẦN I

THỦ TỤC VÀ BÁO CÁO XÉT THẦU

Mục 1. Giới Thiệu Chung

A. GIỚI THIỆU

- 1.1 Các gói thầu mua sắm trong phạm vi các dự án được Ngân hàng Phát triển Châu Á, sau đây được gọi là “ADB”, tài trợ phải được thực hiện theo các nguyên tắc, thông lệ và thủ tục chung được quy định tại Tài Liệu Hướng Dẫn Về Mua Sắm, sau đây được gọi là “*Hướng Dẫn Về Mua Sắm*”. Các chính sách áp dụng cho công tác đấu thầu mua sắm được quy định trong tài liệu *Hướng Dẫn Về Mua Sắm* có nguồn gốc từ các quy định trong Thỏa Thuận Thành Lập Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (“Điều Lệ”). Các nguyên tắc cơ bản liên quan đến công tác đấu thầu mua sắm được quy định trong Điều Lệ là:
- (i)¹ Số tiền của bất kỳ khoản vay nào sẽ chỉ được sử dụng cho công tác đấu thầu mua sắm tại các quốc gia thành viên đối với hàng hóa và dịch vụ được sản xuất tại các quốc gia thành viên; và
 - (ii)² ADB sẽ đảm bảo rằng số tiền của bất kỳ khoản vay nào được ADB cung cấp chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích mà vì mục đích đó khoản vay được ADB thông qua, chú trọng cân nhắc đến tính kinh tế và hiệu quả.
- 1.2 Công tác đấu thầu mua sắm cho các dự án được ADB tài trợ phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trên được quy định tại Điều Lệ và *Hướng Dẫn Về Mua Sắm*. Ngoài ra, ADB, với tư cách là một tổ chức tài chính phát triển đa phương, quốc tế công, có nghĩa vụ mang lại cơ hội cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công trình một cách đầy đủ, công bằng và bình đẳng cho các nhà thầu có quan tâm từ tất cả các quốc gia thành viên của mình trong các dự án được ADB tài trợ. Nếu bất kỳ nguyên tắc nào trong số các nguyên tắc cơ bản này không được tuân thủ trong quá trình mua sắm, bao gồm cả việc xét thầu và trao thầu, ADB có quyền từ chối tài trợ cho hạng mục mua sắm đó và hủy bỏ phần tương ứng của khoản vay.
- 1.3 Hồ sơ mời thầu được chấp thuận cho hạng mục mua sắm được ADB tài trợ phải bao gồm các quy định cần thiết để đáp ứng các nguyên tắc, thông lệ và quy trình của ADB. Việc xét thầu phải nhất quán với các điều khoản và điều kiện được quy định trong hồ sơ mời thầu. Việc xét thầu công bằng, chính xác và minh bạch là một trong những khía cạnh quan trọng nhất của công tác đấu thầu mua sắm. Ngoài ra, ADB cần phải thỏa mãn được rằng các mục tiêu về tính kinh tế, hiệu quả và công bằng giữa các nhà thầu phải được đáp ứng.

¹ Điều 14(ix) của Điều Lệ.

² Điều 14(xi) của Điều Lệ.

B. MỤC ĐÍCH XÉT THẦU

- 1.4 Mục đích chính của việc xét thầu là xác định hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất trong số các hồ sơ dự thầu được nộp vào hoặc trước ngày và thời điểm đóng thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu. Hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất có thể hoặc không nhất thiết là hồ sơ dự thầu có giá chào thấp nhất. Để xác định được chính xác hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất theo các điều khoản và điều kiện của hồ sơ mời thầu cần phải tuân thủ một quy trình xét thầu có tính hệ thống và logic được thiết kế để xem xét được tất cả các khía cạnh của quá trình xét thầu.

C. CÁC NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU³

- 1.5 Cần phải hiểu rõ và tuân thủ một số nguyên tắc cũng như thông lệ nhất định về xét thầu của ADB trong quá trình xét thầu.

(a) Tính Bảo Mật của Các Thủ Tục

Sau khi mở công khai các hồ sơ dự thầu, không được trao đổi các thông tin liên quan đến việc đánh giá sơ bộ, làm rõ và đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu, và khuyến nghị liên quan đến việc trao thầu với bất kỳ tổ chức/cá nhân nào không liên quan chính thức đến các quy trình này cho đến khi thông báo trao thầu được gửi cho nhà thầu trúng thầu.

(b) Làm Rõ và Sửa Đổi Hồ Sơ Dự Thầu

Không nhà thầu nào được phép sửa đổi hồ sơ dự thầu của mình sau khi các hồ sơ dự thầu đã được mở. Chỉ có các thông tin làm rõ hồ sơ dự thầu, mà không làm thay đổi nội dung hoặc giá của hồ sơ dự thầu, có thể sẽ được Cơ quan Thực hiện Dự án yêu cầu cung cấp hoặc chấp nhận. Yêu cầu làm rõ và phần trả lời của nhà thầu phải bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện điện tử được chấp nhận (như fax hoặc các tài liệu gửi qua e-mail). Bất kỳ nội dung nào trả lời yêu cầu giải đáp của Cơ quan Thực hiện Dự án dẫn đến thay đổi giá dự thầu sẽ được xem là sửa đổi hồ sơ dự thầu và sẽ không được xem xét trong khi xét thầu. Hồ sơ của tất cả các yêu cầu làm rõ của Cơ quan Thực hiện Dự án và thông tin giải trình nhận được từ nhà thầu phải được lưu giữ.

(c) Loại Bỏ Các Hồ Sơ Dự Thầu

Tất cả các hồ sơ dự thầu hợp lệ nhận được sẽ được đánh giá theo các điều khoản và điều kiện của hồ sơ mời thầu, và chỉ các hồ sơ dự thầu không đáp ứng về cơ bản các quy định theo các yêu cầu của hồ sơ mời thầu mới bị loại bỏ.

(d) Gia Hạn Hiệu Lực của Hồ Sơ Dự Thầu

Cơ quan Thực hiện Dự án cần nỗ lực tối đa để hoàn tất việc xét thầu và trao thầu trước khi hết hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu. Hiệu lực của các hồ

³ Thường dành cho phương thức đấu thầu mặc định "một giai đoạn, một túi hồ sơ." Xem Phần D về các phương thức đấu thầu khác.

sơ dự thầu chỉ có thể được gia hạn trong các trường hợp đặc biệt, và phải được ADB chấp thuận trước. Nếu việc gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu được xem là cần thiết, tất cả các nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu sẽ được yêu cầu gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu của mình. Các nhà thầu đồng ý gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu của mình sẽ không được phép sửa đổi nội dung hoặc giá dự thầu của mình. Tuy nhiên, các nhà thầu này bắt buộc phải gia hạn hiệu lực bảo lãnh dự thầu của mình. Các nhà thầu không đồng ý gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu sẽ được hoàn trả bảo lãnh dự thầu ngay.

(e) Loại Bỏ Tất Cả Các Hồ Sơ Dự Thầu

Việc loại bỏ tất cả các hồ sơ dự thầu được cho là chính đáng khi các hồ sơ dự thầu đã nộp không đáp ứng cơ bản hoặc nếu không có bằng chứng về sự thiếu cạnh tranh. Việc loại bỏ tất cả hồ sơ dự thầu và mời thầu lại chỉ vì lý do giá cao sẽ không được ADB chấp nhận. Nếu tất cả các hồ sơ dự thầu có giá dự thầu vượt quá giá dự toán quá nhiều, và sau khi tham vấn với ADB, Bên Vay thay vì mời thầu lại, có thể đàm phán với nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất để giảm giá dự thầu. Nếu không thương lượng được một hợp đồng đáp ứng nhu cầu, cần tiến hành đấu thầu lại với sửa đổi phù hợp về phạm vi của hợp đồng.

(f) Đồng Tiền Sử Dụng Trong Xét Thầu

Nhà Thầu chào thầu bằng bất kỳ loại ngoại tệ nào trong các gói thầu mua sắm hàng hóa, hoặc bằng đồng nội tệ trong các gói thầu xây lắp, vì mục đích xét thầu và so sánh hồ sơ dự thầu, giá dự thầu của tất cả các hồ sơ dự thầu sẽ được chuyển đổi thành một loại tiền tệ duy nhất, sử dụng tỷ giá ngoại tệ bán ra đã được quy định chính thức cho các giao dịch tương tự vào ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu. Cơ quan Thực hiện Dự án phải thực hiện việc chuyển đổi giá dự thầu sử dụng tỷ giá (hối đoái) bán ra cho những đơn vị tiền tệ được chào từ một nguồn chính thức, chẳng hạn như ngân hàng trung ương.

(g) Các Khoản Tạm Tính Để Dự Phòng

Các khoản tạm tính để dự phòng chỉ là các khoản dự tính, và không nhằm để chào thầu cạnh tranh. Các khoản này có thể là khoản cố định, hoặc tính bằng tỷ lệ phần trăm của tổng giá dự thầu hoặc giá dự thầu của các biểu cụ thể của bảng tiên lượng như được quy định trong hồ sơ mời thầu. Vì các khoản dự phòng không nhằm để chào thầu cạnh tranh nên các khoản này sẽ không được tính đến khi xét thầu.

(h) Các Khoản Tạm Tính cho Ngày Công

Đây là các khoản thường gặp trong các hợp đồng mà khả năng xảy ra các công việc ngoài dự tính, không thể mô tả được một cách rõ ràng và không thể dự tính được khối lượng trong bảng tiên lượng. Các công việc được thực hiện theo hình thức công nhật là các công việc được thực hiện theo sự chỉ đạo của người có thẩm quyền được quy định trong hồ sơ mời thầu. Các công việc này được thanh toán trên cơ sở thời gian thực hiện và nguồn lực được nhà thầu sử dụng bao gồm nhân công,

nguyên vật liệu và thiết bị theo đơn giá được chào trong hồ sơ dự thầu. Các công việc được thực hiện theo hình thức công nhật được Bên Vay đưa vào xét thầu chỉ khi các công việc này được nhà thầu chào giá cạnh tranh. Để nhà thầu có thể chào giá cạnh tranh, Cơ quan Thực hiện Dự án phải quy định số lượng danh nghĩa cho mỗi hạng mục trong biểu các công việc thực hiện theo hình thức công nhật và các nhà thầu phải chào cả đơn giá và giá tính theo số lượng danh nghĩa và đơn giá cho mỗi hạng mục. Toàn bộ biểu công việc được thực hiện theo hình thức công nhật sẽ được đưa vào giá dự thầu cho mục đích xét thầu. Nếu Cơ quan Thực hiện Dự án không quy định số lượng danh nghĩa hoặc đơn giá công việc không được chào cạnh tranh, các công việc được thực hiện theo hình thức công nhật sẽ không được tính đến trong khi xét thầu.

(i) Các Khoản Tiền Tạm Tính Khác

Các khoản tiền tạm tính khác đôi khi được Cơ quan Thực hiện Dự án đưa vào các biểu của bảng tiên lượng để thanh toán cho các dịch vụ nhà thầu cần cung cấp mà không thể mô tả hoặc định lượng chính xác trong bảng tiên lượng. Việc thanh toán cho nhà thầu thường được Cơ quan Thực hiện Dự án thực hiện khi nhà thầu xuất trình các biên lai cho các dịch vụ đã cung cấp, thông thường nhà thầu được trả thêm một tỷ lệ được quy định cho việc sử dụng vốn của nhà thầu. Vì các khoản tiền tạm tính này được Cơ quan Thực hiện Dự án quy định trong bảng tiên lượng là không được chào giá cạnh tranh nên sẽ không được tính đến trong khi xét thầu.

D. CÁC PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU CẠNH TRANH CỦA ADB

1.6 ADB đã thông qua bốn phương thức đấu thầu cạnh tranh theo đó Cơ quan Thực hiện Dự án lựa chọn cho phù hợp với bản chất của từng loại mua sắm cụ thể: (i) Một Giai Đoạn, Một Túi Hồ Sơ, (ii) Một Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ, (iii) Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ, và (iv) Hai Giai Đoạn. Việc sử dụng phương thức Hai Túi Hồ Sơ (Một hoặc Hai Giai Đoạn), và phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn phải được ADB chấp thuận trước theo từng trường hợp mua sắm cụ thể phụ thuộc vào tính phức tạp của hợp đồng và các tình huống cụ thể xung quanh hạng mục mua sắm có liên quan.

(a) Phương Thức Đấu Thầu Một Giai Đoạn, Một Túi Hồ Sơ

Trong phương thức đấu thầu Một Giai Đoạn, Một Túi Hồ Sơ, các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu trong một túi hồ sơ có chứa cả đề xuất về giá và đề xuất về kỹ thuật. Túi hồ sơ sẽ được mở công khai vào ngày và giờ được thông báo trong hồ sơ mời thầu. Các hồ sơ dự thầu được đánh giá và sau khi được ADB phê duyệt, hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất.

(b) Phương Thức Đấu Thầu Một Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ

Trong phương thức đấu thầu Một Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ, các nhà thầu nộp đồng thời hai Túi Hồ Sơ được niêm phong, một Túi Hồ Sơ chứa đề xuất về kỹ thuật và Túi Hồ Sơ còn lại chứa đề xuất về giá. Đầu

tiên, chỉ có các đề xuất về kỹ thuật được mở vào ngày và giờ được thông báo trong hồ sơ mời thầu. Các đề xuất về giá vẫn được niêm phong và được Cơ quan Thực hiện Dự án cất giữ. Cơ quan Thực hiện Dự án đánh giá các đề xuất về kỹ thuật. Các nhà thầu không được phép sửa đổi hoặc thay đổi đề xuất về kỹ thuật. Mục đích của phương thức này là nhằm cho phép Cơ quan Thực hiện Dự án đánh giá các đề xuất về kỹ thuật mà không tham chiếu đến giá dự thầu. Khi có sự phê duyệt của ADB, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu không tuân thủ các yêu cầu được quy định có thể bị loại. Sau khi ADB phê duyệt đánh giá kỹ thuật, các đề xuất về giá được mở công khai vào ngày và giờ được Cơ quan Thực hiện Dự án thông báo. Các đề xuất về giá của các nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật được đánh giá và sau khi được ADB phê duyệt, nhà thầu nào đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất sẽ được trao thầu.

(c) Phương Thức Đấu Thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ

Trong phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ, các nhà thầu nộp đồng thời hai túi hồ sơ được niêm phong, một túi hồ sơ chứa đề xuất về kỹ thuật và túi hồ sơ còn lại chứa đề xuất về giá. Đầu tiên, chỉ có các đề xuất về kỹ thuật được mở vào ngày và giờ được nêu trong hồ sơ mời thầu. Các đề xuất về giá vẫn còn được niêm phong và được Cơ quan Thực hiện Dự án cất giữ. Các đề xuất về kỹ thuật được đánh giá, và nếu Cơ quan Thực hiện Dự án yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi đối với đề xuất về kỹ thuật thì những sửa đổi hoặc thay đổi các đề xuất về kỹ thuật này phải được thảo luận với các nhà thầu. Sau khi thảo luận về những sửa đổi và thay đổi đối với các đề xuất về kỹ thuật, và sau khi được ADB phê duyệt đánh giá các đề xuất về kỹ thuật, các nhà thầu được mời nộp các đề xuất về kỹ thuật đã sửa đổi và các đề xuất về giá bổ sung dựa trên các đề xuất về kỹ thuật sửa đổi. Các đề xuất về giá bổ sung chỉ bao gồm các thay đổi về giá do sự thay đổi trong các đề xuất về kỹ thuật. Các đề xuất về giá bổ sung bao gồm các thay đổi khác so với các thay đổi đã thảo luận với nhà thầu trong quá trình đánh giá về kỹ thuật có thể dẫn tới việc loại bỏ các hồ sơ dự thầu. Mục đích của phương thức này là để đảm bảo rằng tất cả các đề xuất về kỹ thuật đều tuân thủ cùng một tiêu chuẩn kỹ thuật có thể chấp nhận được và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Cơ quan Thực hiện Dự án. Khi được ADB phê duyệt, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu không thể hoặc không sẵn sàng sửa đổi đề xuất kỹ thuật của mình để tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật mà Cơ quan Thực hiện Dự án yêu cầu có thể bị loại. Các đề xuất về giá ban đầu, các đề xuất về giá bổ sung, và các đề xuất về kỹ thuật đã được sửa đổi sẽ được mở công khai vào ngày và giờ được Cơ quan Thực hiện Dự án thông báo. Các đề xuất về giá và đề xuất về giá bổ sung được đánh giá và sau khi được ADB phê duyệt, hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất.

(d) Phương Thức Đấu Thầu Hai Giai Đoạn

Trong phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn, đầu tiên các nhà thầu nộp đề xuất về kỹ thuật theo yêu cầu về tiêu chí kỹ thuật, nhưng không kèm theo chào giá. Các đề xuất về kỹ thuật được mở vào ngày và giờ được thông báo trong hồ sơ mời thầu. Các đề xuất về kỹ thuật được Cơ quan

Thực hiện Dự án đánh giá và được thảo luận với các nhà thầu. Những thiếu sót, các phân đề xuất không liên quan đến gói thầu, và các đặc điểm kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu sẽ được chỉ ra cho các nhà thầu và ý kiến của các nhà thầu về những điểm này sẽ được Cơ quan Thực hiện Dự án đánh giá một cách cẩn thận. Các nhà thầu được phép sửa lại hoặc điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan Thực hiện Dự án. Mục đích của phương thức này là để đảm bảo rằng tất cả các đề xuất về kỹ thuật đều tuân thủ cùng một tiêu chuẩn kỹ thuật có thể chấp nhận được và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Cơ quan Thực hiện Dự án. Nếu được ADB phê duyệt, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu không thể hoặc không sẵn sàng sửa đổi đề xuất kỹ thuật của mình để tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật mà Cơ quan Thực hiện Dự án yêu cầu có thể bị loại. Sau khi ADB thông qua đánh giá các đề xuất về kỹ thuật, ở giai đoạn hai này, các nhà thầu được mời nộp đề xuất về kỹ thuật sửa đổi, kèm theo các đề xuất về giá được lập căn cứ vào đề xuất kỹ thuật sửa đổi và đã được thông nhất. Các đề xuất về giá và các đề xuất về kỹ thuật đã được sửa đổi được mở công khai vào ngày và giờ được Cơ quan Thực hiện Dự án thông báo. Khi quy định ngày này, Cơ quan Thực hiện Dự án phải dành cho các nhà thầu một khoảng thời gian đủ để chuẩn bị các đề xuất về giá và đưa những thay đổi cần thiết vào các đề xuất về kỹ thuật. Các đề xuất về giá và các đề xuất về kỹ thuật đã sửa đổi được đánh giá và, sau khi được ADB phê duyệt, hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất.

- 1.7 Phương thức đấu thầu Một Giai Đoạn, Một Túi Hồ Sơ là phương thức mặc định hoặc là phương thức đấu thầu chính và được sử dụng trong hầu hết các gói thầu mua sắm được ADB tài trợ. Phương thức đấu thầu Một Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ cho phép các hồ sơ dự thầu ở giai đoạn đánh giá đầu tiên, được đánh giá hoàn toàn dựa trên cơ sở thương mại và kỹ thuật mà không cần xem xét đến giá cả. Phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ nên được sử dụng cho các gói thầu mua sắm khi có thể có các phương án thay thế về kỹ thuật như mua sắm một số loại máy móc hoặc thiết bị hoặc nhà xưởng sản xuất nhất định. Phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn có thể được sử dụng cho các hợp đồng lớn và phức tạp khi mà nhiều khả năng là các đề xuất không đồng đều về mặt kỹ thuật hoặc khi Cơ quan Thực hiện Dự án biết rõ các lựa chọn của mình trên thị trường, nhưng vì đối với một số yêu cầu kỹ thuật, có ít nhất hai giải pháp kỹ thuật tương đương nhau có thể chấp nhận được đối với Cơ quan Thực hiện Dự án.

Mục II. Quy Trình Xét Thầu

Kinh nghiệm của ADB đã cho thấy rằng quy trình xét thầu được mô tả dưới đây nhìn chung là đầy đủ để đánh giá các hồ sơ dự thầu một cách nhanh chóng nhằm xác định hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất theo các điều khoản, điều kiện và quy cách kỹ thuật được quy định trong hồ sơ mời thầu. Hơn nữa, quy trình xét thầu, nếu được tuân thủ một cách nghiêm túc, sẽ mang lại sự công bằng cho tất cả các nhà thầu bởi quy trình này sẽ đưa đến kết quả đấu thầu minh bạch, công bằng và chính xác. Có bốn giai đoạn tách biệt trong quy trình xét thầu cần được tuân thủ theo một trình tự mang tính logic.

Quy trình xét thầu được mô tả trong phần này về cơ bản dành cho các gói thầu mua sắm hàng hóa, trừ khi được quy định cụ thể khác đi, và dành cho phương thức đấu thầu Một Giai Đoạn, Một Túi Hồ Sơ. Các bước xét thầu có thể được sửa đổi để đáp ứng các yêu cầu của nhiều loại hợp đồng và các phương thức đấu thầu khác nhau.¹

A. GIAI ĐOẠN 1: THU THẬP THÔNG TIN

1. Dữ Liệu Đấu Thầu

- 2.1 Trước khi thực sự xét thầu, cần thu thập tất cả các thông tin trọng yếu đối với quá trình đấu thầu để luôn có sẵn thông tin khi cần thiết và luôn giữ được quan điểm đúng đắn khi xét thầu. Mẫu Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu được minh họa tại Phụ Lục 1.

2. Biên Bản Mở Thầu

- 2.2 Tất cả các hồ sơ dự thầu nhận được trước thời hạn ấn định nộp sẽ được mở vào ngày, giờ và địa điểm được quy định trong hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu và các đại diện của họ sẽ được mời có mặt tại địa điểm mở thầu, và tất cả những người có mặt tại địa điểm mở thầu sẽ phải ký vào danh sách tham dự mở thầu.

Cần chính thức chuẩn bị một Biên Bản Mở Thầu, trong đó xác định rõ tất cả hồ sơ dự thầu đã nhận được, giá dự thầu bao gồm cả các hồ sơ dự thầu thay thế nếu có, nhà thầu có nộp hay không nộp bảo lãnh dự thầu bắt buộc hoặc tuyên bố bảo lãnh dự thầu, nếu một trong hai loại bảo lãnh này được yêu cầu nộp, Biên Bản Mở Thầu có được đọc to tại địa điểm mở thầu hay không. Tất cả đề nghị giảm giá, sửa đổi hồ sơ dự thầu và rút hồ sơ dự thầu cũng sẽ được ghi nhận trong Biên Bản Mở Thầu. Tất cả các thành viên trong ban mở thầu hoặc những người chịu trách nhiệm mở thầu phải ký vào biên bản mở thầu. Tất cả các nhà thầu có mặt nên được yêu cầu ký vào biên bản mở thầu để đảm bảo rằng các thông tin đã được đọc và ghi nhận chính xác trong biên bản mở thầu. Mẫu Biên Bản Mở Thầu được minh họa tại Phụ Lục 2. Biên Bản Mở Thầu phải được gửi cho ADB ngay lập tức sau khi mở thầu công khai.

¹ Xem Hồ Sơ Mời Thầu Tiêu Chuẩn (SBD) được ADB chuẩn bị cho mỗi phương thức đấu thầu.

3. Kiểm Tra Sơ Bộ Tính Hoàn Chính của Hồ Sơ Dự Thầu

- 2.3 Mục đích của bước này là để kiểm tra tính hoàn chỉnh của các hồ sơ dự thầu nhận theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước khi đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu. Các vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra là (i) bảo lãnh dự thầu hoặc tuyên bố bảo lãnh dự thầu bắt buộc, nếu một trong hai loại bảo lãnh đó được yêu cầu, có được nộp hay không nộp cùng với hồ sơ dự thầu; (ii) các hồ sơ dự thầu được ký hợp lệ hay không; (iii) thư ủy quyền hay bất kỳ văn bản tương tự liên quan (ví dụ như Thư Ủy Quyền, Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị) cho người được ủy quyền có được nộp hay không; (iv) các thoả thuận liên danh, hoặc các tài liệu bày tỏ ý định tham gia thoả thuận liên danh, nếu được yêu cầu, có được nộp hay không; (v) các tài liệu xác lập tính hợp lệ của nhà thầu và hàng hóa đã được cung cấp hay chưa; (vi) các tài liệu cần để xét hậu tuyến năng lực tài chính và kỹ thuật của nhà thầu để thực hiện hợp đồng đã được cung cấp hay chưa; và (vii) các hồ sơ dự thầu nhìn chung có hoàn chỉnh hay không cho việc đánh giá tiếp theo.

B. GIAI ĐOẠN 2: XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU

- 2.4 Việc rà soát xem các hồ sơ dự thầu có đáp ứng cơ bản các quy định của hồ sơ mời thầu hay không là một trong những khía cạnh quan trọng nhất của việc xét thầu. Một hồ sơ dự thầu được xem xét là nếu hồ sơ dự thầu đó không có bất kỳ “Sai Lệch Lớn” nào với hồ sơ mời thầu hoặc không có các điều kiện mà không thể quy đổi một cách hợp lý thành giá trị tiền tệ cho việc hiệu chỉnh tài chính. Một sai lệch lớn là một sai lệch (a) có tác động đến hiệu lực của hồ sơ dự thầu; hoặc (b) đã được quy định trong hồ sơ mời thầu như là căn cứ để loại hồ sơ dự thầu; hoặc (c) là một sai lệch so với các điều khoản thương mại hoặc các quy cách kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu mà ảnh hưởng của sai lệch đó đối với giá dự thầu là đáng kể nhưng không thể định được bằng giá trị tiền tệ. Mục đích của việc này là nhằm loại các hồ sơ dự thầu không đáp ứng cơ bản các yêu cầu thương mại và kỹ thuật quan trọng của hồ sơ mời thầu.

1. Lập Bảng Danh Sách Các Nhà Thầu Và Giá Dự Thầu

- 2.5 Thông tin trong Biên Bản Mở Thầu cần phải được hỗ trợ bằng việc đánh giá thực tế hồ sơ dự thầu và so sánh giá dự thầu. Bởi vậy, cần phải chuẩn bị Bảng Danh sách Các Nhà Thầu và Giá Dự Thầu bao gồm các nội dung chi tiết như các hạng mục, các phần, các biểu và các gói thầu khác nhau để so sánh chi tiết. Đầu tiên, các hồ sơ dự thầu phải được kiểm tra lỗi số học và các lỗi, nếu có, cần được chỉnh sửa theo đúng quy định trong hồ sơ mời thầu. Các nhà thầu phải chấp nhận việc chỉnh sửa lỗi số học theo quy định của hồ sơ mời thầu. Nếu một nhà thầu từ chối việc chỉnh sửa lỗi đã được tính toán theo các quy định của hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó sẽ bị loại và bảo lãnh dự thầu của nhà thầu đó sẽ bị tịch thu, hoặc tuyên bố bảo lãnh dự thầu của nhà thầu đó sẽ phải được thực hiện.
- 2.6 Vì các hồ sơ dự thầu có thể được gửi nộp từ các quốc gia khác nhau và chào thầu bằng các loại tiền tệ khác nhau nên cần phải chuyển đổi tất cả giá dự thầu sang một loại tiền tệ được quy định để so sánh hồ sơ dự

thầu. Tỷ giá hối đoái áp dụng phải phù hợp với các quy định của hồ sơ mời thầu. Các hồ sơ dự thầu nên được sắp xếp theo thứ tự giá dự thầu tăng dần. Mẫu Bảng Danh sách Các Nhà Thầu và Giá Dự Thầu được minh họa tại Phụ Lục 3.

2. Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại

- 2.7 Tất cả các hồ sơ dự thầu phải được kiểm tra khả năng đáp ứng cơ bản các điều khoản và điều kiện thương mại của hồ sơ mời thầu. Sau đây là những ví dụ về hồ sơ dự thầu không tuân thủ các điều khoản và điều kiện thương mại, đủ căn cứ để loại hồ sơ dự thầu:
- (a) Đơn Dự Thầu và Các Biểu Giá không được ký bởi người hoặc những người có thẩm quyền;
 - (b) nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về tư cách hợp lệ (ví dụ như nhà thầu không ở một quốc gia hợp lệ là thành viên của ADB);
 - (c) nhà thầu không nộp bảo lãnh dự thầu hoặc tuyên bố bảo lãnh dự thầu như quy định tại hồ sơ mời thầu;
 - (d) nhà thầu không đáp ứng thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu (nghĩa là, thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu ngắn hơn so với thời hạn được quy định trong hồ sơ mời thầu);
 - (e) nhà thầu không có khả năng đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc tiến độ công việc quan trọng được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu, trong trường hợp tiến độ là một điều kiện quan trọng thiết yếu mà các nhà thầu phải tuân thủ;
 - (f) nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp, hoặc cả hai, không tuân thủ tiêu chí tối thiểu về kinh nghiệm được quy định trong hồ sơ mời thầu;
 - (g) các hồ sơ dự thầu có điều kiện, nghĩa là hồ sơ dự thầu đưa ra các điều kiện nhằm giới hạn trách nhiệm của nhà thầu trong trường hợp nhà thầu chấp nhận hợp đồng được trao (chẳng hạn, việc nhận hợp đồng được trao phụ thuộc vào phê duyệt của chính phủ về xuất khẩu, bán hàng trước hoặc nguyên vật liệu quan trọng phải có sẵn trên thị trường, hoặc một hồ sơ dự thầu đưa ra điều kiện tính trượt giá trong khi giá dự thầu được quy định là cố định, hoặc hạn chế đáp ứng Các Điều Kiện Của Hợp Đồng);
 - (h) nhà thầu không chấp nhận công thức điều chỉnh giá được quy định trong hồ sơ mời thầu;
 - (i) nhà thầu không nộp các tài liệu hỗ trợ quan trọng theo quy định của hồ sơ mời thầu để xác định khả năng đáp ứng cơ bản của một hồ sơ dự thầu.

3. Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản Các Yêu Cầu Kỹ Thuật

2.8 Tất cả các hồ sơ dự thầu phải được kiểm tra khả năng đáp ứng cơ bản các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Ví dụ về hồ sơ dự thầu không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật, là căn cứ thỏa đáng cho việc loại bỏ hồ sơ dự thầu, như sau:

- (a) nhà thầu không chào thầu theo phạm vi công việc được yêu cầu (chẳng hạn, cho toàn bộ công trình hoặc một gói thầu hoàn chỉnh hoặc một biểu công việc hoàn chỉnh) như được hướng dẫn trong hồ sơ mời thầu và việc không đáp ứng này đã được nêu rõ là không thể chấp nhận được;
- (b) nhà thầu không chào giá cho một hạng mục quan trọng trong gói thầu;²
- (c) nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quan trọng (chẳng hạn, nhà thầu chào các loại thiết bị hoàn toàn khác loại đã được quy định trong hồ sơ mời thầu, công suất máy thấp hơn hẳn công suất tối thiểu được quy định trong hồ sơ mời thầu, thiết bị không có khả năng thực hiện các chức năng cơ bản theo yêu cầu đã được định trước);
- (d) nhà thầu không nộp báo cáo kết quả thử nghiệm chủng loại điển hình đối với các thiết bị quan trọng, như đã được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu.

Đối với các báo cáo kết quả thử nghiệm chủng loại cho thiết bị, các quy định dưới đây phải được tuân thủ:

- Các thiết bị chưa bao giờ được thử nghiệm khả năng vận hành thiết yếu tại một phòng thí nghiệm thử nghiệm độc lập và danh tiếng sẽ không được chấp nhận. Trong các trường hợp như vậy, việc nhà thầu cam kết hoặc đồng ý thuê dịch vụ thử nghiệm thiết bị sau khi trao thầu sẽ không được chấp nhận. Tuy nhiên, các nhà cung cấp thiết bị lớn thường thực hiện các thử nghiệm chủng loại thiết bị trong phòng thí nghiệm riêng của mình. Bên mua có thể chấp nhận các giấy chứng nhận thử nghiệm như vậy (a) nếu phòng thí nghiệm thử nghiệm, được chứng nhận ISO 9000 (hoặc tương đương), hoặc (b) các lần thử nghiệm đã được các đại diện có trình độ chuyên môn về kỹ thuật của các khách hàng hay các bên mua trước đó chứng kiến.
- Để được chấp nhận, các báo cáo kết quả thử nghiệm chủng loại phải liên quan trực tiếp đến thiết bị được chào thầu. Các báo cáo kết quả thử nghiệm đối với thiết bị thuộc loại cao cấp hơn sẽ được chấp nhận khi nhà thầu cam kết thực hiện thử nghiệm điển hình đối với

² Hạng mục quan trọng xấp xỉ 10 phần trăm hoặc hơn của tổng giá dự thầu hoặc là một hạng mục, nếu bỏ sót, làm hồ sơ dự thầu không đầy đủ.

thiết bị chào thầu sau khi được trao thầu. Các báo cáo thử nghiệm quan trọng được thực hiện sớm hơn ngày được quy định trong yêu cầu về tiêu chí kỹ thuật sẽ không được chấp nhận.

- Việc nhà thầu không nộp một số các báo cáo thử nghiệm chủng loại thiết bị cùng với hồ sơ dự thầu không nhất thiết bị coi là một sai lệch lớn dẫn đến hồ sơ dự thầu không đáp ứng hồ sơ mời thầu. Báo cáo thử nghiệm hợp lệ có thể được chấp nhận sau ngày đóng thầu trừ khi hồ sơ mời thầu có quy định khác. Đối với các hợp đồng chia khóa trao tay phức tạp, liên quan đến việc cung ứng số lượng lớn thiết bị, giấy chứng nhận thử nghiệm điển hình quan trọng, nếu có, phải được quy định trong hồ sơ mời thầu. Đối với thiết bị quan trọng, tất cả các báo cáo thử nghiệm bắt buộc phải được nộp để đánh giá khả năng chấp nhận được về mặt kỹ thuật của hồ sơ dự thầu. Đối với các thiết bị “ít quan trọng hơn”, yêu cầu này có thể linh hoạt hơn với điều kiện là vẫn có thể đánh giá được khả năng chấp nhận thiết bị trên cơ sở các báo cáo thử nghiệm được cung cấp.
- Các báo cáo thử nghiệm điển hình của thiết bị giống hệt hoặc tương tự với thiết bị được quy định trong hồ sơ mời thầu được sản xuất bởi một công ty được cấp phép sử dụng tài sản sở hữu trí tuệ hoặc công ty liên kết chỉ được chấp nhận nếu các công ty này cùng phải chịu trách nhiệm chung và riêng trước bên mời thầu trong hợp đồng.

2.9 Nếu các hồ sơ dự thầu thay thế được chấp nhận, hồ sơ mời thầu phải quy định các điều kiện áp dụng đối với những hồ sơ dự thầu thay thế đó. Phương pháp đánh giá và so sánh các hồ sơ dự thầu thay thế phải được quy định rõ trong hồ sơ mời thầu. Các hồ sơ dự thầu thay thế này phải được đưa vào quá trình xét thầu và được đánh giá theo quy định của hồ sơ mời thầu. Đôi khi hồ sơ mời thầu không cho phép nộp hồ sơ dự thầu thay thế, một số nhà thầu vẫn nộp hồ sơ dự thầu thay thế cùng với các hồ sơ dự thầu chính của mình. Trong trường hợp đó, việc xét thầu sẽ chỉ được thực hiện đối với các hồ sơ dự thầu chính nhằm xác định nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất. Nếu hồ sơ dự thầu thay thế của nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được coi là có ưu thế hơn hồ sơ dự thầu chính của nhà thầu đó, hồ sơ dự thầu thay thế đó có thể được chấp nhận. Trong trường hợp nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu chính và một hoặc nhiều hồ sơ dự thầu thay thế mà mỗi hồ sơ dự thầu đều kèm theo một bảo lãnh dự thầu riêng thì các hồ sơ dự thầu này đều phải được coi như hồ sơ dự thầu chính.

4. Lập Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Các Hồ Sơ Dự Thầu

2.10 Nhằm đảm bảo kiểm tra kỹ lưỡng khả năng đáp ứng cơ bản của tất cả hồ sơ dự thầu, cần phải lập Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản đối với Các Điều Khoản Thương Mại và Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng

Cơ Bản đối với Các Yêu Cầu Kỹ Thuật. Các bảng đánh giá này phải liệt kê tất cả các điều kiện quan trọng đối với Các Điều Khoản Thương Mại và tất cả các điều kiện quan trọng đối với Các Yêu Cầu Kỹ Thuật mà các nhà thầu phải đáp ứng để hồ sơ dự thầu của họ được coi là đáp ứng cơ bản. Khả năng đáp ứng của mỗi hồ sơ dự thầu phải được đánh giá theo bảng này. Sự tuân thủ, tuân thủ một phần, hoặc không tuân thủ đối với mỗi hạng mục của bảng đánh giá phải được ghi chép trong các bảng đánh giá. Các hồ sơ dự thầu không tuân thủ bất kỳ điều kiện quan trọng nào phải được xem là không đáp ứng và phải bị loại. Mẫu Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng đối với Các Điều Khoản Thương Mại được đính kèm Phụ Lục 4 và mẫu Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng đối với Các Yêu Cầu Kỹ Thuật được đính kèm Phụ Lục 4 (A).

- 2.11 Trong quá trình đánh giá, các nhà thầu có thể được yêu cầu làm rõ về hồ sơ dự thầu của họ nếu các yêu cầu làm rõ như vậy được xem là cần thiết. Tuy nhiên, các nhà thầu không được phép thay đổi nội dung hoặc giá của hồ sơ dự thầu của họ. Các yêu cầu làm rõ và trả lời của nhà thầu phải được lập thành văn bản. Hồ sơ của tất cả các yêu cầu làm rõ và trả lời của nhà thầu phải được Cơ quan Thực hiện Dự án chịu trách nhiệm xét thầu lưu giữ.

C. GIAI ĐOẠN 3: ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HỒ SƠ DỰ THẦU

1. Xác Định Số Lượng Hồ Sơ Dự Thầu Cần Đánh Giá Chi Tiết

- 2.12 Sau khi xác định được các hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và các hồ sơ dự thầu không đáp ứng, cần phải quyết định số lượng hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản cần được tiếp tục đánh giá chi tiết để xác định hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất. Việc kiểm tra số lượng hồ sơ dự thầu còn hiệu lực và sự dao động về giá dự thầu có thể giúp xác định được điều này. Chẳng hạn trong trường hợp còn lại một số lượng khá lớn hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và một nhóm hồ sơ dự thầu có giá dao động xung quanh mức thấp nhất, các hồ sơ dự thầu trong nhóm hồ sơ có giá thấp hơn này, bất kể số lượng là bao nhiêu, cần được tiếp tục đánh giá. Trong trường hợp không có nhóm hồ sơ dự thầu có giá thấp hơn, kinh nghiệm cho thấy rằng chỉ cần đánh giá chi tiết ba hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản có giá thấp nhất là đủ. Nguyên tắc chỉ đạo là không loại bất kỳ hồ sơ dự thầu nào khỏi giai đoạn đánh giá chi tiết nếu thấy có khả năng hồ sơ dự thầu đó có thể trở thành hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất do kết quả hiệu chỉnh tài chính. Bởi vậy, nên đánh giá chi tiết tất cả các hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản nếu nhận thấy các hồ sơ đó có khả năng trở thành hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất.

2. Đánh Giá Chi Tiết

- 2.13 Sau khi xác định được số lượng hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản cần được tiếp tục đánh giá chi tiết, bước tiếp theo là rà soát các hồ sơ dự thầu đã được chọn ra một cách có hệ thống nhằm so sánh và đánh giá các hồ sơ dự thầu này trên một mặt bằng chung. Cách thích hợp để trình bày nội dung đánh giá là sử dụng các bảng biểu nhằm ghi chép và so sánh các đặc điểm nổi bật của tất cả các hồ sơ dự thầu sẽ được đánh giá chi tiết đối với các điều kiện thương mại và yêu cầu kỹ thuật, tương tự như cách xác định các hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản.

- 2.14 Bảng Đánh Giá Các Điều Khoản Thương Mại cần liệt kê tất cả các điều kiện thương mại quan trọng được quy định trong hồ sơ mời thầu như số tiền và thời hạn hiệu lực bảo lãnh dự thầu, điều kiện thanh toán, bồi thường thiệt hại v.v, và liệt kê bất kỳ sai lệch nào so với các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Thêm vào đó, bảng này cần nêu rõ có cần thiết áp dụng hiệu chỉnh tài chính cho hồ sơ dự thầu đối với bất kỳ các sai lệch nhỏ nào hay là không cần thiết.
- 2.15 Bảng Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật cần trình bày phạm vi cung cấp, lịch giao hàng hoặc lịch thực hiện công việc, các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật quan trọng của tất cả các hạng mục thiết bị và vật tư chủ yếu (ví dụ mức độ tiêu thụ điện năng của máy móc, công suất, tốc độ, điện áp và áp suất, nhiệt độ vận hành, v.v), các đặc tính vận hành (chẳng hạn hiệu suất của máy móc, tiêu thụ nhiên liệu, tổn thất, v.v), và thời gian bảo hành. Tiếp theo, tất cả các hồ sơ dự thầu đang được đánh giá phải được rà soát chi tiết và các tính năng nổi bật của hồ sơ dự thầu được ghi chép vào bảng đánh giá cho các hạng mục được liệt kê trong hồ sơ mời thầu.³ Giống như quá trình đánh giá chi tiết các điều khoản thương mại, bất kỳ sai lệch cơ bản nào với các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu cần được liệt kê và cần xác định xem liệu việc hiệu chỉnh tài chính đối với hồ sơ dự thầu là có cần thiết hoặc nên loại hồ sơ dự thầu do không đáp ứng.
- 2.16 Trong trường hợp có quá nhiều sai lệch đối với các điều khoản thương mại và các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu hoặc cần phải phân tích kỹ lưỡng về một sai lệch, nên lập bảng đánh giá hoặc biểu riêng cho từng nhà thầu.
- 2.17 Thông qua việc rà soát một cách có hệ thống này mà các khác biệt giữa các hồ sơ dự thầu trong bước đánh giá chi tiết, được bộc lộ. Quá trình này là căn cứ cho bước tiếp theo (Là bước xác định được những hiệu chỉnh giá cần thiết nhằm đưa tất cả các hồ sơ dự thầu về một mặt bằng chung để so sánh giá và sau đó để xác định hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất).

3. Hiệu Chỉnh Tài Chính Giá Dự Thầu (Các Khía Cạnh Thương Mại)

- 2.18 Việc so sánh giá dự thầu thường là bước cuối cùng và quan trọng nhất trong quá trình xét thầu. Để thực hiện việc này một cách đúng đắn, việc hiểu biết rõ ràng các nguyên tắc cơ bản để thực hiện việc so sánh là vô cùng quan trọng:
- (i) Giá dự thầu phải được hiệu chỉnh cho mục đích so sánh hồ sơ dự thầu đối với những sai lệch được phép và có thể được “quy đổi” một cách hợp lý thành giá trị tiền tệ. Việc hiệu chỉnh tài chính cần được thực hiện theo cách thức quy định trong hồ sơ mời thầu.

³ Về vấn đề này, việc rà soát chi tiết sẽ dễ dàng hơn nếu hồ sơ mời thầu có kèm một Bảng liệt kê sẵn những sai lệch có thể xảy ra đối với các yêu cầu về kỹ thuật mà các nhà thầu phải điền vào Bảng đó như một phần của hồ sơ dự thầu. Mẫu Bảng này có trong Mẫu chuẩn Hồ sơ Mời thầu cho các gói thầu Tổng thầu Mua sắm Thiết bị.

- (ii) Tất cả các yếu tố điều chỉnh và cơ sở so sánh giá được quy định trong hồ sơ mời thầu phải được xem xét.⁴ Các yếu tố hoặc các tiêu chí khác không được liệt kê trong hồ sơ mời thầu sẽ không được xem xét trong quá trình xét thầu.

(a) Hiệu chỉnh đối với Sai Lệch về Điều Khoản Thanh Toán

- 2.19 Sai lệch so với điều kiện thanh toán quy định trong hồ sơ mời thầu là một trong những sai lệch rất thường gặp trong các hồ sơ dự thầu. Trừ khi hồ sơ mời thầu có quy định rõ sự sai lệch này sẽ là cơ sở để loại bỏ hồ sơ dự thầu, không nên loại những hồ sơ dự thầu đề xuất các điều kiện thanh toán khác với hồ sơ mời thầu khi giá trị tiền tệ của sai lệch đó có thể được xác định một cách hợp lý. Vì vậy, thay vì loại hồ sơ dự thầu, nên phân tích điều kiện thanh toán được đề xuất và cộng một khoản tiền vào giá dự thầu để đền bù cho khoản thanh toán phải thực hiện sớm hơn hoặc có giá trị lớn hơn quy định. Khoản tiền bổ sung này cần được tính toán trên cơ sở sử dụng lãi suất thương mại liên quan đến tình huống đó.⁵

(b) Hiệu chỉnh đối với Sai Lệch về Tiến Độ Giao Hàng hoặc Tiến Độ Thi Công

- 2.20 Vấn đề này có hai trường hợp có khả năng xảy ra: một là, việc giao hàng hoặc hoàn thành muộn hơn thời điểm được quy định trong hồ sơ mời thầu và hai là việc giao hàng hoặc hoàn thành sớm hơn quy định trong các hồ sơ mời thầu. Về nguyên tắc, không nên loại các hồ sơ dự thầu đề xuất tiến độ giao hàng hoặc tiến độ hoàn thành có sai lệch không đáng kể, trừ khi hồ sơ mời thầu quy định rõ những sai lệch này là cơ sở để loại bỏ hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên, hồ sơ mời thầu cần nêu rõ những giới hạn mà Cơ quan Thực hiện Dự án có thể chấp nhận được và mức hiệu chỉnh giá sẽ được áp dụng.

Việc hiệu chỉnh giá do chậm tiến độ giao hàng hoặc thi công được tính bằng cách sử dụng điều khoản về đền bù thiệt hại trong Các Điều Khoản Cửa Hợp Đồng. Hạn mức tối đa cho hiệu chỉnh giá đối với vấn đề này thường ở mức mười phần trăm giá dự thầu. Trường hợp các nhà thầu đề xuất tiến độ giao hàng hoặc hoàn thành sớm hơn quy định của hồ sơ mời thầu mà việc này dẫn đến phát sinh thêm chi phí lưu kho, chi phí xếp dỡ, lãi suất phải trả cho các khoản thanh toán sớm, bàn giao sớm, v.v... thì việc hiệu chỉnh giá cần được tính trên cơ sở chi phí phát sinh nêu trên. Hồ sơ dự thầu nào có mức hiệu chỉnh giá vượt quá mười phần trăm do thời hạn giao hàng muộn hoặc sớm hơn nên được xem là không đáp ứng và sẽ bị loại.

Trong trường hợp Cơ quan Thực hiện Dự án đã đề xuất tiền thưởng khi nhà thầu hoàn thành sớm hơn so với quy định của hồ sơ mời thầu thì không nên đưa hiệu chỉnh giá vào trong quá trình xét thầu. Khoản tiền thưởng như vậy sẽ chỉ được cân nhắc trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu nhà thầu thực sự hoàn thành được công việc sớm.

⁴ Điều quan trọng là các quy định có liên quan trong hồ sơ mời thầu phải đầy đủ, cụ thể và rõ ràng. Bất kỳ thiếu sót nào trong hồ sơ mời thầu cũng có thể gây ra những rủi ro dẫn đến những quyết định gây tranh cãi.

⁵ Những sai lệch trong các điều khoản thanh toán mang lại rủi ro cho Cơ quan Thực hiện Dự án như không áp dụng điều khoản về tiền giữ lại để bảo hành sẽ không được xem xét trừ khi có bảo lãnh vô điều kiện của một Ngân hàng.

(c) Hiệu chỉnh đối với Sai Lệch về Các Quy Định Về Nghĩa Vụ Thanh Toán và Thuế (trong Hợp Đồng Xây Lắp)

- 2.21 Trong các hợp đồng cung ứng hàng hóa và các hợp đồng cung ứng thiết bị và lắp đặt liên quan đến nhập khẩu hàng hóa, chi phí thuế quan và thuế phát sinh tại quốc gia vay sẽ không được đưa vào để so sánh giá dự thầu. Việc loại chi phí thuế nhập khẩu đánh vào hàng hóa nhập khẩu tại quốc gia vay khi so sánh hồ sơ dự thầu được xem là nhằm tránh mọi lệch lạc về tính cạnh tranh của các hồ sơ dự thầu vì nhiều lý do khác nhau như là các mức thuế suất cao phân biệt đối xử áp đặt cho hàng hoá nhập khẩu, v.v. ADB xem các loại thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu thành phẩm như việc chuyển giao vốn nội địa trong quốc gia và do vậy các loại thuế này không được tính đến khi xác định tính kinh tế và tính cạnh tranh của các hồ sơ dự thầu trong một hợp đồng cung ứng hàng hóa.

Tuy nhiên, để xét thầu, ADB cho phép các loại thuế được đưa vào giá dự thầu trong các hợp đồng xây lắp.⁶ ADB cho rằng trong các hợp đồng xây lắp, các nhà thầu trong nước và các nhà thầu nước ngoài có quyền ngang nhau trong chọn lựa hàng hóa và dịch vụ sản xuất tại địa phương hoặc hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu. Do vậy, cả nhà thầu trong nước và nhà thầu nước ngoài có cơ hội công bằng và bình đẳng để chào giá tốt nhất của mình. Nếu nhà thầu không chào chi phí thuế quan và thuế như được quy định trong hồ sơ mời thầu, chi phí thuế quan và thuế đó phải được tính và bổ sung vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh hồ sơ dự thầu, chứ không loại hồ sơ dự thầu.

4. Hiệu chỉnh Tài chính Đối với Giá Dự Thầu (Các Khía cạnh Kỹ thuật)

- 2.22 Những sai lệch lớn về yêu cầu kỹ thuật dẫn đến việc loại hồ sơ dự thầu được trình bày trong Giai Đoạn 2 của tài liệu Quy Trình Xét Thầu này. Những sai lệch khác được phân loại là sai lệch nhỏ hoặc không đáng kể, có thể liên quan đến rất nhiều yêu cầu về tiêu chí kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Các hợp đồng khác nhau thì có những sai lệch khác nhau và những sai lệch này phụ thuộc vào tính chất của yêu cầu, vật tư hoặc công việc. Một số sai lệch không ảnh hưởng đến giá hoặc chất lượng hàng hóa và dịch vụ được chào thầu thì có thể được chấp nhận cho các mục đích xét thầu mà không cần hiệu chỉnh giá. Các sai lệch khác có ảnh hưởng đến chi phí cần quy đổi thành giá trị tiền tệ và cần được bổ sung vào giá dự thầu nhằm mục đích xét thầu. Tất cả những hiệu chỉnh về chi phí phải do Cơ quan Thực hiện Dự án và các chuyên gia tư vấn của Cơ quan Thực hiện Dự án đó thực hiện mà không cần tham vấn ý kiến nhà thầu về cơ sở cho khoản hiệu chỉnh giá.

(a) Hiệu chỉnh đối với Tính Hoàn thiện trong Phạm vi Cung Ứng

- 2.23 Chi phí của những thiếu sót nhỏ hoặc các hạng mục nhà thầu chào thiếu trong phạm vi cung ứng, dịch vụ, v.v. phải được bổ sung vào giá dự thầu nhằm cho phép so sánh hồ sơ dự thầu trên cùng một mặt bằng. Việc

⁶ ADB thường tài trợ phần chi phí bằng ngoại tệ trực tiếp và gián tiếp, và đôi khi một phần các chi phí trong nước của hợp đồng xây lắp bằng cách áp dụng phần trăm ước tính. Thuế không được đưa vào trong phần tài trợ của ADB.

hiệu chỉnh giá phải được dựa trên dự toán chi phí hợp lý của Cơ quan Thực hiện Dự án, chuyên gia tư vấn hoặc hội đồng xét thầu, có tính đến giá chào tương ứng của các hồ sơ dự thầu tuân thủ điều kiện dự thầu khác. Việc hiệu chỉnh giá phải căn cứ trên giá hợp lý của hạng mục nhà thầu bỏ sót không chào giá. Trong trường hợp không chắc chắn, có thể sử dụng giá chào trung bình của các nhà thầu đáp ứng khác.

(b) Hiệu chỉnh đối với Khả năng Đáp ứng Yêu Cầu Kỹ Thuật

- 2.24 Tương tự như vậy, một thiếu hụt nhỏ về khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật không nên là nguyên nhân loại hồ sơ dự thầu. Một ví dụ của thiếu hụt nhỏ về khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật này là một hồ sơ dự thầu cung cấp xe ô tô chào bán lốp bố sợi dệt chéo, thay vì lốp bố tỏa tròn được quy định trong hồ sơ mời thầu. Tương tự như vậy, một hạng mục trong biểu hàng cung cấp bằng tiên lượng không phù hợp vì được sản xuất tại một quốc gia không phải là thành viên của ADB, và được xem là một sai lệch nhỏ, cũng không phải là nguyên nhân loại hồ sơ dự thầu.⁷ Chi phí bù đắp bất kỳ thiếu hụt nào, bao gồm cả việc thay thế các hạng mục không hợp lệ bằng các hạng mục hợp lệ, phải được bổ sung vào giá dự thầu đang được xem xét. Việc hiệu chỉnh giá phải được tính toán như đã nêu tại Điều 2.23 ở trên. Việc khắc phục các thiếu hụt nhỏ trong hợp đồng được trao cho nhà thầu, bao gồm cả việc thay thế các hạng mục không phù hợp, chào thiếu hoặc không hợp lệ được giải thích trong Mục IV, đoạn 4.4.

(c) Hiệu chỉnh đối với Các Yếu Tố Đánh Giá Kỹ Thuật Đã Được Quy Định

- 2.25 Đối với thiết bị và phụ kiện tiêu thụ năng lượng, trong khi xác định giá dự thầu, cần tính đến những hiệu chỉnh đối với hiệu suất vượt và trên các thông số bảo hành vận hành tối thiểu đã được quy định (chẳng hạn, máy phát điện, máy bơm), mức tiêu hao (máy biến áp) và các chi phí vận hành trong tương lai của thiết bị. Chi phí tài chính cho những hiệu chỉnh này (được bổ sung vào hoặc khấu trừ đi từ giá dự thầu tùy từng trường hợp) sẽ chỉ được tính khi hồ sơ mời thầu quy định rằng những thông số bảo hành vận hành đó và chi phí vận hành dự tính sẽ là các yếu tố xét thầu. Các phương pháp tính toán các yếu tố xét thầu này phải được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu. Không được phép có bất kỳ sai lệch nào so với phương pháp đã được quy định.

(d) Hiệu chỉnh đối với Phụ Tùng Thay Thế

- 2.26 Chỉ các phụ tùng thay thế và dụng cụ được quy định cho từng hạng mục trong phạm vi cung cấp mới được xem xét khi xét thầu. Các phụ tùng

⁷ Tất cả hàng hóa và dịch vụ liên quan được cung ứng theo các hợp đồng do ADB tài trợ, bất kể giá trị là bao nhiêu, đều phải có xuất xứ từ một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB. Quốc gia xuất xứ là quốc gia mà nơi hàng hóa được khai thác, trồng trọt, sản xuất, gia công, hoặc chế biến; hoặc thông qua quá trình sản xuất, chế biến hoặc lắp ráp đã hình thành một mặt hàng được thừa nhận về giá trị thương mại nhưng khác biệt đáng kể về các đặc điểm cơ bản với các linh kiện được nhập khẩu. Quốc gia xuất xứ mới là yếu tố xác định tính hợp lệ của hàng hóa, chứ không phải là quốc tịch của hãng sản xuất, lắp ráp, phân phối, hoặc kinh doanh hàng hóa. Để xác định xem liệu việc đưa (các) hạng mục không hợp lệ vào một hồ sơ dự thầu có tạo thành một sai lệch nhỏ hay sai lệch lớn, giá trị của (các) hạng mục thông thường sẽ là yếu tố quyết định (xem các đoạn 2.8(b) và 2.29).

thay thế được các nhà cung cấp đề xuất cho một yêu cầu về vận hành cụ thể sẽ không được xem xét khi xét thầu.

(e) Hiệu Chính đối với Chi Phí Vận Chuyển Nội Địa tới Địa Điểm Dự Án

- 2.27 Nếu các nhà thầu được yêu cầu đưa vào hồ sơ dự thầu chi phí bốc xếp và vận chuyển nội địa từ cảng nhập khẩu hoặc từ nơi sản xuất (EXW) tới địa điểm dự án và nhà thầu lại không tính chi phí đó vào giá dự thầu, thì chi phí bốc xếp và vận chuyển nội địa có thể được tính trên cơ sở giá thị trường hiện hành, và được bổ sung thêm vào giá dự thầu.
- 2.28 Nếu hồ sơ mời thầu chỉ mời cung ứng hàng hóa theo giá CIF hoặc EXW; nhưng chi phí bốc xếp và vận chuyển nội địa sẽ được xem xét để so sánh hồ sơ dự thầu, thì chi phí bốc xếp và vận chuyển nội địa này phải được tính theo cách thức được quy định trong hồ sơ mời thầu và chi phí đó phải được bổ sung vào tất cả giá dự thầu để so sánh.

(f) Khoản Tiền Tối Đa đối với Hiệu Chính Sai Lệch

- 2.29 Trong một số trường hợp, các hồ sơ dự thầu có quá nhiều sai lệch đòi hỏi phải hiệu chỉnh giá dự thầu nhiều đến mức mà tổng giá trị của tất cả các khoản hiệu chỉnh chiếm một tỷ lệ phần trăm lớn so với giá dự thầu. Trong những trường hợp như vậy, mỗi sai lệch có thể được xem là nhỏ nhưng tất cả tổng số các sai lệch và tổng giá trị của các sai lệch lại làm cho hồ sơ dự thầu nhìn tổng thể là không đáp ứng được yêu cầu. Trong những trường hợp khác, các khoản hiệu chỉnh được tính cho chỉ một hoặc một vài sai lệch nhưng có giá trị tính bằng tiền tương đối cao, như là trường hợp về các sai lệch liên quan tới tiền giữ lại để bảo hành hoặc tiền bồi thường thiệt hại. Do vậy, nên áp dụng một tỷ lệ phần trăm nhất định của giá dự thầu cho mức hiệu chỉnh tối đa để một hồ sơ dự thầu không bị coi là không đáp ứng. Mười lăm phần trăm giá dự thầu được coi là giới hạn hợp lý đối với tổng số tiền hiệu chỉnh cho giá dự thầu; nếu tổng các khoản hiệu chỉnh vượt quá mười lăm phần trăm giá dự thầu thì hồ sơ dự thầu có thể bị loại vì không đáp ứng.

Nếu giới hạn trên được áp dụng cho các khoản hiệu chỉnh giá dự thầu thì số tiền hiệu chỉnh đối với nhiều hơn một sai lệch về khía cạnh thương mại, ví dụ như các quy định về tiền giữ lại và bồi thường thiệt hại, có thể đã đủ lớn để loại hồ sơ dự thầu. Nếu hồ sơ dự thầu có nhiều sai lệch, nên rà soát xem các khoản hiệu chỉnh giá lớn nào cần phải thực hiện trước khi tính toán tất cả các khoản điều chỉnh. Việc rà soát như vậy có thể cho thấy tổng số tiền hiệu chỉnh vượt quá giới hạn và trong trường hợp đó có thể loại ngay hồ sơ dự thầu trước khi tiến hành đánh giá chi tiết.

5. Đánh Giá Chi Tiết Các Hồ Sơ Dự Thầu đối với Hợp Đồng Xây Lắp

- 2.30 Việc đánh giá chi tiết các hồ sơ dự thầu đối với hợp đồng xây lắp về nội dung và hình thức tương tự như đối với hợp đồng cung ứng hàng hóa. Khác biệt chủ yếu giữa chúng là trong trường hợp các hợp đồng xây lắp, việc đánh giá chi tiết bao gồm việc phân tích các đơn giá, kế hoạch và

tiến độ, đề xuất về thiết bị và nhân sự, việc phân tích này thường không cần thiết trong xét thầu đối với các hợp đồng cung ứng.

(a) Các Kế Hoạch và Tiến Độ

- 2.31 Các kế hoạch và tiến độ thi công được các nhà thầu nộp mà thông qua đó cho thấy cách thức họ đề xuất thực hiện những yêu cầu của hợp đồng phải nhất quán với các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Các kế hoạch và tiến độ thi công được đánh giá bao gồm tiến độ xây dựng và tập kết, các biện pháp thi công, danh sách nhân lực và thiết bị, các kế hoạch tổ chức hiện trường và quản lý hợp đồng của nhà thầu, v.v. Kết quả của việc đánh giá phải được ghi nhận dưới dạng bảng biểu. Mẫu bảng đánh giá này được quy định trong Phụ Lục 5(A): Bảng Các Đặc Điểm Kỹ Thuật Nội Bật của Các Hồ Sơ Dự Thầu.

(b) Phân Tích Bảng Tiên Lượng và Đơn Giá

- 2.32 Việc phân tích giá các hợp phần trong bảng tiên lượng và đơn giá của một hồ sơ dự thầu được tiến hành nhằm thực hiện bốn mục đích:
- (i) để kiểm tra xem liệu các đơn giá của các hồ sơ dự thầu có cân đối hay không. Một hồ sơ dự thầu được coi là không cân đối nếu các đơn giá cao hơn đáng kể so với dự toán và các đơn giá được các nhà thầu khác chào thầu, cho các hạng mục công trình được thực hiện ở giai đoạn đầu trong hợp đồng hoặc cho các hạng mục công việc nhất định có khối lượng bị ước tính thấp hơn trong hồ sơ mời thầu. Chi tiết về hồ sơ dự thầu không cân đối được nêu trong đoạn (c) dưới đây.
 - (ii) để thẩm tra xem liệu giá dự thầu có hợp lý hay không. Một hồ sơ dự thầu có giá dự thầu thấp một cách bất hợp lý có thể cho thấy rằng nhà thầu hiểu lầm về quy cách được quy định của hồ sơ mời thầu và, theo đó, nhà thầu này có thể phải gánh chịu các tổn thất tài chính đáng kể và không thể hoàn thành công trình một cách thỏa đáng nếu được trao thầu. Để xác định tính hợp lý của giá dự thầu, cần xem xét tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên, hồ sơ dự thầu không nên bị loại chỉ vì giá dự thầu vượt quá hoặc thấp hơn một tỷ lệ phần trăm nhất định của dự toán.
 - (iii) để thẩm tra xem liệu bảng tiên lượng có hoàn chỉnh không. Hồ sơ mời thầu tiêu chuẩn của ADB cho các công trình có một quy định rằng chi phí của các hạng mục mà nhà thầu không chào đơn giá hoặc giá đối với các hạng mục đó phải được xem là đã được tính vào đơn giá và giá của các hạng mục khác đã được chào trong bảng tiên lượng. Theo đó, không nên tính các khoản điều chỉnh cho các hạng mục bị chào thiếu trong bảng tiên lượng trừ khi hồ sơ mời thầu quy định khác. Tuy nhiên, nếu một nhà thầu không chào giá cho một bảng tiên lượng thành phần, thì với mục đích xét thầu việc điều chỉnh giá cần phải được thực hiện đối với bảng tiên lượng thành phần bị chào thiếu đó, nhưng nếu bảng tiên lượng thành phần bị chào thiếu đó là một bộ phận quan trọng của công trình thì hồ sơ dự thầu sẽ bị loại.

- (iv) để kiểm tra tính hoàn chỉnh của các đơn giá. Trong trường hợp hồ sơ mời thầu đòi hỏi nhà thầu cung cấp bản vẽ kỹ thuật và/hoặc phân tích giá chi tiết của bất kỳ hạng mục dự thầu nào để làm rõ đơn giá hoặc giá của hạng mục đó, bất kỳ thành phần nào bị chào thiếu trong bản vẽ kỹ thuật và/hoặc bản phân tích giá chi tiết của một hạng mục dự thầu thì giá của thành phần bị chào thiếu này phải được bổ sung vào để đánh giá.

(c) Các Hồ Sơ Dự Thầu Không Cân Đối

2.33 Có thể xác định được một hồ sơ dự thầu không cân đối khi sử dụng Bảng So Sánh Các Hạng Mục Công Việc Quan Trọng để so sánh đơn giá được các nhà thầu chào với đơn giá ước tính của Cơ quan Thực hiện Dự án. Các hồ sơ dự thầu không cân đối thường có thể được chia thành hai loại chính.

- (i) Đơn giá cao hơn cho các công việc thực hiện sớm hơn

Đối với trường hợp này, một nhà thầu có thể chủ ý chào đơn giá tương đối cao đối với các hạng mục công việc sẽ được thực hiện sớm trong giai đoạn đầu của hợp đồng để tăng các khoản thanh toán sớm. Điều này cũng có thể xảy ra trong một số hợp đồng cung ứng, giao hàng và lắp đặt. Điều này sẽ làm tăng chi phí của Cơ quan Thực hiện Dự án (ví dụ tiền lãi trên khoản thanh toán sớm) và quan trọng hơn là động lực để cho nhà thầu hoàn thành công trình bị giảm đáng kể do các khoản thanh toán mà nhà thầu sẽ nhận trong các giai đoạn sau của hợp đồng có thể vì lý do trên mà nhỏ hơn chi phí thực tế. Nhìn chung, không nên loại hồ sơ dự thầu trong trường hợp này trừ khi đơn giá quá mất cân đối. Thay vào đó, có thể yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cao hơn để bảo vệ Cơ quan Thực hiện Dự án không phải chịu những thiệt hại tài chính trong trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thành được hợp đồng.

- (ii) Đơn giá cao hơn cho các hạng mục công việc có khối lượng bị ước tính thấp

Đối với trường hợp này, một nhà thầu có lý do để tin rằng khối lượng của một hoặc nhiều hạng mục công việc trong Bảng tiên lượng được dự trù thấp hơn so với yêu cầu thực tế sẽ chào giá cao không phù hợp cho các hạng mục đó. Trong hầu hết các hợp đồng xây lắp, cả nhà thầu và Cơ quan Thực hiện Dự án được bảo vệ trong trường hợp có những lỗi kỹ thuật như vậy bằng cách đưa vào hợp đồng một điều khoản quy định rằng một đơn giá mới có thể được đàm phán nếu giá trị của bất kỳ hạng mục nào tăng từ 2 phần trăm giá hợp đồng trở lên hoặc nếu khối lượng công việc thực tế của mỗi hạng mục vượt quá hoặc thấp hơn so với khối lượng được quy định trong Bảng tiên lượng trên 25 phần trăm. Nếu hồ sơ mời thầu không có điều khoản này thì tại thời điểm đàm phán hợp đồng, các bên cần thỏa thuận đưa điều khoản trên vào như một phần của Hợp Đồng, thay vì loại hồ sơ dự thầu.

(d) Làm Rõ, Trao Đổi Thư Từ và Hợp

- 2.34 Trong nhiều hợp đồng xây lắp, Cơ quan Thực hiện Dự án có thể muốn trao đổi thư từ với các nhà thầu để làm rõ các hồ sơ dự thầu của họ. Chi tiết về giá, các phương pháp thực hiện công việc, lập tiến độ và nguồn nguyên vật liệu thường là các nội dung chính của những yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu.

D. GIAI ĐOẠN 4: XÁC ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẦU ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CÓ GIÁ ĐÁNH GIÁ THẤP NHẤT

- 2.35 Sau khi qua ba giai đoạn trên, hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản được các yêu cầu có giá đánh giá thấp nhất sẽ được xác định theo các quy định của hồ sơ mời thầu. Đây là bước cuối cùng trước khi trao thầu nên Cơ quan Thực hiện Dự án cần đảm bảo rằng nhà thầu có hồ sơ dự thầu được đánh giá là đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất có đủ khả năng tài chính và điều kiện hoặc năng lực kỹ thuật để thực hiện hợp đồng một cách thỏa đáng. Nếu kết quả đánh giá khả năng tài chính và năng lực kỹ thuật này là tích cực thì hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất. Nhà thầu này sẽ không phải đảm nhận các trách nhiệm hoặc thực hiện các công việc không được quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc sửa hồ sơ dự thầu như là một điều kiện để được trao thầu.

13. Đánh Giá Năng Lực Nhà Thầu⁸

- 2.36 Nhằm xác định năng lực của Các Nhà Thầu để thực hiện hợp đồng một cách thỏa đáng, các khía cạnh quan trọng về năng lực tài chính và kỹ thuật của các nhà thầu cần được xem xét kỹ. Tất cả các tiêu chí này và các yêu cầu cụ thể của các tiêu chí đó đã được quy định trong hồ sơ mời thầu sẽ được đánh giá theo nguyên tắc đạt/không đạt dựa trên cơ sở các tài liệu và các bằng chứng khác do Các Nhà Thầu cung cấp cùng với hồ sơ dự thầu kỹ thuật của họ.
- 2.37 Bảng Đánh Giá Năng Lực Nhà Thầu phải liệt kê tất cả các yêu cầu về cả năng lực tài chính và kỹ thuật được quy định trong hồ sơ mời thầu. Các bằng chứng hoặc tài liệu do các nhà thầu nộp được đem ra so sánh với các tiêu chí này nhằm xác định xem liệu từng nhà thầu có đáp ứng các quy định về năng lực và đạt yêu cầu, hay không đáp ứng và, do vậy, không đạt yêu cầu. Không tuân thủ bất kỳ tiêu chí nào về khả năng tài chính và năng lực kỹ thuật sẽ dẫn đến việc hồ sơ dự thầu bị loại.

14. Trao thầu

- 2.38 Nếu Nhà Thầu có giá đánh giá thấp nhất được xác định là đã đạt các tiêu chí về năng lực, hợp đồng phải được trao cho Nhà Thầu này. Không được yêu cầu nhà thầu này, như một điều kiện để được trao thầu, phải chịu các trách nhiệm hoặc thực hiện các công việc không được quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc sửa đổi hồ sơ dự thầu.

⁸ Tùy theo sự lựa chọn của ban đầu thầu của Cơ Quan Thực Hiện Dự Án hoặc theo quy định của hồ sơ mời thầu đã được phát hành, việc đánh giá năng lực nhà thầu có thể được tiến hành sau khi đánh giá sơ bộ các hồ sơ dự thầu.

Mục III. Ưu tiên Nội địa khi So Sánh Hồ Sơ Dự Thầu

3.1. TỔNG QUÁT

- 3.1.1 Từ tháng 8 năm 1986, ADB đã áp dụng cơ chế ưu tiên nội địa, cơ chế này có thể được áp dụng để xét thầu trong Đấu Thầu Cảnh Tranh Quốc Tế⁹ theo tài liệu *Hướng Dẫn Về Mua Sắm* và các điều khoản của Hiệp định Vay vốn. Cơ chế này cho phép một số ưu đãi, kèm theo điều kiện, dành cho hàng hóa sản xuất trong nước và các nhà thầu trong nước.
- 3.1.2 Tất cả các quốc gia vay vốn của ADB đều được hưởng ưu đãi cho hàng hóa sản xuất trong nước. Cơ chế ưu đãi này quy định rằng hàng hóa sản xuất trong nước được hưởng ưu đãi khi so sánh với hàng hóa nhập khẩu. Khả năng hợp lệ để được hưởng ưu đãi được xác định không phải căn cứ vào quốc tịch của nhà thầu mà điều kiện là hàng hóa phải là hàng hóa sản xuất trong nước. Bởi vậy, ưu tiên không phải là dành cho nhà thầu trong nước mà là dành cho hàng hóa sản xuất trong nước. Quốc tịch của nhà thầu hoặc nhà sản xuất không liên quan đến việc xét hưởng ưu đãi. Các nhà thầu được yêu cầu phải xác nhận, trong nội dung của hồ sơ dự thầu của mình, là có trang thiết bị sản xuất mà nhờ đó giá trị gia tăng của hàng hóa là giá trị phát sinh trong nước. Ưu đãi cho hàng hóa trong nước được giới hạn ở mức mười lăm phần trăm (15%) của giá CIF hoặc giá CIP của hàng hóa nhập khẩu.
- 3.1.3 Ưu đãi cho các nhà thầu xây lắp trong nước được giới hạn cho hợp đồng xây lắp ở một số quốc gia vay vốn nhất định. Các nhà thầu và liên danh trong nước phải đáp ứng các tiêu chí tối thiểu nhất định về điều kiện hợp lệ hưởng ưu tiên nội địa. Ưu đãi này được giới hạn ở mức bảy phần trăm (7,5 %) của giá dự thầu.
- 3.1.4 Ưu tiên nội địa cho cả gói thầu cung cấp hàng hóa và công trình xây lắp sẽ chỉ được áp dụng nếu chính phủ của quốc gia vay mong muốn như vậy và hồ sơ mời thầu có quy định về ưu tiên nội địa và nêu rõ cách thức áp dụng cơ chế này khi so sánh hồ sơ dự thầu. Các điều khoản về thực hiện cơ chế ưu đãi cần được đưa vào Hiệp định Vay vốn.

3.2 ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI HÀNG HÓA SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

- 3.2.1. Khi mua sắm hàng hóa thông qua đấu thầu cạnh tranh quốc tế, các hàng hóa được sản xuất trong vùng lãnh thổ của Bên Vay có thể được hưởng ưu đãi theo các quy định dưới đây, với điều kiện là nhà thầu phải thỏa mãn yêu cầu của Bên Vay và ADB rằng giá trị nội địa gia tăng tương đương ít nhất 30 phần trăm của giá dự thầu xuất xưởng của hàng hóa đó. Phần 30 phần trăm giá trị nội địa gia tăng là so với tổng giá dự thầu xuất xưởng của hàng hóa chứ không phải so với riêng một hạng mục trong danh mục của hồ sơ dự thầu.

⁹ Mua sắm thông qua các phương pháp đấu thầu khác như đấu thầu cạnh tranh trong nước không được áp dụng ưu tiên nội địa.

- (a) Để áp dụng cơ chế ưu tiên nội địa, tất cả các hồ sơ dự thầu đáp ứng trước hết phải được phân loại theo ba nhóm sau đây:

Nhóm A – các hồ sơ dự thầu chào hàng hóa sản xuất tại quốc gia của Bên Vay nếu nhà thầu thỏa mãn yêu cầu của Bên Vay và ADB rằng (i) nhân lực, nguyên liệu thô, và linh kiện có xuất xứ từ quốc gia của Bên Vay sẽ chiếm ít nhất 30% giá EXW của sản phẩm chào thầu, và (ii) cơ sở sản xuất nơi sản xuất hoặc lắp ráp các hàng hóa đó trên thực tế đã sản xuất/lắp ráp hàng hóa đó ít nhất là kể từ thời điểm nộp hồ sơ dự thầu.

Nhóm B – tất cả các hồ sơ dự thầu khác chào thầu hàng hóa được sản xuất tại quốc gia của Bên Vay; và

Nhóm C – các hồ sơ dự thầu chào hàng hóa được sản xuất tại nước ngoài đã được nhập khẩu hoặc hàng hóa sẽ được nhập khẩu trực tiếp.

- (b) Sau đó, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất của mỗi nhóm phải được xác định bằng cách so sánh tất cả các hồ sơ dự thầu đã được đánh giá trong mỗi nhóm với nhau, không tính đến thuế hải quan và các loại thuế nhập khẩu khác đánh vào hàng hóa liên quan đến thuế nhập khẩu, thuế doanh thu và các thuế tương tự khác đánh vào hàng hóa liên quan đến việc bán, giao hàng hóa, như đã được trình bày trong hồ sơ dự thầu.
- (c) Tiếp theo, các hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất đó sẽ được so sánh với nhau và nếu kết quả so sánh cho thấy một hồ sơ dự thầu của Nhóm A hoặc Nhóm B có giá đánh giá thấp nhất thì hồ sơ dự thầu đó sẽ được chọn để trao thầu.
- (d) Tuy nhiên, nếu theo kết quả so sánh hồ sơ dự thầu ở mục (c) cho thấy hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm C thì hồ sơ này sẽ được tiếp tục được so sánh với hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm A. Nhằm tiếp tục so sánh hồ sơ dự thầu, cần điều chỉnh tăng giá dự thầu lên đối với hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm C bằng cách cộng thêm 15 phần trăm giá dự thầu theo điều kiện CIF hoặc CIP của hàng hóa đó.

Nếu sau khi tiếp tục so sánh như vậy, hồ sơ dự thầu Nhóm A được xác định là hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất, hồ sơ dự thầu này sẽ được lựa chọn để trao thầu; nếu không, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm C sẽ được lựa chọn để trao thầu.

- 3.2.2. Các nhà thầu đăng ký hưởng ưu đãi phải cung cấp bằng chứng cần thiết để chứng minh hồ sơ dự thầu của họ hợp lệ để được ưu đãi, kể cả chứng minh về giá trị gia tăng nội địa tối thiểu.

- 3.2.3. Hồ sơ mời thầu phải nêu rõ các ưu đãi nhà thầu sẽ được hưởng, những thông tin cần có để xác nhận hồ sơ dự thầu hợp lệ để được hưởng quy

chế ưu đãi đó, và thủ tục phải tuân theo trong quá trình so sánh các hồ sơ dự thầu như đã nêu ở phần trên.

3.3 ƯU TIÊN NỘI ĐỊA ĐỐI VỚI CÁC HỢP ĐỒNG CHÌA KHÓA TRAO TAY VÀ HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG VÀ LẮP ĐẶT

3.3.1 Đối với các hợp đồng tổng thầu chìa khóa trao tay (bao gồm cả thiết kế-xây dựng) và các hợp đồng cung ứng và lắp đặt đối với các gói thầu lớn và phức tạp sử dụng phương thức đấu thầu cạnh tranh quốc tế, và trong các hợp đồng đó, các hạng mục hàng hóa riêng lẻ được nhóm thành một hợp đồng hoặc trong một gói thầu bao gồm nhiều hạng mục, ưu đãi áp dụng cho hàng hóa được sản xuất trong nước cần tuân thủ theo các quy định sau đây:

- (a) Ưu đãi sẽ không được áp dụng đối với toàn bộ gói thầu mà chỉ áp dụng đối với hàng hóa được sản xuất trong nước được chào trong gói thầu;
- (b) Hàng hóa được chào từ bên ngoài lãnh thổ của Bên Vay sẽ phải được chào theo giá CIF hoặc CIP và hàng hóa được chào trong nước phải được chào giá xuất nhà máy hoặc giá xuất xưởng (không tính thuế doanh thu và các loại thuế tương tự);
- (c) Tất cả các hạng mục chi phí cấu thành khác, như thiết kế, xây dựng, lắp đặt và giám sát, phải được chào giá riêng;
- (d) Để so sánh các hồ sơ dự thầu (không nên phân loại các hồ sơ dự thầu thành các nhóm như đã thực hiện đối với ưu tiên nội địa cho hàng hóa), chỉ có giá chào theo điều kiện CIF hoặc CIP trong mỗi hồ sơ dự thầu của hàng hóa được chào từ bên ngoài lãnh thổ của Bên Vay mới được tính tăng thêm 15%.
- (e) Không được áp dụng cơ chế ưu đãi cho bất kỳ dịch vụ hoặc công việc đi kèm nào trong gói thầu; và
- (f) Không được yêu cầu hay cho phép các nhà thầu sửa tỷ lệ giữa hàng nội và hàng ngoại sau khi mở thầu.

3.3.2 Các nhà thầu xin hưởng cơ chế ưu đãi phải cung cấp bằng chứng cần thiết để chứng minh hồ sơ dự thầu của họ hợp lệ để được ưu đãi.

3.3.3 Hồ sơ mời thầu phải nêu rõ các ưu đãi mà nhà thầu sẽ được hưởng, các thông tin mà nhà thầu phải cung cấp để xác minh tính hợp lệ của một hồ sơ dự thầu để được hưởng ưu đãi và các thủ tục phải tuân theo khi so sánh các hồ sơ dự thầu như đã nêu ở trên.

3.4 ƯU ĐÃI CHO CÁC NHÀ THẦU TRONG NƯỚC¹⁰

3.4.1 Trong quá trình lựa chọn các nhà thầu xây lắp hoặc các tổng thầu của hợp đồng chìa khóa trao tay (bao gồm cả thiết kế-xây dựng) thông qua đấu thầu cạnh tranh quốc tế, các nhà thầu trong nước hợp lệ, như được định nghĩa dưới đây, có thể được hưởng ưu đãi theo các quy định dưới đây.

- (a) Để áp dụng cơ chế ưu tiên nội địa, tất cả các hồ sơ dự thầu đáp ứng trước hết phải được phân loại thành hai nhóm sau đây:

Nhóm A – Các hồ sơ dự thầu được chào bởi các nhà thầu trong nước và các liên danh đủ điều kiện được hưởng ưu đãi theo các tiêu chí áp dụng được quy định tại đoạn 3.4.2 dưới đây; và

Nhóm B – Các hồ sơ dự thầu được chào bởi các nhà thầu khác. Mỗi hồ sơ dự thầu sẽ được kiểm tra để xác nhận xem hồ sơ đó có phù hợp với nhóm hồ sơ dự thầu mà nhà thầu tự xếp loại trong khi chuẩn bị hồ sơ dự thầu hay không, hoặc để sửa đổi sự phân nhóm này, nếu cần thiết.

- (b) Sau đó, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất của mỗi nhóm sẽ được xác định bằng cách so sánh tất cả hồ sơ dự thầu đã được đánh giá trong mỗi nhóm với nhau.
- (c) Tiếp theo, các hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất sẽ được so sánh với nhau và nếu kết quả so sánh cho thấy một hồ sơ dự thầu thuộc Nhóm A có giá đánh giá thấp nhất thì hồ sơ đó sẽ được chọn để trao thầu.
- (d) Tuy nhiên, nếu kết quả của việc so sánh hồ sơ dự thầu theo tiêu đoạn (c) ở trên cho thấy hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất lại thuộc Nhóm B, hồ sơ dự thầu này sẽ tiếp tục được so sánh với hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm A. Nhằm mục đích tiếp tục so sánh này, giá đánh giá thấp nhất của nhà thầu thuộc Nhóm B sẽ được điều chỉnh tăng lên bằng cách cộng một khoản tương đương với bảy phẩy năm phần trăm (7,5%) giá dự thầu. Nếu sau khi so sánh như vậy, hồ sơ dự thầu thuộc Nhóm A được xác định là có giá đánh giá thấp nhất, hồ sơ dự thầu này sẽ được chọn để trao thầu; nếu không, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc nhóm B sẽ được lựa chọn.

3.4.2 (a) Để đủ tiêu chuẩn được hưởng cơ chế ưu đãi được quy định tại đoạn 3.4.1 nêu trên, các nhà thầu trong nước phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- (i) các công ty phải được đăng ký trong vùng lãnh thổ của Cơ quan Thực hiện Dự án hoặc Bên Vay;
- (ii) công dân của quốc gia Bên Vay có sở hữu phần lớn trong các công ty này, và

¹⁰ Ưu đãi đối với nhà thầu trong nước chỉ được áp dụng tại những quốc gia đủ điều kiện.

- (iii) các công ty sẽ không ký hợp đồng thầu phụ với nhà thầu nước ngoài thầu hơn 50 phần trăm tổng giá trị phần việc của họ.
 - (b) Một liên danh giữa một nhà thầu trong nước và đối tác nước ngoài sẽ chỉ có tư cách hợp lệ để được hưởng ưu đãi nếu liên danh đó đáp ứng các tiêu chí sau:
 - (i) đối tác trong nước phải đủ tư cách hợp lệ để được hưởng ưu đãi theo các tiêu chí nêu trên;
 - (ii) đối tác trong nước sẽ không đáp ứng được điều kiện về kỹ thuật hoặc tài chính để nhận thầu công trình nếu không có sự tham gia của bên nước ngoài; và
 - (iii) đối tác trong nước, theo các thỏa thuận được đề xuất, sẽ thực hiện ít nhất 50 phần trăm khối lượng công việc của hợp đồng xét về giá trị.
 - (c) Các nhà thầu đăng ký áp dụng cơ chế ưu đãi sẽ được yêu cầu cung cấp thông tin cần thiết, như một phần của hồ sơ năng lực, bao gồm chi tiết về quyền sở hữu, nhằm xác định xem một công ty cụ thể có đủ điều kiện được hưởng ưu đãi hay không dựa trên các tiêu chí đang được áp dụng.
- 3.4.3 Hồ sơ mời thầu phải nêu rõ cơ chế ưu đãi nhà thầu sẽ được hưởng, thông tin nhà thầu phải cung cấp để xác minh tư cách hợp lệ được hưởng ưu đãi đó, và các thủ tục phải tuân theo khi so sánh các hồ sơ dự thầu như đã nêu trên. Các nhà thầu đăng ký hưởng cơ chế ưu đãi phải cung cấp thông tin bổ sung để chứng minh tư cách hợp lệ nếu Cơ quan Thực hiện Dự án và ADB yêu cầu.

Mục IV. Chuẩn Bị Báo Cáo Xét Thầu

- 4.1 Báo Cáo Xét Thầu phải bao gồm các thông tin và tài liệu theo yêu cầu của ADB chứng minh rằng quá trình đấu thầu và xét thầu, đề xuất trao thầu đáp ứng các nguyên tắc của Hiệp định Vay vốn và **Tài Liệu Hướng Dẫn Về Mua Sắm**. Các nguyên tắc đó như sau:
- (i) hàng hóa, dịch vụ và công trình có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB;
 - (ii) sự minh bạch của quá trình đấu thầu đã mang lại cơ hội thỏa đáng, công bằng và bình đẳng cho các nhà sản xuất, các nhà cung ứng và các nhà thầu từ tất cả các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB; và
 - (iii) nguyên tắc về “tính kinh tế và hiệu quả” được áp dụng trong quá trình đấu thầu và xét thầu bằng việc đưa ra hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản được các yêu cầu có giá đánh giá thấp nhất.
- 4.2 Thông tin và tài liệu được nộp cùng với Báo Cáo Xét Thầu, hoặc là một phần của Báo Cáo Xét Thầu, cần bao gồm các tài liệu sau:
- a) Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu
 - b) một bản sao Thông Báo Mời Thầu được đăng trên một tờ báo địa phương bằng tiếng Anh được lưu hành rộng rãi;¹
 - c) Biên Bản Mở Thầu bao gồm danh sách đại diện của các nhà thầu tham dự mở thầu;
 - d) Các Bảng Danh Sách Nhà Thầu bao gồm cả quốc tịch, và Giá Dự Thầu bao gồm cả các khoản giảm giá như đã chào trong hồ sơ dự thầu đã nộp và sau khi đã được sửa các lỗi số học; nếu phải sửa nhiều lỗi số học thì phải có bằng chứng rằng các phần sửa về lỗi số học đã được các nhà thầu liên quan chấp nhận;
 - e) Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản cho thấy các nhà thầu tuân thủ các điều khoản và điều kiện thương mại quan trọng;
 - f) Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản cho thấy các nhà thầu tuân thủ các quy định trọng yếu đối với các yêu cầu kỹ thuật;
 - g) Bảng Đánh Giá Năng Lực Nhà Thầu;

¹ Trong các trường hợp đấu thầu tuân theo các thủ tục đấu thầu cạnh tranh quốc tế.

- h) Bảng Đánh Giá Chi Tiết Hồ Sơ Dự Thầu đối với các đặc điểm thương mại nổi bật của hồ sơ dự thầu. Bảng này chỉ rõ đối với từng hồ sơ dự thầu, các khoản hiệu chỉnh giá dự thầu do các sai lệch so với các quy định trong hồ sơ mời thầu là cơ sở của những hiệu chỉnh đó, và nêu rõ các phương pháp được sử dụng để tính toán các hiệu chỉnh;
- i) Bảng Đánh Giá Chi Tiết Hồ Sơ Dự Thầu đối với các đặc điểm kỹ thuật nổi bật của hồ sơ dự thầu, chỉ rõ đối với mỗi hồ sơ dự thầu, các khoản hiệu chỉnh giá dự thầu do các sai lệch so với các điều khoản trong hồ sơ mời thầu là cơ sở của những hiệu chỉnh đó, và nêu rõ các phương pháp được sử dụng để tính toán các hiệu chỉnh;
- j) Bảng So Sánh Giá Dự Thầu nêu rõ tất cả các hồ sơ dự thầu được chọn để đánh giá chi tiết, giá dự thầu ghi nhận tại thời điểm mở thầu, giảm giá nếu có, giá dự thầu đã được sửa lỗi số học, các hiệu chỉnh tài chính cho các điều khoản và điều kiện thương mại, các hiệu chỉnh tài chính cho các yêu cầu kỹ thuật để tính ra được tổng giá đánh giá của tất cả các hồ sơ dự thầu liên quan;
- k) biên bản ghi lại các trao đổi và/hoặc bản sao các thư từ trao đổi với các nhà thầu liên quan đến yêu cầu làm rõ các hồ sơ dự thầu của họ;
- l) đề xuất trao thầu;

(Thông tin và các tài liệu được liệt kê ở trên phải được lập theo Các Mẫu đính kèm trong Các Phụ Lục của Hướng Dẫn Xét Thầu này, đồng thời cần tuân thủ theo quy trình xét thầu được đề xuất).
- m) dự thảo hợp đồng hoặc dự thảo thư chấp thuận nếu bản dự thảo đó khác biệt cơ bản với bản dự thảo trước đó đã được nộp cho ADB và được ADB chấp thuận; và
- n) giấy chứng nhận đủ tư cách nếu được ADB yêu cầu (căn cứ theo các yêu cầu của Quỹ Phát Triển Châu Á).

4.3 Báo cáo xét thầu phải bao gồm phần diễn giải các thông tin không thể hiện được dưới dạng bảng biểu, cùng với bất kỳ giải trình bổ sung nào và các thông tin cần thiết để người đọc hiểu đầy đủ tất cả các yếu tố được xem xét trong quá trình xét thầu. Đặc biệt, các lý do cho việc loại các hồ sơ dự thầu được xem là không đáp ứng quy định của hồ sơ mời thầu cần được giải trình và chứng minh đầy đủ trong phần diễn giải này. Tương tự như vậy, cơ sở cho các khoản điều chỉnh giá dự thầu cần phải được giải trình đầy đủ và, khi cần thiết, phải dẫn chiếu chéo đến các quy định liên quan trong hồ sơ mời thầu. Cuối cùng, báo cáo này phải trình bày một cách rõ ràng đầy đủ về cơ sở cho đề xuất trao thầu.

- 4.4 Giá trị được khuyến nghị trao thầu phải là giá dự thầu nhà thầu đã nộp, đã được sửa các lỗi số học cộng thêm với giá trị bổ sung để bù đắp cho bất kỳ khoản thiếu hụt nào trong phạm vi cung ứng hoặc tuân thủ kỹ thuật. Khi thỏa thuận với nhà thầu trúng thầu để hiệu chỉnh bất kỳ sự sai lệch nhỏ nào trong giá hợp đồng đối với phạm vi cung ứng hoặc tuân thủ kỹ thuật, Cơ quan Thực hiện Dự án cần phải lưu ý các vấn đề sau:
- (i) chi phí bù đắp các sai lệch nhỏ cần được đưa vào giá hợp đồng, với điều kiện là chi phí này không cấu thành vi phạm Khoản 2.59 của *Tài Liệu Hướng Dẫn Về Mua Sắm*; và
 - (ii) giá trị cuối cùng được thỏa thuận giữa Cơ quan Thực hiện Dự án và nhà thầu trúng thầu không được vượt quá giá dự thầu (sau khi đã được sửa các lỗi số học cộng thêm giá trị bù đắp bất kỳ sự sai lệch nhỏ nào trong phạm vi cung ứng và tuân thủ kỹ thuật) của nhà thầu đáp ứng cơ bản được các yêu cầu có giá thấp thứ hai.
- 4.5 Bất kỳ báo cáo và khuyến nghị nào của chuyên gia tư vấn (nếu chuyên gia tư vấn đó được tài trợ bởi dự án Hỗ Trợ Kỹ Thuật hoặc khoản vay của ADB) được thuê để thực hiện dự án cũng phải được gửi cho ADB. Nếu Cơ quan Thực hiện Dự án và các chuyên gia tư vấn của họ đi đến các kết luận và quan điểm khác nhau về bất kỳ vấn đề nào ảnh hưởng đến việc lựa chọn hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản có giá đánh giá thấp nhất thì những quan điểm khác biệt như vậy phải được giải thích đầy đủ trong phần chính của báo cáo.
- 4.6 Báo cáo xét thầu và đề xuất trao thầu cần phải được gửi cho ADB trong thời gian sớm nhất có thể. Trong bất kỳ trường hợp nào, trong vòng 30 ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu, ADB phải được cung cấp ba bản sao báo cáo xét thầu hoàn chỉnh kèm theo một thư đề nghị. Điều này là cần thiết giúp ADB xem xét kỹ lưỡng báo cáo và đề xuất trao thầu để có thể chính thức phê duyệt báo cáo này trong nội bộ trước khi chuyển thư phê duyệt cho Cơ quan Thực hiện Dự án.

CÁC PHỤ LỤC

BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

1. Tên Dự Án:
2. Khoản Vay Số:
3. Tên Gói Thầu hoặc Hợp Đồng:
4. Gói Thầu hoặc Hợp Đồng Số:
5. Giá Ước Tính hoặc Dự Toán:
6. Ngày Phát Hành Thông Báo Mời Thầu:
7. Phương Thức Mua Sắm:¹
8. Ngày và Giờ Đóng Thầu:
9. Ngày và Giờ Mở Thầu:
10. Số Lượng Hồ Sơ Dự Thầu Đã Nhận:
11. Ngày Hết Hạn Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu:
12. Ngày Hết Hạn Hiệu Lực Bảo Lãnh Hồ Sơ Dự Thầu:
13. Ngày Xác Định Tỷ Giá Hối Đoái Sẽ Được Áp Dụng:
14. Tỷ Giá Hối Đoái Sử Dụng Để Xét Thầu:

Lưu Ý

- (a) Về “mục 11 – Ngày Hết Hạn Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu”: với điều kiện là việc gia hạn hồ sơ dự thầu được hồ sơ mời thầu cho phép, và nếu hiệu lực ban đầu của hồ sơ dự thầu đã hết hạn nhưng nếu các nhà thầu đã được yêu cầu gia hạn thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu, cần nêu rõ ngày các nhà thầu được yêu cầu gia hạn thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu và yêu cầu gia hạn đến ngày nào. Thông tin các nhà thầu đã gia hạn thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu và các nhà thầu từ chối gia hạn thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu cũng phải được nêu trong Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu.
- (b) Về Ngày Hết Hạn Hiệu Lực Bảo Lãnh Dự Thầu: Nếu thời hạn hiệu lực ban đầu của hồ sơ dự thầu được gia hạn, các nhà thầu cũng phải được yêu cầu gia hạn thời hạn hiệu lực bảo lãnh dự thầu, do vậy thông tin về thời hạn hiệu lực bảo lãnh dự thầu được gia hạn cũng phải được nêu trong Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu.
- (c) Về “mục 13 - Ngày Xác Định Tỷ Giá Hối Đoái Sẽ Được Áp Dụng”: Ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu sẽ được sử dụng để xác định.
- (d) Đối với “mục 14 - Tỷ Giá Hối Đoái Sử Dụng Để Xét Thầu”, Phải ghi lại tỷ giá bán chính thức của tất cả các ngoại tệ liên quan trong việc xét thầu và thông tin về nguồn niêm yết chính thức của tỷ giá bán ngoại tệ đó như được quy định trong hồ sơ mời thầu.

¹ Đấu Thầu Cảnh Tranh Quốc Tế (ICB), Đấu Thầu Cảnh Tranh Trong Nước (NBC), Đấu Thầu Quốc Tế Hạn Chế (LIB), Mua Sắm (S) tùy trường hợp.

Phụ Lục 2
Trang 1/3

BIÊN BẢN MỞ THẦU

KHOẢN VAY SỐTÊN DỰ ÁN

.....
GÓI THẦU SỐTÊN GÓI THẦU/HỢP ĐỒNG.....

1. Các hồ sơ dự thầu sau đây đã được nhận vào hoặc trước hạn đóng thầu được ấn định vào.....
(Ngày)vào lúc.....(Giờ)..... và được mở và đọc công khai vào lúc(Giờ) cùng ngày.

STT	Tên & Địa Chỉ của Nhà Thầu	Giá Trị Bảo Lãnh Dự Thầu	Giá Chào Thầu ¹				Ghi chú (Nếu có ví dụ như thiếu hụt bảo lãnh dự thầu, không có chữ ký)	Chữ Ký của Đại Diện Các Nhà Thầu
			Gói Thầu Số 1	Gói Thầu Số 2	V.v ²	Tổng Số		
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								
6.								
V.v								

¹ Bất kỳ giảm giá nào được nhà thầu đề xuất đều phải được ghi nhận trong biên bản mở thầu. Bất kỳ hồ sơ dự thầu thay thế nào đã được nộp đều phải được mở.

² Số lượng cột của bảng phụ thuộc vào số lượng Gói Thầu Phụ trong Hồ Sơ Mời Thầu.

Phụ Lục 2
Trang 2/3

2. Các đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai và bản sao danh sách nhà thầu tham dự mở thầu được đính kèm như một phụ lục của biên bản này.

Số	Tên	Chức Vụ	Đại Diện Nhà Thầu
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
V.v			

3. Các vấn đề phát sinh trong quá trình mở thầu. *(Bất kỳ các sửa đổi, rút lại hồ sơ dự thầu, khiếu nại của nhà thầu và các vấn đề được làm rõ hoặc được hội đồng mở thầu thông báo phải được ghi nhận trong biên bản).*

4. Việc đọc và ký hồ sơ dự thầu kết thúc vào hồigiờ

.....
(Tên, Chữ Ký và Chức Vụ)

.....
(Tên, Chữ Ký và Chức Vụ)

.....
(Tên, Chữ Ký và Chức Vụ)

Phụ Lục 2
Trang 3/3

DANH SÁCH THAM DỰ LỄ MỞ THẦU

KHOẢN VAY SỐ..... TÊN DỰ ÁN

GÓI THẦU SỐ..... TÊN GÓI THẦU/HỢP ĐỒNG.....

Địa Điểm:.....Ngày:.....Giờ:.....

Đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai.

STT	Nhà Thầu (Công Ty/Hãng/NhàThầu)	Đại Diện (Viết Hoa Họ và Tên)	Chức Vụ	Chữ Ký
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				
6.				
V.v				

Phụ Lục 3
Trang 1/3

DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU VÀ GIÁ DỰ THẦU (HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA)

Gói Thầu Số..... Cho việc Cung Ứng (Tên Gói Thầu/Hợp Đồng).....

Gói Thầu (hoặc Danh sách Hàng hóa)	Các Hạng Mục trong Gói Thầu (hoặc Danh sách Hàng hóa)	Nhà Thầu Số 1				Nhà Thầu Số 2				Nhà Thầu Số 3			
		Giá Dự Thầu Được Chào CIF/CIP/EXW (1)	Các Khoản Giảm Giá Được Đề Xuất CIF/CIP/EXW (2)	Sửa Lỗi Số Học CIF/CIP/EXW (3)	Giá Dự Thầu Đã Sửa Lỗi CIF/CIP/EXW (4) = (1) - (2) ± (3)	Giá Dự Thầu Được Chào CIF/CIP/EXW (1)	Các Khoản Giảm Giá Được Đề Xuất CIF/CIP/EXW (2)	Sửa Lỗi Số Học CIF/CIP/EXW (3)	Giá Dự Thầu Đã Sửa Lỗi CIF/CIP/EXW (4) = (1) - (2) ± (3)	Giá Dự Thầu Được Chào CIF/CIP/EXW (1)	Các Khoản Giảm Giá Được Đề Xuất CIF/CIP/EXW (2)	Sửa Lỗi Số Học CIF/CIP/EXW (3)	Giá Dự Thầu Đã Sửa Lỗi CIF/CIP/EXW (4) = (1) - (2) ± (3)
I	1 2 3 Tổng phụ cho I ¹												
II	1 2 3 Tổng phụ cho II ¹												
III	1 2 3 Tổng phụ cho III ¹												
	Tổng cộng cho tất cả các gói thầu												

¹ Nếu hợp đồng là hợp đồng cung ứng, giao hàng và lắp đặt, giá dự thầu cho phần dịch vụ bốc xếp, vận chuyển nội địa, và lắp đặt phải được nêu rõ cho mỗi gói thầu và phải bao gồm trong tổng phụ của từng gói.

Phụ Lục 4

**BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI) – CUNG ỨNG HÀNG HÓA**

Gói Thầu Số..... để..... (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

STT	Các yêu cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê tại đây tất cả các điều kiện được quy định trong hồ sơ mời thầu mà các nhà thầu phải tuân thủ để hồ sơ dự thầu của họ được xem là đáp ứng)</i>	<i>(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)</i>			
1.	Chữ Ký trên Mẫu Đơn Dự Thầu của Người Được Ủy Quyền	<i>Phần I, Điều 22.2 và Phần II, ITB 22.2</i>	C	C	C
2.	Thư Ủy Quyền	<i>Phần I, Điều 22.2 Phần II, ITB 22.2</i>	C	C	C
3.	Tư Cách Hợp Lệ: Các Nhà Thầu Hàng Hóa	<i>Phần I, Điều 4 Phần I, Điều 5</i>	C (xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục này) C	C (xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục này) NC ¹	C (xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục này) C
4.	Thời Hạn Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu – 60 ngày	<i>Phần I, Điều 20.1, Phần II, ITB 20.1</i>	C (có hiệu lực tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)
5.	Bảo Lãnh Dự Thầu (i) Khoản tiền >2% Giá Dự Thầu (ii) Thời hạn hiệu lực – 90 ngày	<i>Phần I, Điều 21.1 Phần II, ITB 21.1 Phần I, Điều 21.3 Phần II, ITB 21.3</i>	C [<u>nêu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>] C (có hiệu lực cho tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C [<u>nêu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>] C (có hiệu lực cho tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C [<u>nêu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>] C (có hiệu lực cho tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)
	Lưu ý		Không có sai lệch lớn	¹ Hàng hóa từ quốc gia không phải là thành viên của ADB	Không có sai lệch lớn
	Kết luận		Đáp Ứng	Không Đáp Ứng	Đáp Ứng

C = Tuân thủ

NC = Không tuân thủ

Phụ Lục 4
Bản Đính Kèm 1

CHI TIẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA CÁC NHÀ THẦU

STT	Các Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
1.	Nhà Thầu Độc Lập hoặc Liên Danh Nếu Liên Danh tham gia đấu thầu, các đối tác cùng phải chịu trách nhiệm chung và riêng.	Mục I, Điều 4.1	Nhà Thầu Độc Lập	Liên Danh Các nhà thầu cùng chịu trách nhiệm chung và riêng	Nhà Thầu Độc Lập
2.	Nhà thầu phải mang quốc tịch của một quốc gia là thành viên hợp lệ của ADB Các nhà thầu phụ được đề xuất hoặc các nhà cung cấp phải mang quốc tịch của quốc gia là thành viên hợp lệ của ADB.	Mục I, Điều 4.2	X XX (các quốc gia thành viên)	X và XX XXX (các quốc gia thành viên)	X X (các quốc gia thành viên)
3.	Xung Đột Lợi Ích	Mục I Điều 4.3	Không	Có (nêu rõ tại sao)	Không
4.	Bị ADB tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ	Mục I, Điều 4.4	Không	Không	Không
5.	Doanh nghiệp nhà nước tại quốc gia của Bên Mua phải độc lập về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại, và không là tổ chức phụ thuộc của Bên Mua	Mục I, Điều 4.5	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước
6.	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ trên cơ sở nghị quyết của Liên Hợp Quốc	Mục I, Điều 4.7	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ

Phụ Lục 4

BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU (CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI) – CÔNG TRÌNH XÂY LẮP

Gói Thầu Số..... cho..... (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

STT	Các Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê tại đây tất cả các điều kiện được quy định trong hồ sơ mời thầu mà các nhà thầu phải tuân thủ để các hồ sơ dự thầu của họ được xem là đáp ứng)</i>	<i>(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)</i>			
1.	Chữ Ký trên Mẫu Đơn Dự Thầu của Người Được Ủy Quyền	Phần 1, Điều 20.2, Phần 2, ITB 20.2	C	C	C
2.	Thư Ủy Quyền	Phần 1, Điều 20.2 Phần 2, ITB 20.2	C	C	C
3.	Tư Cách Hợp Lệ: Các Nhà Thầu	Phần 1, Điều 4	C (xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục 1)	C (xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục 1)	C (xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục 1)
	Vật Tư, Thiết Bị và Dịch Vụ	Phần 1, Điều 5	C	C	C
4.	Thời Hạn Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu – 90 ngày	Phần 1, Điều 18.1, Phần 2, ITB 18.1	C (có hiệu lực tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)
5.	Bảo Lãnh Dự Thầu (iii) Khoản tiền: \$200.000,00	Phần 1, Điều 19.1 Phần 2, ITB 19.1	C [<u>nêu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>]	C [<u>nêu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>]	C [<u>nêu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>]
	(iv) Thời hạn hiệu lực – 118 ngày	Phần 1, Điều 19.3 Phần 2, ITB 19.3	C (có hiệu lực cho tới khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	NC (Bảo Lãnh Dự Thầu chỉ có hiệu lực trong thời hạn 100 ngày)	C (có hiệu lực đến khi <u>nêu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)
	Lưu ý		Không có sai lệch lớn	Sai lệch Quan Trọng về Bảo Lãnh Dự Thầu	Không có sai lệch lớn
	Kết luận		Đáp Ứng	Không Đáp Ứng	Đáp Ứng

C = Tuân Thủ
NC = Không tuân thủ

**Phụ Lục 4
Bản Định Kèm 1**

CHI TIẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA CÁC NHÀ THẦU

STT	Các Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
1.	Nhà Thầu Độc Lập hoặc Liên Danh Nếu Liên Danh tham gia đấu thầu, tất cả các đối tác phải cùng chịu trách nhiệm chung và riêng.	Phần 1, Điều 4.1	Nhà Thầu Độc Lập	Liên Danh Các nhà thầu liên danh cùng chịu trách nhiệm chung và riêng	Nhà Thầu Độc Lập
2.	Nhà thầu phải mang quốc tịch của một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB Các nhà thầu phụ hoặc các nhà cung cấp được đề xuất phải mang quốc tịch của quốc gia là thành viên hợp lệ của ADB.	Phần 1 Điều 4.2	X XX (các quốc gia thành viên)	X và XX XXX (các quốc gia thành viên)	X X (các quốc gia thành viên)
3.	Xung Đột Lợi Ích	Phần 1 Điều 4.3	Không	Không	Không
4.	Bị ADB tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ	Phần 1, Điều 4.4	Không	Không	Không
5.	Doanh nghiệp nhà nước tại quốc gia của Bên Mua phải độc lập về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại, và không phải là tổ chức phụ thuộc của Bên Mua	Phần 1, Điều 4.5	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước
6.	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ trên cơ sở nghị quyết của Liên Hợp Quốc	Phần 1, Điều 4.7	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ

Phụ Lục 4

**BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI) – MÁY MÓC-THIẾT KẾ-CUNG ỨNG-LẮP ĐẶT
(MỘT GIAI ĐOẠN: MỘT TÚI HỒ SƠ)**

Gói Thầu Số..... để..... (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

STT	Các Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê tại đây tất cả các điều kiện được quy định trong hồ sơ mời thầu mà các nhà thầu phải tuân thủ để hồ sơ dự thầu của họ được xem là đáp ứng)</i>	<i>(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)</i>			
1.	Chữ Ký trên Mẫu Đơn Dự Thầu của Người Được Ủy Quyền	Phần 1, Điều 22.2, Phần 2, Hướng dẫn Nhà thầu ITB 22.2	C	C	C
2.	Thư Ủy Quyền	Phần 1, Điều 20.2 Phần 2, Hướng dẫn Nhà thầu ITB 20.2	C	C	C
3.	Tư Cách Hợp Lệ: Các Nhà Thầu	Phần I, Điều 4	C (xem chi tiết trong Bản Đính Kèm 1 của Phụ Lục 1)	C (xem chi tiết trong Bản Đính Kèm 1 của Phụ Lục 1)	C (xem chi tiết trong Bản Đính Kèm 1 của Phụ Lục 1)
	Máy Móc và Dịch Vụ	Phần 1, Điều 5	C	C	C
4.	Thời Hạn Hiệu Lực Dự Thầu – 90 ngày	Phần 1, Điều 20.1, Phần 2. Hướng dẫn Nhà thầu ITB 20.1	C (có hiệu lực tới khi <u>nếu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực tới khi <u>nếu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực tới khi <u>nếu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)
5.	Bảo Lãnh Dự Thầu (i) Khoản Tiền Bảo Lãnh Dự Thầu: \$300.000,00	Phần 1, Điều 21.1 Phần 2, Hướng dẫn Nhà thầu ITB 21.1	C [<u>nếu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>]	NC (Khoản tiền Bảo Lãnh Dự Thầu là \$250.000,00)	C [<u>nếu rõ tại đây khoản tiền bảo lãnh dự thầu</u>]
	(ii) Thời hạn hiệu lực – 118 ngày	Phần 1, Điều 21.2 Phần 2, Hướng dẫn Nhà thầu ITB 21.2	C (có hiệu lực cho tới khi <u>nếu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực cho tới khi <u>nếu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)	C (có hiệu lực cho tới khi <u>nếu rõ tại đây ngày/tháng/năm</u>)
	Lưu ý		Không có sai lệch lớn	Sai lệch lớn về Bảo Lãnh Dự Thầu	Không có sai lệch lớn
	Kết luận		Đáp Ứng	Không Đáp Ứng	Đáp Ứng

C = Tuân Thủ
NC = Không tuân thủ

Phụ Lục 4
Bản Đính Kèm 1

CHI TIẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA CÁC NHÀ THẦU

STT	Các Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
1.	Nhà Thầu Độc Lập hoặc Liên Danh Nếu là Liên Danh, tất cả các đối tác phải cùng chịu trách nhiệm chung và riêng.	Phần 1, Điều 4.1	Nhà Thầu Độc Lập	Liên Danh Các nhà thầu liên danh cùng chịu trách nhiệm chung và riêng	Nhà Thầu Độc Lập
2.	Nhà thầu phải mang quốc tịch của một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB Các nhà thầu phụ hoặc các nhà cung cấp được đề xuất phải mang quốc tịch của quốc gia là thành viên hợp lệ của ADB.	Phần 1, Điều 4.2	X XX (các quốc gia thành viên)	X và XX XXX (các quốc gia thành viên)	X X (các quốc gia thành viên)
3.	Xung Đột Lợi Ích	Phần 1, Điều 4.3	Không	Không	Không
4.	Bị ADB tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ	Phần 1, Điều 4.4	Không	Không	Không
5.	Doanh nghiệp nhà nước tại quốc gia của Bên Mua phải độc lập về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại, và không phải là tổ chức phụ thuộc của Bên Mua	Phần 1, Điều 4.5	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước
6.	Không bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ trên cơ sở nghị quyết của Liên Hợp Quốc	Phần 1, Điều 4.7	Không bị tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ.	Không bị tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ.	Không bị tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ.

Phụ Lục 4A

BẢNG ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU (CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT) – HỢP ĐỒNG CUNG CẤP

Gói Thầu Sốcho việc.....
(Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

STT	Các Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê tại đây phạm vi cung cấp và tất cả các yêu cầu về kỹ thuật và chức năng hoạt động của thiết bị và vật tư quan trọng: ví dụ máy móc, công suất, mã lực, áp suất, điện áp, hiệu suất, nhiệt độ hoạt động, v.v.)</i>	(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)			
1.	Phạm Vi Cung Cấp	Phần VI & Các Biểu	C	C	
2.	Mặt hàng 1. Máy Ủi 85kW		C	C	
3.	Mặt hàng 2. Xe tải đổ đất tay lái nghịch công suất 8.5m ³		C	NC*	
4.	Mặt hàng 3. Xe Ủi Đất Tối thiểu 225kW		C (210 kW)	C (225 kW)	
5.	V.v.				
	Lưu ý		Không có sai lệch lớn	*Tay lái thuận và công suất 7m ³	
	Kết luận		Đáp Ứng	Không đáp ứng	

C = Tuân thủ
NC = Không tuân thủ

Phụ lục 5

**BẢNG ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI) – CUNG CẤP HÀNG HÓA**

Gói Thầu Số cho (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên)

STT	Các Điều Khoản và Điều Kiện Theo Quy Định	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê ở đây tất cả các điều khoản và điều kiện thương mại quan trọng được quy định trong hồ sơ mời thầu; ví dụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng, các điều kiện thanh toán, Thời Hạn Giao Hàng và Hoàn Tắt)</i>	<i>(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)</i>			
1.	Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng (i) Khoản tiền: 10% Giá Hợp Đồng (ii) Có hiệu lực tới ngày Bên Cung Cấp hoàn thành nghĩa vụ thực hiện của mình, bao gồm bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào.	Phần VII, Điều 18.1 Phần VIII, GCC 18.1 Phần VII, Điều 18.4 Phần VII, GCC 18.4	C C	C C	C C
2.	Giao Hàng/Hoàn Thành Hợp Đồng Thời Hạn: 10 tháng	Phần VI, Khoản 2	C	NC ¹	C
3.	Các Điều Kiện Thanh Toán	Phần VIII, GCC 16.1	C	C	NC ²
	Lưu ý			¹ Vì mục đích xét thầu, Giá Dự Thầu sẽ được điều chỉnh tăng theo quy định trong Tiêu Chí 4.2, Phần III: Tiêu Chí Đánh Giá và Điều Kiện Năng Lực của Hồ Sơ Mời Thầu.	² Vì mục đích xét thầu, Giá Dự Thầu sẽ được điều chỉnh tăng theo quy định trong Tiêu chí 4.1, Phần III: Tiêu Chí Đánh Giá và Điều Kiện Năng Lực của Hồ Sơ Mời Thầu.

C = Tuân thủ

NC = Không tuân thủ

Phụ lục 5

**BẢNG ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI) – CÔNG TRÌNH XÂY LẮP**

Gói Thầu Số cho việc..... (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên)

STT	Các Điều Khoản và Điều Kiện Theo Quy Định	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê ở đây tất cả các điều khoản và điều kiện thương mại quan trọng được quy định trong hồ sơ mời thầu; ví dụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng, các điều kiện thanh toán, Thời Hạn Giao Hàng và Hoàn Tất)</i>	<i>(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)</i>			
1.	Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng (i) Khoản tiền: 10% Giá Hợp Đồng (ii) Có hiệu lực cho đến khi phát hành Chứng Chỉ Thực Hiện	Phần 8: Các Điều Kiện Cụ Thể của Hợp Đồng Phần A: Tham chiếu GCC 4.2 Phần 7: Các Điều Kiện Chung của Hợp Đồng, Điều 4.2	C C	C C	C C
2.	Thời Gian Hoàn Thành Hợp Đồng (24 tháng)	Phần 8: Các Điều Kiện Cụ Thể của Hợp Đồng Phần A, Tham chiếu đến điều kiện chung GCC 1.1.3.3	C	NC ¹ (30 tháng)	C
	Lưu ý			¹ Hồ sơ dự thầu được tuyên bố là không đáp ứng vì Hồ Sơ Mời Thầu (ITB 13, Phần 2) quy định không cho phép chào thời hạn hoàn thành hợp đồng thay thế.	

C = Tuân thủ
NC = Không tuân thủ

Phụ lục 5

**BẢNG ĐÁNH GIÁ CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI) – MÁY MÓC-THIẾT KẾ-CUNG
ỨNG-LẮP ĐẶT**

Gói Thầu Số để (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên)

Số	Các Điều Khoản và Điều Kiện Theo Quy Định	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	<i>(Liệt kê ở đây tất cả các điều khoản và điều kiện thương mại quan trọng được quy định trong hồ sơ mời thầu; ví dụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng, các điều kiện thanh toán, Thời Hạn Giao Hàng và Hoàn Tất)</i>	<i>(Phần và Điều của hồ sơ mời thầu)</i>			
1.	Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng (i) Khoản Tiền Bảo Lãnh: 10% Giá Hợp Đồng (ii) Có hiệu lực tới ngày Nghiệm Thu Hoạt Động của Trang Thiết Bị Máy Móc	Phần 8, Điều 13.3.1 Phần 7, Điều 13.3.3	C C	C C	C C
2.	Thời Hạn Hoàn Thành Hợp Đồng: (36) tháng	Phần 8, Điều 8.2	NC ¹ (40 tháng)	C	C
	Lưu ý		¹ Vì mục đích xét thầu, Giá Dự Thầu sẽ được điều chỉnh tăng lên theo quy định trong Tiêu Chí 1.2.2 của Phần 3: Tiêu Chí Đánh Giá và Điều Kiện Năng Lực của Hồ Sơ Mời Thầu.		

C = Tuân thủ

NC = Không tuân thủ

Phụ lục 6

BẢNG SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU (HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG)

Gói Thầu Số..... cho việc (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

(Đồng Tiền So Sánh Hồ Sơ Dự Thầu)

Gói Thầu Số	Nội Dung Cụ Thể	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	V.v.
I	Phần A. (Cung Ứng và Lắp Đặt Trạm Bơm Số 1) 1. Máy Bơm 2. Động Cơ 3. Ống Dẫn, Van, Máy Móc 4. V.v. CIF/EXW Vận Chuyển Nội Địa Lắp Đặt				
	Tổng phụ Phần A				
	Phần B. Các Khoản Hiệu chỉnh (a) Phạm Vi Cung Ứng (b) Tuân Thủ Kỹ Thuật (c) Các Yếu tố Đánh Giá Kỹ Thuật Được Quy Định (d) Các Điều Kiện Thanh Toán (e) Lịch Trình Giao Hàng hoặc Lịch Trình Công Việc (f) V.v.				
	Tổng phụ Phần B				
	TỔNG GIÁ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU GÓI I				
Áp Dụng Ưu Đãi (Xem phần đính kèm theo Phụ Lục này)					

¹ Sử dụng một bảng cho từng gói thầu nếu cần thiết.

Phụ Lục 6A

BẢNG SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU (HỢP ĐỒNG CÔNG TRÌNH XÂY LẮP)

Gói Thầu Số..... cho việc (Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

(Đồng Tiền So Sánh Hồ Sơ Dự Thầu)

Mục	Tiêu Đề Các Mục	Dự Toán của Cơ quan Thực hiện Dự án	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	V.v.
1.	Tập kết					
2.	Bảo Lãnh và Bảo Hiểm					
3.	Đào Đất					
4.	Đóng Cọc và Làm Móng					
5.	Phần Việc Bê Tông					
6.	Phần Việc Cơ Khí					
7.	Phần Việc Cơ Điện					
8.	Hệ Thống Thoát Nước					
9.	V.v.					
	Tổng Phần A					
	Các Khoản Hiệu chỉnh					
	(a) Các Điều Khoản Thanh Toán					
	(b) Thời Hạn Thi Công					
	(c) Đền Bù Thiệt Hại					
	(d) V.v.					
	Tổng Phần B					
	TỔNG GIÁ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU					
	Áp Dụng Ưu Đãi (Xem phần đính kèm theo Phụ Lục này)					

Phụ lục 6
Bản Đính Kèm 1

**Áp Dụng Cơ Chế Ưu Đãi
(Hàng Hóa)**

	Nhà Thầu Số 1 (Hồ Sơ Dự Thầu Nhóm A)	Nhà Thầu Số 3 (Hồ Sơ Dự Thầu Nhóm C)
Giá Đánh Giá	111.000.000,00 \$	10.500.000,00 \$
15% Giá Hàng Hóa Nhập Khẩu (Giá CIF/CIP) Được Chào	-	1.575.000,00 \$
Tổng Giá Đánh Giá (Sau Áp Dụng Ưu Đãi)	111.000.000,00 \$	12.075.000,00 \$

**Áp Dụng Cơ Chế Ưu Đãi
(Công Trình Xây Lắp)**

	Nhà thầu Số 1 (Hồ Sơ Dự Thầu Nhóm A) Nhà Thầu Nội Địa Có Tư Cách Hợp Lệ Để Được Hưởng Ưu Đãi	Nhà thầu Số 2 (Hồ Sơ Dự Thầu Nhóm B) Nhà Thầu Khác
Giá Đánh giá	12.575.000,00 \$	11.105.000,00 \$
7,5% Giá Dự Thầu ¹	-	832.875,00 \$
Tổng Giá Đánh Giá (Đã Áp Dụng Ưu Đãi)	12.575.000,00 \$	11.937.875,00 \$

¹ Giá Dự Thầu của Nhà Thầu Số 2 là 11.000.000,00 \$.

Phụ lục 6B

BẢNG SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU (MÁY MÓC-THIẾT KẾ-CUNG ỨNG-LẮP ĐẶT)

Gói Thầu Số.....cho việc(Gói Thầu/Hợp Đồng/Tên).....

STT	Danh Mục	Dự Toán của Cơ quan Thực hiện Dự án	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
	Phần A: Giá Dự Thầu				
1	Máy móc Được Cung Cấp từ Nước Ngoài				
	Các Phụ Tùng Thay Thế Được Cung Cấp từ Nước Ngoài				
2	Máy móc Được Cung Cấp từ Quốc Gia của Chủ Đầu Tư				
	Các Phụ Tùng Thay Thế Được Cung Cấp từ Quốc Gia của Chủ Đầu Tư				
3	Dịch Vụ Thiết Kế				
4	Dịch Vụ Lắp Đặt và Dịch Vụ Khác				
	Tổng (1-4)				
	Phần B: Các Khoản Hiệu chỉnh				
	(a) Thời Hạn Hoàn Tất Hợp Đồng				
	(b) Lượng Hóa đối với Các Sai Lệch và Chào Thiểu				
	(c) Chi Phí Hoạt Động và Bảo Trì				
	(d) Bảo Hành Chức Năng của Trang Thiết Bị				
	(e) Công Việc, Dịch Vụ sẽ được Chủ Đầu Tư cung cấp				
	Tổng (từ a đến e)				
	Tổng Giá Đánh Giá (Phần A + Phần B)				
	Áp Dụng Cơ Chế Ưu Đãi (xem phần Định kèm 1 theo Phụ lục này)				

Phụ Lục 6B
Bản Đính Kèm 1

Áp Dụng Cơ Chế Ưu Đãi
(Máy móc-Thiết Kế-Cung Ứng-Lắp Đặt)

STT	Hạng Mục	Nhà Thầu Số 1 (CIF/CIP)	Nhà Thầu Số 2 (CIF/CIP)	Nhà Thầu Số 3 (CIF/CIP)
1	Máy móc Được Cung Cấp từ Nước Ngoài			
2	Các Phụ Tùng Thay Thế Được Cung Cấp từ Nước Ngoài			
3	Tổng Giá (1 + 2)			
4	15% Tổng Giá			

Giá Đánh Giá Cuối Cùng (Đã Áp Dụng Cơ Chế Ưu Đãi)

		Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3
1	Giá Đánh Giá ¹			
2	15% Tổng Giá Máy Móc và Các Phụ Tùng Thay Thế Được Cung Cấp từ Nước Ngoài			
3	Giá Đánh Giá Cuối Cùng (1 + 2)			

¹ Bao gồm Giá Dự Thầu (Máy Móc và Các Phụ Tùng Thay Thế Được Cung Cấp từ Nước Ngoài, Máy Móc & Các Phụ Tùng Thay Thế Được Cung Cấp từ Quốc Gia của Chủ Đầu Tư, Dịch Vụ Thiết Kế, Lắp Đặt và Các Phí Khác), và Các Khoản Điều Chính Giá Dự Thầu căn cứ trên các hệ số đánh giá được quy định trong Mục Các Tiêu Chí Đánh Giá và Điều Kiện Về Năng Lực của hồ sơ mời thầu.

PHẦN II

Các Ví Dụ Về Xét Thầu

VÍ DỤ 1

BÁO CÁO XÉT THẦU

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG

Để bảo đảm quyền tự chủ của các bên vay, Cơ quan Thực hiện Dự án, và các nhà thầu có liên quan, việc dẫn chiếu đến tên của bên vay, quốc gia và đồng tiền của bên vay, Cơ quan Thực hiện Dự án, tên và địa chỉ của Cơ quan Thực hiện Dự án và địa điểm thực hiện dự án, tên của các nhà thầu và các đại diện của các nhà thầu, số và tên khoản vay của ADB đã được xóa bỏ.

Bên vay, quốc gia của bên vay, Cơ quan Thực hiện Dự án, tên và địa chỉ của Cơ quan Thực hiện Dự án và địa điểm thực hiện dự án, tên của các đại diện của các nhà thầu, và số và tên của khoản vay ADB đã được thay thế bằng các chữ "x", tên của đồng tiền của bên vay được gọi là "Đồng Nội Tệ (LC)", và các nhà thầu được nhận biết bằng số và được gọi là "Nhà Thầu Số 1", "Nhà Thầu Số 2", v.v,

TIÊU ĐỀ THƯ CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Số Tham Chiếu của chúng tôi, xxxx/xxxx/xxx (07)

Ngày 7 tháng 4 năm 2007

Trưởng Ban
Ban Năng Lượng, Vụ Nam Á
Ngân Hàng Phát Triển Châu Á
6 Đại Lộ ADB
Thành phố Mandaluyong 1550, Philippines

Về việc: Khoản vay số xxxx-xxx: xxxxxx
Trao Hợp Đồng Cung Ứng Thiết Bị Chưng Cát và Hấp Thụ Amoniac
Gói Thầu Số 05/06 (ICB)

Thưa Ông,

Để tuân thủ các quy định của Hiệp định Vay vốn, chúng tôi xin nộp kèm theo thư này ba (3) bản sao Báo Cáo Xét Thầu Cung Cấp Thiết Bị Chưng Cát và Hấp Thụ Amoniac, Hồ Sơ Mời Thầu Số 05/06 (ICB) để ADB xem xét và phê duyệt.

Chúng tôi xin thông báo đề nghị trao Hợp Đồng như trong Báo Cáo đã được Chủ tịch của xxxxxx phê duyệt vào ngày 3 tháng 4 năm 2007. Xin ông lưu ý, hiệu lực của hồ sơ dự thầu sẽ hết hạn vào ngày 20 tháng 5 năm 2007. Do vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự phê duyệt kịp thời của ông đối với những đề nghị được nêu tại Báo Cáo để chúng tôi có thể thông báo cho nhà thầu trúng thầu trước khi hết hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu

Kính thư,

Đã ký
Tổng Giám Đốc
xxxxxxxxxxxxxx

Gửi kèm: Ba bản sao Báo Cáo

XXXXXX

BÁO CÁO XÉT THẦU

VỀ

CUNG ỨNG THIẾT BỊ CHƯNG CẤT VÀ HẤP THỤ AMONIAC

GÓI THẦU SỐ 05/06 (ICB)

KHOẢN VAY ADB SỐ XXXX-XXX

NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 2007

MỤC LỤC

(HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG)

1.	GIỚI THIỆU	69
1.1	Tổng Quan	69
1.2	Nộp Hồ Sơ Dự Thầu	69
1.3	Mở Thầu	69
1.4	Dữ Liệu Đấu Thầu và Tỷ Giá Hối Đoái	69
1.5	Hội Đồng Xét Thầu	70
2.	KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU	70
2.1	Danh Sách Các Nhà Thầu	70
2.2	Tài Liệu Đấu Thầu	70
2.3	Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Giấy Ủy Quyền	71
3.	XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG CƠ BẢN ĐÁP ỨNG CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU	71
3.1	Tư Cách Hợp Lệ của Các Nhà Thầu và Hàng Hóa	71
3.2	Năng Lực của Các Nhà Thầu	71
3.3	Kiểm Tra và Sửa Lỗi Số Học	71
3.4	Tuân Thủ Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại	72
	3.4.1 Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu và Bảo Lãnh Hồ Sơ Dự Thầu	72
	3.4.2 Thời Hạn Hoàn Thành/Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng	72
	3.4.3 Các Điều Kiện Thanh Toán	72
	3.4.4 Các Sai Lệch hoặc Quan Ngại đối với Các Điều Kiện Thương Mại	72
3.5	Các Yêu Cầu Kỹ Thuật	73
	3.5.1 Công Nghệ	73
	3.5.2 Tuân Thủ Quy Cách Kỹ Thuật	73

4.	ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HỒ SƠ DỰ THẦU	73
4.1	Lựa Chọn Hồ Sơ Dự Thầu để Đánh Giá Chi Tiết	73
4.2	Đánh Giá Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại	74
4.3	Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật	74
4.4	Làm Rõ Hồ Sơ Dự Thầu	76
5.	SO SÁNH HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ XÁC ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẦU CÓ GIÁ ĐÁNH GIÁ THẤP NHẤT	76
5.1	Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	76
5.2	Cơ Chế Ưu Tiên Nội Địa	76
5.3	Tính Hợp Lý về Giá của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	77
6.	CÁC KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	77
	CÁC PHỤ LỤC	
<i>Phụ Lục 1</i>	<i>Biên Bản Mở Thầu</i>	78
<i>Phụ Lục 2</i>	<i>Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu</i>	81
<i>Phụ Lục 3</i>	<i>Bảng 1: Kiểm Tra Tính Hoàn Chính của Tài Liệu Dự Thầu</i>	82
<i>Phụ Lục 4</i>	<i>Bảng 2: Đánh Giá Năng Lực của Các Nhà Thầu</i>	83
<i>Phụ Lục 5</i>	<i>Bảng 3: Bảng Tổng Hợp Giá Dự Thầu</i> <i>(Sửa Lỗi Số Học và Giá Dự Thầu sau Sửa Lỗi)</i>	84
<i>Phụ Lục 6</i>	<i>Bảng 4: Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Hồ Sơ Dự Thầu</i> <i>(Các Điều Khoản Thương Mại)</i>	85
<i>Phụ Lục 7</i>	<i>Bảng 5: Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Hồ Sơ Dự Thầu</i> <i>(Các Yêu Cầu Kỹ Thuật Quan Trọng)</i>	88
<i>Phụ Lục 8</i>	<i>Bảng 6: Các Tính Năng Nổi Bật của Hồ Sơ Dự Thầu</i> <i>(Các Điều Khoản Thương Mại)</i>	89
<i>Phụ Lục 9</i>	<i>Bảng 7: Các Tính Năng Nổi Bật của Hồ Sơ Dự Thầu</i> <i>(Đối Với Các Yêu Cầu Kỹ Thuật)</i>	90
<i>Phụ Lục 10</i>	<i>Bảng 8: So Sánh Giá Dự Thầu sau Hiệu Chính Giá</i>	93
<i>Phụ Lục 11</i>	<i>Bảng Các Thay Đổi Nhỏ Cần Thiết</i>	94

1. GIỚI THIỆU 1.1 Tổng Quan

xxxxxx đã nhận được một khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tài trợ chi phí thực hiện Dự Án. Cơ quan Thực hiện Dự án dự định sử dụng một phần của tiền giải ngân từ khoản vay này để thanh toán cho phần cung ứng thiết bị và dịch vụ cho việc cải tạo và nâng cấp Thiết Bị Chưng cất và Hấp Thụ Ammonia của xxxxxx. Theo mục đích này Cơ quan Thực hiện Dự án đã tiến hành mời thầu.

Thông Báo Mời Thầu đã được đăng trên các số báo ngày 19 và 23 tháng 11 năm 2006 của hai tờ báo nội địa phát hành bằng tiếng Anh, xxxxxx và xxxxxx và trên trang web của ADB vào ngày 23 tháng 11 năm 2006. Báo cáo tóm tắt về việc đăng báo, bao gồm tên của các tờ báo, ngày đăng báo đã được gửi cho ADB qua thư của xxxxxxxxx, ngày 26 tháng 11 năm 2006. Việc khảo sát địa điểm thực hiện dự án và cuộc họp tiền đấu thầu đã được tổ chức vào ngày 17 tháng 12 năm 2006 tại xxxxxxxxxxxx như quy định tại hồ sơ mời thầu. Chín (9) nhà thầu tiềm năng trong tổng số mười hai (12) công ty mua hồ sơ mời thầu đã tham dự cuộc họp tiền đấu thầu. Biên bản cuộc họp tiền đấu thầu đã được soạn và gửi cho các công ty đã mua hồ sơ mời thầu. Một phụ lục của hồ sơ mời thầu để làm rõ một số khía cạnh của các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu đã được phát hành cho tất cả các công ty đã mua hồ sơ mời thầu vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

1.2 Nộp Hồ Sơ Dự Thầu

Hạn cuối nộp hồ sơ dự thầu không được gia hạn và việc nhận hồ sơ dự thầu của xxxxx tại Phòng Hành Chính của xxxxxx kết thúc vào lúc 10:30 sáng theo giờ địa phương vào ngày 21 tháng 1 năm 2007 theo đúng kế hoạch. Trong số mười hai công ty đã mua hồ sơ mời thầu, sáu (6) nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu.

1.3 Mở Thầu

Các hồ sơ dự thầu được Hội Đồng Mở Thầu mở theo đúng lịch trình được quy định tại hồ sơ mời thầu, vào lúc 11:00 sáng, ngày 21 tháng 1 năm 2007 tại phòng họp, tầng hai của Tòa nhà Hành chính trước sự chứng kiến của các đại diện của các nhà thầu. Tên nhà thầu, giá dự thầu, giảm giá hoặc chào hàng thay thế, nếu có, và tình trạng có hoặc không có bảo lãnh dự thầu bắt buộc và khoản tiền bảo lãnh dự thầu của mỗi nhà thầu đã được đọc và ghi lại. Biên Bản Mở Thầu được soạn ngay sau khi các hồ sơ dự thầu được đọc công khai và bản sao Biên Bản Mở Thầu được gửi cho ADB theo thư của xxx vào ngày 24 tháng 1 năm 2007. Bản sao Biên Bản Mở Thầu được đính kèm trong **Phụ Lục 1**.

1.4 Dữ Liệu Đấu Thầu và Tỷ Giá Hối Đoái

Tỷ giá hối đoái được sử dụng để xét thầu là tỷ giá bán ra được Ngân hàng Quốc gia quy định chính thức cho các giao dịch tương tự vào ngày 21 tháng 1 năm 2007 (nghĩa là ngày mở thầu). Các thông tin cơ bản về quá trình đấu thầu được tóm tắt và trình bày tại **Phụ Lục 2**.

1.5 Hội Đồng Xét Thầu

Một Hội Đồng Xét Thầu bao gồm bốn chuyên gia cao cấp của xxxxxx đã được Chủ tịch xxxxxx thành lập. Hỗ trợ cho Hội Đồng Xét Thầu là các nhân viên Phòng Hành Chính xxxxx. Các thành viên của Hội Đồng Xét Thầu là:

- | | | |
|-----|-------------------|--|
| (1) | Chủ Tịch | Tổng Giám Đốc; xxxxxx |
| (2) | Thành Viên | Trưởng Phòng, Phụ Trách Hoạt Động, xxxxxx |
| (3) | Thành Viên | Giám Đốc, Phòng Kế Hoạch, xxxxxx. |
| (4) | Thành Viên/Thư Ký | Trưởng Phòng, Tài Chính và Marketing, xxxxxx |

Hội Đồng Xét Thầu ra quyết định trên cơ sở nhất trí và bất kỳ khi nào các thành viên trong Hội đồng không thể nhất trí để ra quyết định về một số vấn đề cụ thể, các vấn đề đó sẽ được trình lên Chủ tịch của xxxxx để ra quyết định cuối cùng.

2. XEM XÉT TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

2.1 Danh Sách Nhà Thầu

Tên của các nhà thầu, quốc tịch, tư cách nộp hồ sơ dự thầu của nhà thầu, nguồn gốc hàng hóa và loại ưu đãi trong nước nhà thầu yêu cầu được hưởng được nêu trong bảng dưới đây.

Số	Tên	Các Nhà Thầu			Loại Ưu Đãi Trong Nước
		Quốc Tịch	Tư Cách	Nguồn Hàng Hóa	
1.	Nhà Thầu Số 1	xxxxxx	Nhà Nhập Khẩu	Trong Nước & xxxxxx	Loại II
2.	Nhà Thầu Số 2	xxxxxx	Nhà Sản Xuất	xxxxxx	Loại III
3.	Nhà Thầu Số 3	xxxxxx	Nhà Sản Xuất	xxxxxx	Loại III
4.	Nhà Thầu Số 4	xxxxxx	Nhà Xuất Khẩu	xxxxxx	Loại III
5.	Nhà Thầu Số 5	xxxxxx	Nhà Sản Xuất	xxxxxx	Loại III
6.	Nhà Thầu Số 6	xxxxxx	Nhà Sản Xuất	xxxxxx	Loại III

2.2 Tài Liệu Dự Thầu

Các hồ sơ dự thầu đã nộp được kiểm tra để xác nhận rằng các nhà thầu đã nộp tất cả các tài liệu và thông tin được quy định tại hồ sơ mời thầu. Các tài liệu dưới đây đã được kiểm tra:

- (i) Đơn Dự Thầu và Các Biểu Giá;
- (ii) Bảo Lãnh Dự Thầu;
- (iii) Thỏa Thuận Liên Danh và Ý Nguyện Thư Tham Gia Thỏa Thuận, nếu được yêu cầu;
- (iv) Tính hợp lệ của Chữ Ký và Thư Ủy Quyền;
- (v) Các tài liệu xác nhận tư cách hợp lệ của các nhà thầu và hàng hóa;

- (vi) Các tài liệu được yêu cầu để đánh giá năng lực nhà thầu và các nhà sản xuất của họ; và
- (vii) Các tài liệu được yêu cầu để xác nhận tính phù hợp của hàng hóa theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Kết quả của việc kiểm tra tính hoàn chỉnh của hồ sơ dự thầu được trình bày tại Bảng 1: Kiểm Tra Tính Hoàn Chỉnh của Hồ Sơ Dự Thầu, đồng thời là Phụ Lục 3 của báo cáo này.

2.3 Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Giấy Ủy Quyền

Tất cả hồ sơ dự thầu đã được ký theo Chỉ Dẫn trong phần Hướng Dẫn Nhà Thầu và các hiệu chỉnh đối với hồ sơ cũng đã được người được ủy quyền ký tất. Giấy ủy quyền cho những người ký tất cả các hồ sơ dự thầu đã được chấp nhận. Kết quả của việc kiểm tra này được nêu tại Bảng 1, **Phụ Lục 3**.

3. XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

3.1 Tư Cách Hợp Lệ Của Nhà Thầu và Tính Hợp Lệ của Hàng Hóa

Điều 4 và 5 của Hướng Dẫn Nhà Thầu của hồ sơ mời thầu quy định rằng nhà thầu, và các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp phải xuất xứ từ quốc gia đủ tư cách hợp lệ của ADB. Tất cả các nhà thầu đã nộp các chứng chỉ và tài liệu cần thiết nêu rõ rằng các nhà thầu mang quốc tịch của một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB, và hàng hóa và dịch vụ được chào phải có xuất xứ từ một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB (Xem **Phụ Lục 6**, Bảng 4 Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Hồ Sơ Dự Thầu đối với Các Điều Khoản Thương Mại)

3.2 Năng Lực của Nhà Thầu

Điều 19 của Hướng Dẫn Nhà Thầu trong hồ sơ mời thầu đã yêu cầu mỗi nhà thầu nộp cùng hồ sơ dự thầu của mình những bằng chứng về năng lực kỹ thuật và năng lực tài chính bằng cách điền đúng các tờ khai được cung cấp cùng với hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu đã nộp các mẫu hồ sơ cùng với hồ sơ dự thầu của mình. Việc xem xét chi tiết các thông tin của nhà thầu cung cấp trong các tờ khai này và các vấn đề được nhà thầu yêu cầu làm rõ cho thấy tất cả các nhà thầu đủ năng lực tài chính và kỹ thuật để thực hiện Hợp Đồng. Kết quả của việc xem xét chi tiết được tóm tắt tại Bảng 2: Đánh Giá Năng Lực Nhà Thầu, trong **Phụ Lục 4** đính kèm.

3.3 Kiểm tra và Sửa Lỗi Số Học

Mỗi hồ sơ dự thầu được kiểm tra lỗi số học theo các quy định của hồ sơ mời thầu. Việc sửa lỗi chỉ cần thiết đối với hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu Số 6. Tổng giá dự thầu đã tăng lên 21.588,00 đô la Singapore. Bảng 3: Tổng Hợp Giá Dự Thầu (Sửa Lỗi Số Học và Giá Dự Thầu sau Sửa Lỗi), được đính kèm như **Phụ Lục 5**. Cơ quan Thực hiện Dự án không kiểm tra lỗi số học của Nhà Thầu Số 2 vì hồ sơ dự thầu này không đáp ứng yêu cầu về năng lực vì các lý do được trình bày tại đoạn 3.4.1 sau đây.

3.4 Tuân Thủ Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại

3.4.1 Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu và Hiệu Lực Bảo Lãnh Dự Thầu

Hồ sơ mời thầu quy định thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu tối thiểu là 120 ngày kể từ ngày mở thầu. Tất cả các nhà thầu ngoại trừ Nhà Thầu Số 2 đã chào một thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu như được yêu cầu. Tuy nhiên, Nhà Thầu Số 2 đã chào một thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu chỉ có 60 ngày và trình bày trong thư giới thiệu rằng việc gia hạn hiệu lực hồ sơ sau này có thể được xem xét khi được đề nghị. Tất cả các nhà thầu đã nộp bảo lãnh dự thầu theo mẫu bảo lãnh của ADB và đáp ứng các yêu cầu về số tiền bảo lãnh, điều kiện và thời hạn hiệu lực ngoại trừ Nhà Thầu Số 2. Số tiền bảo lãnh dự thầu của Nhà Thầu Số 2 tương đương 1,29% tổng giá dự thầu và không đáp ứng các yêu cầu đã quy định trong hồ sơ mời thầu về mức tối thiểu 2% giá dự thầu.

Sau khi cân nhắc thấu đáo tất cả các yếu tố liên quan, đặc biệt là tiêu chí công bằng đối với tất cả các nhà thầu khác đã tuân thủ các yêu cầu, Cơ quan Thực hiện Dự án kết luận rằng hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu Số 2 cần bị loại do các sai lệch được xem là lớn về hiệu lực hồ sơ dự thầu và bảo lãnh dự thầu.

3.4.2 Thời Hạn Hoàn Thành/Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng

Tiến độ thực hiện hợp đồng và trình tự bàn giao các cấu phần thiết bị máy móc quan trọng được đánh giá chi tiết và so sánh với các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Tiến độ thực hiện hợp đồng được các nhà thầu nộp nhìn chung theo quy định và tuân thủ với tiến độ thực hiện trong hồ sơ mời thầu. Sẽ cần thiết có một số thay đổi nhỏ (xem Phụ Lục 11). Những thay đổi này được xem là nhỏ và cần được thống nhất khi đàm phán hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

3.4.3 Điều Kiện Thanh Toán

Tất cả các nhà thầu đã chấp nhận các điều khoản và điều kiện về thanh toán trong hồ sơ mời thầu và họ cũng đã chấp nhận khoản tiền cố định không được điều chỉnh giá. Hồ sơ mời thầu quy định rằng tất cả các khoản thanh toán sẽ được thực hiện thông qua một thư tín dụng không hủy ngang theo thủ tục cam kết của ADB. Tất cả các nhà thầu đã chấp nhận các thỏa thuận thanh toán này, ngoại trừ Nhà Thầu Số 3 đã đề nghị một thư tín dụng không hủy ngang “có xác nhận”. Sau khi làm rõ, nhà thầu đã trả lời rằng chi phí bổ sung cho việc xác nhận thư tín dụng sẽ do nhà thầu chịu. Yêu cầu đó được xem là hợp lý bởi vậy có thể chấp nhận được nếu nhà thầu này trúng thầu.

3.4.4 Sai Lệch hoặc Quan Ngại đối với Các Điều Kiện Thương Mại

Không có hồ sơ dự thầu nào có các quan ngại đáng kể đối với các điều kiện thương mại quan trọng của hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu đã chấp nhận các quy định về bồi thường thiệt hại, bảo hành vận hành và các khoản điều chỉnh tương ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, các yêu cầu về bảo hành và dịch vụ sau bán hàng.

3.5 Các Yêu Cầu Kỹ Thuật

3.5.1 Công Nghệ

Các Cột Chung Cát Amoniac và Tháp Hấp Thụ Amoniac, là các kết cấu thép lớn, được xem là hai hạng mục thiết bị quan trọng chính của dự án và vì vậy cần đặc biệt lưu ý khi đánh giá phần thiết kế, chất lượng, độ tin cậy và an toàn của hai hạng mục này. Việc xét thầu cho thấy rằng các nhà sản xuất của tất cả các nhà thầu đều đáp ứng thỏa đáng các tiêu chuẩn được yêu cầu.

3.5.2 Tuân Thủ Quy Cách Kỹ Thuật

Tất cả năm (5) nhà thầu còn lại đã tuân thủ đầy đủ phạm vi hợp đồng và nhìn chung đáp ứng được các yêu cầu quan trọng về quy cách kỹ thuật. Nhà Thầu Số 6 đã không đề cập rõ ràng đến thời hạn hoạt động liên tục của Tháp Hấp Thụ Amoniac. Nhà thầu này đã được yêu cầu làm rõ vấn đề trên và nhà thầu đã nộp một bảo lãnh cho thời hạn liên tục 17-14 tháng để đáp ứng thời hạn được quy định tối thiểu là 12 tháng. Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản Các Yêu Cầu Kỹ Thuật Quan Trọng của hồ sơ mời thầu được lập soạn và trình bày trong Phụ Lục 7.

4. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HỒ SƠ DỰ THẦU

4.1 Lựa chọn Hồ Sơ Dự Thầu để Đánh Giá Chi Tiết

Như đã đề cập tại Mục 3 ở trên, tất cả các hồ sơ dự thầu, trừ hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu Số 2, đã được xác định là đáp ứng cơ bản. Thứ hạng sắp xếp của các nhà thầu theo tiêu chí giá được tổng hợp như sau:

Nhà Thầu Số	Tên Nhà Thầu	Hiệu Chính Giá Dự Thầu (Đồng Nội tệ)	Xếp Hạng	Chênh Lệch
3	Nhà Thầu Số 3	12.337.197,0	(1)	-
1	Nhà Thầu Số 1	12.689.200,0	(2)	2,85%
5	Nhà Thầu Số 5	13.200.000,0	(3)	6,99%
6	Nhà Thầu Số 6	13.704.803,0	(4)	11,08%
4	Nhà Thầu Số 4	15.656.234,0	(5)	26,90%

Vì chênh lệch về giá giữa bốn nhà thầu đầu tiên chỉ là 11,08% và có một sự chênh lệch lớn giữa nhà thầu thứ tư và nhà thầu thứ năm, Cơ quan Thực hiện Dự án quyết định chỉ đánh giá bốn hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất. Cơ quan Thực hiện Dự án cho rằng hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu Số 4 sẽ ít khả năng trở thành hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất do sự khác biệt về giá và vì là nhà thầu có giá cao nhất theo Loại III, không có lợi thế trong việc áp dụng ưu đãi trong nước. Hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu Số 4 chỉ được đánh giá nếu việc hiệu chỉnh bốn hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất dẫn đến giá đánh giá của bốn nhà thầu đó cao hơn giá của Nhà Thầu Số 4.

4.2 Đánh Giá Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại

Tất cả bốn nhà thầu được lựa chọn để đánh giá chi tiết đã chấp nhận các điều khoản và điều kiện thương mại của hồ sơ mời thầu. Không có sai lệch đối với điều kiện thanh toán, quy định về bồi thường thiệt hại, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, và bảo hành vận hành, và các điều chỉnh tương ứng trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng các bảo hành vận hành này. Do vậy, không cần hiệu chỉnh giá về mặt này. Việc đánh giá chi tiết khả năng tuân thủ của hồ sơ dự thầu đối với các điều khoản và điều kiện thương mại của hồ sơ mời thầu được tổng hợp trong Bảng 6: Các Tính Năng Nổi Bật Của Hồ Sơ Dự Thầu (Các Điều Khoản Thương Mại), và được đính kèm như **Phụ Lục 8**.

4.3 Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật

Phạm vi cung ứng, thông tin kỹ thuật và Dữ Liệu Đấu Thầu kỹ thuật các nhà thầu nộp đã được rà soát chi tiết và so sánh với các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Tất cả bốn nhà thầu đều nộp thông tin về cơ bản là đầy đủ và nhìn chung đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Bảng Đánh Giá Các Đặc Điểm Nổi Bật của Hồ Sơ Mời Thầu đối với Các Yêu Cầu Kỹ Thuật được lập và trình bày tại **Phụ Lục 9**. Các kết luận rà soát được giải thích ngắn gọn dưới đây.

(a) Nhà Thầu Số 1

Nhà thầu này đã không nêu rõ trong hồ sơ dự thầu của mình rằng khoản chi phí đã được tính cho các dịch vụ kỹ thuật thiết kế và chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật của thiết bị máy móc, và nhà thầu này đã được yêu cầu làm rõ vấn đề trên. Nhà thầu đã giải thích tại cuộc họp làm rõ hồ sơ dự thầu rằng chi phí thiết kế chi tiết và chuẩn bị tài liệu kỹ thuật đã được đưa vào giá dự thầu. Nội dung giải thích này tại cuộc họp đó đã được nhà thầu xác nhận bằng văn bản.

Có thể xem nội dung làm rõ của nhà thầu rằng chi phí thiết kế và chuẩn bị tài liệu kỹ thuật đã được đưa vào giá dự thầu là chấp nhận được bởi các lý do sau.

- mặc dù hồ sơ mời thầu đã yêu cầu rằng nhà thầu sẽ phải gộp chi phí thiết kế và chuẩn bị tài liệu kỹ thuật vào hồ sơ dự thầu, song biểu giá lại không đưa vào thành một hạng mục dự thầu riêng biệt; và
- tất cả các nhà thầu khác cũng đã tuyên bố rằng chi phí cho dịch vụ kỹ thuật đã được đưa vào giá dự thầu của thiết bị.

Do vậy, Cơ quan Thực hiện Dự án kết luận không nên coi đây là một hạng mục bị bỏ sót và đã không tiến hành hiệu chỉnh giá.

(b) Nhà Thầu Số 3

Nhà thầu đã trình bày rõ ràng trong hồ sơ dự thầu rằng chi phí thiết kế và chuẩn bị tài liệu kỹ thuật đã được đưa vào đơn giá dự thầu của từng thiết bị tương ứng. Tuy vậy, chi phí cho (i) các phụ tùng thay thế được hồ sơ mời thầu quy định, (ii) các dụng cụ chuyên dụng, và (iii) các dịch vụ kỹ thuật cho việc lắp đặt v.v đã không được đưa vào giá dự thầu nhưng nhà thầu này đã nộp các danh mục chi tiết và chi phí chi tiết của các hạng mục đó cùng với hồ sơ dự thầu của mình.

(i) Các Phụ Tùng Thay Thế được quy định trong hồ sơ mời thầu

Nhà thầu đã nộp danh mục các phụ tùng thay thế với đơn giá chi tiết kèm theo hồ sơ dự thầu của mình. Chi phí cho các phụ tùng thay thế đã chào là 25.650,00 đô la Mỹ (tương đương 42.322,50 Đồng Nội Tệ) và khoản tiền này đã được bổ sung vào giá dự thầu để so sánh.

(ii) Các Dụng Cụ Chuyên Dụng

Nhà thầu đã nộp một danh mục chi tiết các dụng cụ chuyên dụng được xem là cần thiết cho việc vận hành và bảo trì máy móc. Các đơn giá chi tiết theo từng hạng mục cũng đã được cung cấp và nhà thầu trình bày trong thư giới thiệu rằng việc nhà thầu sẽ tăng, giảm hoặc xóa bỏ đối với danh mục được đề xuất này theo các yêu cầu của Bên Mua. Danh mục đã được kiểm tra và Cơ quan Thực hiện Dự án kết luận rằng các dụng cụ chuyên dụng được đề xuất này sẽ cần thiết để vận hành và bảo trì máy móc đúng quy cách. Giá được chào của nhà thầu cho các dụng cụ chuyên dụng là 9.550,00 đô la Mỹ (tương đương 15.758,50 Đồng Nội Tệ); khoản tiền này đã được bổ sung vào giá dự thầu để so sánh.

(iii) Các Dịch Vụ Kỹ Thuật cho việc Lắp Đặt, Thử Nghiệm & Chạy Thử và Đào Tạo.

Như đã trình bày ở trên, nhà thầu đã nộp một đề xuất riêng biệt cho các dịch vụ kỹ thuật này. Thông tin được nhà thầu cung cấp là hoàn toàn đầy đủ để đánh giá đề xuất. Cơ quan Thực hiện Dự án cho rằng mức độ dịch vụ kỹ thuật được đề xuất đã phù hợp các yêu cầu được quy định trong hồ sơ mời thầu. Kinh nghiệm và kiến thức kỹ thuật của nhân sự được đề xuất có thể chấp nhận được. Bởi vậy, giá đã chào là 56.490,00 đô la Mỹ (tương đương 93.208,50 Đồng Nội Tệ) được coi là hợp lý và khoản tiền đó đã được bổ sung vào giá dự thầu.

(c) Nhà Thầu Số 6

Nhà thầu không nêu rõ cũng không cung cấp danh mục các dụng cụ chuyên dụng cần cho máy móc được đề xuất. Trong cuộc họp làm rõ hồ sơ dự thầu, nhà thầu đã thừa nhận việc không nộp danh mục dụng cụ chuyên dụng. Nhà thầu đã xác nhận vấn đề này bằng văn bản và sau đó đã nộp một danh mục dụng cụ chuyên dụng. Nhà thầu cũng đã trình bày trong thư rằng mặc dù danh mục đó không được đưa vào trong tài liệu dự thầu, nhưng việc rà soát các hồ sơ của họ cho thấy rằng giá xấp xỉ cho các dụng cụ chuyên dụng đã được đưa vào trong giá dự thầu thiết bị và dụng cụ chuyên dụng sẽ được cung ứng mà không dẫn đến việc tăng giá dự thầu.

Việc nhà thầu không nộp một danh mục dụng cụ chuyên dụng cùng với hồ sơ dự thầu được coi là chào thiếu hạng mục. Bởi vậy, chi phí 18.500,00 Đồng Nội Tệ được chuyên gia tư vấn ước tính đã được bổ sung vào giá dự thầu chỉ nhằm mục đích so sánh hồ sơ dự thầu.

4.4 Làm Rõ Hồ Sơ Dự Thầu

Trong suốt quá trình xét thầu, các nhà thầu đã được yêu cầu làm rõ các vấn đề trong hồ sơ dự thầu để xác minh rằng thiết bị và các dịch vụ được cung cấp phù hợp các quy định của hồ sơ mời thầu. Cơ quan Thực hiện Dự án không yêu cầu làm rõ các vấn đề của hồ sơ dự thầu mà có thể dẫn đến thay đổi nội dung của hồ sơ dự thầu. Đề nghị làm rõ các vấn đề và câu trả lời nhận được từ các nhà thầu đều thực hiện bằng văn bản. Tất cả các thư từ trao đổi đều được ghi nhận đầy đủ và được lưu cùng với hồ sơ dự thầu gốc tương ứng.

5. SO SÁNH HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ XÁC ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẦU CÓ GIÁ ĐÁNH GIÁ THẤP NHẤT**5.1 Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất**

Giá dự thầu đã sửa lỗi số học và giá đã điều chỉnh về khả năng tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật như được trình bày trong đoạn 4.3 ở trên được trình bày trong Bảng 8: So Sánh Giá Dự Thầu sau Hiệu Chính Giá, và được đính kèm vào Báo Cáo này như **Phụ Lục 10**. Việc so sánh cho thấy, Nhà Thầu Số 3 đã nộp hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất, theo con số được nêu dưới đây:

(i)	Cung Ứng Thiết Bị và Vật Tư Chính:	US\$7.477.089,00
(ii)	Phụ Tùng Thay Thế theo Quy Định:	US\$ 25.650,00
(iii)	Các Dụng Cụ Chuyên Dụng	US\$ 9.550,00
(iv)	Dịch Vụ Kỹ Thuật cho việc Lắp Đặt v,v	US\$ 56.490,00

Tổng US\$ 7.568.779,00
(hoặc tương đương 12.488.485,00 Đồng Nội tệ)

5.2 Cơ Chế Ưu Tiên Nội Địa

Nhà Thầu Số 1 đã được xếp loại là nhà thầu thuộc Nhóm B do một số hàng hóa được cung ứng theo hợp đồng là hàng hóa trong nước nhưng tổng giá trị gia tăng nội địa so với tổng danh mục hàng hóa không tương đương ít nhất là 30 phần trăm. Nhà Thầu Số 3, 5 và 6

đã chào toàn bộ hàng hóa là hàng nhập khẩu và bởi vậy, được xếp loại là nhà thầu Loại III.

Cơ chế ưu tiên nội địa được áp dụng như sau:

- (i) nếu hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm A hoặc Nhóm B, hồ sơ đó sẽ được chọn để trao hợp đồng; và
- (ii) nếu hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm C, hồ sơ đó sẽ tiếp tục được so sánh với hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm A bằng việc bổ sung 15 phần trăm giá dự thầu của hàng hóa đó chào theo điều kiện CIF hoặc CIP. Nếu hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm A sau đó được xác định là thấp hơn, hồ sơ đó sẽ được chọn để trao hợp đồng; nếu không, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm C sẽ được chọn để trao hợp đồng.

Vì không có nhà thầu nào được sắp xếp vào Nhóm A, cơ chế ưu tiên nội địa cho phép hợp đồng được trao cho nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất thuộc Nhóm B hoặc Nhóm C.

5.3 Giá Hợp Lý của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất

Giá hợp đồng theo ước tính của chuyên gia tư vấn cho chương trình nâng cấp, căn cứ theo giá hiện hành vào năm 2006, là 12.136.000,00 Đồng Nội tệ, bao gồm cả dịch vụ kỹ thuật và phụ tùng thay thế cho việc vận hành và bảo trì trong 2 năm. Hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất vượt quá giá dự toán không đến 3 phần trăm, mức chênh lệch tương đương với mức tăng giá titan trên thị trường thế giới. Hơn nữa, xét đến các yêu cầu chặt chẽ về bảo hành vận hành của máy móc được quy định trong hồ sơ mời thầu, Cơ quan Thực hiện Dự án cho rằng giá mà Nhà Thầu Số 3, là Nhà Thầu có hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất, chào là hợp lý.

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào việc đánh giá và kết luận được trình bày trong báo cáo này, Cơ quan Thực hiện Dự án kết luận rằng Nhà Thầu Số 3, đã nộp hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất và Hợp Đồng nên được trao với giá dự thầu là 7.568.779,00 đô la Mỹ, tương đương theo tỷ giá hối đoái đã sử dụng để so sánh hồ sơ dự thầu là 12.488.485,00 Đồng Nội tệ. Chúng tôi đề nghị Ngân hàng Phát triển Châu Á phê duyệt trao thầu cho Nhà Thầu Số 3 và thông báo cho chúng tôi kịp thời quyết định phê duyệt này để chúng tôi có thể phát hành Thông Báo Trao Thầu cho nhà thầu trúng thầu trước khi hết hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu vào ngày 20 tháng 5 năm 2007.

Phụ Lục 1
Trang 1/3

BIÊN BẢN MỞ THẦU

Khoản Vay Số. xxxx-xxx
Gói Thầu Số 05/06

Tên Dự Án : xxxxxx
Tên Gói Thầu : Cung Cấp Thiết Bị Chung Cát và Hấp Thụ Amoniac

1. Các hồ sơ dự thầu sau đây đã được nhận vào thời hạn đóng thầu ấn định vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 21 tháng 1 năm 2007 và được mở và đọc công khai vào lúc 11 giờ cùng ngày.

HỒ SƠ SỐ	Tên Nhà Thầu Quốc Tịch	Giá Trị Bảo Lãnh Dự Thầu	Giá Dự Thầu		Mức Giảm Giá Được Chào	Chữ Ký
			Ngoại Tệ	Nội Tệ		
1	Nhà Thầu Số 1	Nội Tệ 295.000,00 (2,32%)	6.152.339,00 đô la Mỹ	2.537.840,00	-	Đã Ký
2	Nhà Thầu Số 2	Nội Tệ 195.000,00 (1,29%)	7.785.297,00 đô la Mỹ	2.266.860,00	-	Đã Ký
3	Nhà Thầu Số 3	175.000,00 đô la Mỹ (2,34%)	7.477.089,00 ¹ đô la Mỹ	-	-	Đã Ký
4	Nhà Thầu Số 4	21.500.000,00 Yên Nhật (2,16%)	997.212.350,00 Yên Nhật	-	-	Đã Ký
5	Nhà Thầu Số 5	18.200.000,00 Yên Nhật (2,16%)	840.764.330,00 Yên Nhật	-	-	Đã Ký
6	Nhà Thầu Số 6	255.000 triệu đô la Singapore (2,12%)	12.000.257,00 đô la Singapore	-	-	Đã Ký

¹ Nhà thầu đã nộp chào giá các chi phí cho (i) các phụ tùng thay thế được quy định, (ii) dụng cụ chuyên dụng và (iii) các dịch vụ kỹ thuật cho việc lắp đặt, thử nghiệm và chạy thử và đào tạo, được nêu tách biệt như dưới đây

(i) các phụ tùng thay thế được quy định	25.650,00 đô la Mỹ
(ii) các dụng cụ chuyên dụng	9.550,00 đô la Mỹ
(iii) các dịch vụ kỹ thuật cho việc lắp đặt	56.490,00 đô la Mỹ

Phụ Lục 1
Trang 2/3

2. Các đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai và bản sao danh sách này được đính kèm thành phụ lục của biên bản này.

STT	Tên	Chức Vụ	Đại Diện Công Ty Dự Thầu
1.	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Chi Nhánh Trong Nước	Nhà Thầu Số 4
2.	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc Marketing Quốc Tế	Nhà Thầu Số 1
3.	Ông xxxxxx	Đại Diện Trong Nước	Nhà Thầu Số 5
4.	Ông xxxxxx	Kỹ Sư Cơ khí Trưởng	Nhà Thầu Số 2
5.	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc Khu Vực Đông Nam Á	Nhà Thầu Số 3
6.	Ông xxxxxx	Trợ Lý Giám Đốc Phòng Xuất Khẩu	Nhà Thầu Số 6

3. Các vấn đề phát sinh trong quá trình mở thầu.

Đại diện của Nhà Thầu Số 3, đã đề nghị Hội Đồng Mở Thầu (i) thông báo rằng không có bất kỳ nhà thầu nào chào giảm giá và (ii) xác nhận số tiền bảo lãnh dự thầu và giá dự thầu của Nhà Thầu Số 2 vì số tiền bảo lãnh dự thầu dường như ít hơn 2% của giá dự thầu như được quy định trong hồ sơ mời thầu. Chủ Tịch Hội Đồng Mở Thầu đã xác nhận rằng (i) không có bất kỳ nhà thầu nào chào giảm giá và (ii) số tiền bảo lãnh dự thầu và giá dự thầu được thông báo của Nhà Thầu Số 2 là chính xác.

4. Việc đọc và ký hồ sơ dự thầu kết thúc vào lúc 12 giờ.

Đã Ký
Thành Viên
Trưởng Phòng Điều Hành

Đã Ký
Chủ Tịch
Tổng Giám Đốc

Đã Ký
Thành Viên
Giám Đốc, Phòng Kế Hoạch

Phụ Lục 1
Trang 3/3

DANH SÁCH DỰ LỄ MỞ THẦU

Khoản Vay Số xxxxx
Gói Thầu Số 05/06

Tên Dự Án : xxxxxx
Tên Hồ Sơ Mời Thầu: Cung Cấp Thiết Bị Chưng Cát và Hấp Thụ Amoniac

Địa Điểm: Phòng Họp
Tầng Hai,
Tòa Nhà Hành Chính,
xxxxxx

Ngày: 21 tháng 1 năm 2007 Thời Gian 11:00 giờ

Đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai.

STT	Nhà Thầu	Đại Diện		Chữ Ký
		Tên	Chức Vụ	
1.	Nhà Thầu Số 4	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng, Chi Nhánh Trong Nước	Đã Ký
2.	Nhà Thầu Số 1	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc	Đã Ký
3.	Nhà Thầu Số 5	Ông xxxxxx	Đại Diện Trong Nước	Đã Ký
4.	Nhà Thầu Số 2	Ông xxxxxx	Kỹ Sư Cơ Khí Trưởng	Đã Ký
5.	Nhà Thầu Số 3	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc Khu Vực Đông Nam Á	Đã Ký
6.	Nhà Thầu Số 6	Ông xxxxxx	Trợ Lý Giám Đốc	Đã Ký

Phụ Lục 2

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

1	Tên Dự Án	xxxxxx
2	Khoản Vay Số	xxxx-xxx
3	Tên Gói Thầu	Cung Cấp Thiết Bị Chung Cát và Hấp Thụ Amoniac, xxxxxx
4	Gói Thầu Số	05/06
5	Giá Trị Ước Tính	12.136.000,00 Đồng Tiền Nội Tệ
6	Ngày Phát Hành Thông Báo Mời Thầu	19 tháng 11 năm 2006
7	Phương Thức Mua Sắm	Đầu Thầu Cạnh Tranh Quốc Tế
8	Ngày Giờ Đóng Thầu	10 giờ 30 phút vào ngày 21 tháng 1 năm 2007
9	Ngày Giờ Mở Thầu	11 giờ vào ngày 21 tháng 1 năm 2007
10	Tổng Số Hồ Sơ Dự Thầu Đã Nhận	Sáu (6) Hồ Sơ Dự Thầu
11	Ngày Hết Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu	20 tháng 5 năm 2007
12	Số Tiền Bảo Lãnh Dự Thầu	Không thấp hơn 2% của Giá Dự Thầu
13	Ngày Hết Hiệu Lực Bảo Lãnh Dự Thầu	17 tháng 6 năm 2007
14	Ngày Xác Định Tỷ Giá Hối Đoái Áp Dụng	21 tháng 1 năm 2007 (Ngày Mở Thầu)
15	Tỷ Giá Hối Đoái được sử dụng để Đánh Giá	1 đô la Mỹ = 1,65 Đồng Nội tệ 100 Yên Nhật = 1,57 Đồng Nội tệ 1 đô la Singapore = 1,14 Đồng Nội tệ

Nguồn: Tỷ giá ngoại tệ bán ra của Ngân Hàng Quốc Gia của xxxxxx

Phụ Lục 3

BẢNG 1: KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA TÀI LIỆU DỰ THẦU

Hạng Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số					
		1	2	3	4	5	6
1	Tài Liệu Dự Thầu						
1.1	Một Bản Gốc và Hai Bản Sao	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.2	Đơn Dự Thầu	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.3	Biểu Giá	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.4	Bảo Lãnh Dự Thầu	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.5	Các Biểu Liệt Kê Thông Tin Đặc Biệt						
	(1) Lịch Trình Thực Hiện Hợp Đồng	Y	P	Y	P	Y	Y
	(2) Dữ Liệu Tài Chính	Y	P	Y	Y	Y	Y
	(3) Dữ Liệu Kỹ Thuật	Y	Y	Y	P	Y	Y
	(4) Tổ Chức của Các Nhà Sản Xuất						
	(5) Thư Giới Thiệu Từ Các Chủ Đầu Tư Trước Đây	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.6	Bản Vẽ và Các Tài Liệu Nộp cùng với Hồ Sơ Dự Thầu	P	P	Y	P	Y	Y
1.7	Thỏa Thuận Liên Danh hoặc Ý Nguyên Thư tham gia Thỏa Thuận Liên Danh	NA	Y	NA	NA	NA	NA
2	Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Tính Hoàn Chỉnh	Y	Y	Y	Y	Y	Y
2.1	Giấy Ủy Quyền	Y	Y	Y	Y	Y	Y
2.2	Đơn Dự Thầu và Biểu Giá được ký hợp lệ hay không được ký hợp lệ	Y	Y	Y	Y	Y	Y
2.3	Tính Hoàn Chỉnh Của Hồ Sơ Dự Thầu	Y	Y	Y	Y	Y	Y

Y = CÓ N = KHÔNG
P = KHÔNG HOÀN CHỈNH NA = KHÔNG ÁP DỤNG
Cung cấp chi tiết nếu đánh giá là "P", "N" hoặc "NA"

Phụ lục 4

BẢNG 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁC NHÀ THẦU

Nhà Thầu Số	Tiêu Chí Về Năng Lực												Lưu Ý
	Kiện Tụng Chưa Giải Quyết		Doanh Thu		Giá Trị Tài Sản Ròng		Quy Mô Dòng Tiền Mặt		Năng Lực Sản Xuất		Kinh Nghiệm Kỹ Thuật		
	Không được chiếm hơn 50% Giá Trị Tài Sản Ròng của Nhà Thầu	2 triệu đô la Mỹ		Phải là Số Dương trong Ba Năm Gần Nhất	3 triệu đô la Mỹ		200 đơn vị/tháng		Hàng Hóa được chào đã được Sản Xuất ít nhất Ba Năm				
1	Không có kiện tụng Chưa Giải Quyết	Đạt	2,3 triệu đô la Mỹ	Đạt	+5 triệu	Đạt	4 triệu đô la Mỹ	Đạt	300 đơn vị/tháng	Đạt	4 Năm	Đạt	Đủ Điều Kiện
2	Không có kiện tụng Chưa Giải Quyết	Đạt	2,2 triệu đô la Mỹ	Đạt	+3,8 triệu	Đạt	3,5 triệu đô la	Đạt	250 đơn vị/tháng	Đạt	3 Năm	Đạt	Đủ Điều Kiện
3	Không có kiện tụng Chưa Giải Quyết	Đạt	3 triệu đô la Mỹ	Đạt	+2,9 triệu	Đạt	4,5 triệu đô la Mỹ	Đạt	350 đơn vị/tháng	Đạt	5 Năm	Đạt	Đủ Điều Kiện
4	Kiện tụng Chưa Giải Quyết tương đương với 10% Giá Trị Tài Sản Ròng	Đạt	4 triệu đô la Mỹ	Đạt	+8,8 triệu	Đạt	6 triệu đô la Mỹ	Đạt	355 đơn vị/tháng	Đạt	5 Năm	Đạt	Đủ Điều Kiện
5	Kiện tụng Chưa Giải Quyết tương đương với 15% Giá Trị Tài Sản Ròng	Đạt	3,5 triệu đô la Mỹ	Đạt	+7,5 triệu	Đạt	5 triệu đô la Mỹ	Đạt	350 đơn vị/tháng	Đạt	4 Năm	Đạt	Đủ Điều Kiện
6	Không có kiện tụng Chưa Giải Quyết	Đạt	3 triệu đô la Mỹ	Đạt	+3,2 triệu	Đạt	4 triệu đô la Mỹ	Đạt	300 đơn vị/tháng	Đạt	4 Năm	Đạt	Đủ Điều Kiện

Phụ lục 5

**BẢNG 3: TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(SỬA LỖI SỐ HỌC VÀ GIÁ DỰ THẦU SAU SỬA LỖI)**

Nhà Thầu Số	Giá Dự Thầu tại thời điểm Mở Thầu		Giảm Giá		Sửa Lỗi Số Học		Giá Dự Thầu Sau Sửa Lỗi		Tổng Giá Dự Thầu Sau Sửa Lỗi	Xếp Hạng
	Ngoại Tệ	Đồng Nội Tệ	Ngoại Tệ	Đồng Nội Tệ	Ngoại Tệ	Đồng Nội Tệ	Ngoại Tệ	Đồng Nội Tệ	Giá Dự Thầu tính bằng Đô La Mỹ ¹	
	(1)	(1)	(2)	(2)	(3)	(3)	(4) = 1 - 2 ± 3	(4) = 1 - 2 ± 3		
1										
2										
3										
4										
5										
6										

¹ Căn Cứ Tỷ Giá Ngoại Tệ Bán Ra:

Phụ Lục 6

**BẢNG 4: KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU
(ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI)**

STT	Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số					
			1	2	3	4	5	6
1.	Giấy Ủy Quyền	Mục I Điều 22 Mục II, ITB. 22.1	C	C	C	C	C	C
2.	Chữ ký trong Đơn Dự Thầu và Biểu Giá	“	C	C	C	C	C	C
3	Thỏa Thuận Liên Danh hoặc Ý Nguyện Thư Tham Gia Thỏa Thuận	Mục I, GC 4.1	NA	C	NA	NA	NA	NA
4.	Tư Cách Hợp Lệ							
	(a) Nhà Thầu	Mục I, Điều 4 ⁴	C	C	C	C	C	C
	(b) Hàng Hóa và Dịch Vụ	Mục I, Điều 5	C	C	C	C	C	C
5.	Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu 120 ngày	Mục I, Điều 20 Mục II, ITB 20.1	C	NC ¹	C	C	C	C
6.	Bảo Lãnh Dự Thầu	Mục I, Điều 21 Mục II, ITB 21.1	C	NC ²	C	C	C	C
	(a) Số Tiền							
	(b) Hiệu Lực							
	(c) Mẫu Bảo Lãnh và Điều Khoản	C	C	C	C	C	C	
7.	Giá Cố Định	Mục I, Điều 14 Mục II, ITB 14.7	C	C	C	C	C	C
8.	Điều Khoản Thanh Toán	Mục VIII, Điều 16.1	C	C	C	C	C	C
9.	Các Bảo Hành Vận Hành	Mục VI	C	C	C	C	C	C
	KẾT LUẬN		R	NR	R	R	R	R

C = Tuân Thủ

NC = Không Tuân Thủ

NA = Không Áp Dụng

R = Đáp Ứng

NR = Không Đáp Ứng

¹ Thời Hạn Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu là 60 ngày thay vì 120 ngày như được quy định trong hồ sơ mời thầu

² Số Tiền Bảo Lãnh Dự Thầu chỉ là 1,29% thay vì mức tối thiểu 2% được quy định.

³ Hiệu Lực Bảo Lãnh Dự Thầu là 90 ngày thay vì 150 ngày như quy định.

⁴ Xem chi tiết trong Bản Định Kèm 1 của Phụ Lục này.

5	Công ty nhà nước ở quốc gia của Bên Mua phải độc lập về tư cách pháp lý và tài chính và pháp lý, hoạt động theo luật thương mại, và không phải là tổ chức phụ thuộc của Bên Mua	Mục I, Điều 4.5	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước
6	Không bị tuyên không đủ tư cách hợp lệ căn cứ theo nghị quyết của Liên Hợp Quốc	Mục I, Điều 4.7	Không bị tuyên là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên là không đủ tư cách hợp lệ	Không bị tuyên là không đủ tư cách hợp lệ

Phụ Lục 7

**BẢNG 5: KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT QUAN TRỌNG)**

STT	Các Yêu Cầu của Hồ Sơ Mời Thầu		Nhà Thầu Số				
	Các Hạng Mục Công Việc và Yêu Cầu	Phân Tham Chiếu:	1	3	4	5	6
1	Cột Chưng Cất Amoniac (i) Năng Suất Tối Thiểu 700 t tro na-tri/ngày/bộ (ii) Thời Gian Vận Hành Liên Tục Tối thiểu 4 tháng	Mục IV, Phần 1	R	R	R	R	R
2	Tháp Hấp Thụ Amoniac (i) Năng Suất Tối thiểu 700 t tro na-tri/ngày/bộ (ii) Thời Gian Vận Hành Liên Tục Tối thiểu 12 tháng	Mục IV, Phần 1	R	R	R	R	NC ¹
3	Thiết Bị Lắng Sơ Bộ (bao gồm Giai Đoạn 1 Hệ Thống Tỏa Nhiệt Bằng Hơi Nước)	Bản Vẽ 96J4- I	R	R	R	R	R
4	Thiết Bị Lọc Khí Amoniac	Bản Vẽ 46J5 1	R	R	R	R	R
5	Thiết Bị Trao Đổi Dung Dịch Muối Nguyên Chất (đĩa titan)	Mục IV, Phần 1	R	R	R	R	R
6	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac Nóng (đĩa titan)	Mục IV, Phần 1	R	R	R	R	R
7	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac (đĩa titan)	Mục IV, Phần 1	R	R	R	R	R
8	Thùng Chứa Nước Muối Amoniac	Bản Vẽ 96J7	R	R	R	R	R
9	Nhà máy chất thải các-bô-nát lỏng Công Suất Tối Thiểu 300 m ³ /h/bộ	Mục IV, Phần 1	R	R	R	R	R
10	Tháp Sục Khí Dạng Lò Vôi hiệu suất lọc bụi: 9,2%	Bản Vẽ 96J2	R	R	R	R	R
11	Hệ Thống Tỏa Nhiệt Bằng Hơi Nước	Bản Vẽ 96J9	R	R	R	R	R
12	Bể lắng các-bô-nát lỏng	Bản Vẽ 96J10	R	R	R	R	R

R = Đáp Ứng

NC = Không Tuân Thủ

KẾT LUẬN: Tất cả (5) hồ sơ dự thầu đều đáp ứng cơ bản.

¹ Thời Gian Vận Hành Liên Tục không được đề cập rõ ràng.

Phụ Lục 8

**BẢNG 6: CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI)**

STT	Yêu Cầu	Tham Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số			
			1	3	5	6
1	Giấy Ủy Quyền	Mục 1, Điều 22 Mục 2, ITB 22.1	C	C	C	C
2	Chữ Ký của Tài Liệu	Mục 1, Điều 22	C	C	C	C
3	Tư Cách Hợp Lệ (a) Nhà Thầu (b) Nhà Sản Xuất (c) Hàng Hóa và Dịch Vụ	Mục I, Điều 4, 5	C C C	C C C	C C C	C C C
4	Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu (120 ngày)	Mục I, Điều 20 Mục 2, ITB 20.1	C	C	C	C
5	Bảo Lãnh Dự Thầu (a) Số Tiền và Hiệu Lực (b) Mẫu và Các Điều Khoản	Mục I, Điều 21 Mục 2, ITB 21.1	C C	C C	C C	C C
6	Điều Kiện Thanh Toán (a) Không Hủy Ngang 1.c (b) 10% Tạm Ứng (c) 45% Sau Khi Gửi Hàng (d) 25% Sau Khi Đến Công Trường Dự Án (e) 10% Sau Khi Hoàn Thành Việc Lắp Đặt (f) 10% Sau Khi Hoàn Thành Thời Hạn Bảo Hành	Mục VIII, Điều 16.1	C C C C	C ^{*1} C C C	C C C C	C C C C
7	Bồi Thường Thiệt Hại & Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng		C	C	C	C
8	Giá Ấn Định	Mục 1, Điều 14 Mục 2, ITB 14.7	C	C	C	C
9	Các Bảo Hành Vận Hành	Mục VI	C	C	C	C
	KẾT LUẬN		ND	ND	ND	ND

C = Tuân Thủ NC = Không Tuân Thủ
ND = Không Có Sai Lệch

*1 “Thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận” theo yêu cầu và chi phí xác nhận sẽ do nhà thầu chịu.

Phụ lục 9

**BẢNG 7: CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU
(CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT)**

STT	Các Điều Khoản và Điều Kiện Được Quy Định	Tham Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 5	Nhà Thầu Số 6
1	Phạm Vi Cung Ứng	Biểu Giá và Mục IV	C Các dịch vụ kỹ thuật, cho việc thiết kế và lắp đặt không được đề cập rõ ràng	C Chi phí phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng và các dịch vụ kỹ thuật được nêu riêng biệt	C	C Chi phí cho các dụng cụ chuyên dụng không được đề cập
2	Vật Tư và Thiết Bị	Mục IV, Phần 1				
2.1	Cột Chung Cát Amoniac (a) Năng Suất: 700-800t tro natri/ngày/bộ (b) Tiêu Thụ Hơi Nước 1.4 t/t tro natri (áp suất hơi nước 0.2 MPA) (c) Thời Gian Vận Hành Liên Tục Tối thiểu 4 tháng (d) Vật Liệu Xây Dựng		700-800t <1.4t 4-5 tháng Không có sai lệch	700-800t <1.4t 4-5,5 tháng Không có sai lệch	700-800t <1.4t 4-6 tháng Không có sai lệch	700-800t <1.4t 4-5 tháng Không có sai lệch
2.2	Tháp Hấp Thụ Amoniac (a) Năng Suất: 700-800t tro natri/ngày/bộ (b) Hiệu Suất Hấp Thụ @ 99%		700-800t @ 99%	700-800t @99%	700-800T @99%	700-800t Cần yêu cầu làm rõ.

STT	Các Điều Khoản và Điều Kiện được Quy Định	Tham Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 5	Nhà Thầu Số 6
	(c) Cửa xả Muối Amoniac TNH3 : 100-104 tt TCI 88.5-90.5tt (d) Nhiệt Độ: 65↓ - 70↓C (e) Thời Gian Vận Hành Liên Tục Tối thiểu 12 tháng (f) Vật Tư Được Duy Trì		Tuân Thủ Tuân Thủ Tuân Thủ 12-14 tháng Như đã quy định	Tuân Thủ Tuân Thủ Tuân Thủ 12-13 tháng Như đã quy định	Tuân Thủ Tuân Thủ Tuân Thủ 12-13 tháng Như đã quy định	Tuân Thủ Tuân Thủ Tuân Thủ 12-14 tháng Như đã quy định
2.3	Thiết Bị Lắng Sơ Bộ (bao gồm Giai Đoạn 1 Hệ Thống Tỏa Nhiệt Bằng Hơi Nước)		Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch
2.4	Thiết Bị Lọc Khí Amoniac		Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch
2.5	Thiết Bị Trao Đổi Dung Dịch Muối Nguyên Chất (i) Áp Suất Thiết Kế: 0.5 MPa (ii) Tiết Diện Trao Đổi Nhiệt: 120 m ² /bộ		Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ
2.6	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac Nóng (i) Áp Suất Thiết Kế : 0.5 MPa (ii) Tiết Diện Trao Đổi Nhiệt: 120 m ² /bộ		Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ
2.7	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac (i) Áp Suất Thiết Kế: 0.5 MPa (ii) Khu Vực Trao Đổi Nhiệt Độ: 120m ² /bộ		Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ	Tuân Thủ Tuân Thủ
2.8	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac		Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch

STT	Các Điều Khoản và Điều Kiện Được Quy Định	Tham Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 5	Nhà Thầu Số 6
2.9	Tháp chất thải các-bô-nát lỏng (i) công suất: 300-350 m ³ /h bộ (ii) Chất Thải Lỏng: PH 8.5-9.0 (iii) CO2 xả đui: 8-10% (iv) Vật Tư Xây Dựng		300-350m ³ Tuân Thủ Tuân Thủ Không có sai lệch	300-350m ³ Tuân Thủ Tuân Thủ Không có sai lệch	300- 350m ³ Tuân Thủ Tuân Thủ Không có sai lệch	300-350m ³ Tuân Thủ Tuân Thủ Không có sai lệch
2.10	Tháp Sục Khí Dạng Lò Vôi (i) Hiệu Suất Giảm Trừ: Tối Thiểu 92% (ii) Lượng Khí Bản Qua Cửa Xả: Tối Đa 250 mg/m ³ (iii) Vật Tư Xây Dựng		- 93% Tối đa 250 mg/m ³ Không có sai lệch	- 92% Tối đa 250 mg/m ³ Không có sai lệch	- 92% Tối đa 250 mg/m ³ Không có sai lệch	- 93% Tối đa 250 mg/m ³ Không có sai lệch
2.11	Hệ Thống Tòa Nhiệt Bằng Hơi Nước		Tuân Thủ	Tuân Thủ	Tuân Thủ	Tuân Thủ
2.12	Bể lắng các-bô-nát lỏng		Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch	Không có sai lệch
3	Các Dụng Cụ Chuyên Dụng	Mục VI	Tuân Thủ	Tuân Thủ Danh Mục và Giá được nêu riêng	Tuân Thủ	Không được đề cập rõ ràng
4	Dịch Vụ Kỹ Thuật	Mục VI	Không được đề cập rõ ràng	Tuân Thủ	Tuân Thủ	Tuân Thủ
	KẾT LUẬN		Đáp Ứng Cần phải Điều Chỉnh Giá cho Các Dịch Vụ Kỹ Thuật	Đáp Ứng Chi Phí cho (i) Phụ Tùng Thay Thế (ii) Các Dụng Cụ Chuyên Dụng (iii) Các Dịch Vụ Kỹ Thuật, đã được nêu riêng biệt cần được đưa vào giá dự thầu	Đáp Ứng Cần làm rõ một số vấn đề không quan trọng; không cần điều chỉnh giá	Đáp Ứng Cần Điều Chỉnh Giá cho Các Dụng cụ Chuyên Dụng

Phụ Lục 10

**BẢNG 8: SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU SAU HIỆU CHỈNH
(GIÁ DỰ THẦU BẰNG ĐỒNG NỘI TỆ)**

STT	Nội Dung	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 5	Nhà Thầu Số 6
1	Vật Tư và Thiết Bị				
1.1	Cột Chưng Cất Amoniac	6.183.150,0	4.550.000,0	4.596.012,0	4.576.732,0
1.2	Tháp Hấp Thụ	4.206.228,0	5.922.000,0	6.587.940,0	6.547.260,0
1.3	Thiết Bị Lắng Sơ Bộ	770.856,0	677.400,0	574.968,0	829.560,0
1.4	Thiết Bị Lọc Khí Amoniac	66.880,0	54.400,0	76.664,0	67.823,0
1.5	Thiết Bị Trao Đổi Dung Dịch Muối Nguyên Chất	170.160,0	253.600,0	273.776,0	293.336,0
1.6	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac Nóng	110.160,0	253.600,0	273.776,0	293.336,0
1.7	Thiết Bị Trao Đổi Nước Muối Amoniac	170.160,0	253.600,0	273.776,0	293.336,0
1.8	Bể Nước Muối Amoniac	90.160,0	144.400,0	153.328,0	128.872,0
1.9	Tháp chất thải các-bô-nát lỏng	236.024,0	223.200,0	291.320,0	276.468,0
1.10	Tháp Sục Khí Dạng Lò Vôi	16.050,0	27.200,0	20.444,0	13.480,0
1.11	Hệ Thống Tòa Nhiệt Bằng Hơi Nước	68.156,0	73.600,0	71.552,0	73.040,0
1.12	Bể lắng các-bô-nát lỏng	189.213,0	256.200,0	6.444,0	311.660,0
	Tổng Giá Dự Thầu sau Sửa Lỗi Số Học	12.337.197,0	12.689.200,0	13.200.000,0	13.704.903,0
2	Số Tiền Sẽ được Hiệu Chỉnh				
	(a) Thương Mại	-	-	-	-
	(b) Kỹ Thuật	-	-	-	-
	(i) Các Phụ Tùng Thay Thế được quy định	42.322,0	-	-	-
	(ii) Dụng cụ chuyên dụng	15.758,0	-	-	18.500,0
	(iii) Dịch Vụ Kỹ Thuật cho việc Lắp Đặt, Chạy Thử và Đào Tạo	-	-	-	-
		93.208,0	84.900,0	--	--
3	Tổng Giá Đánh Giá	12.488.485,0	12.774.100,0	13.200.000,0	13.723.403,0

Phụ Lục 11**Các Thay Đổi Nhỏ Cần Thiết**

Nhà Thầu	Yêu Cầu trong Hồ Sơ Mời Thầu	Đề Xuất của Nhà Thầu	Thay Đổi Cần Thiết
1			
3			
5			
6			

VÍ DỤ 2

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

HỢP ĐỒNG XÂY LẮP

Để bảo vệ quyền tự quyết của các bên vay, các Cơ quan Thực hiện Dự án và các nhà thầu có liên quan, các tham chiếu đến tên của bên vay, quốc gia và đồng tiền thanh toán của bên vay, của các Cơ quan Thực hiện Dự án, tên và địa chỉ của các Cơ quan Thực hiện Dự án và khu vực của dự án, tên của các nhà thầu và của đại diện của các nhà thầu, số và tên của các khoản vay ADB đã được xóa bỏ.

Bên vay, quốc gia của bên vay, Cơ quan Thực hiện Dự án, tên và địa chỉ của Cơ quan Thực hiện Dự án và địa điểm thực hiện dự án, tên của các đại diện của nhà thầu, số và tên của khoản vay ADB đã được thay thế bằng tập hợp các ký tự 'x', và tên của đồng tiền thanh toán của bên vay đã được gọi là "Đồng Nội Tệ", và các nhà thầu được nhận dạng bằng số và được gọi là "Nhà Thầu số 1", "Nhà Thầu số 2", ..v.v...

TIÊU ĐỀ THƯ CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Số Tham Chiếu của chúng tôi; xxxx/xxxx/xxx (06)

Ngày 9 tháng 10 năm 2006

Trưởng Phòng
Bộ Phận Năng Lượng, Vụ Nam Á
6 Đại Lộ ADB
Thành phố Mandaluyong 1550, Philippines

Về việc: Khoản Vay Số. xxxx-xxx: xxxxxx
LÔ 1 – Công Trình Xây Lắp
Gói Thầu Số. 20/xxx/06 (ICB)

Thưa Ông,

Tuân thủ theo yêu cầu của Hiệp định Vay vốn, chúng tôi nộp kèm theo thư này ba (3) bản sao của Báo Cáo Xét Thầu cho Lô I – Công Trình Xây Lắp, Gói Thầu Số 20/xxx006 (ICB) để ADB xem xét và phê duyệt.

Chúng tôi xin thông báo đề nghị trao Hợp Đồng như đã được kiến nghị trong Báo Cáo đã được Chủ tịch của xxxxxx phê chuẩn vào ngày 5 tháng 10 năm 2006. Xin ông lưu ý, hiệu lực của hồ sơ dự thầu sẽ hết hạn vào ngày 28 tháng 11 năm 2006. Do vậy, chúng tôi mong nhận được sự chấp thuận kịp thời của ADB về kiến nghị nêu trong Báo Cáo để chúng tôi báo cho nhà thầu trúng thầu trước khi hết hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu

Kính thư,

Đã ký
Giám Đốc Dự Án

Kèm theo: Ba bản sao Báo Cáo

XXXXXX

BÁO CÁO XÉT THẦU

CHO

LÔ 1 – CÔNG TRÌNH XÂY LẤP

GÓI THẦU SỐ 20/XXX/06 (ICB)

KHOẢN VAY ADB SỐ XXXX-XXX

30 THÁNG 9 NĂM 2006

MỤC LỤC

(HỢP ĐỒNG XÂY LẬP)

1.	GIỚI THIỆU CHUNG	102
1.1	Tổng Quan	102
1.2	Nộp Hồ Sơ Dự Thầu	102
1.3	Mở Thầu	102
1.4	Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu và Tỷ Giá Hối Đoái	102
1.5	Hội Đồng Xét Thầu	102
2.	KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU	103
2.1	Tài Liệu Dự Thầu	103
2.2	Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Giấy Ủy Quyền	104
3.	XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU	104
3.1	Tư Cách Hợp Lệ của Các Nhà Thầu và Hàng Hóa	104
3.2	Năng Lực của Các Nhà Thầu	104
3.3	Kiểm Tra và Sửa Lỗi Số Học	104
3.4	Tuân Thủ Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại	105
	3.4.1 Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu và Bảo Lãnh Dự Thầu	105
	3.4.2 Thời Hạn Hoàn Thành	105
	3.4.3 Điều Kiện Thanh Toán	105
3.5	Tuân Thủ Các Yêu Cầu Kỹ Thuật	106
	3.5.1 Sai Lệch Kỹ Thuật	106
4.	ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HỒ SƠ DỰ THẦU	106
4.1	Lựa Chọn Hồ Sơ Dự Thầu để Đánh Giá Chi Tiết	106
4.2	Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại	107
4.3	Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật	107
	4.3.1 Tiêu Chí Kỹ Thuật	107
	4.3.2 Kế Hoạch Xây Dựng và Trình Tự Các Hoạt Động Xây Dựng	108

4.3.3	Phương Pháp Thi Công	109
4.3.4	Thiết Bị Xây Dựng	110
4.3.5	Tổ Chức Hiện Trường Và Nhân Sự Chủ Chốt tại Công Trường	110
4.3.6	Thầu Phụ	111
4.3.7	Nhân Lực, Vật Tư và Dòng Tiền	111
4.3.8	Trang Thiết Bị Xây Dựng	111
4.4	Phân Tích Giá	112
4.5	Làm Rõ Hồ Sơ Dự Thầu	113
5.	SO SÁNH HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ XÁC ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẦU CÓ GIÁ ĐÁNH GIÁ THẤP NHẤT	113
5.1	Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	113
5.2	Kiểm Tra Giá Chưa Cân Đối của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	113
5.3	Tính Hợp Lý về Giá của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	114
6.	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	114
CÁC PHỤ LỤC		
<i>Phụ Lục 1</i>	<i>Biên Bản Mở Thầu</i>	115
<i>Phụ Lục 2</i>	<i>Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu</i>	116
<i>Phụ Lục 3</i>	<i>Bảng 1: Kiểm Tra Tính Hoàn Chính của Các Tài Liệu Dự Thầu</i>	117
<i>Phụ Lục 4</i>	<i>Bảng 2: Tổng Hợp Giá Dự thầu (Sửa Lỗi Số Học và Giá Dự Thầu sau Sửa Lỗi)</i>	118
<i>Phụ Lục 5</i>	<i>Bảng 3: Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản</i>	123
<i>Phụ Lục 6</i>	<i>Bảng 4: Thời Gian Hoàn Thành Các Hạng Mục Công Việc Chính Và Đánh Giá Phương Pháp Xây Dựng</i>	124
<i>Phụ Lục 7</i>	<i>Bảng 5: So Sánh Giá Dự Thầu sau khi Hiệu Chính Sai Lệch</i>	125
<i>Phụ Lục 8</i>	<i>Bảng 6: So Sánh Các Thiết Bị Xây Dựng (Dự Toán Của Kỹ Sư So Với Đề Xuất Của Nhà Thầu Số 6)</i>	126
<i>Phụ Lục 9</i>	<i>Bảng 7: Thầu Phụ</i>	128
<i>Phụ Lục 10</i>	<i>Bảng 8: Lịch Thanh Toán (Nhà Thầu số. 6)</i>	129
<i>Phụ Lục 11</i>	<i>Bảng 9: Trang Thiết Bị Xây Dựng (Nhà Thầu Số. 6)</i>	130
<i>Phụ Lục 12</i>	<i>Bảng 10: Giá Cho Các Mục Công Việc Và Tỷ Lệ Phần Trăm Trên Tổng Giá Dự Thầu (tính theo Đồng Nội Tệ)</i>	131

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Tổng Quan

Việc sơ tuyển nhà thầu cho Dự án này được thực hiện phù hợp với thủ tục của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vào tháng 10 năm 1995. Hai mươi (20) nhà thầu và Liên Danh được ADB phê duyệt là đạt yêu cầu. Thư mời thầu được phát hành cho tất cả các nhà thầu/các liên danh đạt yêu cầu sơ tuyển vào ngày 30 tháng 4 năm 2006. Việc tham quan công trường và cuộc họp tiền đấu thầu được tổ chức vào ngày 2 và ngày 3 tháng 6 năm 2006 tại xxxxxx và tại khu vực công trường Dự án. Mười lăm (15) nhà thầu trong số hai mươi (20) nhà thầu đạt yêu cầu sơ tuyển, đã mua hồ sơ mời thầu và đã tham dự cuộc họp tiền đấu thầu. Biên bản họp trước khi đấu thầu đã được chuẩn bị và gửi tới tất cả các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu. Sau cuộc họp tiền đấu thầu, không cần phải bổ sung bất kỳ phụ lục nào cho hồ sơ mời thầu.

1.2 Nộp Hồ Sơ Dự Thầu

Thời điểm nộp hồ sơ dự thầu không được gia hạn và việc nhận hồ sơ dự thầu cho xxxxxx đã kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút sáng theo giờ địa phương vào ngày 1 tháng 8 năm 2006 như đã được quy định trong Thông Báo Mời Thầu. Trong số mười lăm (15) nhà thầu đạt yêu cầu sơ tuyển đã mua hồ sơ mời thầu, chín (9) nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu.

1.3 Mở Thầu

Hội Đồng Mở Thầu mở hồ sơ dự thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu vào lúc 10 giờ 30 phút sáng ngày 1 tháng 8 năm 2006 tại phòng họp, tầng 4 trụ sở chính của xxxxxx trước sự chứng kiến của các đại diện của các nhà thầu. Tên của các nhà thầu, mức giá dự thầu, tình trạng có hay không có bảo lãnh dự thầu và mức bảo lãnh dự thầu được đọc công khai và ghi nhận trong Biên Bản Mở Thầu. Biên Bản Mở Thầu được chuẩn bị ngay sau khi các hồ sơ dự thầu được đọc và bản sao Biên Bản Mở Thầu được gửi cho ADB kèm theo thư giới thiệu của xxx vào ngày 6 tháng 8 năm 2006. Bản sao của Biên Bản này được đính kèm trong **Phụ Lục 1**.

1.4 Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu Và Tỷ Giá Hối Đoái

Tỷ giá hối đoái được sử dụng vào việc xét thầu là tỷ giá bán ra chính thức được Ngân hàng Nhà nước quy định cho các giao dịch tương tự vào ngày 1 tháng 8 năm 2006 (nghĩa là ngày mở thầu). Các thông tin cơ bản về việc đấu thầu được tóm tắt và trình bày tại **Phụ Lục 2**.

1.5 Hội Đồng Xét Thầu

Hội Đồng Xét Thầu bao gồm bốn chuyên gia cao cấp của xxxxxx được thành lập theo quyết định của Tổng Giám Đốc. Hỗ trợ cho Hội Đồng Xét Thầu là nhân viên Phòng Kế Hoạch của xxxxxx và các chuyên gia tư vấn của dự án. Các thành viên của Ban Xét Thầu là:

(1) Chủ Tịch	Giám Đốc Dự Án
(2) Thành Viên	Giám Đốc, Phòng Thiết Kế
(3) Thành Viên	Chuyên Viên Tư Vấn Pháp Lý
(4) Thành Viên/Thư Ký	Trưởng Phòng Kế Hoạch

Hội Đồng Xét Thầu ra các quyết định trên cơ sở nhất trí và trong trường hợp các thành viên trong Hội Đồng không đạt được một quyết định thống nhất về một số vấn đề nhất định, các vấn đề đó sẽ được trình lên Tổng Giám Đốc của xxxxx để ra quyết định cuối cùng.

2. KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

2.1 Tài Liệu Dự Thầu.

Hồ sơ dự thầu đã nộp trước hết sẽ được kiểm tra xem các nhà thầu đã nộp đủ các tài liệu và thông tin được yêu cầu trong hồ sơ mời thầu chưa. Các hồ sơ được xem xét bao gồm:

- (i) Đơn Dự Thầu và Bảng Tiên Lượng;
- (ii) Bảo Lãnh Dự Thầu;
- (iii) Biểu Mẫu Thông Tin Cụ Thể;
- (iv) Thỏa Thuận Liên Danh, nếu yêu cầu;
- (v) Tính Hợp Lệ Của Chữ Ký Và Thư Ủy Quyền;
- (vi) Tính hoàn chỉnh;
- (vii) Các tài liệu xác lập tư cách hợp lệ của nhà thầu và hàng hóa; và
- (viii) Các tài liệu được yêu cầu để đánh giá hậu tuyển của nhà thầu.

Biên bản kiểm tra tính hoàn chỉnh của tài liệu đấu thầu được đính kèm tại **Phụ lục 3**.

Chỉ có bốn nhà thầu (Số 1, Số 4, Số 6 và Số 9) đã nộp toàn bộ tài liệu và thông tin được yêu cầu theo hồ sơ mời thầu. Các nhà thầu còn lại đã không nộp đầy đủ thông tin về phương pháp thi công và trình tự thực hiện các phần việc chính; tuy nhiên, sự không đầy đủ này được xem là thiếu hụt nhỏ. Nhà Thầu số 5 đã không đính kèm thông tin quan trọng về bảng dòng tiền luân chuyển và bảng phân tách chi tiết các hạng mục chi phí trọn gói. Tuy nhiên, do không có hồ sơ bổ sung cho vấn đề này nên giá dự thầu của Nhà Thầu số 5 xếp hạng thứ 7.

2.2 Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Thư Ủy Quyền

Tài liệu dự thầu của tất cả các nhà thầu đều thỏa mãn yêu cầu trong khía cạnh này vì tất cả tài liệu đấu thầu đều được ký hợp lệ theo Chỉ Dẫn cho Nhà Thầu và tất cả các sửa lỗi được người được ủy quyền ký tất. Thư ủy quyền cho mỗi chữ ký đã được chấp nhận. Kết quả của việc kiểm tra đó được nêu tại **Phụ Lục 3**.

3. XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

3.1 Tư Cách Hợp Lệ của Nhà Thầu và Hàng Hóa

Tài liệu mời thầu đã yêu cầu, tại Điều 4 của Chỉ Dẫn đối với Các Nhà Thầu, rằng mỗi nhà thầu sẽ nộp hồ sơ dự thầu của mình cùng với các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ liên quan đến quốc tịch của nhà thầu. Tất cả các nhà thầu đã nộp các chứng chỉ theo đó xác định rằng họ mang quốc tịch của một quốc gia thành viên hợp lệ, và chào hàng hóa xuất xứ từ một quốc gia thành viên của ADB. Thêm vào đó, mọi nhà thầu đều chứng minh được rằng họ không tham gia cung cấp các dịch vụ tư vấn cho các công việc xây dựng (Xem **Phụ lục 5**: Bảng Đánh Giá Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản Hồ Sơ Dự Thầu).

3.2 Năng Lực của Nhà Thầu

Các thông tin được cập nhật về năng lực tài chính và năng lực kỹ thuật của tất cả các nhà thầu đã được kiểm tra. Tất cả các nhà thầu đã nộp các biểu mẫu hồ sơ đã được điền thông tin cùng hồ sơ dự thầu, ví dụ như danh mục khối lượng công việc hiện tại, những thay đổi về năng lực tài chính, và khả năng cung cấp các thiết bị xây dựng và nhân sự chuyên môn chủ chốt.

- (a) Nhà Thầu Số 1 đã ký thêm được hai hợp đồng nhỏ gần đây có liên quan với tổng giá trị vào khoảng 25 triệu đô la Mỹ. Năng lực đấu thầu của nhà thầu đã giảm đôi chút, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu. Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty này vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- (b) Do thời gian từ khi sơ tuyển đến khi đấu thầu ngắn, nên chỉ có những thay đổi rất nhỏ trong việc nộp hồ sơ dự thầu của các nhà thầu khác đã xảy ra. Tuy nhiên, không thay đổi nào đủ lớn đến mức làm hạn chế khả năng của nhà thầu thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu của Cơ quan Thực hiện Dự án, nếu được trao thầu. Việc sử dụng các tiêu chí và các yêu cầu tối thiểu được áp dụng trong suốt quá trình sơ tuyển, mọi nhà thầu tiếp tục vượt qua thang điểm tối thiểu đã được sử dụng để xét thầu ban đầu.

3.3 Kiểm Tra và Hiệu Chính Lỗi Số Học

Mỗi nhà thầu được kiểm tra để phát hiện các lỗi số học theo đúng các quy định của hồ sơ mời thầu và những lỗi này sẽ được hiệu chỉnh. Những hiệu chỉnh này, không có hiệu chỉnh nào là hiệu chỉnh đáng kể, đã được lập bảng và được thể hiện tại **Phụ lục 4**: Bảng Tổng Hợp Giá Dự Thầu (Sửa Lỗi Số Học và Hiệu Chính Giá Dự Thầu).

3.4 Tuân Thủ Các Điều Kiện Và Điều Khoản Thương Mại

3.4.1 Hiệu Lực của Hồ Sơ Dự Thầu và Bảo Lãnh Dự Thầu¹

¹ Việc đánh giá sai sót sẽ tuân theo các điều khoản của hồ sơ dự thầu được ban hành dành riêng cho hợp đồng đó.

Thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu ít nhất là 120 ngày kể từ ngày mở thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu đã đề xuất thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu như yêu cầu.

Tất cả các nhà thầu ngoại trừ Nhà Thầu Số 8 đã nộp bảo lãnh dự thầu theo mẫu của Bảo Lãnh Ngân Hàng và đáp ứng các yêu cầu về số tiền bảo lãnh, điều kiện và thời hạn hiệu lực. Số tiền bảo lãnh dự thầu của Nhà Thầu Số 8 tương đương với 1,95% giá dự thầu của họ và không đáp ứng đầy đủ yêu cầu được quy định là khoản tiền bảo lãnh phải tối thiểu là 2% của giá dự thầu. Sau khi xem xét kỹ lưỡng mọi yếu tố liên quan, đặc biệt là nguyên tắc công bằng cho nhà thầu này và tất cả các nhà thầu khác, Cơ quan Thực hiện Dự án đã kết luận rằng trường hợp không nộp bảo lãnh theo số tiền quy định này nên được xem là một sai lệch nhỏ bởi bảo lãnh đã nộp sẽ đủ bảo đảm để nhà thầu phải chịu trách nhiệm khi vi phạm điều kiện dự thầu. Tuy nhiên nhà thầu được yêu cầu cung cấp một bảo lãnh bổ sung để bù vào khoản chênh lệch. Nhà thầu đã được yêu cầu bổ sung khoản bảo lãnh từ ngày 10 tháng 8 năm 2006 và Cơ quan Thực hiện Dự án nhận được khoản bảo lãnh bổ sung vào ngày 15 tháng 8 năm 2006.

3.4.2 Thời Gian Hoàn Thành

Cơ quan Thực hiện Dự án đã kiểm tra các mốc thời gian hoàn thành trên cơ sở lịch thi công được mỗi nhà thầu nộp. Các mốc thời gian hoàn thành các thành phần công việc quan trọng khác nhau được phân tích để kiểm tra (i) liệu thời gian hoàn thành có hợp lý và (ii) liệu các mốc thời gian hoàn thành có tuân thủ lịch trình thực hiện và có liên kết với nhau để phù hợp với các hợp đồng cung ứng và lắp đặt khác cho Dự Án. **Phụ lục 6** mô tả các mốc thời gian hoàn thành các phần công việc quan trọng của Dự Án. Trong một số phần công việc lớn, một số nhà thầu đã không đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên những khác biệt này được xem là không đáng kể.

3.4.3 Điều Kiện Thanh Toán

Hầu hết các nhà thầu chấp nhận các quy định thương mại của hồ sơ mời thầu, ngoại trừ Nhà Thầu Số 3, 5 và 7 đề xuất thay thế tiền giữ lại trong thời gian bảo hành bằng một thư bảo lãnh ngân hàng. Sự sai lệch này được xem là không đáng kể với các điều khoản trong hồ sơ mời thầu và không bắt buộc phải hiệu chỉnh giá dự thầu.

3.5 Tuân Thủ Các Yêu Cầu Kỹ Thuật

Hội Đồng Xét Thầu đã rà soát sự tuân thủ các yêu cầu về nộp hồ sơ dự thầu, gồm có: hoàn thành Bảng tiên lượng; kế hoạch thi công; phương pháp thi công và trình tự thi công; thiết bị thi công được đề xuất và kế hoạch vận chuyển thiết bị đến công trường; chi tiết việc tổ chức công trường xây dựng; và kế hoạch huy động nhân sự quản lý, thiết kế và

nhân sự hành chính, và lao động có tay nghề và lao động phổ thông. Tất cả nhà thầu đã nộp đủ các nội dung yêu cầu chính thức như được quy định trong hồ sơ mời thầu.

3.5.1 Sai Lệch Kỹ Thuật

Không hồ sơ dự thầu nào có các sai lệch kỹ thuật đáng kể. Nhà Thầu số 1 đề xuất thực hiện đào hầm bằng máy khoan hầm (TBM). Trong quy định về kỹ thuật, việc đào hầm được xác định là thực hiện bằng khoan và dùng thuốc nổ. Nếu các hệ thống phụ trợ đã lắp đặt, sau khi đào hầm bằng thiết bị TBM, được thi công tương tự như quy định theo phương pháp khoan và sử dụng chất nổ thì việc đào hầm bằng máy khoan hầm (TBM) được chấp nhận. Nhà Thầu số 6 dự kiến sử dụng rầm mái bê tông cốt thép đúc sẵn thay cho rầm bê tông cốt sắt đúc tại chỗ như tiêu chuẩn dành cho nhà máy điện.

4. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT HỒ SƠ DỰ THẦU

4.1 Lựa Chọn Hồ Sơ Dự Thầu Để Đánh Giá Chi Tiết

Như đã đề cập tại Mục 3 nêu trên, tất cả các hồ sơ dự thầu của chín nhà thầu nộp đều được xác định là đáp ứng cơ bản. Thứ hạng của nhà thầu xét trên tiêu chí giá dự thầu từ thấp đến cao như sau:

STT	Tên Nhà Thầu	Khi mở thầu	Hiệu chỉnh số học	Xếp hạng	Tỷ lệ chênh lệch
		(Nội tệ)	(Nội tệ)		
1	Nhà Thầu số. 6	120.801.821	120.804.798	1	-
2	Nhà Thầu số. 3	133.049.215	133.087.644	2	10,17%
3	Nhà Thầu số. 4	140.260.769	140.267.692	3	16,10%
4	Nhà Thầu số. 8	154.064.446	154.064.446	4	27,53%
5	Nhà Thầu số. 1	161.190.283	161.191.644	5	33,43%
6	Nhà Thầu số. 9	161.388.798	161.388.797	6	33,77%
7	Nhà Thầu số. 5	168.443.268	168.467.180	7	39,46%
8	Nhà Thầu số. 7	172.807.355	172.807.355	8	43,05%
9	Nhà Thầu số. 2	196.915.693	196.958.318	9	63,30%

Để giảm khối lượng công việc liên quan đến đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu, Cơ quan Thực hiện Dự án quyết định ban đầu chỉ đánh giá ba hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất. Các nhà thầu khác sẽ chỉ được đánh giá nếu giá sau khi hiệu chỉnh, nếu có, của ba hồ sơ dự thầu có giá dự thầu thấp nhất này cao hơn giá chưa được hiệu chỉnh của bất cứ nhà thầu khác còn lại.

Theo đó, chỉ có Nhà Thầu số 6, số 3 và số 4 được đánh giá chi tiết và vì giá được điều chỉnh của cả ba nhà thầu này đều thấp hơn giá chưa

được điều chỉnh của bất kỳ nhà thầu khác còn lại, việc đánh giá chi tiết đối với các hồ sơ dự thầu có giá dự thầu cao hơn là không cần thiết.

4.2 Các Điều Kiện và Điều Khoản Thương Mại

Cả ba nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất đã chấp nhận các quy định thương mại của hồ sơ mời thầu. Do đó, Cơ quan Thực hiện Dự án không cần hiệu chỉnh giá đối với các điều khoản và điều kiện thương mại (xem **Phụ lục 7**, So Sánh Giá Dự Thầu).

4.3 Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật

4.3.1 Quy Cách Kỹ Thuật

- (a) Nhà Thầu số 6 có sai lệch với quy cách kỹ thuật của nhà máy điện. Nhà thầu này dự kiến sử dụng rầm mái bê tông cốt thép đúc sẵn thay cho việc giăng rầm bê tông cốt thép đúc tại chỗ như tiêu chuẩn đã nêu. Trong suốt cuộc họp làm rõ hồ sơ dự thầu, Cơ quan Thực hiện Dự án đã không chấp nhận đề xuất của nhà thầu này bởi rầm đúc sẵn không thể đặt vào vị trí nếu không dựa vào những bức tường và tạo ra áp lực theo chiều dọc mà các bức tường lại không được thiết kế để chịu áp lực như vậy và các bức tường không thể chống đỡ rầm mái bê tông loại này được. Nhà thầu đồng ý tuân thủ các quy cách nhưng nêu ý kiến rằng các bên cần thương lượng giá bổ sung hợp lý khi được trao thầu. Hồ sơ dự thầu không bị loại vì sai lệch với quy cách kỹ thuật này được coi là sai lệch nhỏ. Chuyên gia tư vấn dự án ước lượng rằng chi phí của rầm mái bê tông cốt thép đúc sẵn là 286.500,00 Đồng Nội Tệ và rẻ hơn chi phí làm rầm bê tông cốt thép đúc tại chỗ theo tiêu chuẩn. Để đảm bảo công bằng với các nhà thầu khác, Cơ quan Thực hiện Dự án quyết định bổ sung vào giá dự thầu của Nhà Thầu số 6 là 286.500,00 Đồng Nội Tệ cho mục đích xét thầu (xem **Phụ lục 7**, So Sánh Giá Dự Thầu). Trong trường hợp Nhà Thầu Số 6 được trao thầu, các bên sẽ thương lượng một khoản tiền hợp lý.
- (b) Các Nhà Thầu Số 3 và số 4 đã chào sai lệch với tiêu chuẩn kỹ thuật ở một vài chi tiết nhỏ nhưng Cơ quan Thực hiện Dự án thấy rằng sau khi xem xét những chi tiết này tại cuộc họp làm rõ hồ sơ dự thầu, các hồ sơ dự thầu của các nhà thầu này vẫn tuân thủ. Do vậy, Cơ quan Thực hiện Dự án không cần hiệu chỉnh giá dự thầu.

4.3.2 Kế Hoạch Thi Công và Trình Tự Thi Công Các Hạng Mục Xây Dựng

Kế hoạch thi công và trình tự thi công các hạng mục xây dựng được đề xuất bởi ba nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất đã được đánh giá chi tiết. Các kế hoạch thi công được nộp nhìn chung nhất quán với kế hoạch được quy định trong hồ sơ mời thầu. Một số điểm không thống nhất nhỏ

cũng đã được trao đổi và thống nhất là sẽ có những thay đổi cần thiết trước khi trao hợp đồng. Tuy nhiên, cần hoàn thiện các điểm không phù hợp này trong quá trình thương thảo hợp đồng với nhà thầu trúng thầu. Các kết luận như sau:

(a) Nhà Thầu số 6

Trong kế hoạch xây dựng của nhà thầu có:

- (i) thời gian bọc lớp bê tông cho hầm dẫn nước, máng dẫn cáp và hầm xả được xem là ngắn; và
- (ii) phần việc đổ bê tông cho kênh thoát nước chỉ có thể được thi công sau khi hầm xả nước được đào xong.

Những vấn đề trên có thể được điều chỉnh một cách dễ dàng khi chuẩn bị CPM xây dựng cho thỏa thuận hợp đồng.

(b) Nhà Thầu số 3

Trong kế hoạch thi công của nhà thầu này, các công việc sau không được trình bày rõ ràng:

- (i) khoan lỗ cho hố tiêu thoát nước trong công trình cho hầm số 1; và
- (ii) đào hầm và đổ bê tông cho công trình tiêu thoát nước.

Tuy nhiên, các vấn đề trên không phải là thiếu sót đáng kể.

(c) Nhà Thầu số 4

Trong kế hoạch xây dựng của nhà thầu này, các phần công việc sau không được trình bày rõ ràng:

- (i) các công trình chia dòng chảy của sông cho đập lấy nước và đập điều lưu;
- (ii) Đập quan trắc được đặt gần đập lấy nước và bờ phải của sông; và
- (iii) trộn bê tông cho hạng mục sẽ được xây dựng là hầm ra vào sau khi hoàn thành việc lắp đặt thiết bị phát điện.

Các vấn đề trên có thể được điều chỉnh dễ dàng trong kế hoạch thi công tổng thể.

4.3.3 Phương Pháp Thi Công

Phương pháp thi công được đề xuất bởi ba nhà thầu trên đã được xem xét và đánh giá một cách chi tiết. Về tổng thể, phương pháp thi công mà các nhà thầu đề xuất đều có thể chấp nhận được. Dưới đây là kết luận sau khi xem xét.

(a) Nhà Thầu số 6

Nhà thầu đề xuất các phương pháp thi công được xem là có thể chấp nhận được, như sau:

- (i) vận chuyển trên đường ray khối lượng đất đào được từ công việc đào đất ở phần chính của hầm dẫn nước và đoạn từ kênh thoát nước ra đến cửa số 3; và
- (ii) phương pháp đào hầm truyền thống và sử dụng thiết bị phù hợp cho việc di chuyển nhân viên và nguyên vật liệu xây dựng, vận chuyển các nguyên vật liệu đào hầm để xây dựng máng dẫn cáp.

(b) Nhà Thầu Số 3

Trong phương pháp thi công của nhà thầu, các hoạt động cho các công việc sau đây đã không được đề cập rõ ràng:

- (i) chú trọng đến dòng nước hoặc đổi dòng tại vị trí xây đập quan trắc trong quá trình xây đập nhận nước và đập quan trắc;
- (ii) gia cố lớp vữa trát trong bể trào; và
- (iii) vị trí của cần cẩu tạm thời cho các công việc bê tông trong nhà máy điện.

Nhà thầu đã được yêu cầu làm rõ các vấn đề trên. Phần trả lời của nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu.

(c) Nhà Thầu Số 4

Cơ quan Thực hiện Dự án thấy rằng nội dung trình bày về các phương pháp thi công của nhà thầu này tương đối kém so với hai nhà thầu kia. Các vấn đề sau đây đã được trao đổi với nhà thầu:

- (i) vị trí cần cẩu tạm thời cho các công việc bê tông tại hạng mục nhà máy điện ở vị trí không thích hợp và phải chuyển vị trí.

- (ii) chú trọng đến dòng nước hoặc đổi dòng tại công trường xây đập kiểm quan trắc trong quá trình xây dựng đập nhận nước và đập quan trắc không được nêu rõ ràng; và
- (iii) việc gia cố lớp vữa trát xung quanh bề trào không được nêu rõ ràng.

Tuy nhiên, các thông tin bổ sung được nhà thầu cung cấp là rõ ràng và chấp nhận được.

4.3.4 Thiết Bị Thi Công

Việc tập kết các thiết bị thi công, đặc biệt là thiết bị thi công cho công việc đào đất có tầm quan trọng trong việc hoàn thành dự án này. Mặc dù có nhiều khác biệt giữa danh mục thiết bị được ba nhà thầu nộp, tất cả các danh mục thiết bị đều phù hợp và tương thích với phương pháp thi công và tiến độ xây dựng được quy định. Các bản chào cho thiết bị thi công của cả ba nhà thầu có thể được xem là đầy đủ và chấp nhận được. Thiết bị thi công theo dự toán của Cơ quan Thực hiện Dự án để thực hiện các hạng mục công trình và danh mục thiết bị mà Nhà Thầu Số 6 đề xuất được trình bày tại **Phụ Lục 8**.

4.3.5 Tổ Chức Hiện Trường và Nhân Sự Chính tại Công Trường

Việc tổ chức lao động trên công trường và nhân sự chủ chốt được ba nhà thầu đề xuất đã được đánh giá chi tiết về vị trí dự kiến trong bộ máy làm việc tại công trường, tuổi, trình độ học vấn và kinh nghiệm. Việc tổ chức công trường và nhân sự được ba nhà thầu đề xuất nhìn chung có thể chấp nhận được. Không có thiếu sót nghiêm trọng nào được ghi nhận trong quá trình rà soát. Tuy nhiên, trong đề xuất của Nhà Thầu số 6, số lượng kỹ sư nước ngoài cho các công trình ngầm được xem là ít hơn cần thiết và, bởi vậy, nhà thầu cần bổ sung các kỹ sư nước ngoài vào ngay từ giai đoạn đầu của công trình xây dựng. Một số sửa đổi chi tiết đã được trao đổi với nhà thầu và các vấn đề đó sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo đàm phán hợp đồng với nhà thầu, nếu nhà thầu trúng thầu.

4.3.6 Thầu Phụ

Phạm vi các hợp đồng thầu phụ được mỗi nhà thầu đề xuất đã được xem xét và đều nằm trong phạm vi quy định của hồ sơ mời thầu. Kinh nghiệm của mỗi nhà thầu phụ đã được xác định thông qua việc nộp hồ sơ dự thầu, một phần từ hồ sơ và một phần từ các cuộc họp giải đáp hồ sơ dự thầu. Thông tin chi tiết về các thầu phụ do ba nhà thầu đề xuất được trình bày trong **Phụ Lục 9**.

4.3.7 Nhân Lực, Vật Tư và Luân Chuyển Tiền Mặt

Cả ba nhà thầu đã nộp bản đề xuất danh sách nhân lực, danh mục vật tư quan trọng (như xi măng, thép chịu lực, thép kết cấu, chất nổ, nhiên

liệu đi-ê-zen, v.v.) và dòng tiền mặt. Các đề xuất này cùng với các phương pháp thi công và kế hoạch thi công của họ đã được xem xét. Các đề xuất này có một số điểm nhỏ không thống nhất nhưng nhìn chung có thể coi là đáp ứng yêu cầu. Kế hoạch thanh toán (dòng tiền mặt) của Nhà Thầu số 6 được trình bày tại **Phụ Lục 10**.

4.3.8 Trang Thiết Bị Thi Công

Trang thiết bị thi công do ba nhà thầu đề xuất đã được đánh giá và kết quả đánh giá của Nhà Thầu số 6 được trình bày trong **Phụ Lục 11**. Về tổng thể, tất cả đề xuất của ba nhà thầu đều đáp ứng yêu cầu. Sau đây là kết quả của việc rà soát chi tiết:

(a) Nhà Thầu số 6

Trong đề xuất của nhà thầu về trang thiết bị thi công, các vấn đề sau đây cần được làm rõ:

- (i) Bản đồ vị trí tổng thể của trang thiết bị thi công đã không được nộp;
- (ii) Mạng lưới cung cấp nước cho khu vực lán trại đã không được đề cập rõ ràng; và
- (iii) Hệ thống thông tin liên lạc không được đề cập.

Nhà thầu đã được yêu cầu làm rõ và phần trả lời của nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu.

(b) Nhà Thầu số 3

Trong đề xuất của nhà thầu này về trang thiết bị thi công, các vấn đề sau đây không được giải quyết một cách rõ ràng:

- (i) Vị trí và chi tiết của kho thuốc nổ;
- (ii) Dự trữ khối lượng cốt liệu thu được từ công việc đào đất đường hầm; và
- (iii) Kế hoạch sản xuất bê tông theo từng tháng cho hai bộ thiết bị trộn bê tông tại khu vực đập nhận nước và tại khu vực Lối Vào Công Trình Số 5 để xác định công suất của mỗi bộ thiết bị.

Nhà thầu đã được yêu cầu làm rõ và phần trả lời của nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu.

(c) Nhà Thầu số 4

Trong đề xuất của nhà thầu về trang thiết bị thi công, các vấn đề sau đây không được đề cập rõ ràng:

- (i) Hệ thống cấp nước và cấp điện cho khu vực văn phòng, địa điểm lán trại và công trường xây dựng;
- (ii) Sự phù hợp của vị trí được đề xuất cho nhà máy sản xuất cốt liệu trong trường hợp số lượng SG 7 sẵn có – các bãi tập kết tạm cát và sỏi là không đủ; và
- (iii) Lịch sản xuất cốt liệu tính trên cơ sở hàng tháng để xác định công suất máy móc.

Nhà thầu đã được yêu cầu làm rõ và phần trả lời của nhà thầu đã đáp ứng được yêu cầu.

4.4 Phân Tích Giá

Theo hướng dẫn về kiểm tra giá chào trong hồ sơ dự thầu, giá chào cho mỗi Mục Công Trình là giá ước tính theo một tỷ lệ phần trăm của tổng giá dự thầu như quy định trong Bảng tiên lượng, và được so sánh với tỷ lệ phần trăm của mỗi hồ sơ dự thầu và với tỷ lệ phần trăm tương ứng trong dự toán của Cơ quan Thực hiện Dự án.

Bảng so sánh giá được trình bày trong **Phụ Lục 12**. Trên cơ sở xem xét giá chào, các cuộc trao đổi chuyên sâu với các nhà thầu, đặc biệt là nhà thầu chào giá thấp nhất (Nhà Thầu số 6) đã được tổ chức. Sau các cuộc trao đổi này, Hội Đồng Xét Thầu rất hài lòng vì các nhà thầu đã hoàn toàn hiểu các yêu cầu đối với Công Trình và các quy cách kỹ thuật về vật tư thi công và các tiến độ thi công, như vậy các nhà thầu đã được chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện Công Trình như được quy định trong hồ sơ mời thầu. Mặc dù có sự khác biệt về chào giá cho một số các hạng mục của Công Trình nhưng Hội Đồng Xét Thầu đã không tìm thấy bất kỳ bằng chứng về việc cố tình làm biểu giá không cân đối.

4.5 Làm Rõ Hồ Sơ Dự Thầu

Như đã đề cập ở trên, các nhà thầu đã được yêu cầu làm rõ các vấn đề của hồ sơ dự thầu để Cơ quan Thực hiện Dự án thu thập thêm các thông tin nhằm xác minh năng lực thực hiện Công Trình của các nhà thầu. Hội đồng đã không yêu cầu làm rõ các vấn đề có thể dẫn đến việc thay đổi nội dung của hồ sơ dự thầu. Bên cạnh đó, kết quả của việc kiểm tra lỗi số học trong ba hồ sơ dự thầu có giá thấp nhất cũng đã được các nhà thầu xác nhận. Các yêu cầu làm rõ của Hội Đồng và phần trả lời của các nhà thầu đều được lập soạn bằng văn bản và các tài liệu này đã được lưu lại cùng với các tài liệu dự thầu gốc tương ứng của nhà thầu.

5. SO SÁNH HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ XÁC ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẦU CÓ GIÁ ĐÁNH GIÁ THẤP NHẤT

5.1 Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất

Phụ Lục 7 trình bày giá dự thầu sau khi sửa lỗi và hiệu chỉnh của ba hồ sơ dự thầu được đánh giá chi tiết. Việc so sánh cho thấy, hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất là hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu số 6 với tổng giá đánh giá tương đương 121.091.298 Đồng Nội Tệ. Khoản đề xuất của Liên Danh này bằng ngoại tệ là 1.477.007.901 Yên Nhật chiếm khoảng 32% tổng giá dự thầu, được xem là hợp lý.

5.2 Kiểm Tra Giá Không Cân Đối của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất

Việc so sánh đơn giá và giá, đặc biệt là các hạng mục công trình được triển khai sớm, của hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất với tỷ giá trung bình của hai hồ sơ dự thầu chào giá thấp nhất và dự toán của Cơ quan Thực hiện Dự án đã được thực hiện.

5.2.1 Đơn Giá và Giá Cao

Một đơn giá hoặc giá được xem là cao nếu nó cao hơn 50% so với trung bình cộng của hai hồ sơ dự thầu được chọn khác và dự toán của Cơ quan Thực hiện Dự án. Có các đơn giá và giá cao trong hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất, tuy nhiên, không có giá nào cao vượt quá hơn 1% của tổng giá dự thầu. Ngoài ra, tổng giá trị của các hạng mục có đơn giá và giá cao của hồ sơ dự thầu chào giá thấp nhất chỉ chiếm 3,4% của tổng giá dự thầu.

(a) Đơn Giá và Giá Cao trong Các Hạng Mục Công Trình Triển Khai Sớm

Các hạng mục công trình được thực hiện trong tám tháng đầu tiên và được xem là các hạng mục công trình triển khai sớm. Một số hạng mục, chủ yếu trong các công việc dẫn dòng và cấp pha cho đập nhận nước và kênh thoát nước được đánh giá là có đơn giá và giá cao, nhưng tổng giá trị của các hạng mục đó chỉ khoảng 0-9% của tổng giá dự thầu.

Từ các kết quả xem xét trên, không nên xem hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp là hồ sơ mất cân đối về các hạng mục công trình được triển khai sớm.

(b) Các Đơn Giá và Giá Cao của Các Hạng Mục Khác

Tổng số tiền của đơn giá và giá cao trong các hạng mục công trình khác là khoảng 2,5% của giá dự thầu. Tuy nhiên, không có hạng mục nào vượt quá 1% của tổng giá dự thầu. Số lượng công việc tương ứng được nêu trong Bảng tiên lượng về các hạng mục quan trọng đã được Cơ quan Thực hiện Dự án kiểm tra và thấy rằng số lượng công việc này đã được tính toán chính

xác. Kiểm tra chi tiết cho thấy rằng các hạng mục nói trên đều là các hạng mục công việc nhỏ và khối lượng các hạng mục này sẽ không có khả năng tăng lên nhiều. Do vậy, giá dự thầu thấp nhất có thể được coi là một mức giá cân đối.

5.3 Tính Hợp Lý của Giá Dự Thầu của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất

Hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất, do Nhà Thầu số 6 nộp, thấp hơn dự toán của Cơ quan Thực hiện Dự án khoảng 19%. Các đơn giá của công trình ngoài trời tương đối thấp hơn so với các công trình trong nước có tính chất tương tự. Các công trình ngầm thì hầu hết có giá tương tự như giá của các dự án khác. Do đó, có thể xem rằng hồ sơ dự thầu của nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất không thực sự có giá thấp và Hội Đồng Xét Thầu tin tưởng rằng nhà thầu có hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất có thể hoàn thành Công Trình theo các quy cách kỹ thuật và tiến độ thi công.

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá có hệ thống các hồ sơ dự thầu như được trình bày trong báo cáo này, có thể kết luận rằng, hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu số 6 là hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất. Bởi vậy, Cơ quan Thực hiện Dự án kiến nghị rằng Hợp Đồng cho Lô 1 Công Trình Xây Lắp, xxxxxx được trao cho Nhà Thầu số 6 với giá trị hợp đồng là 81.991.984.40 Đồng Nội Tệ và 1.477.007.901,00 Yên Nhật (tương đương 120.804.798,00 Đồng Nội Tệ) cộng với chi phí bổ sung cho việc thay đổi từ đề xuất của nhà thầu về rầm bê tông cốt thép đúc sẵn sang rầm bê tông đúc tại chỗ như đã quy định đối với nhà máy điện. Chi phí bổ sung này sẽ được đàm phán với nhà thầu, tuy nhiên, chi phí này sẽ không được vượt quá 286.500,00 Đồng Nội Tệ như đã nêu trong đoạn 4.3.1 của Báo Cáo này.

Phụ Lục 1
Trang 1/3

BIÊN BẢN MỞ THẦU

Khoản Vay Số. xxxx-xxx
Gói Thầu Số 20/xxx/06 (ICB)

Tên Dự Án: xxxxxx
Tên Hợp Đồng: LÔ 1 – Công Trình Xây Lắp.

1. Các hồ sơ dự thầu sau đây đã được nhận trước hạn đóng thầu ấn định vào hồi 10 giờ ngày 1 tháng 8 năm 2006 và được mở và đọc công khai vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày.

STT	Tên của Nhà Thầu và Quốc Tịch	Số Tiền Bảo Lãnh Dự Thầu	Ngoại Tệ	Nội Tệ	Mức Giảm Giá Được Đề Xuất	Chữ Ký của Đại Diện Các Nhà Thầu
1	Nhà Thầu Số 1	1.650.000,00 \$	29,755,563.00 \$	93.377.354,90		Đã Ký
2	Nhà Thầu Số 2	1.950.000,00 \$	239.793.677,40 FF	82.150.439,50		Đã Ký
3	Nhà Thầu Số 3	126.000.000,00 Y	1.904.999.010,00 Y	82.989.651,40		Đã Ký
4	Nhà Thầu Số 4	3.150.000,00 MK	27.041.671,80 \$	78.632.798,60		Đã Ký
5	Nhà Thầu Số 5	145.000.000,00 Y	2.984.560.000,00 Y	90.015.000,00		Đã Ký
6	Nhà Thầu Số 6	125.000.000,00 Y	1.477.007.041,00 Y	81.989.030,40		Đã Ký
7	Nhà Thầu Số 7	1.950.000,010 \$	36.354.010,00 \$	89.956.566,50		Đã Ký
8	Nhà Thầu Số 8	3.010.000,00 MK	40.168.801,00 \$	62.519.748,80		Đã Ký
9	Nhà Thầu Số 9	1.800.000,00 \$	160.632.595,10 FF	84.510.037,50		Đã Ký

Phụ Lục 1
Trang 2/3

2. Các đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai và bản sao danh sách nhà thầu tham dự mở thầu được đính kèm như một phụ đính của biên bản này.

STT	Tên	Chức Vụ	Đại Diện Công Ty Dự Thầu
1	Ông xxxxx	Trưởng Khu Vực Văn Phòng Đông Nam Á	Nhà Thầu Số 3
2	Ông xxxxx	Kỹ Sư Trưởng	Nhà Thầu Số 1
3	Ông xxxxx	Phó Chủ Tịch	Nhà Thầu Số 6
4	Ông xxxxx	Trưởng Phòng Marketing Quốc Tế	Nhà Thầu Số 4
5	Ông xxxxx	Phó Chủ Tịch Quản Lý Hoạt Động Châu Á Thái Bình Dương	Nhà Thầu Số 5
6	Ông xxxxx	Tổng Giám Đốc Chi Nhánh xxx	Nhà Thầu Số 2
7	Ông xxxxx	Kỹ Sư Trưởng Xây Dựng	Nhà Thầu Số 9
8	Ông xxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Khu Vực	Nhà Thầu Số 7
9	Ông xxxxx	Phó Giám Đốc Quản Lý Hoạt Động	Nhà Thầu Số 8

3. Việc đọc và ký các hồ sơ dự thầu kết thúc vào lúc 13 giờ 15 phút.

Đã Ký
Thành Viên
Giám Đốc, Phòng Kế Hoạch

Đã Ký
Chủ Tịch
Giám Đốc Dự Án

Đã Ký
Thành Viên
Tư Vấn Pháp Lý

Phụ Lục 1
Trang 3/3

DANH SÁCH THAM DỰ LỄ MỞ THẦU

Khoản Vay Số. xxx-xxx
Gói Thầu Số 20/xxx/06 (ICB)
Địa Điểm: Phòng Hợp.
Tầng Bốn, xxxxxx

Tên Dự Án : xxxxxx
Tên Hợp Đồng: LỒ-1 Công Trình Xây Lắp.
Ngày: 1 tháng 8 năm 2006; Thời gian 10:30

Đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự trong lễ mở thầu công khai.

STT	Nhà Thầu	Đại Diện	Chức Vụ	Chữ Ký
1	Nhà Thầu Số 3	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Khu Vực Văn Phòng Đông Nam Á	Đã Ký
2	Nhà Thầu Số 1	Ông xxxxxx	Kỹ Sư Trưởng	Đã Ký
3	Nhà Thầu Số 6	Ông xxxxxx	Phó Chủ Tịch	Đã Ký
4	Nhà Thầu Số 4	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Marketing Quốc Tế	Đã Ký
5	Nhà Thầu Số 5	Ông xxxxxx	Phó Chủ Tịch Quản Lý Hoạt Động Châu Á Thái Bình Dương	Đã Ký
6	Nhà Thầu Số 2	Ông xxxxxx	Tổng Giám Đốc Chi Nhánh xxx	Đã Ký
7	Nhà Thầu Số 9	Ông xxxxxx	Kỹ Sư Trưởng Xây Dựng	Đã Ký
8	Nhà Thầu Số 7	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Khu Vực	Đã Ký
9	Nhà Thầu Số 8	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc Quản Lý Hoạt Động	Đã Ký

Phụ Lục 2

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

1	Tên Dự Án	XXXXXX
2	Khoản Vay Số	xxxx-xxx
3	Tên Gói Thầu/Hợp Đồng	LÔ 1-Xây Lắp
4	Gói Thầu/Hợp Đồng Số	20/xxx/06 (ICB)
5	Giá Ước tính/ Dự Toán của Kỹ Sư	152.917.466,00 Đồng Tiền Nội Tệ
6	Ngày Phát Hành Thông Báo Mời Thầu	30 Tháng 4 Năm 2006
7	Phương Thức Mua Sắm	Đấu Thầu Cạnh Tranh Quốc Tế
8	Ngày Giờ Đóng Thầu	10 giờ vào ngày 1 Tháng 8 Năm 2006
9	Ngày Giờ Mở Thầu	10 giờ 30 phút vào ngày 1 Tháng 8 Năm 2006
10	Tổng Số Hồ Sơ Dự Thầu Đã Nhận	Chín (9) hồ sơ dự thầu
11	Ngày Hết Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu	28 Tháng 11 Năm 2006
12	Số Tiền Bảo Lãnh Dự Thầu	Không thấp hơn 2% Giá Dự Thầu
13	Ngày Hết Hiệu Lực Bảo Lãnh Hồ Sơ Dự Thầu	26 Tháng 12 Năm 2006
14	Ngày Xác Định Tỷ Giá Hối Đoái	1 Tháng 8 Năm 2006 (Ngày Mở Thầu)
15	Tỷ Giá Hối Đoái Xét Thầu	1 Đô La Mỹ --- 2,2790 LC 100 Yên Nhật = 2,6278 LC 1 Franc Pháp-- 0,4786 LC Nguồn: Tỷ giá ngoại tệ bán ra của Ngân Hàng Nhà Nước xxxxxxxx.

Phụ Lục 3

BẢNG 1: KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

Hạng Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hồ Sơ Dự Thầu									
1.1	Một bản gốc và hai bản sao	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.2	Đơn Dự Thầu	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.3	Phụ Lục Hồ Sơ Dự Thầu	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.4	Bảng Tiên Lượng Có Thông Tin Về Giá	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.5	Bảo Lãnh Dự Thầu (số tiền và thời hạn hiệu lực)	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
1.6	Biểu Thông Tin Cụ Thể 1) Lịch Thi Công 2) Phương Pháp Thi Công 3) Danh Mục Thiết Bị Thi Công 4) Tổ Chức & Nhân Sự Chủ Chốt 5) Thầu Phụ 6) Huy động Trang Thiết Bị Thi Công và Trang Thiết Bị Tạm Thời 7) Lưu Lượng Tiền Mặt	Y Y Y Y Y Y Y	Y P Y N Y Y Y	Y Y Y Y Y Y Y	Y Y Y Y Y Y Y	Y Y Y P N Y Y	Y Y Y Y Y Y Y	Y P Y P Y P N	Y P Y Y N Y N	Y Y Y P N P Y
1.7	Bản Vẽ và Tài Liệu (nộp cùng với hồ sơ dự thầu).	Y	Y	Y	Y	P	Y	P	Y	P
1.8	Thỏa Thuận Liên Danh và Ý Nguyện Thư Tham Gia Thỏa Thuận (nếu Nhà Thầu là một liên danh)	NA	Y	Y	Y	Y	Y	NA	NA	Y
2	Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Tính Hoàn Chính									
2.1	Giấy Ủy Quyền đã nộp hay chưa nộp	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
2.2	Đơn Dự Thầu đã được ký hợp lệ hay chưa được ký hợp lệ	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y
2.3	Tính Hoàn Chính của Hồ Sơ Dự Thầu	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y	Y

Y=Có; N=Không; P= Hoàn Chính Một Phần; NA =Không Áp Dụng

Phụ Lục 4

**BẢNG 2: TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(SỬA LỖI SỐ HỌC VÀ GIÁ DỰ THẦU SAU SỬA LỖI)**

Nhà Thầu Số	Giá Dự Thầu tại Thời Điểm Mở Thầu		Giảm Giá		Sửa Lỗi Số Học		Giá Dự Thầu Sau Sửa Lỗi		Tổng Giá Dự Thầu Đã Điều Chính Tương Đương [Tiền Tệ của Quốc Gia Chủ Đầu Tư] ¹	Xếp Hạng
	Ngoại Tệ	Nội Tệ	Ngoại Tệ	Nội Tệ	Ngoại Tệ	Nội Tệ	Ngoại Tệ	Nội Tệ		
	(1)	(1)	(2)	(2)	(3)	(3)	(4) = 1 - 2 ± 3	(4) = 1 - 2 ± 3		
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										

¹ Tỷ Giá Ngoại Tệ Bán Ra:

Phụ Lục 5
Bản Đính Kèm 1

CHI TIẾT TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA CÁC NHÀ THẦU

Số	Các Yêu Cầu	Tham Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 4	Nhà Thầu Số 5	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7	Nhà Thầu Số 8	Nhà Thầu Số 9
1	Nhà Thầu Độc Lập hoặc Liên Danh Nếu là Liên Danh, các nhà thầu phải cùng chịu trách nhiệm chung và riêng.	Mục 1, Điều 4.1	Nhà Thầu Độc Lập	Liên Danh các nhà thầu phải cùng chịu trách nhiệm chung và riêng	Nhà Thầu Độc Lập	Nhà Thầu Độc Lập	Nhà Thầu Độc Lập	Liên Danh các nhà thầu phải cùng chịu trách nhiệm chung và riêng	Nhà Thầu Độc Lập	Nhà Thầu Độc Lập	Nhà Thầu Độc Lập
2	Nhà thầu phải là công dân của một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB Các nhà thầu phụ được đề xuất hoặc Các Nhà Cung Cấp phải mang quốc tịch của một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB.	Mục 1, Điều 4.2	X (Tên Quốc Gia) X (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XX và XXX X (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XXXX XXXX (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XXXX XXXX (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XXX X (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XX/XXX XXX (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XX XX (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XXXXX XX (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)	XXXXX XXXXX (Điều từ các quốc gia thành viên hợp lệ của ADB)
3	Xung Đột Lợi Ích	Mục 1, Điều 4.3	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
4	Bị ADB tuyên bố không đủ tư cách hợp lệ	Mục 1, Điều 4.4	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
5	Doanh nghiệp nhà nước tại quốc gia của Chủ Đầu Tư độc lập về tài chính và có tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật thương	Mục 1, Điều 4.5	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp nhà nước độc lập về tài	Không phải là doanh nghiệp nhà nước	Không phải là doanh nghiệp nhà nước

Phụ Lục 5

BẢNG 3: KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

STT	Các Yêu Cầu	Tham Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Giấy Ủy Quyền	Mục 1, Điều 20.2 Mục 2, ITB 20.2	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
2	Chữ Ký trong Hồ Sơ	Mục 1, Điều 20.2	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
3	Thỏa Thuận Liên Danh hoặc Ý Nguyện Thư Tham Gia vào Thỏa Thuận	Mục 1, Điều 4.1	NA	C	C	C	C	C	C	NA	NA	C
4	Tư Cách Hợp Lệ (a) Nhà Thầu và Nhà Thầu Phụ	Mục 1, Điều 4 (Xem Bản Đính Kèm của Phụ Lục này)	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	(b) Nhà Thầu Liên Kết với Chuyên Gia Tư Vấn		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	(c) Vật Tư và Thiết Bị	Điều 5	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
5	Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu (120 ngày)	Mục 1, Điều 18 Mục 2, ITB 18.1	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
6	Bảo Lãnh Dự Thầu (a) Số Tiền Bảo Lãnh và Hiệu Lực (b) Mẫu và Các Điều Kiện	Mục 1, Điều 19 Mục 2, ITB 19.1	C	C	C	C	C	C	C	PC ¹	C	C
7	Thời Gian Hoàn Thành	Mục 8, Điều 1.1.3.3										
8	Điều Kiện Thanh Toán (a) Thanh Toán Tạm Ứng (15%)	Mục 7, Điều 14, Mục 8, Tham Chiếu GCC 14.2	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	(b) Tiền Giữ Lại (10%)		C	C	PC ¹	C	PC ¹	C	PC ¹	C	C	C
	(c) Hiệu chỉnh Giá	Mục 8, Tham Chiếu GCC 13.8	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
9	Bồi Thường Thiệt Hại (a) Tỷ Lệ (0,5% mỗi tuần)	Mục 8, Tham Chiếu GCC 8.7 & 14.15 (b)	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	(b) Trách Nhiệm Tối Đa (10%)		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
10	Thời Gian Bảo Hành (12 tháng)	Mục 7, Điều 4 Mục 8, Điều 1.1.3.7	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
11	Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng (10%)	Mục 8, Tham Chiếu GCC 4.2	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	KẾT LUẬN		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R

C = Tuân Thủ

NA = Không Áp Dụng

NC

=

Không Tuân Thủ

PC = Tuân Thủ Một Phần

R = Đáp Ứng

¹ Đề nghị cho biết lý do

Phụ Lục 6

BẢNG 4: THỜI GIAN HOÀN THÀNH CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH & ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG PHÁP THI CÔNG

Hạng Mục Số	Nội Dung	Thời Hạn Hoàn Thành (tháng)						
		Kế Hoạch Của Chủ Đầu Tư	Nhà Thầu Số 3		Nhà Thầu Số 4		Nhà Thầu Số 6	
1	Đập Nhận Nước	37	37	Y	27	Y	30	Y
2	Công Trình Cửa Nhận Nước	47	47	Y	32	Y	38	Y
3	Đường Hàm Dẫn Nước	55	55	Y	45	Y	55	Y
4	Hàm Áp Lực	45	45	Y	45	Y	43	Y
5	Khoang Xả và Kênh Thoát Nước	56	56	Y	53	Y	56	Y
6	Đập Xả Điều Lưu	38	38	Y	31	Y	28	Y
7	Lắp Đặt Cản Cầu O.H cho Nhà Máy Điện	45	45	Y	45	Y	39	Y
8	Lắp Đặt Tước-bin/Máy Phát Điện	51	NC	-	47	Y	NC	-
9	Lắp Đặt Máy Biến Áp cho Nhà Máy Phát Điện	51	NC	-	51	Y	45	Y
10	Lắp Đặt Thiết Bị cho Phòng Kiểm Soát	50	50	Y	NC		45	Y
11	Máng Dẫn Cấp	51	51	Y	51	Y	51	Y
12	Trạm Phân Phối Ngoài Trời	48	48	Y	48	Y	38	Y
13	Phòng Điều Khiển Chính	50	50	Y	50	Y	50	Y
14	Phòng Điều Khiển Cửa Nhận Nước	51	50	Y	51	Y	40	Y
15	Phòng Kiểm Soát Đập Điều Lưu	55	54	Y	54	Y	54	Y
16	Hoàn Thiện Toàn Bộ Công Trình	60	60	Y	60	Y	60	Y

Hạng Mục Số	Phương pháp Thi công	Kết Luận		
1	Tính logic của Tiến Độ Thi Công	A	A	A
2	Tính Khả Thi của Lịch Hoàn Thành	A	AA	AA
3	Đánh Giá Phương Pháp Thi Công	A	A	A

Lưu Ý: Y = Trong Các Tháng Như Được Quy Định
 NC = Không Được Nêu Rõ Ràng

A = Đạt
 AA = Gần Đạt

Phụ Lục 7

BẢNG 5: SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU VỚI SAU HIỆU CHỈNH SAI LỆCH

STT	Nội Dung	Nhà Thầu Số 3		Nhà Thầu Số 4		Nhà Thầu Số 6	
		Ngoại Tệ (Y)	Nội Tệ (LC)	Ngoại Tệ (US\$)	Nội Tệ (LC)	Ngoại Tệ (Y)	Nội Tệ(LC)
1	Giá Dự Thầu (Khi Nộp Thầu) Bao Gồm Giảm Giá	1.904.999.010,00	82.989.651,40	27.041.671,80	78.632.798,60	1,477.007,041,00	81,989,030,40
2	Giá Dự Thầu (Sau Sửa Lỗi Số Học và Giảm Giá)	1.906.166.590,00	83.023.676,90	27.043.746,80	78.634.993,10	1.477.007.901,00	81.991.984,40
3	Khoản Tiền sẽ phải Hiệu Chỉnh đối với Các Sai Lệch (a) Thương Mại (b) Kỹ Thuật	- -	- -	- -	- -	- -	- 286.500,00
4	Tổng từ (2) đến (3)	1.906.166.590,00	83.023.676,90	27.043.746,80	78.634.993,10	1.477.007.901,00	82.278.484,40
5	Chuyển đổi sang Đồng Nội Tệ để So Sánh	133.087.644,60		140.267.692,00		121.091.298,00	
6	Xếp Hạng	(2)		(3)		(1)	

¹ Căn cứ vào tỷ giá hối đoái bán ra: _____

**BẢNG 6: SO SÁNH THIẾT BỊ THI CÔNG
(DỰ TOÁN CỦA KỸ SƯ SO VỚI ĐỀ XUẤT CỦA NHÀ THẦU SỐ 6)**

Hạng Mục	Nội Dung	Dự Toán Của Kỹ Sư		Nhà Thầu Số 6	
		Công Suất	Số lượng	Công Suất	Số lượng
1	Vận Chuyển Đất				
1.1	Xe Ủi Đất	32t	2	32 t	1
1.2	Xe Ủi Đất	15/25t	5	15/25 t	4
1.3	Máy Xúc	1,2 m ³	2	1,5 m ³	1
1.4	Máy Xúc	0,7 m ³	2	0,7/1,2 m ³	4
1.5	Xe Xúc Lật	2,3 m ³	4	2,5 m ³	2
1.6	Xe Ben	11t	24	11t	20
1.7	Máy Khoan Khí Nén	100kg	2	150kg	2
1.8	Máy Nén Khí Di Động	10,5m ³ / tối thiểu	2	5 m ³ /tối thiểu	3
2	Vận Chuyển				
2.1	Toa Moóc Một Cầu Gầm Thấp	30t	1	20t	1
2.2	Xe Tải Hàng	8t	4	4,8t	3
2.3	Xe Phun Tưới Nước	6kl	2	6kl	2
2.4	Xe Cầu Thủy Lực	20 t	1	20t	1
2.5	Xe San Gạt Đất	150 kW	2	150 kW	1
3	Công Trình Đào Hầm				
3.1	Máy Khoan Lớn – 2 cần	5	55 kW	2	
3.2	Xe Vận Chuyển	40m ³ /h	4	4,5t	3
3.3	Máy Xúc Lật Hai Bên	2.3m ³	2	1,9 m ³	2
3.4	Máy Xúc Lật Hai Bên	1.6m ³	1	-	
3.5	Xe Goòng	3.8 m ³	2	3,2 m ³	1
3.6	Máy Phun Bê Tông	6 m ³ /h	6	5,12 m ³ /h	4
3.7	Máy Khoan Thủy Lực	180kg	8	110 kW	2
3.8	Máy Nén Không Khí	17 m ³ / tối thiểu	6	18,26 m ³ /tối thiểu	8
3.9	Xe Ben	-	-	11t	6

Phụ Lục 8

Trang 2/2

Hạng Mục	Nội Dung	Dự Toán Của Kỹ Sư		Nhà Thầu Số 6	
		Công Suất	Số Lượng	Công Suất	Số Lượng
4	Công Việc Khoan và Trát				
4.1	Máy Khoan	7,5 kW	3	5,5 kW	4
4.2	Máy Bơm Vữa	11 kW	6	18,5 kW	2
4.3	Máy Bơm Vữa	7,5 kW	2	7,5 kW	4
4.4	Máy Trộn Vữa	200 L	8	200 L	4
5	Sản Xuất Đá Dăm				
5.1	Máy Nghiền Đá	105 tấn/giờ	1 Bộ	40 tấn/giờ	2
6	Sản Xuất và Xử Lý Bê Tông				
6.1	Nhà Máy Trộn Bê Tông Tươi	36/48 m ³ /giờ	2 Bộ	30/50 m ³ /giờ	2 Bộ
6.2	Xe Trộn Bê Tông	4,5 m ³ /giờ	16	6 m ³ /giờ	8
6.3	Xe Bơm Bê Tông	80 m ³ /giờ	6	-	-
6.4	Thùng Trộn Bê Tông	1,5 m ³	2	-	
6.5	Xe Tải Cầu	30 t	1	-	-
6.6	Máy Bơm Bê Tông			60-70 m ³ /giờ	4
7	Máy Móc và Thiết Bị Khác				
7.1	Máy Phát Điện		-	100 450 kVA	15

Ghi chú: Đạt yêu cầu, tuy nhiên, Máy Khoan Lớn không đáp ứng đủ yêu cầu cho Công Trình Hàm

Phụ Lục 9

BẢNG 7: THẦU PHỤ

		Công Trình Sẽ Giao Thầu Phụ		Nhà Thầu Phụ		
Nhà Thầu Số	Hạng Mục Công Trình		Giá Trị	Tên	Kinh Nghiệm	Đánh Giá
3	4.1 - 4.7	Kiến Trúc và Điện Nước	3.125.000 Đồng Nội Tệ	Nhà Thầu Phụ Số 1	(a) Kiến Trúc, Cơ Khí và Hệ Thống Điện cho Nhà Máy Giày Thể Thao	Chấp Nhận Được
	5.1 – 5.5	Hệ Thống Điện	2.250.000 Đồng Nội Tệ		(b) Kiến trúc và Hệ Thống Điện cho Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế	
	1.2.3 / 001	Hệ Thống Cọc	205.000 Đồng Nội Tệ		30 dự án thi công cọc	
6	1.1.4 / 001	Khoan Cọc Bê Tông	45.508.500 Yên Nhật	Nhà Thầu Phụ Số 2	Một số hợp đồng thầu cọc bê tông đã nộp	Chấp Nhận Được
	1.2.3 / 001		121.200 Đồng Nội Tệ			
4	5.1 - 5.5	Hệ Thống Điện	2.400.000 Đồng Nội Tệ	Nhà Thầu Phụ Số 3	(a) Nhà Máy Điện xxxxx – Hạng Mục Đường Ống và Hạng Mục Cơ Điện (b) Nhà máy Thủy Điện xxxxxx - Hệ thống điện	Chấp Nhận Được

Phụ Lục 10

BẢNG 8: TIẾN ĐỘ THANH TOÁN
(Nhà Thầu Số 6)

Kỳ Thanh Toán tính theo Tháng	Ngoại Tệ (1000 Yên)	Nội Tệ (1000 Đồng Nội Tệ)	Tổng Cộng (1000 Đồng Nội Tệ)
1-3 Năm Thứ Nhất	177.840	10.308	14.982
4-6	81.652	5.141	7.287
7-9	83.651	5.475	7.673
10-12	76.307	5.515	7.520
13-15 Năm Thứ Hai	78.960	6.572	8.647
16-18	70.310	5.693	7.541
19-21	73.233	5.976	7.901
22-24	89.160	5.000	7.343
25-27 Năm Thứ Ba	81.674	4.038	6.184
28-30	78.949	3.918	5.993
31-33	74.636	3.300	5.261
34-36	80.948	3.261	5.388
37-39 Năm Thứ Tư	78.562	3.064	5.129
40-42	96.041	3.803	6.327
43-45	101.630	4.111	6.782
46-48	89.403	3.361	5.711
49-51 Năm Thứ Năm	43.501	2.068	3.211
52-54	16.215	1.082	1.509
55-57	3.240	254	338
58-60	822	37	59
61-63 Năm Thứ Sáu	274	12	19
64-66	0	0	0
67-69	0	0	0
69-72	0	0	0
Tổng cộng	1.477.008	81.990	120.805

Ghi chú: Đáp Ứng: Phù Hợp với Tiến Độ Thi Công

Phụ Lục 11

**BẢNG 9: CÁC TRANG THIẾT BỊ XÂY DỰNG
(Nhà Thầu Số 6)**

1. Nhà Máy Sản Xuất Đá Dăm	(i) Vị trí: giữa kênh xả nước và đập tái điều chỉnh công suất - 40t/giờ (ii) Khu vực Đập Nhận Nước - công suất 40t/giờ
2. Máy Móc Thông Thường	(i) Khu vực Đập Nhận Nước - công suất 50 m ³ /giờ (ii) Khu vực cửa vào công trình xây dựng Số 5 - 30 m ³ /giờ
3. Các Hệ Thống Cấp Nước	Chưa đề cập đến các hệ thống cấp nước cho các văn phòng, lán trại và khu vực thi công ngoài trời; hệ thống cấp nước cho các khu vực khác được chấp nhận.
4. Hệ Thống Cấp Nguồn	15 máy phát điện 100 – 450 kVA tại các địa điểm sử dụng chính khác nhau bao gồm văn phòng, lán trại tổng số 4570 kVA
5. Hệ Thống Thông Tin Liên Lạc	Sử dụng hệ thống thông tin liên lạc sóng vô tuyến VHF từ văn phòng chính đến công trường
6. Phòng Thí Nghiệm	Văn phòng chính, khu vực Đập Nhận Nước và lối vào khu vực công trình xây dựng Số 5 với 150.150 và 300 m ² tương ứng
7. Phòng Y Tế	Tại khu văn phòng chính với 150m ² diện tích sàn
8. Các Văn Phòng	(i) Văn phòng chính – gần trại trung tâm: 900 m ² (ii) Văn phòng tại công trường – gần lối vào cửa đường hầm: 100 m ² (iii) Văn Phòng Kỹ Sư – các vị trí tại công trường xây dựng chính với diện tích mỗi vị trí là 50 m ²
9. Lán Trại	(i) Lán trại nhân viên – gần trại trung tâm : 2080 m ² (ii) Lán trại cho công nhân - gần kênh xả nước: 3650 m ²
10. Xưởng	Khu vực văn phòng chính: 210 m ²
11. Kho	Gần văn phòng chính 375 m ²
Nhận Xét:	Chấp Nhận Được

Phụ lục 12

**BẢNG 10: GIÁ CỦA CÁC HẠNG MỤC CÔNG VIỆC TÍNH THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔNG GIÁ DỰ THẦU
(BẢNG ĐỒNG NỘI TỆ)**

Mục Số	Mô Tả	Dự Toán của Kỹ Sư		Nhà Thầu Số 3		Nhà Thầu Số 4		Nhà Thầu Số 6	
		Giá Trị	% của Tổng Dự Toán	Giá Trị	% của Giá Dự Thầu	Giá Trị	% của Giá Dự Thầu	Giá Trị	% của Giá Dự Thầu
0	Công Việc Chung	9.209.130	6,0	12.316.101	9,2	13.513.615	9,6	7.973.646	16,6
1	Đập Nhận Nước	18.333.401	12,0	17.983.937	13,5	22.600.249	16,1	16.068.377	13,3
1.1	Đập Nhận Nước	9.809.193	6,4	9.497.751	7,1	12.260.671	8,7	8.548.845	7,1
1.2	Hạng Mục Nhận Nước Vào	7.553.862	4,9	7.621.343	5,7	9.420.896	6,7	6.784.408	5,6
1.3	Đập Quan Trắc và Thoát Nước	970.346	0,7	864.843	0,7	918.682	0,7	735.124	0,6
2	Đường Nước	75.957.706	50,4	60.439.350	45,5	60.312.394	43,1	59.690.421	49,4
2.1	Hầm Dẫn Nước	21.559.538	14,1	16.497.668	12,4	16.867.186	12,0	16.271.529	13,5
2.2	Lối Vào Công Trình Số	838.812	0,5	652.234	0,5	677.142	0,5	714.353	0,6
2.3	Đường Hầm Xả	1.866.197	1,2	1.417.677	1,1	1.375.131	1,0	1.569.841	1,3
2.4	Hầm Áp Lực	7.021.007	4,6	7.407.554	5,6	6.359.329	4,6	5.497.266	4,5
2.5	Lối Vào Công Trình Số 3	4.535.495	3,0	3.559.082	2,7	3.601.876	2,6	3.558.086	2,9
2.6	Buồng Thoát Nước	2.770.884	1,8	2.643.825	2,0	2.526.599	1,8	2.139.076	1,8
2.7	Hầm Thoát Nước	28.376.299	18,6	20.913.339	15,8	20.226.765	14,4	21.623.286	17,9

Phụ lục 12

Mục Số	Mô Tả	Dự Toán của Kỹ Sư		Nhà Thầu Số 3		Nhà Thầu Số 4		Nhà Thầu Số 6	
		Giá Trị	% của Tổng Dự Toán	Giá Trị	% của Giá Dự Thầu	Giá Trị	% của Giá Dự Thầu	Giá Trị	% của Giá Dự Thầu
2.8	Lối Vào Công Trình Số 4 & 5	3.948.435	2,6	2.716.744	2,0	2.816.024	2,0	3.310.349	2,7
2.9	Cửa Xả Nước	1.614.839	1,1	981.769	0,7	1.210.571	0,9	1.407.1656	1,2
2.10	Đập Xả Điều Lưu	4.426.200	2,9	3.644.458	2,7	4.651.771	3,3	3.598,999	3,0
3	Nhà Máy Điện	37.821.071	24,7	30.793.505	23,1	3.587.834	23,9	28.507.341	23,6
3.1	Máy Phát Điện	20.264.298	13,3	16.414.159	12,3	19.758.437	14,1	15.538.506	12,9
3.2	Cửa Đường Hàm	8.445.012	5,5	6.198,076	4,7	6.150.387	4,4	6.139.315	5,1
3.3	Đường Hàm Xả	1.002.915	0,7	813.393	0,6	840.007	0,6	6.647.457	0,5
3.4	Máng Dẫn Cấp	2.569.843	1,7	3.389.238	2,5	2.630.733	1,9	2.089.904	1,7
3.5	Đường Hàm 1 & 2	2.648.020	1,7	1.874.008	1,4	2.127.978	1,5	1.947.299	1,6
3.6	Khu Vực Điều Khiển Ngoài Trời & Công Cụ Đo Lường	2.890.983	1,8	2.104.629	1,6	2.080.292	1,4	2.194.860	1,8
4	Công Việc Kiến Trúc & Điện Nước	7.299.148	4,8	8.364.182	6,3	6.490.238	4,6	5.684.203	4,7
5	Công Việc Về Điện	2.328.949	1,5	2.467.616	1,9	2.527.930	1,8	1.699.743	1,4
6	Ngày Công	968.061	0,6	722.953	0,5	1.235.432	0,9	1.181.067	1,0
Tổng Cộng		152.917.466	100,0	133.087.644	100,0	140.267.692	100,0	120.804.80	100,0

VÍ DỤ 3

BÁO CÁO XÉT THẦU

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG, GIAO HÀNG VÀ LẮP ĐẶT

THỦ TỤC ĐẤU THẦU HAI GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

Để bảo vệ quyền tự chủ của các bên vay, các Cơ quan Thực hiện Dự án, và các nhà thầu có liên quan, chúng tôi đã xóa bỏ thông tin dẫn chiếu đến tên của bên vay, quốc gia và đồng tiền của bên vay, Cơ quan Thực hiện Dự án, tên và địa chỉ của Cơ quan Thực hiện Dự án và địa điểm dự án, tên của các nhà thầu và đại diện của nhà thầu, số và tên khoản vay của ADB.

Bên vay, quốc gia của bên vay, Cơ quan Thực hiện Dự án, tên và địa chỉ của Cơ quan Thực hiện Dự án và địa điểm dự án, tên của đại diện các nhà thầu, và số và tên, của khoản vay ADB đã được thay thế bằng các chữ cái "x", tên của đồng tiền của bên vay được gọi là "Đồng Nội Tệ (LC)", và các nhà thầu được đánh số và được gọi là "Nhà Thầu Số 1", "Nhà Thầu Số 2", v.v.

MẪU THƯ CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Số Tham Chiếu của Chúng Tôi: 62181xxwx006

Ngày 27 tháng 09 năm 2006

Giám Đốc
Bộ Phận Năng Lượng, Vụ Nam Á
6 Đại Lộ ADB
Thành phố Mandaluyong 1550, Philippines

Về: Khoản Vay Số xxxx-xxx: xxxxxx Hợp Đồng Nâng Cấp Nhà Máy Điện cho xxxxxx Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện của Gói Thầu Số 15/xxxxxx/06 (CB)

Thưa Ông,

Theo các quy định của Hiệp định Vay vốn, chúng tôi đã mời thầu cho hợp đồng trên theo phương thức đấu thầu Hai Túi Hồ Sơ (Hai Giai Đoạn) của ADB. Chúng tôi gửi kèm theo đây ba (3) bản sao Báo Cáo Xét Thầu (Đề Xuất Kỹ Thuật) cho Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx, Gói Thầu Số 15/xxxxxx/06 (ICB) để ADB xem xét và phê duyệt.

Chúng tôi mong sớm nhận được trả lời của Ông về vấn đề này.

Kính thư,

Đã Ký
Phó Giám Đốc Điều Hành
xxxxxx

Tài liệu gửi kèm: Ba bản Báo Cáo

XXXXXX

**BÁO CÁO XÉT THẦU
(ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT)**

ĐỐI VỚI

DỰ ÁN CẢI TẠO NHÀ MÁY ĐIỆN XXXXXX

GÓI THẦU SỐ 15/XXXXXX/06 (ICB)

KHOẢN VAY ADB SỐ XXXX-XXX

DỰ ÁN NÂNG CẤP NHÀ MÁY ĐIỆN XXXXXX

NGÀY 26 THÁNG 09 NĂM 2006

MỤC LỤC

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG, GIAO HÀNG VÀ LẮP ĐẶT

1.	GIỚI THIỆU	140
1.1	Tổng Quan	140
1.2	Nộp Hồ Sơ Dự Thầu	140
1.3	Mở Thầu	140
1.4	Dữ Liệu Đấu Thầu	140
1.5	Hội Đồng Xét Thầu	141
2.	KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU	141
2.1	Danh Sách Nhà Thầu	141
2.2	Tài Liệu Dự Thầu (Đề Xuất Kỹ Thuật)	141
2.3	Tính Hợp Lệ của Chữ Ký và Giấy Ủy Quyền	142
3.	XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU	142
3.1	Tư Cách Hợp Lệ của Các Nhà Thầu và Tính Hợp Lệ của Hàng Hóa	142
3.2	Năng Lực của Các Nhà Thầu	142
3.3	Tuân Thủ Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại	144
3.3.1	Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu và Bảo Lãnh Dự Thầu	144
3.3.2	Điều Khoản Thanh Toán và Quan Ngại đối với Các Điều Kiện Thương Mại	144
3.3.3	Thời Hạn Hoàn Thành/Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng	146
4.	ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT	146
4.1	Các Hồ Sơ Dự Thầu Không Đáp Ứng và Các Hồ Sơ Dự Thầu Đáp Ứng	146
4.2	Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật của Các Hồ Sơ Đáp Ứng	146
4.2.1	Nhà Thầu Số 1	147
4.2.2	Nhà Thầu Số 2	148
4.2.3	Nhà Thầu Số 3	151
4.2.4	Nhà Thầu Số 6	154
4.2.5	Nhà Thầu Số 7	156
4.3	Làm Rõ Hồ Sơ Dự Thầu và Thảo Luận	159
5.	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	159

CÁC PHỤ LỤC

<i>Phụ Lục 1</i>	<i>Biên Bản Mở Thầu</i>	160
<i>Phụ Lục 2</i>	<i>Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu</i>	163
<i>Phụ Lục 3</i>	<i>Bảng 1: Kiểm Tra Tính Hoàn Chính của Hồ Sơ Dự Thầu</i>	164
<i>Phụ Lục 4</i>	<i>Bảng 2: Đánh Giá Năng Lực của Các Nhà Thầu</i>	165
<i>Phụ Lục 5</i>	<i>Bảng 3: Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Các Hồ Sơ Dự Thầu</i> <i>(Các Điều Khoản Thương Mại)</i>	167
<i>Phụ Lục 6</i>	<i>Bảng 4: Các Đặc Điểm Kỹ Thuật Nổi Bật của Các Hồ Sơ Dự Thầu</i> <i>(Các Đề Xuất Kỹ Thuật)</i>	170

1. GIỚI THIỆU

1.1 Tổng Quan

xxxxxx đã nhận một khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tài trợ chi phí thực hiện chương trình nâng cấp Nhà Máy Điện xxxxxx. Theo dự tính, một phần tiền giải ngân của khoản vay này sẽ được sử dụng để thực hiện các khoản thanh toán hợp lệ cho việc cung cấp thiết bị, lắp đặt, thử nghiệm và đưa vào khai thác, và các dịch vụ kỹ thuật liên quan trong việc cải tạo và nâng cấp Nhà Máy Điện xxxxxx. Các hạng mục này đã được mời thầu. Như quy định trong Phụ Lục 4 của Hiệp định Vay vốn, phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ của ADB đã được áp dụng.

Thông Báo Mời Thầu đã được đăng trong các số ngày 22 và 25 tháng 04 năm 2006 của tờ báo tiếng Anh phát hành tại địa phương, xxxxxx và xxxxxx và trên website của ADB vào ngày 25 tháng 04 năm 2006. Báo cáo vắn tắt về việc đăng Thông Báo Mời Thầu, bao gồm thông tin về tên các tờ báo, ngày đăng quảng cáo đã được gửi cho ADB kèm theo thư của xxxxxx ngày 28 tháng 04 năm 2006. Khảo sát thực địa và cuộc họp tiền đấu thầu đã được tổ chức vào ngày 05 tháng 06 năm 2006 tại Nhà Máy Điện xxxxxx như quy định trong hồ sơ mời thầu. Mười (10) nhà thầu tiềm năng trong tổng số mười lăm (15) công ty mua hồ sơ mời thầu, đã tham gia khảo sát công trường và họp tiền đấu thầu. Biên bản của cuộc họp tiền đấu thầu được lập và gửi cho các công ty đã mua hồ sơ mời thầu. Trên cơ sở kết quả của cuộc họp tiền đấu thầu, một phụ lục của hồ sơ mời thầu đã được phát hành vào ngày 07 tháng 06 năm 2006 nhằm làm rõ một số khía cạnh nhất định của các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Bản sao của phụ lục đã được gửi cho ADB kèm theo thư của xxxx ngày 09 tháng 06 năm 2006.

1.2 Nộp Hồ Sơ Dự Thầu

Thời hạn nộp hồ sơ dự thầu không được gia hạn trong thời hạn đấu thầu và xxxxx đã kết thúc nhận hồ sơ dự thầu vào hồi 10:30 sáng giờ địa phương ngày 25 tháng bảy năm 2006, theo như kế hoạch. Trong tổng số mười lăm (15) công ty mua hồ sơ mời thầu, có bảy (7) nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu.

1.3 Mở Thầu

Các hồ sơ dự thầu được Hội Đồng Mở Thầu mở theo đúng kế hoạch trong hồ sơ mời thầu, vào hồi 11 giờ sáng ngày 25 tháng 07 năm 2006 tại phòng họp, tầng hai của Tòa Nhà Hành Chính của Nhà Máy Điện, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu. Tên của các nhà thầu được đọc và ghi nhận trong biên bản. Hội Đồng Mở Thầu đã mở các túi hồ sơ đựng đề xuất kỹ thuật và kiểm tra tài liệu. Tất cả các giấy tờ cần thiết, các mẫu và biểu được các thành viên của Hội Đồng ký. Các điều kiện của các túi hồ sơ thứ hai chứa đề xuất về giá được kiểm tra kỹ và được các thành viên của Ban ký trên mỗi túi hồ sơ. Biên Bản Mở Thầu được lập ngay sau khi các hồ sơ dự thầu được thông báo và bản sao của Biên Bản Mở Thầu được cung cấp cho ADB kèm theo thư của xxxxxx ngày 29 tháng 07 năm 2006. Bản sao Biên Bản Mở Thầu là **Phụ Lục 1** kèm theo.

1.4 Dữ Liệu Đấu Thầu

Thông tin quan trọng của quá trình đấu thầu đã được thu thập để chuẩn bị sẵn sàng khi cần đến. Thông tin cơ bản về quá trình đấu thầu được tóm tắt và trình bày trong **Phụ Lục 2**.

1.5 Hội Đồng Xét Thầu

Hội Đồng Xét Thầu gồm có bốn chuyên viên có thâm niên công tác của xxxxxx được thành lập theo quyết định của Giám Đốc Điều Hành. Hội Đồng được nhân sự của Phòng Quản Trị của Nhà Máy Điện xxxxxx hỗ trợ. Các thành viên của Hội Đồng Xét Thầu là:

- | | |
|-----------------------|--|
| (1) Chủ Tịch | Tổng Giám Đốc, Nhà Máy Điện |
| (2) Thành Viên | Kỹ Sư Trưởng, Nhà Máy Điện |
| (3) Thành Viên | Trưởng Phòng Kế Hoạch, xxxxxx |
| (4) Thành Viên/Thư Ký | Trưởng Phòng Quản Trị và Tài Chính, Nhà Máy Điện |

Hội Đồng ra quyết định trên cơ sở nhất trí của tất cả các thành viên; trong trường hợp các thành viên không thể đạt được quyết định đồng thuận về một số vấn đề nhất định, các vấn đề này được trình Giám Đốc Điều Hành của xxxxxx để xem xét quyết định.

2. KIỂM TRA TÍNH HOÀN CHỈNH CỦA CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU

2.1 Danh Sách các Nhà Thầu

Tên và quốc tịch của các nhà thầu được nêu trong bảng dưới đây.

Các Nhà Thầu		
Số	Tên	Quốc Tịch
1.	Nhà Thầu Số 1	xxxxxxxxxx
2.	Nhà Thầu Số 2	xxxxxxxxxx
3.	Nhà Thầu Số 3	xxxxxxxxxx
4.	Nhà Thầu Số 4	xxxxxxxxxx
5.	Nhà Thầu Số 5	xxxxxxxxxx
6.	Nhà Thầu Số 6	xxxxxxxxxx
7.	Nhà Thầu Số 7	xxxxxxxxxx

2.2 Tài Liệu Dự Thầu (Đề Xuất Kỹ Thuật)

Cơ quan Thực hiện Dự án đã kiểm tra các đề xuất kỹ thuật được các nhà thầu nộp để thẩm tra rằng các nhà thầu đã nộp tất cả các tài liệu và thông

tin được yêu cầu theo quy định của hồ sơ mời thầu. Những tài liệu sau đây đã được thẩm tra:

- (i) Đơn Dự thầu cùng với đề xuất kỹ thuật và Bảng tiên lượng (chưa bao gồm giá);
- (ii) Thỏa Thuận Liên Danh hoặc Ý Nguyên Thư Tham Gia Thỏa Thuận, nếu được yêu cầu;
- (iii) Có Giấy Ủy Quyền và Tính Hợp Lệ của Chữ Ký;
- (iv) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của các nhà thầu và tính hợp lệ của hàng hóa;
- (v) Tài liệu cần cung cấp để đánh giá năng lực của các nhà thầu, các nhà sản xuất và nhà thầu phụ của các nhà thầu; và
- (vi) Danh mục thông tin và tài liệu cụ thể nhà thầu phải cung cấp nhằm chứng minh rằng hàng hóa tuân thủ hồ sơ mời thầu. Kết quả kiểm tra tính hoàn chỉnh của hồ sơ dự thầu được trình bày trong Bảng 1: Kiểm Tra Tính Hoàn Chỉnh của Hồ Sơ Dự Thầu, như **Phụ Lục 3** kèm theo tài liệu này.

2.3 Tính Hợp Lệ Của Chữ Ký Và Thư Ủy Quyền

Tất cả tài liệu được ký đúng theo Hướng Dẫn Nhà Thầu và các hiệu chỉnh cũng được người được ủy quyền ký tất. Giấy ủy quyền cho người ký các hồ sơ dự thầu được chấp nhận. Thông tin này được đưa vào Bảng 1, **Phụ Lục 3**.

3. XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

3.1 Tư Cách Hợp Lệ của các Nhà Thầu và Tính Hợp Lệ của Hàng Hóa

Các Điều 4 và 5 của tài liệu Hướng Dẫn Đối Với Nhà Thầu của hồ sơ mời thầu quy định rằng nhà thầu, và hàng hóa và dịch vụ được cung cấp phải xuất phát từ một quốc gia hợp lệ của ADB. Tất cả các nhà thầu đều nộp giấy chứng nhận và tài liệu cần thiết chứng minh rằng các nhà thầu đều mang quốc tịch của một quốc gia thành viên hợp lệ của ADB. Hơn nữa, tất cả các nhà thầu đã nộp giấy chứng nhận rằng các nhà thầu không tham gia vào các dịch vụ tư vấn liên quan tới hợp đồng này (Xem Phụ Lục 5, Bảng 3 về Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản của Các Hồ Sơ Dự Thầu đối với Các Điều Khoản Thương Mại).

3.2 Năng Lực của Các Nhà Thầu

Điều 19 của Hướng Dẫn Nhà Thầu, Hồ sơ mời thầu quy định rằng mỗi nhà thầu nộp kèm theo hồ sơ dự thầu của mình bằng chứng về năng lực kỹ thuật, năng lực tài chính và kinh nghiệm trước đây trong các công trình tương tự bằng cách điền các mẫu và biểu được cung cấp trong hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu đã điền thông tin và nộp các mẫu và biểu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu và chỉ có một vài yêu cầu bổ sung thông tin và làm rõ hồ sơ dự thầu. Việc rà soát thông tin chi tiết để xác định liệu nhà thầu có năng lực thực hiện các yêu cầu của hợp đồng

đã được thực hiện phù hợp với các quy định của hồ sơ mời thầu. Kết quả của việc rà soát được tổng hợp trong Bảng 2: Đánh Giá Năng Lực của Các Nhà Thầu, như **Phụ Lục 4** đính kèm. Kết luận của việc rà soát được trình bày ngắn gọn dưới đây.

(a) Nhà Thầu Số 1

Năng lực tài chính và kỹ thuật của nhà thầu này vững chắc. Nhà Thầu số 1 có kinh nghiệm sâu rộng trong các dự án chìa khóa trao tay về các nhà máy điện chạy bằng năng lượng hóa thạch và trong các dự án cải tạo và cải tiến trong nước và nước ngoài. Nhà Thầu số 1 được coi là có năng lực để thực hiện hợp đồng này.

(b) Nhà Thầu Số 2

Năng lực tài chính và kỹ thuật của nhà thầu này đạt yêu cầu. Nhà Thầu Số 2 đã nộp danh sách kinh nghiệm trước đây cho thấy rằng nhà thầu này có kinh nghiệm sâu rộng về các nhà máy điện chạy bằng năng lượng hóa thạch cả trong và ngoài quốc gia của nhà thầu. Nhà Thầu Số 2 được xem là đủ năng lực thực hiện hợp đồng này.

(c) Nhà Thầu Số 3

Năng lực tài chính và kỹ thuật tương xứng với yêu cầu của hợp đồng này. Nhà Thầu Số 3 đã thực hiện và hoàn thành khá nhiều nhà máy điện có quy mô khác nhau theo nguyên tắc chìa khóa trao tay cả trong và nước ngoài. Nhà thầu đã nộp bằng chứng tài liệu về nhà máy điện 110 MW với trị giá hợp đồng 15 triệu đô la Mỹ và nhà máy điện 3x50 MW với trị giá hợp đồng 22 triệu đô la Mỹ. Nhà Thầu Số 3 được xem là đủ năng lực thực hiện hợp đồng này.

(d) Nhà Thầu Số 4

Nhà Thầu Số 4 có năng lực tài chính và kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối tác đứng đầu của liên danh là công ty phân phối và cung cấp điện có kinh nghiệm thiết kế và quản lý dự án các nhà máy điện. Tuy nhiên, nhà thầu liên danh đứng đầu không thể cung cấp bằng chứng về kinh nghiệm của mình trong sản xuất và xây dựng các nhà máy điện mới hay các công trình cải tạo có tính chất tương tự. Thư chứng nhận việc thực hiện công trình được nhà thầu nộp là do kỹ sư hiện trường cấp đối với dự án truyền tải điện, không phải do chủ đầu tư (người tiêu dùng) xác nhận.

Ngoài ra, mặc dù đối tác thứ hai trong liên danh là một công ty điện lực, nhưng cả hai công ty đều không cung cấp được bằng chứng về kinh nghiệm trong các công trình kỹ thuật lớn được thực hiện ở nước ngoài, như được quy định rõ trong Điều 17.3 (a) của tài liệu Chỉ Dẫn Đối Với Nhà Thầu. Do vậy, Hội Đồng Xét Thầu cho rằng Nhà Thầu Số 4 không đủ năng lực thực hiện hợp đồng.

(e) Nhà Thầu Số 5

Nhà Thầu Số 5 đáp ứng năng lực về tài chính và kỹ thuật. Nhà thầu số 5 có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu trong xxxxx, tuy nhiên nhà thầu không thể đưa ra bằng chứng thỏa đáng về kinh nghiệm ngoài xxxxx, như quy định của hồ sơ mời thầu. Kinh nghiệm trong hồ sơ nhà thầu này nộp là về khảo sát, thiết kế và xây dựng đường dây truyền tải cho một hệ thống phân phối điện năm 1989. Chi phí của dự án là 4 triệu đô la Mỹ. Một dự án như vậy không thể xem là một công trình kỹ thuật lớn như theo quy định tại Điều 17.3 (a) của tài liệu Chỉ Dẫn Đối Với Nhà Thầu. Nhà Thầu Số 5, do vậy, không đủ năng lực thực hiện hợp đồng này.

(f) Nhà Thầu Số 6

Năng lực tài chính và kỹ thuật của Nhà Thầu 6 khá mạnh. Đối tác trong liên danh xxxxx đã thực hiện nhiều dự án nhà máy điện theo hình thức chìa khóa trao tay lớn ở xxxxx và nước ngoài bao gồm cả các dự án cải tạo và nâng cấp các trạm phát điện. Dưới đây là những ví dụ:

* Kinh Nghiệm Thực Hiện Dự Án Trong Nước
Nhà Máy Điện xxxxx 4x200 MW Chìa khóa trao tay

Nhà Máy Điện xxxxx (Cải tạo) 6 x 200 MW Chìa khóa trao tay

* Kinh Nghiệm Thực Hiện Dự Án Ở Nước Ngoài
Nhà Máy Điện xxxxx 2x210 MW xxxxx
Nhà Máy Điện xxxxx 2x250 MW xxxxx

Nhà Thầu Số 6 được xem là đủ năng lực thực hiện hợp đồng.

(g) Nhà Thầu Số 7

Năng lực tài chính và kỹ thuật của liên danh đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối tác liên danh xxxxxx có kinh nghiệm tốt trong nhiều dự án nhà máy điện chạy bằng năng lượng hóa thạch tại xxxxxx. Việc nâng cấp và mở rộng nhà máy điện (chi phí dự án 15 triệu đô la Mỹ) tại xxxxxx vào năm 1991 được xem là công trình xây dựng lớn được đáp ứng quy định của Điều 17.3 (a) của Hướng Dẫn Nhà Thầu. Nhà Thầu Số 7 được xem là đủ năng lực thực hiện hợp đồng này.

3.3 Tuân Thủ Các Điều Khoản và Điều Kiện Thương Mại**3.3.1 Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu và Bảo Lãnh Dự Thầu**

Thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu ít nhất là 180 ngày kể từ ngày mở thầu như được quy định trong hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu chào thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu theo đúng yêu cầu. Như quy định tại hồ sơ mời thầu, tất cả các nhà thầu xác nhận rằng họ đã nộp bảo lãnh dự thầu trong đề xuất về giá của họ.

3.3.2 Điều Kiện Thanh Toán và Các Quan Ngại đối với Các Điều Kiện Thương Mại

Tất cả các nhà thầu đều chấp nhận các điều kiện và điều khoản của hồ sơ mời thầu đối với các khoản thanh toán và cũng chấp nhận các quy định về hiệu chỉnh giá và cơ chế xác định các khoản hiệu chỉnh giá được quy định trong hồ sơ mời thầu. Không đề xuất nào của các nhà thầu có các quan ngại nghiêm trọng đối với các điều kiện thương mại quan trọng của hồ sơ mời thầu. Tất cả các nhà thầu đều chấp nhận các quy định về bồi thường thiệt hại, các bảo hành vận hành và điều chỉnh tương ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo hiểm và các quy định khác về vận chuyển hàng hóa, điều kiện bảo hành, và dịch vụ sau bán hàng.

3.3.3 Thời Gian Hoàn Thành/Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng

Tiến độ thực hiện hợp đồng và trình tự bàn giao các hạng mục chính của nhà máy đã được đánh giá chi tiết và so sánh với các quy định của hồ sơ mời thầu. Tiến độ thực hiện hợp đồng được các nhà thầu chào thầu nhìn chung đều hợp lý. Toàn bộ tiến độ thực hiện hợp đồng được các nhà thầu đề xuất đều đáp ứng yêu cầu về thời gian hoàn thành dự án là 21 tháng đối với toàn bộ phạm vi công việc. Tuy nhiên, thời gian hoàn thành của Nhà Thầu Số 2 và Nhà Thầu Số 6 cho công việc cải tạo hệ thống 60MW là dài hơn 2 tháng so với thời gian đã quy định là 16 tháng (Xem Bảng 3: Khả Năng Đáp Ứng Cơ Bản Của Các Hồ Sơ Dự Thầu, Phụ Lục 5).

Các sai lệch này được xem là nhỏ và do vậy không dẫn tới việc loại các hồ sơ dự thầu. Các vấn đề này phải được trao đổi với các nhà thầu trong các buổi trao đổi về Các Yêu Cầu Kỹ Thuật. Trong trường hợp các nhà thầu phải duy trì tiến độ đã đề xuất do năng lực kỹ thuật, việc hiệu chỉnh giá trong phạm vi cần thiết sẽ được thực hiện theo các điều khoản được quy định trong hồ sơ mời thầu khi đánh giá các đề xuất về giá.

4. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

4.1 Các Hồ Sơ Dự Thầu Không Đáp Ứng và Các Hồ Sơ Dự Thầu Đáp Ứng

Như đã thảo luận trong Mục 3, cụ thể là tiểu mục 3.2, Năng Lực của Các Nhà Thầu, trong số bảy (7) nhà thầu đã nộp đề xuất, hồ sơ dự thầu của năm (5) nhà thầu đã được xác định là đáp ứng cơ bản. Hai (2) nhà thầu còn lại đã được xác định là không đáp ứng vì họ không đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kinh nghiệm được quy định trong hồ sơ mời thầu. Các hồ sơ dự thầu của họ đã bị loại và do vậy không được tiếp tục đánh giá. Danh sách các nhà thầu đáp ứng và không đáp ứng như sau:

- A. Các Nhà Thầu Đáp Ứng
 - 1) Nhà Thầu Số 1
 - 2) Nhà Thầu Số 2
 - 3) Nhà Thầu Số 3
 - 4) Nhà Thầu Số 6
 - 5) Nhà Thầu Số 7

- B. Các Nhà Thầu Không Đáp Ứng
- 1) Nhà Thầu Số 4
 - 2) Nhà Thầu Số 5

4.2 Đánh Giá Các Yêu Cầu Kỹ Thuật của Các Hồ Sơ Dự Thầu Đáp Ứng

Phạm vi cung cấp, thông tin kỹ thuật, và dữ liệu được các nhà thầu chào đã được xem xét kỹ về chi tiết và được so sánh với các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Cả năm nhà thầu đã nộp thông tin hoàn chỉnh về cơ bản và nói chung đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Do tính chất của công việc cải tạo và quy mô của nhà máy, Cơ quan Thực hiện Dự án đã yêu cầu các nhà thầu làm rõ nhiều vấn đề và cung cấp thông tin bổ sung để đánh giá khả năng chấp nhận về mặt kỹ thuật và các tiêu chuẩn về hàng hóa và dịch vụ được chào, và cũng để đánh giá tính hoàn chỉnh của phạm vi công việc nâng cấp cải tạo. Kết quả của việc rà soát được tổng hợp trong Bảng 4: Các Đặc Điểm Kỹ Thuật Nổi Bật của Hồ Sơ Dự Thầu (đề xuất kỹ thuật) trong Phụ Lục 6 đính kèm. Xét về tổng thể, tất cả các đề xuất kỹ thuật của các nhà thầu về cơ bản đã đáp ứng và chỉ có một vài yêu cầu nhỏ cần điều chỉnh. Các điều chỉnh nhỏ phải thực hiện được liệt kê như sau:

4.2.1. Nhà Thầu Số 1

(a) Mục 1: Nồi Hơi và Thiết Bị Phụ Trợ

Đề xuất của Nhà Thầu Số 1 đã trình bày phạm vi cung cấp và dịch vụ hoàn chỉnh có kèm các bản vẽ liên quan. Nhà thầu chào danh mục chi tiết về đường ống, van và các dụng cụ. Tuy nhiên, do tính chất của công trình cải tạo, các danh mục còn hạn chế này không được chấp nhận. Các danh mục này chỉ được xem là cung cấp thông tin và Nhà Thầu Số 1 phải chịu trách nhiệm cung cấp bất kỳ ống dẫn, van và các vật tư nào cần thiết cho việc cải tạo.

- (i) Hệ Thống Phun Hóa Chất: cần thêm thông tin về phạm vi cung cấp; và
- (ii) Nhà Thầu Số 1 đảm bảo hiệu suất không thấp hơn 89% tại MCR cho lưu lượng hơi nước 250 tấn/giờ; thấp hơn mức 90.5% được quy định trong hồ sơ mời thầu. Vấn đề này sẽ được trao đổi với Nhà Thầu Số 1 và trong trường hợp hiệu suất này phải được giữ nguyên, Cơ quan Thực hiện Dự án sẽ phải hiệu chỉnh giá trong phạm vi cần thiết phù hợp với các điều khoản được quy định của hồ sơ mời thầu trong khi đánh giá các đề xuất về giá.

(b) Mục II: Tuốc bin và Thiết Bị Phụ Trợ

Thông số kỹ thuật được đề xuất của Nhà Thầu Số 1 đối với công suất và định mức nhiệt như sau:

- Công Suất Đảm Bảo Được Đề Xuất: 60 MW

- Định Mức Nhiệt Đảm Bảo Được Đề Xuất: 2.325 kcal/kWh

Những số liệu này có thể chấp nhận được và phù hợp với quy cách kỹ thuật. Định mức nhiệt đảm bảo được xác định dựa trên một biểu đồ cân đối nhiệt và phương pháp tính toán được nộp cùng với đề xuất và phù hợp với các quy định của hồ sơ mời thầu.

(c) Mục V: Hệ Thống Thổi Muội Than Mới

Nhà Thầu Số 1 không nộp bất kỳ thông tin nào về việc cung cấp và lắp đặt ống thổi muội không có chức năng thu gom. Cần có thêm thông tin bổ sung và làm rõ thêm vấn đề này.

(d) Mục VII: Thiết Bị Điện

- (i) Ấc quy 110V và 60V
Nhà thầu không nộp thông tin chi tiết. Nhà thầu cần cung cấp tờ rơi, bảng thông số kỹ thuật, và năng lực của các nhà cung cấp thầu phụ, nếu có;
- (ii) Máy Phát Điện, Hệ Thống Kích Từ
Đã Yêu cầu nhà thầu cung cấp thêm thông tin chi tiết về đại tu hệ thống kích từ;
- (iii) Hệ Thống Bảo Vệ của Máy Phát Điện
Nhà thầu không chào thông tin chi tiết; và
- (iv) Các Động Cơ
Nhà thầu không chào thông tin chi tiết về vấn đề đại tu các động cơ 6.6 kV.

(e) Mục VIII: Thiết Bị và Giám Sát

Hệ Thống Điều Khiển Quy Trình và Quản Lý Vận Hành (PCOM) Nhà Thầu Số 1 đề xuất hệ thống điều khiển phân phối kỹ thuật số xxxxxx, được coi là một trong các hệ thống điều khiển kỹ thuật số phổ biến trong ngành năng lượng. Hệ thống xxxxxx được trang bị tất cả các chức năng được quy định trong hồ sơ mời thầu và bao gồm cả các tài liệu mô tả toàn diện về kỹ thuật có liên quan. Dưới đây là các điểm Nhà Thầu Số 1 cần xác nhận.

- Thiết bị cung cấp điện dự phòng (UPS) phải đạt yêu cầu để thực hiện thủ tục tắt nguồn theo quy trình trong tối thiểu 1 giờ.
- Khóa đào tạo về Hệ Thống PCOM được đưa vào phạm vi công việc, và nhà thầu sẽ nộp nội dung chi tiết của chương trình đào tạo Hệ Thống PCOM.

(f) Mục X: Hệ Thống Cứu Hỏa

Thiết bị chạy bơm cứu hỏa với bình chứa dầu diesel. Một bộ máy bơm loại này được đề xuất trong hồ sơ của Nhà Thầu Số 1. Tuy nhiên, nhà thầu không cung cấp thông tin kỹ thuật chi tiết. Nhà thầu cần cung cấp thêm thông tin này.

4.2.2 Nhà Thầu Số 2.

Nhà Thầu Số 2 đã mô tả tổng quát về công việc và trang thiết bị mà họ cung ứng nhưng không cung cấp đủ thông tin và bản vẽ về việc thực hiện công việc, vật tư và thiết bị. Nhà Thầu Số 2 đã giới hạn một vài số lượng hàng cung ứng của mình, mà điều này không được chấp nhận vì nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho công việc cải tạo toàn bộ nhà máy.

(a) Mục I: Nồi Hơi và Thiết Bị Phụ Trợ

(i) Hệ Thống Khí và Khí Thải

Bộ Giảm Âm - Cần cung cấp thêm các đặc tính cơ bản.

Ống khói - Các vật tư được sử dụng để cải tạo nâng cấp phải phù hợp với môi trường ăn mòn. Nhà Thầu Số 2 đã không cung cấp thông tin chi tiết về các nhà cung cấp của mình.

(ii) Hệ Thống Phun Hóa Chất.

Thông tin chi tiết về phạm vi cung ứng và dữ liệu kỹ thuật đã được yêu cầu.

(iii) Giá trị Được Bảo Đảm

Nhà Thầu Số 2 đã bảo đảm hiệu suất không thấp hơn 90,5%, tại MCR của luồng hơi nước 250 tấn/giờ sau khi hoàn thành công trình cải tạo. Tuy nhiên, bảo đảm của nhà thầu chính là yêu cầu có điều kiện được nêu trong đề xuất. Bảo đảm có điều kiện này không được chấp nhận. Nhà thầu cần rút lại các điều kiện này.

(b) Mục 11: Tuốc bin và Thiết Bị Phụ Trợ

Thông số hoạt động đề xuất của Nhà Thầu Số 2 về công suất và định mức nhiệt như sau:

- Công Suất Bảo Đảm Được Đề Xuất: 60MW
- Định Mức Nhiệt Bảo Đảm Được Đề Xuất: 2.408 kcal/kWh.

Công suất trên không thấp hơn so với công suất 60MW được quy định trong hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, định mức nhiệt lại giảm 80kcal/kWh so với con số được quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà Thầu Số 2 không nộp biểu đồ cân đối nhiệt và giải

trình tính toán liên quan. Nhà Thầu Số 2 cần nộp biểu đồ cân đối nhiệt và giải trình tính toán để giải trình cho định mức nhiệt mà nhà thầu đã bảo đảm.

(c) Mục III: Chu Kỳ Nước và Hơi

Hệ Thống Điều Khiển Nước Cấp

Nhà thầu không nộp phạm vi cung ứng, thông số kỹ thuật và các bản vẽ.

(d) Mục IV: Thiết Bị Phụ Trợ

(i) Hệ Thống Dòng Nước Tuần Hoàn

Nhà Thầu Số 2 đã không chào cung cấp phụ tùng thay thế bổ sung cho hệ thống bơm nước tuần hoàn cũng như biện pháp chống ăn mòn cho hệ thống dòng nước tuần hoàn.

(ii) Hệ Thống Nước Làm Mát Bằng Khí Hydro

Các đường ống Trao Đổi Nhiệt. Nhà Thầu Số 2 không nêu rõ rằng nhà thầu sẽ cung cấp 100% đường ống trao đổi nhiệt và ống thông CW và các phụ kiện. Nhà Thầu Số 2 cần xác nhận và cung cấp dữ liệu kỹ thuật.

(e) Mục VI: Cửa Nhận Nước Tuần Hoàn

(i) Thông Số Thiết Kế

Nhà Thầu Số 2 cần xác nhận rằng cửa nhận nước được thiết kế với tốc độ dòng chảy là 26.000 m³/giờ tại L.W.L và lưu lượng qua mỗi màn chắn tại L.W.L là 6.500 m³/giờ. Các giá trị thiết kế phải được thể hiện bằng bản vẽ sơ bộ và các phép tính.

(ii) Phạm Vi Cung Ứng

Nhà Thầu Số 2 không nộp thông tin chi tiết cho việc cung ứng và lắp đặt cần trục 3 tấn. Nhà thầu phải làm rõ vấn đề này và cung cấp thông tin chi tiết.

(f) Mục VIII: Thiết Bị và Giám Sát

(i) Hệ Thống PCOM

Nhà Thầu Số 2 đã đề xuất hệ thống xxxxxx, được coi là một trong các hệ thống điều khiển phân phối kỹ thuật số quan trọng đã được chứng minh trong ngành công nghiệp năng lượng. Hệ thống này được trang bị với đầy đủ mọi chức năng theo yêu cầu và bao gồm cả tài liệu mô tả kỹ thuật có liên quan. Các vấn đề sau cần được Nhà Thầu Số 2 xác nhận:

- Thiết Bị Cung Cấp Nguồn Dự Phòng (UPS) có công suất 25kVA trong khoảng một giờ sẽ được nhà thầu cung cấp.
 - Khóa đào tạo Hệ Thống PCOM sẽ được nhà thầu đưa vào phạm vi công việc, và nội dung chi tiết về chương trình đào tạo PCOM sẽ được nộp.
- (ii) Hệ Thống Cảnh Báo Rung cho Tuốc bin
- Thông tin chi tiết về phạm vi cung ứng cho hệ thống điều khiển I & C cần được nhà thầu nộp cho Cơ quan Thực hiện Dự án.
- (g) Mục IX: Nhà Máy Sản Xuất Hydro
- (i) Nhà Thầu Số 2 cung cấp cần thông tin về hàm lượng ni-tơ, các-bon mono-xít, các-bon đi-ô-xít và nước trong hợp chất Hydrogen;
 - (ii) Nhà Thầu Số 2 không chào mức tiêu thụ điện trên mỗi Nm³ để sản xuất khí Hydrogen. Nhà thầu này cần chào mức tiêu thụ điện được bảo đảm; và
 - (iii) Đề xuất của Nhà Thầu Số 2 không cung cấp đủ thông tin về thiết bị I&C cho nhà máy sản xuất hydro. Nhà thầu này cần cung cấp thông tin cần thiết.
- (h) Mục X: Hệ Thống Cứu Hỏa
- Thông tin nhà thầu đã chào cho máy bơm cứu hỏa chạy bằng diesel và thùng trữ diesel không đủ để đánh giá. Nhà thầu cần làm rõ và cung cấp dữ liệu kỹ thuật bổ sung.
- (i) Mục XVII: Thiết Bị và Giám Sát
- (i) Hệ Thống Thông Tin
- Tờ rơi, bảng thông số kỹ thuật và thông tin mô tả được nhà thầu nộp cùng với thông tin về năng lực của nhà cung cấp thầu phụ. Nhà thầu cần cung cấp thông tin chi tiết về phạm vi cung ứng của hệ thống liên lạc nội bộ và loa phóng thanh.
- (ii) Hệ Thống Báo Cháy
- Nhà Thầu Số 2 cần xác nhận rằng các phụ tùng thay thế được quy định sẽ bao gồm trong phạm vi cung ứng.

4.2.3 Nhà Thầu Số 3

(a) Mục I: Nồi Hơi và Thiết Bị Phụ Trợ

(i) Hệ Thống Khí và Khí Thải

Nhà Thầu Số 3 không cung cấp đầy đủ thông tin về các khớp nối mở rộng của các ống dẫn khí và hút khí. Dữ liệu kỹ thuật cần được nhà thầu nộp để đánh giá tính đầy đủ thông tin của hồ sơ chào thầu.

- Thông tin về các đặc điểm chính của bộ giảm âm cần được nhà thầu cung cấp.
- Vật tư được sử dụng để nâng cấp cải tạo ống khói phải phù hợp với môi trường dễ ăn mòn. Nhà Thầu số 3 không cung cấp thông tin chi tiết.

(ii) Hệ Thống Phun Hóa Chất

Thông tin chi tiết về phạm vi cung ứng và thông số kỹ thuật phải được nhà thầu cung cấp.

(iii) Các Giá Trị Được Bảo Đảm

Nhà Thầu Số 3 bảo đảm hiệu suất không thấp hơn 90,5% tại MCR của luồng hơi nước 250 tấn/giờ sau khi hoàn thành cải tạo là chấp nhận được.

(b) Mục II: Tuốc bin và Thiết Bị Phụ Trợ

Thông số được chào về công suất và định mức nhiệt của Nhà Thầu Số 3 như sau:

- Công Suất Bảo Đảm Được Đề Xuất: 60MW
- Định Mức Nhiệt Bảo Đảm Được Đề Xuất: 2.327kcal/kWh

Công suất và định mức nhiệt là không giảm so với mức quy định. Định mức nhiệt đảm bảo được thể hiện trên các biểu đồ cân đối nhiệt và các tính toán cụ thể.

(c) Mục V: Hệ Thống Ống Thoải Muội Than Mới

Để có thể đánh giá liệu thiết bị được chào có phù hợp với quy cách, nhà thầu phải cung cấp dữ liệu kỹ thuật chi tiết đối với ống thải muội chống co.

(d) Mục IV: Cửa Nhận Nước Tuần Hoàn

Đề xuất của nhà thầu bao gồm phạm vi công việc được quy định trong Mục VI về quy cách. Tuy nhiên, cần sửa đổi điều chỉnh đề xuất với các thiết bị sau:

- (i) Nhà thầu chào công suất 1 tấn cho cần trục thay vì công suất 3 tấn; và
 - (ii) Máy bơm nước dạng phun $135\text{m}^3/\text{giờ}$ được chào. Công suất được chào này là quá nhỏ để đáp ứng yêu cầu của quy cách ($210\text{m}^3/\text{giờ}$).
- (e) Mục VI: Thiết Bị Điện
- Nhà thầu không nộp kèm hồ sơ dự thầu thông tin chi tiết về các máy biến thế, máy phát điện (động/tĩnh và kích từ) và hệ thống bảo vệ máy phát điện. Tuy nhiên, Nhà thầu số 3 nêu rằng thiết bị sẽ đáp ứng yêu cầu của quy cách kỹ thuật. Nhà Thầu Số 3 cần cung cấp thông tin chi tiết để xác nhận rằng thiết bị được chào đáp ứng quy cách.
- (f) Mục VIII: Thiết Bị và Giám sát
- (i) Hệ Thống PCOM

Nhà Thầu Số 3 đã chào hệ thống xxxxxx (xem nhận xét trong hồ sơ chào thầu của Nhà Thầu Số 2). Các vấn đề dưới đây cần được Nhà Thầu Số 3 xác nhận:

 - Thông số hoạt động của UPS đủ tối thiểu một giờ đồng hồ để thực hiện thủ tục tắt nguồn của thiết bị.
 - Sẽ cung cấp thông tin chi tiết về 30% thiết bị điều khiển dự phòng dĩ dây cứng.
 - (ii) Thiết Bị Đo Hiện Trường

Nhà Thầu Số 3 sẽ được yêu cầu xác nhận rằng tất cả vật tư xây dựng liên quan đến việc lắp đặt và thay thế các thiết bị I & C (tức là cáp, ống dẫn xung lực, v.v.) đã được đưa vào phạm vi cung cấp.
 - (iii) Hệ Thống Cảnh Báo Rung Tuốc bin và Hệ Thống Giám Sát Lưu Lượng Trục Tuốc bin

Nhà thầu cần nộp thông tin chi tiết hơn về phạm vi cung ứng cho hai hệ thống này.
- (g) Mục IX: Nhà Máy Sản Xuất Hydrogen
- Các thông số thực hiện đề xuất được Nhà Thầu Số 3 chào là phù hợp với quy cách và phương án đề xuất trong phạm vi công việc đã quy định. Mức tiêu thụ điện năng của máy điện phân ($3\text{kWh}/\text{Nm}^3$) là mức tiêu thụ điện thấp nhất so với các mức đã được các nhà thầu chào thầu.
- Máy Sấy Khí Hydro. Quy cách quy định máy sấy khí loại hấp thu trong khi Nhà Thầu Số 3 chào loại ngưng tụ. Loại này có thông số thấp hơn loại hấp thu. Vì nhà thầu đã xác nhận rằng hàm

lượng nước thấp hơn $6.2\text{mg}/\text{Nm}^3$ như được quy định trong hồ sơ mời thầu nên máy sấy được nhà thầu chào có thể chấp nhận được.

(h) Mục X: Hệ Thống Cứu Hỏa

- (i) Nhà thầu phải cung cấp dữ liệu kỹ thuật của bể dầu diesel cho máy bơm cứu hỏa;
- (ii) Nhà Thầu Số 3 phải làm rõ liệu các hóa chất để kiểm tra Bình Cứu Hỏa xách tay đã được chào trong phạm vi cung ứng chưa; và
- (iii) Bể Trữ Nước. Quy cách của hồ sơ mời thầu đã quy định các bể trữ nước cứu hỏa có dung tích ít nhất 700 m^3 (Số lượng 2, dung tích 350 m^3 mỗi thùng) với mức cho phép ăn mòn là 3mm. Tuy nhiên, các bể mà nhà thầu đề xuất chỉ có dung tích 600m^3 (Số lượng 2, dung tích 300 m^3 cho mỗi thùng) với mức ăn mòn 2mm. Yêu cầu Nhà Thầu Số 3 sửa đổi đề xuất về bể trữ nước để đáp ứng quy cách.

(i) Mục XI: Nhà Máy Xử Lý Nước

Yêu cầu Nhà Thầu Số 3 chào hiệu suất tối thiểu bảo đảm của (i) các máy bơm nước sạch xách tay, (ii) các máy bơm truyền nước sạch xách tay, và (iii) các máy bơm trung hòa được hỗ trợ bởi các đặc tuyến năng suất của nhà sản xuất.

(j) Mục XVII: Thiết Bị và Giám Sát

(i) Hệ Thống Báo Cháy

Yêu cầu Nhà Thầu Số 9 xác nhận rằng các phụ tùng thay thế quy định cho hệ thống báo cháy đã được chào trong phạm vi cung cấp.

4.2.4 Nhà Thầu Số 6

(a) Mục I: Nồi Hơi và Thiết Bị Phụ Trợ

(i) Hệ Thống Khí và Khí Thải

Nhà Thầu Số 6 không cung cấp thông tin đầy đủ về các khớp nối mở rộng cho các ống dẫn khí và ống hút khí. Nhà thầu cần nộp các thông số kỹ thuật để đủ điều kiện xét thầu.

Bộ Giám Âm – Nhà thầu cần cung cấp thông tin về các đặc điểm chính của bộ giám âm.

Ống Khói – Yêu cầu Nhà Thầu Số 6 nộp thông tin chi tiết về các vật tư sẽ được sử dụng trong việc nâng cấp cải

tạo ống khói để thẩm tra tính phù hợp của các vật tư này trong môi trường ăn mòn.

- (ii) Nhà Thầu Số 6 đã bảo đảm hiệu suất không thấp hơn 90.5% tại MCR của luồng hơi nước 250 tấn/giờ sau khi hoàn thành công trình cải tạo.

(b) Mục II: Tước bin và Thiết Bị Phụ Trợ

Nhà Thầu Số 6 chào thông số như sau:

- Công Suất Bảo Đảm Đề Xuất: 60MW
- Định Mức Nhiệt Bảo Đảm Đề Xuất: 2.470 kcal/kWh.

Công suất là không giảm so với công suất 60MW đã quy định, tuy nhiên, định mức nhiệt có giảm 143 kcal/kWh so với định mức nhiệt đã quy định. Nhà Thầu Số 6 chưa nộp tính toán và biểu đồ cân đối nhiệt liên quan. Nhà thầu cần nộp tính toán và biểu đồ cân đối nhiệt để giải trình cho định mức nhiệt bảo đảm của mình. Trong trường hợp Nhà Thầu Số 6 không thể cải thiện định mức nhiệt bảo đảm, trong quá trình đánh giá đề xuất giá, cần phải hiệu chỉnh lại giá cho phù hợp với các điều khoản đã được quy định của hồ sơ mời thầu.

(c) Mục III: Chu Kỳ Nước và Hơi

Bản chào của nhà thầu đã nêu hầu hết phạm vi công việc được quy định và tuân thủ các yêu cầu của quy cách. Tuy nhiên, bản chào chưa nêu rõ liệu bộ phận cách nhiệt của bộ xả khí nóng và bể cấp nước đã được chào hay chưa. Nhà Thầu Số 6 cần phải xác nhận bộ phận cách nhiệt này đã được đưa vào hồ sơ dự thầu.

(d) Mục VII: Thiết Bị Điện

- (i) Ấc quy 110V và 60V

Nhà thầu không nộp thông số kỹ thuật chi tiết. Tờ rơi, bảng thông số kỹ thuật và năng lực của nhà cung cấp thầu phụ, nếu có, cần được cung cấp; và

- (ii) Động Cơ

Nhà thầu không cung cấp thông tin chi tiết về vấn đề đại tu các động cơ 6.6 kV. Nhà thầu cần cung cấp thông tin này.

(e) Mục VIII: Thiết Bị và Giám Sát

- (i) Hệ Thống PCOM

Nhà Thầu Số 6 đã chào hệ thống xxxxxx (xem nhận xét trong bản chào của Nhà Thầu Số 2).

Các vấn đề dưới đây cần được Nhà Thầu Số 6 làm rõ.

- Chia tách số lượng Vào/Ra (I/O) (nghĩa là kiểm soát mạch đóng, kiểm soát mạch mở, theo dõi, quản lý buồng đốt, v.v. tùy theo tính năng sử dụng của nó).
- Thông tin chi tiết về 30% thiết bị điều khiển dự phòng đi dây cứng.
- Thông số của UPS có đủ để thực hiện thủ tục tắt nguồn cho thời gian tối thiểu 1 giờ.

(ii) Thiết Bị Đo Hiện Trường

Nhà Thầu Số 6 cần xác nhận rằng tất cả vật tư xây dựng liên quan đến việc lắp đặt và thay thế thiết bị I & C (như dây cáp, ống dẫn xung lực, v.v.) đã được chào trong phạm vi cung ứng.

(f) Phần X: Hệ Thống Chữa cháy

- (i) Nhà Thầu phải cung cấp thông tin kỹ thuật chi tiết của các máy bơm chữa cháy chạy bằng diesel như công suất, chiều cao thiết kế, số lượng, các đặc tuyến hiệu suất và năng suất; và
- (ii) Nhà Thầu Số 6 cần xác nhận rằng các ống dẫn và vật tư cho tuyến ống cứu hỏa ngầm chính là ống DCI của một nhà sản xuất có thể chấp nhận được.

(g) Mục XIII: Các Công Việc Cải Tạo Khác

Thiết Bị Di Động

Công suất của cần trục di động được nhà thầu chào (15 tấn) và xe tải (3 tấn) thấp hơn quy định (tức là cần trục di động 20 tấn và xe tải 5 tấn). Nhà Thầu Số 6 cần chào cần trục di động và xe tải đáp ứng yêu cầu của quy cách.

(h) Mục XVII: Thiết Bị và Giám Sát

Hệ Thống Báo Cháy

Nhà Thầu Số 6 cần xác nhận (danh sách các phụ tùng thay thế theo quy định của hồ sơ mời thầu) đã được chào trong phạm vi cung ứng.

4.2.5 Nhà Thầu Số 7

(a) Mục I: Nồi Hơi và Thiết Bị Phụ Trợ

- (i) Nhà Thầu Số 7 đã nộp bản chào mô tả chi tiết hàng cung cấp và công việc của mình cho công việc cải tạo

hoặc nồi hơi và thiết bị phụ trợ cấu thành của hợp đồng. Như trong trường hợp của Nhà Thầu Số 2, Nhà Thầu Số 7 đã nộp một danh sách chi tiết các ống dẫn, vật tư, van và thiết bị đo đạc. Vì tính chất của công việc cải tạo, Nhà Thầu Số 7 cần xác nhận rằng danh sách đã nộp chỉ mang tính tham khảo và bất kỳ ống dẫn, van và vật tư nào được quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc công việc khôi phục cải tạo sẽ được nhà thầu cung cấp;

- (ii) Nhà Thầu Số 7 bảo đảm tính hiệu suất không thấp hơn 90.5% tại MCR của luồng hơi nước 260 tấn/giờ sau khi hoàn thành công trình cải tạo, trong khi quy cách chỉ yêu cầu 250 tấn/giờ, và
- (iii) Nhà Thầu Số 7 cần xác nhận bằng tài liệu bổ sung rằng không có rủi ro về ăn mòn ống dẫn khí và bộ phận làm nóng không khí.

(b) Mục II: Tước bin và Thiết Bị Phụ Trợ

Hiệu suất được chào của Nhà Thầu Số 7 cho công suất và định mức nhiệt như sau:

- Công Suất Bảo Đảm Được Chào: 60MW
- Định Mức Nhiệt Bảo Đảm Được Chào: 2.470 kcal/kWh

Định mức nhiệt bảo đảm được thể hiện bằng tính toán và biểu đồ cân đối nhiệt phù hợp với quy cách. Công suất của tước bin không giảm so với quy định; tuy nhiên, định mức nhiệt bảo đảm cao hơn 143 kcal/Wh so với con số (2.327 kcal/kWh) đã quy định trong hồ sơ mời thầu. Vấn đề này sẽ được trao đổi với Nhà Thầu Số 7 và nếu định mức nhiệt bảo đảm không được cải thiện, trong quá trình đánh giá đề xuất giá sẽ phải hiệu chỉnh giá trong phạm vi cần thiết theo các điều khoản quy định trong hồ sơ mời thầu.

(c) Mục VII: Thiết Bị Điện

(i) Hệ Thống Chiếu Sáng

Mặc dù Nhà Thầu Số 7 nêu rằng nhà thầu sẽ cung cấp và lắp đặt hệ thống chiếu sáng theo đúng quy cách, nhà thầu đã không cung cấp thông tin chi tiết về phạm vi và dữ liệu kỹ thuật. Nhà Thầu Số 7 cần cung cấp thông tin này nhằm thẩm tra khả năng đáp ứng của nhà thầu với quy cách.

(d) Mục VIII: Thiết Bị I & C

(i) Hệ Thống PCOM

Nhà Thầu Số 7 chào hệ thống điều khiển phân phối kỹ thuật số xxxxxx được xem là một trong các hệ thống điều khiển kỹ thuật số phân phối đã được chứng minh

trong ngành điện. Các vấn đề dưới đây cần được Nhà Thầu Số 7 xác nhận:

- Thông tin chi tiết của 30% thiết bị điều khiển dự phòng đi dây cứng.
- Mức tải của UPS là đủ để thực hiện thủ tục tắt nguồn cho thời gian tối thiểu một giờ.
- Việc đào tạo PCOM sẽ được chào trong phạm vi công việc, và nhà thầu sẽ nộp nội dung chi tiết về chương trình đào tạo Hệ Thống PCOM.

(ii) Thiết Bị Đo Hiện Trường

Nhà Thầu Số 7 cần xác nhận rằng tất cả vật tư xây dựng có liên quan đến việc lắp đặt và thay thế thiết bị I & C đã được đưa vào phạm vi cung ứng.

(e) Mục 1X: Nhà Máy Sản Xuất Hydrogen

Nhà Thầu Số 7 đã nêu trong bản chào rằng thiết bị I & C sẽ được cung cấp theo quy cách. Tuy nhiên, nhà thầu này không nộp thông tin chi tiết. Nhà Thầu Số 7 cần cung cấp thông tin này.

(f) Mục X: Hệ Thống Cứu Hỏa

(i) Tuyến Ống Cứu Hỏa Ngầm Chính

Nhà Thầu Số 7 cần xác nhận rằng ống dẫn và vật tư cho ống dẫn chính là ống DCI được cung cấp bởi nhà sản xuất được chấp nhận; và

- (ii) Nhà Thầu Số 7 cần cung cấp thông tin kỹ thuật chi tiết về thiết bị dập lửa xách tay và có bánh xe và xác nhận rằng các hóa chất thử nghiệm để kiểm tra thiết bị dập lửa xách tay đã được chào trong phạm vi cung cấp.

(g) Mục XVII: Thiết Bị và Giám Sát

(i) Hệ Thống Thông Tin

Nhà Thầu Số 7 cần cung cấp tờ rơi, dữ liệu kỹ thuật, và thông tin mô tả, bao gồm cả thông tin về năng lực của các nhà cung cấp PABX, điện thoại, điện thoại nội bộ và hệ thống loa.

(ii) Hệ Thống Báo Cháy

Nhà Thầu Số 7 cần xác nhận rằng các phụ tùng thay thế quy định trong hồ sơ mời thầu đã được chào trong phạm vi cung ứng.

4.3 Làm Rõ Hồ Sơ Dự Thầu và Trao Đổi với Nhà Thầu

Kết luận từ đánh giá chi tiết tài liệu kỹ thuật của các nhà thầu đáp ứng được tổng hợp trong đoạn 4.2.1 tới 4.2.5 đã được gửi cho các nhà thầu tương ứng cùng với yêu cầu nộp thông tin làm rõ các vấn đề cần thiết, thông tin bổ sung, thay đổi và điều chỉnh cho thiết bị và vật tư đã chào, đối với các hạng mục cần thiết làm rõ, để tuân thủ với yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Các nhà thầu có hai tuần để nộp những tài liệu này. Tất cả năm (5) nhà thầu có năng lực đã tuân thủ yêu cầu. Các cuộc họp làm rõ hồ sơ dự thầu với tất cả các nhà thầu đã được tổ chức và ngày 18 và 19 tháng 09 năm 2006 để giải quyết các vấn đề còn tồn tại. Tài liệu bổ sung được các nhà thầu nộp và thông tin làm rõ hồ sơ được đại diện của các nhà thầu thực hiện trong các cuộc họp làm rõ hồ sơ dự thầu, đã đưa đến kết quả là các đề xuất kỹ thuật của các nhà thầu phù hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật được chấp nhận và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. Năm (5) nhà thầu được hướng dẫn bằng văn bản rằng đề xuất giá bổ sung, nếu các nhà thầu xem là cần thiết, cần được nộp vào cuộc gặp làm rõ hồ sơ dự thầu được dự kiến vào ngày 18 và 19 tháng 09 năm 2006. Các nhà thầu được thông báo rõ ràng trong thư rằng họ có thể nộp đề xuất giá bổ sung dựa theo các thay đổi, chỉnh sửa và điều chỉnh đối với đề xuất kỹ thuật ban đầu. Các nhà thầu được cảnh báo rằng đề xuất giá bổ sung chỉ giới hạn trong những hạng mục được yêu cầu thay đổi, chỉnh sửa hoặc sửa đổi so với đề xuất kỹ thuật ban đầu của họ. Chỉ có hai nhà thầu, Nhà Thầu Số 1 và Nhà Thầu Số 2 đã nộp đề xuất giá bổ sung.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở phân tích các bản chào kỹ thuật được trình bày trong Báo Cáo này, Hội Đồng kết luận rằng:

- (a) Nhà Thầu Số 4 và Nhà Thầu Số 5 không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm tối thiểu được quy định trong hồ sơ mời thầu. Do vậy, chúng tôi khuyến nghị loại các hồ sơ dự thầu của các nhà thầu này và trả lại các túi hồ sơ đề xuất giá của họ nguyên trạng chưa mở.
- (b) Đề xuất kỹ thuật gốc của các nhà thầu dưới đây, sau khi được làm rõ, bổ sung thông tin, thay đổi và sửa đổi đối với những hạng mục cần thiết, được xem là đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu:
 - 1. Nhà Thầu Số 1
 - 2. Nhà Thầu Số 2
 - 3. Nhà Thầu Số 3
 - 4. Nhà Thầu Số 6
 - 5. Nhà Thầu Số 7
- (c) Chúng tôi khuyến nghị sẽ thông báo cho cả năm (5) nhà thầu có tên nêu trên rằng đề xuất kỹ thuật của họ, sau khi bổ sung thông tin, thay đổi và sửa đổi trong quá trình đánh giá đề xuất kỹ thuật, được xem là đáp ứng hồ sơ mời thầu.

Phụ Lục 1
Trang 1/3

BIÊN BẢN MỞ THẦU

Khoản Vay Số xxxx-xxx Tên Dự Án : Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện xxxxx
Gói Thầu Số 15/xxxxx /06 (ICB) Tên Gói Thầu : Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxx

1. Các hồ sơ dự thầu sau đây đã được nhận trước hạn đóng thầu ấn định vào hồi 10 giờ 30 phút sáng ngày 25 tháng 7 năm 2006 và được mở và đọc công khai vào hồi 11 giờ sáng cùng ngày. Bảy (7) nhà thầu sau đây đã nộp cả “Đề Xuất Kỹ Thuật” và “Đề Xuất Giá” trong các túi hồ sơ riêng đúng theo hướng dẫn của hồ sơ mời thầu.

Hồ Sơ Dự Thầu Số	Tên Nhà Thầu	Đề Xuất Kỹ Thuật	Đề Xuất Giá	Chữ Ký
1	Nhà Thầu Số 1	Có	Có	Đã Ký
2	Nhà Thầu Số 2	Có	Có	Đã Ký
3	Nhà Thầu Số 3	Có	Có	Đã Ký
4	Nhà Thầu Số 4	Có	Có	Đã Ký
5	Nhà Thầu Số 5	Có	Có	Đã Ký
6	Nhà Thầu Số 6	Có	Có	Đã Ký
7	Nhà Thầu Số 7	Có	Có	Đã Ký

Phụ Lục 1
Trang 2/3

2. Các đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai và bản sao danh sách nhà thầu tham dự mở thầu được đính kèm trong theo biên bản này.

Nhà Thầu Số	Tên	Chức Vụ	Công Ty Dự Thầu Được Đại Diện
1.	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Châu Á	Nhà Thầu Số 1
2.	Ông xxxxxx	Phó Ban Ban Marketing Quốc Tế	Nhà Thầu Số 2
3.	Ông xxxxxx	Phó Bộ Phận Hải Ngoại	Nhà Thầu Số 3
4.	Ông xxxxxx	Kỹ Sư Cơ Khí Trưởng	Nhà Thầu Số 4
5.	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc Khu Vực Đông Nam Á	Nhà Thầu Số 5
6.	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Chi Nhánh Nội Địa	Nhà Thầu Số 6
7.	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Kỹ Thuật Kế Hoạch & Thiết Kế	Nhà Thầu Số 7

3. Các vấn đề phát sinh trong quá trình mở thầu.

Các thành viên của Ban Mở Thầu và đại diện tương ứng của các nhà thầu đã kiểm tra niêm phong và dấu đóng của từng túi hồ sơ Đề Xuất Giá và đã ký trên túi hồ sơ. Những người tham dự lễ mở thầu ghi nhận rằng không có khiếm khuyết nghiêm trọng về niêm phong và dấu đóng trên các túi hồ sơ.

4. Việc đọc và ký tài liệu kết thúc vào hồi 12 giờ.

Đã Ký
Thành Viên
Kỹ Sư Trưởng
Nhà Máy Điện xxxxx

Đã Ký
Chủ Tịch
Tổng Giám Đốc

Đã Ký
Thành Viên
Giám Đốc, Trưởng Phòng Kế Hoạch.
xxxxxx

Phụ Lục 1
Trang 3/3

DANH SÁCH THAM DỰ LỄ MỞ THẦU

Khoản Vay Số xxxx-xxx
Gói Thầu Số 15/xxxxxx/06 (ICB)
Địa Điểm: Phòng Họp
Tầng Hai
Tòa Nhà Hành Chính
Nhà Máy Điện xxxxxx

Tên Dự Án : Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện xxxxxx
Tên Gói Thầu : Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx
Ngày: 25 Tháng 7 Năm 2006; Thời Gian: 11: 00 sáng

Đại diện của các nhà thầu sau đây đã tham dự lễ mở thầu công khai.

Nhà Thầu Số	Nhà Thầu	Đại Diện		Chữ Ký
		Tên	Chức Vụ	
1.	Nhà Thầu Số 1	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Châu Á	Đã Ký
2.	Nhà Thầu Số 2	Ông xxxxxx	Phó Ban Ban Marketing Quốc Tế	Đã Ký
3.	Nhà Thầu Số 3	Ông xxxxxx	Phó Bộ Phận Hải Ngoại	Đã Ký
4.	Nhà Thầu Số 4	Ông xxxxxx	Kỹ Sư Cơ Khí Trưởng	Đã Ký
5.	Nhà Thầu Số 5	Ông xxxxxx	Phó Giám Đốc Khu Vực Đông Nam Á	Đã Ký
6.	Nhà Thầu Số 6	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Chi Nhánh Nội Địa	Đã Ký
7.	Nhà Thầu Số 7	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Kỹ Thuật Kế Hoạch & Thiết Kế	Đã Ký

Phụ Lục 2

BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

1	Tên Dự Án	Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện xxxxxx
2	Khoản Vay Số	xxxx-xxx
3	Tên Gói Thầu	Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx
4	Gói Thầu Số	15/ xxxxxx/06 (ICB)
5	Giá Trị Dự Toán	10.585.000,00 Đô La Mỹ (446.697.600 Đồng Nội Tệ)
6	Ngày Phát Hành Thông Báo Mời Thầu	22 Tháng 4 Năm 2006
7	Phương Thức Mua Sắm	Đấu Thầu Cạnh Tranh Quốc Tế Phương thức Đấu Thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi hồ sơ
8	Ngày Giờ Đóng Thầu	10 giờ 30 phút sáng ngày 25 Tháng 7 Năm 2006
9	Ngày Giờ Mở Thầu	11:00 sáng ngày 25 Tháng 7 Năm 2006
10	Tổng Số Hồ Sơ Dự Thầu Đã Nhận	Bảy (7) Hồ Sơ Dự Thầu
11	Ngày Hết Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu	21 Tháng 7 Năm 2007 (180 ngày)
12	Ngày Xác Định Tỷ Giá Hối Đoái	(Không Áp Dụng)

Phụ Lục 4

BẢNG 2: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CÁC NHÀ THẦU

Nhà Thầu Số	Tiêu Chí về Năng Lực														Nhận Xét
	Tranh chấp chưa giải quyết		Doanh Thu		Giá Trị Tài Sản Ròng		Năng lực Tiền Mặt		Kinh Nghiệm			Năng Lực Kỹ Thuật (Nhân Sự Chính)			
	Không được chiếm hơn 50% Giá Trị Tài Sản Ròng của Nhà Thầu		3,5 triệu \$		Phải là số dương trong Ba Năm Gần Nhất		6 triệu \$		Có Kinh Nghiệm Ít Nhất Trong Một Hợp Đồng Trong Ba Năm Gần Nhất (Trị Giá 7 triệu \$)		Giám Đốc Dự Án (1 người) Năm Năm Kinh Nghiệm	Kỹ Thuật Viên (3 người) Năm Năm Kinh Nghiệm	Kỹ Sư Thiết Kế (1 người) Năm Năm Kinh Nghiệm		
1	Không có tranh chấp chưa giải quyết	Đạt	4,0 triệu \$	Đạt	+ 5,0 triệu \$	Đạt	6,6 triệu \$	Đạt	Ba Hợp Đồng (một hợp đồng trị giá 7,5 triệu \$, một hợp đồng trị giá 6 triệu \$, và một hợp đồng trị giá 5,5 triệu \$)	Đạt	1 người có 7 năm kinh nghiệm	3 người (một có 7 năm kinh nghiệm, một có 6 năm kinh nghiệm, và một có 5 năm kinh nghiệm)	1 người có 10 năm kinh nghiệm	Đạt	Đủ Năng Lực
2	Không có tranh chấp chưa giải quyết	Đạt	4,1 triệu \$	Đạt	+ 3,8 triệu \$	Đạt	6,2 triệu \$	Đạt	Ba Hợp Đồng (một hợp đồng trị giá 7,3 triệu \$, một hợp đồng trị giá 7 triệu \$, và một hợp đồng trị giá 6,5 triệu \$)	Đạt	1 người có 8 năm kinh nghiệm	3 người (tất cả có 5 năm kinh nghiệm)	1 người có 8 năm kinh nghiệm	Đạt	Đủ Năng Lực
3	Có tranh chấp chiếm 10% Giá Trị Tài Sản Ròng	Đạt	3,8 triệu \$	Đạt	+ 2,9 triệu \$	Đạt	6,1 triệu \$	Đạt	Hai Hợp Đồng (một hợp đồng trị giá 15 triệu \$ và một hợp đồng trị giá 22 triệu \$)	Đạt	1 người có 7 năm kinh nghiệm	3 người (mỗi người có 6 năm kinh nghiệm)	1 người có 9 năm kinh nghiệm	Đạt	Đủ Năng Lực
4	Không có tranh chấp chưa giải quyết	Đạt	3,7 triệu \$	Đạt	+ 8,8 triệu \$	Đạt	6,1 triệu \$	Đạt	Hai Hợp Đồng trị giá 5 triệu \$ cho mỗi hợp đồng (chưa cung cấp bằng chứng về kinh nghiệm)	Không Đạt	1 người có 6 năm kinh nghiệm	Chỉ có 2 người (một người có 5 năm kinh nghiệm, một người có 4 năm kinh nghiệm)	1 người có 5 năm kinh nghiệm	Không Đạt	Không Đủ Năng Lực
5	Không có tranh chấp chưa giải quyết	Đạt	3,9 triệu \$	Đạt	+ 7,5 triệu \$	Đạt	6,1 triệu \$	Đạt	Ba Hợp Đồng trị giá 4 triệu \$ cho mỗi hợp đồng	Không Đạt	1 người có 6 năm kinh nghiệm	3 người (mỗi người có 6 năm kinh nghiệm)	1 người có 5 năm kinh nghiệm	Đạt	Không Đủ Năng Lực
6	Không có tranh chấp chưa giải quyết	Đạt	4,5 triệu \$	Đạt	+ 3,2 triệu \$	Đạt	6,5 triệu \$	Đạt	Bốn Hợp Đồng (một hợp đồng trị giá 7,5 triệu \$, một hợp đồng trị giá 7,9 triệu \$, một hợp đồng trị giá 7,3 triệu \$ và một hợp đồng trị giá 5,0 triệu \$)	Đạt	1 người có 7 năm kinh nghiệm	3 người (mỗi người có 8 năm kinh nghiệm)	1 người có 8 năm kinh nghiệm	Đạt	Đủ Năng Lực
7	Không có tranh chấp chưa giải quyết	Đạt	4,1 triệu \$	Đạt	Số Dương	Đạt	6,2 triệu \$	Đạt	Ba Hợp Đồng (một hợp đồng trị giá 15 triệu \$, một hợp đồng trị giá 7,3 triệu \$, và một hợp đồng trị giá 6 triệu \$)	Đạt	1 người có 6 năm kinh nghiệm	3 người (mỗi người có 7 năm kinh nghiệm)	1 người có 7 năm kinh nghiệm	Đạt	Đủ Năng Lực

Phụ Lục 5

**BẢNG 3: KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ BẢN CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU
(ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI)**

STT	Yêu Cầu	Dẫn Chiếu Hồ Sơ Mời Thầu	Nhà Thầu Số						
			1	2	3	4	5	6	7
1.	Giấy Ủy Quyền	Mục I, Điều 22.3 Mục II, ITB 22.3	C	C	C	C	C	C	C
2.	Chữ ký trên Đơn Dự Thầu và Biểu	Mục 1, ITB 22.3 Mục II, ITB 22.3	C	C	C	C	C	C	C
3.	Thỏa thuận Liên Danh hoặc Ý Nguyên Thư Tham Gia Thỏa Thuận	Mục 1, Điều 4.1	NA	NA	NA	C	NA	C	C
4.	Tư Cách Hợp Lệ (a) Nhà Thầu (b) Hàng Hóa và Dịch Vụ	Mục 1, Điều 4 (Xem Bản Đính Kèm của Phụ Lục này) Mục I, Điều 5	C C	C C	C C	C C	C C	C C	C C
5.	Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu 180 ngày	Mục 1, Điều 20.1 Mục II, ITB 20.1	C	C	C	C	C	C	C
6.	Phương Pháp và Quy Định Hiệu chỉnh Giá	Mục I, Điều 14.8, Mục VIII, GCC 15.2 Mục II, ITB 14.8	C	C	C	C	C	C	C
7.	Điều Kiện Thanh Toán	Mục VIII, GCC 16.1	C	C	C	C	C	C	C
8.	Bảo Đảm Về Chức Năng	Mục VI	C	C	C	C	C	C	C
9.	Nhà Sản Xuất Thiết Bị Chính - Máy Phun Hơi Nước - Máy Phát Điện Tuốc bin - Thiết Bị Điện - Công Cụ & Thiết Bị Giám Sát	Mục V	NI NI xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx xxxxx xxxxx	NI NI xxxxx xxxxx	NI NI xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx xxxxx xxxxx
10.	Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng Thời Gian Hoàn Thành 21 tháng - Cấu phần 60MW (18 tháng)	Mục VI	Có Có	Có 18	Có Có	Có Có	Có Có	Có 18	Có Có
	KẾT LUẬN		R	R	R	R	R	R	R

C = Tuân Thủ,
R = Đáp Ứng

NC = Không Tuân Thủ
NR = Không Đáp Ứng

NA = Không Áp Dụng
NI = Không Đề Cập; cần yêu cầu làm rõ hồ sơ

Phụ Lục 6
Trang 1/8**BẢNG 4: CÁC ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT NỔI BẬT CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU
(ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT)**

Ghi Chú	Mô Tả
Có	Đáp Ứng Phạm Vi Công Việc và/hoặc Đáp Ứng Quy Cách Kỹ Thuật Được Quy Định
FC	Như trên nhưng cần yêu cầu nhà thầu Làm Rõ Thêm hoặc Xác Nhận
NI	Hồ sơ dự thầu không có thông tin.
Không	Không Đáp Ứng Phạm Vi Công Việc hoặc Không Tuân Thủ Quy Cách Kỹ Thuật

Phụ Lục 6
Trang 2/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
PHẦN A	Nồi Hơi & Thiết Bị Phụ Trợ Hệ Thống 60 MW					
1.	Phần Áp Suất	FC	Có	Có	Có	FC
(1)	- Ống Dẫn, Ống, Van - Van An Toàn Lò Hơi					
(2)	Hệ Thống Khí và Khí Thải	Có	Có	Có	Có	Có
	- Lò Sấy Khí Có Ống Dẫn	Có	Có	Có	Có	Có
	- Quạt Đẩy Thải	Có	Có	Có	Có	Có
	- Ống Dẫn Khí Thải	Có	Có	FC	FC	Có
	- Các thiết bị khác, Đền Ống Khói, Bộ Giảm Âm, Động Cơ Phụ	Có	Có	FC	Có	Có
(3)	Kết Cấu Thép	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Hệ Thống Nhiên Liệu					
	- Bộ phận đốt	Có	Có	Có	Có	Có
	- Bơm & Ống Dẫn Áp Lực Cao & Thấp	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Hệ Thống Phun Hóa Chất	FC	FC	FC	Có	Có
(6)	Cần Trục Nồi Hơi & Thang Máy	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Chất Cách Nhiệt	Có	Có	Có	Có	Có
(8)	Quạt Đẩy Thải					
	- Loại Trục	Có	Có	Có	Có	Có
	- Công Suất 252 x 10 ³ m ³ /giờ	Y's	Có	Có	Có	FC
(9)	Thiết Bị và Điều Khiển	Có	Có	Có	Có	Có
(10)	Giá Trị Bảo Đảm					
	- Công Suất 250 tấn/giờ	Có	Có	Có	Có	Có
	- Hiệu Suất 90,5%	No	FC	Có	Có	Có
II.	Tuốc bin & Thiết Bị Phụ Trợ					
(1)	Hiệu Suất					
	- Công Suất Định Mức Liên Tục Tối Đa 60MW	Có	Có	Có	Có	Có
	- Nhiệt Độ Ống Dẫn Hơi Nước Chính 535°C	Có	NI	Có	Có	Có
	- Nhiệt Độ Nước Cấp Cuối Cùng	230,4	NI	222,3	220	224
	- Máy Hút Chân Không	0,09	NI	0,12	0,07	0,11
	- Nhiệt Độ Nước Làm Mát Tối Đa 35 °C	Có	NI	30	NI	Có
	- Định mức Nhiệt Bảo Đảm 2.327 kcal/kWH	FC	FC	Có	FC	FC

Phụ Lục 6
Trang 3/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
II. (tiếp) (2)	Phạm Vi Công Việc 2.1 Thớt Tuốc bin - Đại Tu Tại Chỗ - Sửa chữa bên ngoài Rô-to kW và Rô-to LP 2.2 Tra Dầu và Hệ Thống Dầu Nâng - Ống Làm Mát LO - Tra Dầu 12.000 L - Vòng bi - Hệ Thống Dầu Nâng 2.3 Hệ Thống Trích Hơi & Hệ Thống Đệm Kín 2.4 Thiết Bị Ngưng Tụ và Phụ Kiện 2.5 Phần Hơi và tất cả Công Việc Ống Dẫn Kết Nối Liên Quan 2.6 Hệ Thống Bảo Vệ Thớt bin I & C	Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có	NI Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có Có
III. (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)	Chu Trình Nước & Hơi Đại Tu Hệ Thống Hiện Hành Máy Bơm Ngưng Tụ - 2 bộ Lò Áp Suất Thấp Bộ Xả Khí & Thùng Cấp Nước Máy Bơm Cấp Nước Lò Áp Suất Cao Trạm Điều Khiển Nước Cấp Trạm Giảm Áp Suất Hơi - 4 trạm Thiết Bị Đo Đặc & Điều Khiển	Có Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Không Có Có	Có Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có FC Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Có Có Có
IV (1) (2) (3) (4)	Thiết Bị Phụ Cài tạo Cần Trục Trong Buồng Tuốc bin & Nhà Máy Bơm CW Hệ Thống Lưu Thông Nước - Đại Tu Máy Bơm CW - Các Phụ Tùng Thay Thế Bổ Sung - Chống Ăn Mòn Hệ Thống Nước Làm Mát Hydro - Ống Trao Đổi Nhiệt 100% - Trục Máy Bơm CW & Phụ Kiện Hệ Thống Điều Hòa Không Khí	Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Không Không FC FC Có	Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Có Có	Có Có Có Có Có Có Có
V. (1) (2) (3) (4)	Hệ Thống Ống Thổi Muội Than Mới Ống Thổi Muội Than Kéo Dài (Số Lượng 4 hoặc 8) Ống Thổi Muội Than Không Kéo Dài Trạm Giảm Áp Suất có Ống Dẫn và Van Hành Lang và Cầu Thang	Có Không Có Có	Có 4 (Có) Có Có	Có FC Có Có	Có 8 (Có) Có Có	Có 8 (Có) Có Có

Phụ Lục 6
Trang 4/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
VI.	Cửa Nhận Nước Tuần Hoàn					
(1)	Các Thông Số Thiết Kế					
	- Tổng Định Mức Lưu Lượng Dòng 26.000 m ³ /giờ	Có	NI	Có	Có	Có
	- Lưu Lượng Qua Mỗi Màn Chắn ở Mức Nước Thấp 6.500 m ³ /giờ	Có	NI	Có	Có	Có
	- Độ Lệch qua Lưới Tối Đa 150mm	Có	FC	Có	Có	Có
	- Khu Vực Màn Chắn Bị Nghẽn 25%	Có	FC	Có	Có	Có
(2)	Phạm Vi Công Việc					
	2.1 Màn Chắn Qua Lại 4 bộ	Có	Có	Có	Có	Có
	2.2 Màn Chắn Dạng Thanh 4 bộ	Có	No	Có	Có	Có
	2.3 Máy Bơm Rửa Sau Màn Chắn 2 bộ	Có	Có	Không	Có	Có
	2.4 Cản Trục Giàn Khoan, 1 bộ 3 tần	Có	FC	Không	Có	Có
	2.5 Máy Bơm Lắng Dầu Di Động, 2 bộ	Có	N1	Có	Có	Có
	2.6 Tất Cả Các Công Việc Xây Dựng	Có	Có	Có	Có	Có
VII.	Thiết Bị Điện					
(1)	Cơ Cấu Đóng Mạch 6.6 kV					
	1.1 Đại Tu Cơ Cấu Đóng Mạch 6.6 kV	Có	Có	Có	Có	Có
	1.2 Máy Nén Khí với Phụ Kiện	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Ắc Quy - 60V và 110V					
	2.1 Ắc Quy Axit Chì 250 AH (110V)	FC	Có	Có	FC	Có
	2.2 Ắc Quy Axit Chì 90 AH (60V)	FC	Có	Có	FC	Có
	2.3 Bộ Sạc Ắc Quy 60V với Phụ Kiện	FC	Có	Có	Có	Có
	2.4 Bộ Sạc Ắc Quy 110V với Phụ Kiện	FC	Có	Có	Có	Có
(3)	Máy Biến Thế	Có	Có	FC	Có	Có
(4)	Máy Phát Điện					
	4.1 Phần Tĩnh / Phần Quay	Có	Có	FC	Có	Có
	4.2 Hệ Thống Kích Từ/AVR					
	- Công Tác Ngắt Điện Trường	Có	Có	FC	Có	Có
	- Hệ Thống Đại Tu P.	FC	Có	FC	Có	Có
	4.3 Hệ Thống Bảo Vệ					
	- Đại Tu Hệ Thống P.	FC	Có	FC	Có	Có
	- Rơ-le Bảo Vệ và CT	FC	Có	FC	Có	Có
(5)	Động Cơ					
	5.1 Động Cơ 6,6 kV					
	- Đại Tu Động Cơ	FC	Có	Có	FC	Có
	- CT và Ampe Kế	FC	Có	Có	FC	Có
	5.2 Động Cơ DC và 0,4kV	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Hệ Chống Chiếu Sáng					
	Nhà Lò Hơi	Có	Có	Có	Có	FC
	Xưởng Máy Bơm Nước Làm Mát	Có	Có	Có	Có	FC

Phụ Lục 6
Trang 5/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
VIII.	Thiết Bị I và C					
(1)	PCOM Kép	Có	Có	Có	Có	Có
	1.1 Trạm Điều Khiển Quy Trình	Có	Có	Có	Có	Có
	1.2 Trạm Giao Diện Thao Tác	Có	Có	Có	Có	Có
	1.3 Hệ Thống Liên Lạc	Có	Có	Có	Có	Có
	1.4 Trạm Công Tác Kỹ Thuật	Có	Có	Có	Có	Có
	1.5 Máy In	Có	Có	Có	Có	Có
	1.6 Bàn Điều Khiển	Có	Có	Có	Có	Có
	1.7 Bảng Điều Khiển Dự Phòng	Có	Có	Có	Có	Có
	1.8 Đò DCS	Có	Có	Có	Có	Có
	1.9 Kẹp Đầu Nối	Có	Có	Có	Có	Có
	1.10 Thiết Bị Cấp Điện Liên Tục	FC	FC	FC	FC	FC
(2)	Phần Mềm PCOM	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Phụ Tùng Thay Thế PCOM và Mức tiêu hao	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Đào Tạo về PCOM	FC	FC	Có	Có	FC
(5)	Máy Đo Áp Suất Chênh Lệch và Máy Đo Áp Suất	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Đồng Hồ Đo Áp Lực	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Thiết Bị và Máy Đo Nhiệt Độ	Có	Có	Có	Có	Có
(8)	Hệ Thống Báo Rung cho Tuốc bin	Có	FC	FC	Có	Có
(9)	Hệ Thống Giám Sát Thay Thế Trục Tuốc bin	Có	Có	FC	Có	Có
PHẦN B	Hệ Thống Hỗ Trợ					
IX.	Máy Phát Điện Hydrogen					
(1)	Phá Dỡ Hệ Thống Hiện Có	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Thiết Bị Chu Trình Chính					
	2.1 Các Yêu Cầu					
	- Loại: Chạy Bằng Điện	Có	Có	Có	Có	Có
	- Loại Chất Điện Phân NaOH (hoặc) KOH	Có	Có	Có	Có	Có
	- Công Suất: 8Nm ³ /giờ	Có	Có	Có	Có	Có
	- Chất Lượng:					
	Hydrogen 99%	Có	Có	Có	Có	Có
	Oxygen <10 ppm	Có	Có	Có	Có	Có
	Nitrogen <500 ppm	Có	NI	Có	Có	Có
	Carbon Monoxit <10 ppm	Có	NI	Có	Có	Có
	Co ₂ <10 ppm	Có	NI	Có	Có	Có
	H ₂ O <6.2 mg/Nm ³	Có	NI	Có	Có	Có
	- Tiêu Thụ Điện 5kwh/Nm ³	Không	NI	Có	Có	Có

Phụ Lục 6
Trang 6/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
IX (tiếp)	2.2 Pin Điện Phân	Có	Có	Có	Có	Có
	2.3 Máy Nén Khí Hydro và Máy Sấy Khí	Có	Có	Có	Có	Có
	2.4 Trạm Nạp Khí và Bể Chứa Khí cho 7 ngày	Có	Có	Có	Có	Có
	(3) Thiết Bị Điện	Có	Có	Có	Có	Có
	(4) Thiết Bị Đo Đặc và Điều Khiển					
	- Tủ Điều Khiển Nội Bộ	Có	NI	Có	Có	FC
	- Bảo Vệ và Kiểm Soát Vòng Mở	Có	NI	Có	Có	FC
	- Điều Khiển Mạch Đóng	Có	NI	Có	Có	FC
(5)	Hóa Chất và Phòng Thí Nghiệm Hóa					
X.	Hệ Thống Phòng Cháy					
(1)	Đại Tu Hệ Thống Hiện Có	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	BỂ TRỮ NƯỚC, MÁY BƠM NƯỚC & CÔNG VIỆC ĐI ĐƯỜNG ỐNG	Có	Có	FC	Có	Có
(3)	Máy Bơm Cứu Hỏa với Thùng Trữ Diesel (1 bộ) (300m ³ /giờ và thanh 9,8)	FC	FC	FC	FC	Có
(4)	Máy Bơm Chạy Bằng Động Cơ (1 bộ) (10 m ³ /giờ, thanh 9,8)	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Tuyến Ống Cứu Hỏa Ngầm Chính (kích cỡ tối thiểu 150mm, ống DCI)	Có	Có	Có	FC	FC
(6)	Vòi Nước và Các Tủ Lắp Vòi (tối thiểu 14 bộ)	Có(16)	Có(15)	Có(16)	Có(15)	Có(14)
(7)	Hệ Thống Ống Đứng và Tủ (tối thiểu 35 bộ)	Có(35)	Có(35)	Có(36)	Có(35)	Có(37)
(8)	Hệ Thống Bọt Làm Mát Bình	Có	Có	Có	Có	Có
(9)	Hệ Thống Xịt Nước Cố Định cho Máy Biến Thế	Có	Có	Có	Có	Có
(10)	Hệ Thống Bình Phun để Cứu Hỏa Buồng Bơm	Có	Có	Có	Có	Có
(11)	Bình Cứu Hỏa Lưu Động & Bình Cứu Hỏa Có Bánh Xe	Có	Có	FC	Có	FC
XI.	Nhà Máy Xử Lý Nước					
(1)	Xưởng Tiền Xử Lý (Máy Bơm & Quạt Gió)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Trạm Xử Lý Nước Bằng Khử Khoáng					
	- Máy Bơm và Quạt Gió	Có	Có	Có	Có	Có
	- Bể Lắng và Thùng	Có	Có	Có	Có	Có
	- Ống Dẫn và Van	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Thiết Bị Xử Lý Nước Lưu Động 20m ³ /giờ & BỂ TRỮ LƯU ĐỘNG VỚI DUNG TÍCH 40 m ³	Có(20)	Có(20)	Có(20)	Có(20)	Có(25)
		Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 6
Trang 7/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
XI. (tiếp)						
(4)	Sự Thay Thế Chung					
4.1	Trạm Định Lượng Khử Trùng Bằng Clo 2 Thùng (2m ³) & Máy Bơm	Có	Có	Có	Có	Có
4.2	Máy Bơm Tăng Cường Lưu Động (25 m ³ /giờ, 30m & Hiệu Suất 70%)	Có (Hiệu Suất 74%)	Có (Hiệu Suất 70%)	Có NI	Có (Hiệu Suất 72%)	Có (Hiệu Suất 70%)
4.3	Bơm Chuyển Lưu Động (20 m ³ /giờ, 40m & Hiệu Suất 70%)	Có (Hiệu Suất 74%)	Có (Hiệu Suất 70%)	Có NI	Có (Hiệu Suất 72%)	Có (Hiệu Suất 70%)
4.4	Máy Bơm Trung Hòa (120 m ³ /giờ, 20m & Hiệu Suất 70%)	Có (Hiệu Suất 75%)	Có (Hiệu Suất 75%)	Có NI	Có (Hiệu Suất 76%)	Có (Hiệu Suất 75%)
(5)	Phòng Thí Nghiệm Hóa Học (1 Lô)	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Thiết Bị Đo Đặc và Kiểm Soát	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Phần Điện	Có	Có	Có	Có	Có
XII.	Cải Tạo Tuyến Dầu Đốt, Hơi và Ngưng Tụ đến/đi từ Bình Nhiên Liệu					
	- Ống Dẫn Áp Suất Thấp F.O	Có	Có	Có	Có	Có
	- Ống Dẫn Dầu Diesel	Có	Có	Có	Có	Có
	- Ống Dẫn Hơi và Cách Nhiệt	Có	Có	Có	Có	Có
	- Van	Có	Có	Có	Có	Có
	- Tuyến Ngưng Tụ và Cách Nhiệt	Có	Có	Có	Có	Có
	- Máy Bơm Ngưng Tụ 2/15m ³ /giờ	Có	Có	Có	Có	Có
XIII.	Công Việc Cải Tạo Khác					
(1)	Bảo Vệ Chống Ăn Mòn Công Trình (29.000 m ²)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Mái Nhà Tước bin (5.000m ²)	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Cải Tạo Khu Nhà Hành Chính	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Thiết Bị Di Động					
	- Xe Nâng Hàng (2 đơn vị)	Có	Có	Có	Có	Có
	- Cần Trục Di Động (1đơn vị/20 tấn)	Có	Có	Có	FC	Có
	- Xe Tải (2 đơn vị/5 tấn)	Có	Có	Có	FC	Có
(5)	Dụng Cụ & Công Cụ Đo					
	- Công Cụ Đo Độ Dày Tường Siêu Âm	Có	Có	Có	Có	Có
	- Bộ Kiểm tra Độ Rung & Tiếng Òn	Có	Có	Có	Có	Có
	- Máy Đo Độ Dày Lớp Sơn Màng Khô	Có	Có	Có	Có	Có
XIV.	Kiểm Soát Bộ Nhớ					
	- Máy Tính và Phần Mềm	Có	Có	Có	Có	Có
	- Máy In	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Đóng Gói cho Phụ Tùng Thay Thế	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Văn Phòng	Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 6
Trang 8/8

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
XV.	Thiết Bị Điện					
(1)	Thiết Bị 132 kV					
	1.1 Áp-tô-mát 132 kV					
	- Dập Hồ Quang Cỡ Vừa SF6	Có	Có	Có	Có	Có
	- Chuỗi Vận hành Định Mức	Có	Có	Có	Có	Có
	- Dòng Điện Định Mức 40 ⁰ C-2.000A	Có	Có	Có	Có	Có
	- Công Suất Ngắt Mạch Định Mức tại 132kV – 10.000 MVA	Có	Có	Có	Có	Có
	1.2 Dao Cách Ly 132 kV					
	- Dòng Định Mức 40 C-2000A	Có	Có	Có	Có	Có
	- Dòng Ngắn Định Mức (1s) 40kA	Có	Có	Có	Có	Có
	1.3 Máy Biến Dòng	Có	Có	Có	Có	Có
	- Tỷ Số Dòng Điện 600/1200/2400/1/5A	Có	Có	Có	Có	Có
	- Dòng Điện Chịu Nhiệt Ngắn Sơ Cấp Định Mức (1s) 40 kA	Có	Có	Có	Có	Có
	- Dòng Điện Động Sơ Cấp Định Mức 90 kA	Có	Có	Có	NI	Có
(2)	Thiết Bị Chống Tăng Điện Áp	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Chống Tăng Điện Áp 132 kV	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Chống Tăng Điện Áp 33 kV	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Chống Tăng Điện Áp 6.6 kV	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Máy Biến Dòng	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Máy Biến Điện Áp (6,6 & 11kV)	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Cáp Điện Lực 6,6kV	Có	Có	Có	Có	Có
XV1.	Đào Tạo Nhân Sự của Người Sử Dụng Lao Động					
(1)	Đào Tạo tại Nhà Máy (khoảng 30 thực tập sinh trong 12 tuần (360 người - tuần)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Đào Tạo bên ngoài Quốc Gia Mua Khoảng 12 Thực Tập Sinh trong 12 Tuần (144 người - tuần)	Có	Có	Có	Có	Có
XVII.	Thiết Bị Đo Đặc & Giám Sát					
(1)	Hệ Thống Thông Tin Liên Lạc					
	- PABX (250 cổng)	Có	Có	Có	Có	FC
	- Điện Thoại (200 số)	Có	Có	Có	Có	FC
	- Hệ Thống Liên Lạc Nội Bộ cho 50 Người	Có	FC	Có	Có	FC
	- Loa Phóng Thanh (40 cái)	Có	FC	Có	Có	FC
(2)	Hệ Thống Báo Cháy					
	2.1 Tủ Báo Cháy Chính (1)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.2 Tủ Báo Ngập (Số Lượng 4)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.3 Tủ Báo Khí Gas (Số Lượng 6)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.4 Máy Dò Báo Cháy (250 cái)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.5 Cáp	Có	Có	Có	Có	Có
	2.6 Phụ tùng thay thế	FC'	FC	FC	FC	FC

XXXXXX

**BÁO CÁO XÉT THẦU
(ĐỀ XUẤT GIÁ)**

CHO

DỰ ÁN CẢI TẠO NHÀ MÁY ĐIỆN XXXXXX

GÓI THẦU SỐ 15/XXXXXX/06 (ICB)

KHOẢN VAY ADB SỐ XXXX-XXX

DỰ ÁN NÂNG CẤP NHÀ MÁY ĐIỆN XXXXXX

NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 2006

TIÊU ĐỀ THƯ CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Số Dẫn Chiếu của Chúng Tôi: 76621xxxxx006

Ngày 28 Tháng 11 Năm 2006

Giám Đốc
Bộ Phận Năng Lượng, Vụ Nam Á
6 Đại Lộ ADB,
Thành phố Mandaluyong 1550, Philippines

Về: Khoản Vay Số xxxx: xxx-xxxxxx Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện
Hợp Đồng cho Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx

Thưa Ông,

Căn cứ vào bản fax của ông ngày 11 tháng 10 năm 2006 theo đó ông đã chấp thuận khuyến nghị trong Báo Cáo Xét Thầu (Đề Xuất Kỹ Thuật) của Gói Thầu Số 15/xxxxxx/06 (ICB). Theo phương thức đấu thầu Hai Túi Hồ Sơ (Hai Giai Đoạn) của ADB, Đề Xuất Giá của năm nhà thầu đáp ứng được mở công khai vào ngày 04 tháng 11 năm 2006. Nhằm tuân thủ quy định của Hiệp định Vay vốn, chúng tôi xin nộp kèm theo thư này ba (3) bản sao của Báo Cáo Xét Thầu (Đề Xuất Giá) để ADB xem xét và phê duyệt.

Chúng tôi xin thông báo để ông biết rằng việc trao Hợp Đồng như được khuyến nghị trong Báo Cáo đã được xxxxxx phê duyệt vào ngày 26 tháng 11 năm 2006. Chúng tôi xin lưu ý, thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu hết hạn vào ngày 21 tháng 01 năm 2007. Chúng tôi kính đề nghị ông sớm phê duyệt các khuyến nghị được đưa ra trong Báo Cáo vì Lễ Giáng Sinh và Năm Mới đang đến gần.

Kính thư

Đã Ký
Phó Giám Đốc Điều Hành
xxxxxx

Hồ Sơ Kèm Theo: Ba bản sao Báo Cáo

MỤC LỤC

1.	GIỚI THIỆU	182
1.1	Tổng Quan	182
1.2	Mở Đề Xuất Giá	182
1.3	Dữ Liệu Đấu Thầu và Tỷ Giá Hối Đoái	183
1.4	Hội Đồng Xét Thầu	183
2.	KIỂM TRA ĐỀ XUẤT GIÁ	184
2.1	Bảo Lãnh Dự Thầu	184
2.2	Kiểm Tra và Hiệu Chính Lỗi Số Học	184
2.3	Thời Gian Hoàn Thành	184
2.4	Điều Kiện Thanh Toán	184
3.	ĐÁNH GIÁ VÀ SO SÁNH ĐỀ XUẤT GIÁ	185
3.1	Đánh Giá Đề Xuất Giá	185
3.2	So Sánh Đề Xuất Giá và Xác Định Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Thấp Nhất	187
3.3	Tính Hợp Lý về Giá của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất	187
4.	KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	188
CÁC PHỤ LỤC		
<i>Phụ Lục 1</i>	<i>Biên Bản Mở Hồ Sơ Dự Thầu</i>	190
<i>Phụ Lục 2</i>	<i>Bảng Dữ Liệu Đấu Thầu</i>	193
<i>Phụ Lục 3</i>	<i>Bảng 1: Tổng Hợp Giá Dự Thầu (Sửa Lỗi Số Học và Giá Dự Thầu Sau Sửa Lỗi)</i>	194
<i>Phụ Lục 4</i>	<i>Bảng 2: Các Đặc Điểm Nổi Bật Trong Các Yêu Cầu Kỹ Thuật</i>	197
<i>Phụ Lục 5</i>	<i>Bảng 3: So Sánh Giá Dự Thầu sau Hiệu Chính Sai Lệch</i>	203

1. GIỚI THIỆU

1.1 Tổng Quan

Xxxxxx đã tiếp nhận một khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tài trợ chi phí thực hiện chương trình nâng cấp Nhà Máy Điện xxxxxx. Như đã thỏa thuận trong Phụ Lục 4 của Hiệp định Vay vốn, phương thức đấu thầu Hai Túi Hồ Sơ (Hai Giai Đoạn) của ADB đã được áp dụng. Thông Báo Mời Thầu đã được đăng trên các số báo ngày 22 và 25 tháng 04 năm 2006 của hai tờ báo địa phương phát hành bằng Tiếng Anh và trên trang web của ADB vào ngày 25 tháng 04 năm 2006 và các hồ sơ dự thầu đã được mở công khai vào ngày 25 tháng 07 năm 2006.

Theo phương thức đấu thầu Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ của ADB, đề xuất kỹ thuật của bảy (7) nhà thầu tham gia đấu thầu đã được đánh giá. Báo cáo xét thầu (đề xuất kỹ thuật) cho Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx ngày 26 tháng 09 năm 2006 đã được nộp cho ADB với các khuyến nghị dưới đây.

(a) Đề xuất kỹ thuật của năm (5) nhà thầu dưới đây được xem là đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- (i) Nhà Thầu Số 1
- (ii) Nhà Thầu Số 2
- (iii) Nhà Thầu Số 3
- (iv) Nhà Thầu Số 6
- (v) Nhà Thầu Số 7

(b) Nhà Thầu Số 4 và Nhà Thầu Số 5 được xem là không đủ năng lực vì các nhà thầu này không đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kinh nghiệm như quy định trong hồ sơ mời thầu; đề xuất giá của các nhà thầu được trả lại trong tình trạng chưa mở.

ADB đã phê duyệt khuyến nghị trên đây theo thư ngày 11 tháng 10 năm 2006. Các đề xuất giá của Nhà Thầu Số 4 và Nhà Thầu Số 5 đã được trả lại vào ngày 14 tháng 10 năm 2006. Vào cùng ngày, năm (5) nhà thầu đã được thông báo bằng văn bản rằng đề xuất kỹ thuật của họ được xem là đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu và các nhà thầu được mời tham dự buổi mở hồ sơ kỹ thuật đã sửa đổi và đề xuất giá, theo ngày, giờ và địa điểm đã được nêu trong thông báo.

1.2 Mở Đề Xuất Giá

Đề xuất giá cùng với các Đề Xuất Kỹ Thuật đã sửa đổi và đề xuất giá bổ sung đã được Hội Đồng Mở Thầu mở vào lúc 10:30 sáng ngày 04 tháng 11 năm 2006 như đã nêu trong thư mời, tại phòng họp của Nhà Máy Điện xxxxxx, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu. Chủ tịch của Hội Đồng Mở Thầu đã thông báo nhận được hai (2) đề xuất kỹ thuật sửa đổi và đề xuất giá bổ sung được Nhà Thầu Số 1 và Nhà Thầu Số 2 nộp.

Hội Đồng Mở Thầu đã kiểm tra các túi hồ sơ gốc đựng đề xuất giá của năm (5) nhà thầu đáp ứng kỹ thuật, do Trưởng Phòng Tài Chính và Quản Trị của Nhà Máy Điện xxxxxx cất giữ. Các thành viên của Hội Đồng Mở Thầu thấy rằng các túi hồ sơ không bị xáo trộn và được giữ tại nơi có khóa sau khi mở thầu vào ngày 25 tháng 07 năm 2006. Đại diện của từng nhà thầu cũng được yêu cầu kiểm tra tình trạng của túi hồ sơ đựng đề xuất giá tương ứng của họ và được hỏi liệu họ có phản đối bất kỳ vấn đề nào không. Không đại diện nào của các nhà thầu phản đối. Năm (5) túi hồ sơ và hai (2) túi hồ sơ bổ sung đã được mở. Tên nhà thầu, giá dự thầu, các khoản giảm giá, và tình trạng có hay không có bảo lãnh dự thầu và số tiền bảo lãnh dự thầu đã được thông báo và ghi nhận vào biên bản.

Nhà Thầu Số 7 đã chào khoản giảm giá tám phần trăm (8%) giá dự thầu. Nhà Thầu Số 3 đã chào giảm giá trọn gói là 500.000 đô la Mỹ (Năm Trăm Nghìn Đô La Mỹ) trên giá dự thầu. Biên Bản Mở Thầu đã được lập ngay sau khi các hồ sơ dự thầu được thông báo và bản sao của Biên Bản Mở Thầu đã được gửi cho ADB theo thư của xxxxxx ngày 06 tháng 11 năm 2006. Bản sao của Biên Bản Mở Thầu được đính kèm như **Phụ Lục 1**.

1.3 Dữ Liệu Đấu Thầu và Tỷ Giá Hối Đoái

Đồng tiền sử dụng để so sánh dự thầu là đồng nội tệ. Tỷ giá hối đoái được sử dụng để xét thầu là tỷ giá bán ra được quy định chính thức cho giao dịch tương tự bởi Ngân Hàng Được Chứng Nhận của xxx vào ngày 04 tháng 11 năm 2006 (ngày mở đề xuất giá). Thông tin cơ bản trọng yếu đối với quá trình đấu thầu được tổng hợp và đính kèm trong **Phụ Lục 2**.

1.4 Hội Đồng Xét Thầu

Hội Đồng Xét Thầu bao gồm bốn chuyên viên có thâm niên dưới đây của xxxxxx đã được Giám Đốc Điều Hành thành lập:

- | | | |
|-----|-----------------------|--|
| (1) | Chủ Tịch | Tổng Giám Đốc, Nhà Máy Điện xxxxxx |
| (2) | Thành Viên | Kỹ Sư Trưởng, Nhà Máy Điện xxxxxx |
| (3) | Thành Viên | Giám Đốc, Phòng Kế Hoạch, xxxxxx |
| (4) | Thành Viên/
Thư Ký | Giám Đốc Tài Chính và Quản Trị, Nhà Máy Điện
xxxxxx |

Hội Đồng ra quyết định trên cơ sở thống nhất ý kiến, nhưng trong trường hợp các thành viên không thể nhất trí để ra quyết định về một số vấn đề nhất định, các vấn đề này sẽ được Giám Đốc Điều Hành quyết.

2. KIỂM TRA ĐỀ XUẤT GIÁ

Các đề xuất giá được nộp trước hết được kiểm tra để đảm bảo rằng các nhà thầu đã nộp Đơn Dự Thầu và Bảng tiên lượng có giá và liệu các tài liệu này có được lập đúng và được ký theo quy định trong Hướng Dẫn Nhà Thầu hay không. Tài liệu của tất cả các nhà thầu đã đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu vì tất cả các tài liệu dự thầu đều được ký và các thông tin hiệu chỉnh đều được người được ủy quyền ký nháy. Đề Xuất Kỹ Thuật được sửa đổi và đề xuất giá bổ sung của Nhà Thầu Số 1 và Nhà Thầu Số 2 cũng đã được kiểm tra để xác định đề xuất giá bổ sung chỉ giới hạn trong phạm vi các hạng mục dự thầu bị yêu cầu sửa đổi trong quá trình đánh giá kỹ thuật. Kết quả của việc kiểm tra cho thấy rằng đề xuất giá bổ sung chỉ được thực hiện đối với các hạng mục dự thầu được yêu cầu sửa đổi và điều chỉnh.

2.1 Bảo Lãnh Dự Thầu

Tất cả năm (5) nhà thầu đã nộp bảo lãnh dự thầu dưới dạng Bảo Lãnh của Ngân Hàng và đáp ứng yêu cầu về số tiền, điều kiện, và thời hạn hiệu lực bảo lãnh.

2.2 Kiểm Tra, Chỉnh Sửa Lỗi Số Học và Quy Đổi sang Đồng Nội Tệ

Mỗi Bảng tiên lượng có giá chào của nhà thầu đã được kiểm tra lỗi số học. Các lỗi đã được sửa phù hợp với quy định trong hồ sơ mời thầu. Các hiệu chỉnh này, không có hiệu chỉnh lớn, đã được lập bảng và được nêu tại **Phụ Lục 3**, Bảng 1: Tổng Hợp Giá Dự Thầu (Sửa Lỗi Số Học và Giá Dự Thầu sau Sửa Lỗi). Hơn nữa, để dễ đánh giá và so sánh hồ sơ dự thầu, giá dự thầu bằng Đô La Mỹ và Mác Đức đã được chuyển đổi thành đồng nội tệ theo tỷ giá ngoại tệ bán ra được niêm yết bởi Ngân Hàng Trung Ương của xxx vào ngày 04 tháng 11 năm 2006.

2.3 Thời Gian Hoàn Thành/Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng

Tiến độ thực hiện hợp đồng và trình tự giao các hạng mục lớn của nhà máy đã được nhà thầu chào và các công việc cải tạo được đánh giá chi tiết trong quá trình đánh giá Đề Xuất Kỹ Thuật. Tất cả tiến độ thực hiện hợp đồng được cả năm (5) nhà thầu chào nhìn chung đã đáp ứng yêu cầu hoàn thành dự án trong thời gian 21 tháng cho tổng phạm vi công việc. Tuy nhiên, cả hai nhà thầu, cụ thể là Nhà Thầu Số 2 và Nhà Thầu Số 6, đã đề xuất hoàn tất Phần A, Hệ Thống 60MW, trong 18 tháng so với thời hạn 16 tháng được quy định trong hồ sơ mời thầu. Hội Đồng Xét Thầu đã trao đổi vấn đề này với hai nhà thầu trong giai đoạn đầu tiên của các cuộc trao đổi về kỹ thuật. Hai nhà thầu vẫn giữ tiến độ thực hiện hợp đồng đã đề xuất. Do vậy, cần hiệu chỉnh giá đối với hai tháng chậm trễ này như hồ sơ mời thầu quy định nhằm phục vụ mục đích so sánh hồ sơ dự thầu.

2.4 Điều Khoản Thanh Toán

Trong quá trình đánh giá đề xuất kỹ thuật, việc tuân thủ các quy định về điều kiện thanh toán đã được kiểm tra và tất cả các nhà thầu đã chấp nhận các điều khoản và điều kiện về thanh toán của hồ sơ mời thầu.

3. ĐÁNH GIÁ SO SÁNH ĐỀ XUẤT GIÁ

3.1 Đánh Giá Đề Xuất Giá

Trong quá trình đánh giá đề xuất kỹ thuật, phạm vi cung cấp, thông tin kỹ thuật, dữ liệu kỹ thuật, nhà sản xuất và các nhà thầu phụ đã được rà soát một cách chi tiết và so sánh với các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Tất cả thông tin bổ sung và dữ liệu kỹ thuật, phạm vi cung cấp chưa rõ ràng, các thông số kỹ thuật không thể được chấp nhận, sửa đổi và thay đổi của các thiết bị và vật tư đã được giải quyết trong quá trình đánh giá đề xuất kỹ thuật. Do vậy, tất cả các hồ sơ dự thầu hiện đều chấp nhận được về mặt kỹ thuật, phạm vi cung cấp và tiêu chuẩn đều ở mức có thể chấp nhận được theo quy định của hồ sơ mời thầu. Các Yêu Cầu Kỹ Thuật Nổi Bật của Các Hồ Sơ Dự Thầu đã được tổng hợp và đính kèm tại **Phụ Lục 4**. Do vậy, không cần phải hiệu chỉnh giá cho các hạng mục thiếu hoặc không đạt. Tuy nhiên, theo các quy định của hồ sơ mời thầu, việc hiệu chỉnh giá phục vụ mục đích so sánh hồ sơ dự thầu đối với (i) Công Suất và Hiệu Suất Nổi Hơi và (ii) Công Suất của Tước bin và Định Mức Tiêu Thụ Nhiệt sẽ phải được thực hiện.

3.1.1 Công Suất Nổi Hơi

Điều 30.5(e), Mục II của hồ sơ mời thầu quy định rằng để so sánh dự thầu, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh tăng lên theo khoản tiền được tính là 850.000 Đồng Nội Tệ cho mỗi tấn/giờ bị giảm đối với công suất 250 tấn/giờ theo MCR. Tất cả các nhà thầu đều đảm bảo công suất là 250 tấn/giờ theo MCR. Do vậy, không cần hiệu chỉnh tài chính nào đối với công suất nổi hơi.

3.1.2 Hiệu Suất Nổi Hơi

Theo quy định của Điều 30.5(e), Mục 11 của hồ sơ mời thầu, để phục vụ mục đích so sánh hồ sơ dự thầu, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh tăng bằng khoản tiền 11.725.000 Đồng Nội Tệ cho mỗi phần trăm hiệu suất giảm từ hiệu suất cơ sở là 90,5% theo MCR.

(a) Nhà Thầu Số 1

Hiệu suất được bảo đảm của Nhà Thầu Số 1 là 89% theo MCR. Điều chỉnh tăng giá dự thầu như sau:

- Giảm hiệu suất so với hiệu suất quy định = 1.5%
- Mức phạt đơn vị đối với mỗi 1% giảm hiệu suất = 11.725.000 Đồng Nội Tệ.

- Khoản Tiền Hiệu chỉnh Giá Đồng Nội Tệ. = 17.587.500

(b) Nhà Thầu Số 3

Hiệu suất bảo đảm của Nhà Thầu Số 3 là 90% theo MCR.

- Giảm hiệu suất so với hiệu suất quy định = 0.5%
- Mức phạt đơn vị đối với mỗi 1% giảm hiệu suất = 11.725.000 Đồng Nội Tệ.
- Khoản Tiền Hiệu chỉnh Giá Đồng Nội Tệ. = 5.862.500

3.1.3 Công Suất Tuốc bin

Tất cả các nhà thầu đã đề xuất công suất bảo đảm hoặc ở mức 60MW theo quy định của hồ sơ mời thầu. Do vậy, không cần hiệu chỉnh giá.

3.1.4 Mức Độ Tiêu Thụ Nhiệt của Tuốc bin

Theo các quy định của Điều 36.5(e), Mục I của hồ sơ mời thầu, và Mục III: Tiêu Chí Đánh Giá và Năng Lực, nhằm mục đích so sánh dự thầu, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh tăng theo khoản tiền đã được tính là 205.000 Đồng Nội Tệ cho mỗi kcal/kWh tăng thêm so với mức độ tiêu thụ nhiệt cơ sở tại MCR. Các khoản hiệu chỉnh giá được tính toán như sau:

Nhà Thầu	Mức tiêu thụ Nhiệt Đề Xuất (kcal/kWh)	Chênh lệch	Điều Chỉnh bằng Đồng Nội Tệ
Nhà Thầu Số 1	2.325	-2*	Không
Nhà Thầu Số 2	2.408	+81	16.605.000
Nhà Thầu Số 3	2.327	0	-
Nhà Thầu Số 6	2.470	+143	29.315.000
Nhà Thầu Số 7	2.470	+143	29.315.000

* Nhà Thầu Số 1 đã chào tốc độ nhiệt tốt hơn tốc độ nhiệt được quy định. Tuy nhiên, hồ sơ mời thầu không quy định xem xét tặng thêm điểm cho điều này.

3.1.5 Điều Chỉnh cho Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng

Như đã trình bày trong đoạn 2.4 trên, Tiến Độ Thực Hiện Hợp Đồng của cả năm (5) nhà thầu đã đáp ứng yêu cầu hoàn thành tổng thể trong thời hạn 21 tháng kể từ ngày Quyết Định Khởi Công. Tuy nhiên, Nhà Thầu Số 2 và Nhà Thầu Số 6 đã đề xuất thời hạn hoàn thành là 18 tháng cho Phần A, Hệ Thống 60MW, thời hạn này dài hơn hai tháng (60 ngày) so với thời gian hoàn thành được quy định là 16 tháng.

Do vậy, theo quy định của Điều 36.5 (e) của Tài liệu Chỉ Dẫn Đối Với Các Nhà Thầu, và Mục III: Tiêu Chí Đánh Giá và Năng Lực, các hồ sơ dự thầu này sẽ được hiệu chỉnh nhằm mục đích so sánh hồ sơ dự thầu bằng cách cộng 0,05% của giá dự thầu cho Phần A, Hệ Thống 60MW, cho mỗi ngày chậm trễ hoàn thành vào giá dự thầu của họ.

(a) Nhà Thầu Số 2

Giá Dự Thầu cho Phần A, Hệ Thống 60 MW, là 7.131.770 đô la Mỹ và 21.416.954 Đồng Nội Tệ. Khoản tiền hiệu chỉnh giá là (i) $7.131.770 \$ \times 0,05/100 \times 60 = 213.953,10 \$$ và (ii) $21.416.954 \text{ Đồng Nội Tệ} \times 0,05/100 \times 60 = 642.508,62 \text{ Đồng Nội Tệ}$, tổng cộng tương đương là 9.457.590 Đồng Nội Tệ.

(b) Nhà Thầu Số 6

Giá Dự Thầu cho Phần A, Hệ Thống 60MW, là 5.539.757 đô la Mỹ và 5.784.400 Đồng Nội Tệ. Khoản tiền hiệu chỉnh giá là (i) $5.539.757 \$ \times 0,05/100 \times 60 = 166.192,71 \$$ và (ii) $5.784.400 \text{ Đồng Nội Tệ} \times 0,05/100 \times 60 = 173.532,00 \text{ Đồng Nội Tệ}$, tổng cộng tương đương là 7.020.830 Đồng Nội Tệ.

3.2 So Sánh Đề Xuất Giá & Xác Định Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất

Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh lỗi số học bao gồm cả các khoản giảm giá, các khoản hiệu chỉnh giá đối với khả năng tuân thủ tiến độ thực hiện hợp đồng, và các khoản hiệu chỉnh giá đối với khả năng tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật (các bảo đảm về chức năng cho nồi hơi và tuốc bin) như đã trình bày trong đoạn 3.1 được tổng hợp trong Bảng 3: So Sánh Giá Dự Thầu với Các Khoản Hiệu chỉnh Giá và đính kèm như Phụ Lục 5 của Báo Cáo này. Theo kết quả so sánh, hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có giá đánh giá thấp nhất là hồ sơ dự thầu của Nhà Thầu Số 6. Giá đánh giá là 389.553.107 Đồng Nội Tệ.

3.3 Cơ Chế Ưu Tiên Nội Địa

Cả năm (5) nhà thầu đã chào hàng hóa nước ngoài. Không nhà thầu nào yêu cầu áp dụng cơ chế ưu tiên nội địa cho hồ sơ dự thầu của mình. Hội Đồng Xét Thầu cũng kết luận rằng cả năm (5) hồ sơ dự thầu đều không đủ điều kiện được áp dụng Cơ Chế Ưu Tiên Nội Địa.

3.4 Tính Hợp Lý về Giá của Hồ Sơ Dự Thầu Có Giá Đánh Giá Thấp Nhất

Nhà Thầu Số 6 có giá đã hiệu chỉnh là 8.060.707 \$ và 21.108.080 Đồng Tiền Nội Tệ (tổng số tương đương 353.217.269 Đồng Nội Tệ) chiếm khoảng 80,9% giá dự toán 446.697.600 Đồng Nội Tệ của Cơ quan Thực hiện Dự án, trên cơ sở giá cả hiện hành đầu năm 2006 không tính đến dự phòng và trượt giá. Đơn giá của các hạng mục công việc có tính chất công việc xây dựng và lắp đặt hơi thấp so với các công việc khác có tính chất tương tự ở trong nước, tuy nhiên đơn giá cho các thiết bị nhập khẩu quan trọng, và thiết bị đo đạc và thiết bị điều khiển chuyên dụng, như Hệ Thống Điều Khiển Quy Trình và Kiểm Soát Vận Hành, tương tự các dự án khác trong xxxxxx. Do vậy, hồ sơ dự thầu của nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xem là hợp lý.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá một cách có hệ thống các hồ sơ dự thầu, được thực hiện phù hợp với các quy định của hồ sơ mời thầu, Nhà Thầu Số 6 đã nộp hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản có giá đánh giá thấp nhất. Chúng tôi đề nghị trao hợp đồng cho Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx cho Nhà Thầu Số 6 với giá dự thầu là 8.060.707 đô la Mỹ và 21.108.080 Đồng Nội Tệ (tổng số tương đương 353.217.289 Đồng Nội Tệ). Chúng tôi đề nghị Ngân hàng Phát triển Châu Á phê duyệt trao thầu và thông báo cho EA về việc phê duyệt kết quả xét thầu này kịp thời để phát hành Thông Báo Trao Thầu cho nhà thầu trúng thầu trước khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2007.

BIÊN BẢN MỞ THẦU

Khoản Vay Số xxxx-xxx
Gói Thầu Số 15/xxxxxx/06 (ICB)

Tên Dự Án: Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện xxxxxx
Tên Gói Thầu: Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx

1. Chủ Tịch Hội Đồng Mở Thầu thông báo đã nhận được hai đề xuất giá bổ sung trên cơ sở kết quả đánh giá các đề xuất kỹ thuật theo phương thức đấu thầu Hai Túi hồ sơ (Hai Giai Đoạn):

- (j) Nhà Thầu Số 1; và
- (ii) Nhà Thầu Số 2.

2. Cả năm túi hồ sơ đựng đề xuất giá của các nhà thầu sau đây, đã được Trưởng Phòng Tài Chính và Quản Trị của Nhà Máy Điện xxxxxx cất giữ, các túi hồ sơ được mở và đọc công khai cùng các đề xuất giá bổ sung vào hồi 10:30 sáng ngày 4 tháng 11 năm 2006. Trước khi mở các túi hồ sơ, Hội Đồng Mở Thầu, cũng như các đại diện của các nhà thầu liên quan, đã kiểm tra tình trạng của mỗi túi hồ sơ.

Tên Các Nhà Thầu	Giá Dự Thầu		Số Tiền Bảo Lành Dự Thầu	Lưu Ý	Chữ Ký của Người Đại Diện
	Nước Ngoài	Trong Nước			
Nhà Thầu Số 1	DM	LC	US\$210.000	-	Đã Ký
Đề Xuất Giá Ban Đầu	14.722.029	74.674.757			
Đề Xuất Giá Bổ Sung	613.700	3.930.250			
Tổng	15.335.229	78.605.007			
Nhà Thầu Số 2	US\$		US\$110.000	-	Đã Ký
Đề Xuất Giá Ban Đầu	10.035.635	68.772.717			
Đề Xuất Giá Bổ Sung	528.150	3.619.000			
Tổng	10.563.785	72.391.717			
Nhà Thầu Số 3	US\$		US\$ 210.000	Đề nghị giảm giá trọn gói \$500.000	Đã Ký
	8.569.078	52.127.834			
Nhà Thầu Số 6	US\$		-		Đã Ký
	8.068.601	20.733.830			
Nhà Thầu Số 7	US\$		-	Đề nghị giảm 8% giá chào thầu	Đã Ký
	8.580.596	41.239.963			

Phụ Lục 1
Trang 2/3

2. Các đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở các đề xuất giá công khai và một bản sao danh sách tham dự được đính kèm như phụ đính của biên bản này.

STT	Tên	Chức Vụ	Tên Công Ty Đầu Thầu Đại Diện
1.	Ông xxxxx	Phó Trưởng Phòng Văn Phòng Châu Á	Nhà Thầu Số 1
2.	Ông xxxxx	Giám Đốc Phòng Marketing Quốc Tế	Nhà Thầu Số 2
3.	Ông xxxxx	Phó Bộ Phận Hải Ngoại	Nhà Thầu Số 3
4.	Ông xxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Chi Nhánh Nội Địa	Nhà Thầu Số 6
5.	Ông xxxxx	Trưởng Phòng Phòng Kế Hoạch và Thiết Kế	Nhà Thầu Số 7

3. Các vấn đề phát sinh trong quá trình mở đề xuất giá.

Ông xxxxxx, đại diện của Nhà Thầu Số 6 đã đề nghị Hội Đồng Mở Thầu thông báo thông tin bổ sung về khoản giảm giá được Nhà Thầu Số 3 và Nhà Thầu Số 7 chào. Chủ Tịch Hội Đồng đã làm rõ rằng cả hai nhà thầu đã đề nghị giảm giá trong thư gửi kèm theo hồ sơ dự thầu. Chủ Tịch Hội Đồng đã đọc các đoạn có nội dung liên quan trong các thư đó.

4. Việc đọc và ký hồ sơ dự thầu kết thúc vào lúc 11 giờ 45 phút sáng.

Đã Ký
Thành Viên
Kỹ Sư Trưởng
Nhà Máy Điện Xxxxx

Đã Ký
Chủ Tịch
Tổng Giám Đốc

Đã Ký
Thành Viên
Trưởng Phòng Kế Hoạch
xxxxx

Phụ Lục 1
Trang 3/3

DANH SÁCH THAM DỰ LỄ MỞ THẦU

Khoản Vay Số xxxx-xxx
Gói Thầu Số 15/xxxxxx (ICB)
Địa Điểm: Phòng Hợp
Tầng Hai
Tòa Nhà Quản Trị
Nhà Máy Điện xxxxxx

Tên Dự Án : Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện xxxxxx
Tên Gói Thầu : Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx
Ngày: 4 Tháng 11 Năm 2006; Thời Gian: 10: 30 sáng

Đại diện của các nhà thầu dưới đây đã tham dự lễ mở thầu công khai.

Nhà Thầu Số	Nhà Thầu	Đại Diện		Chữ Ký
		Tên	Chức Vụ	
1.	Nhà Thầu Số 1	Ông xxxxxx	Phó Trưởng Phòng Văn Phòng Châu Á	Đã Ký
2.	Nhà Thầu Số 2	Ông xxxxxx	Giám Đốc Phòng Marketing Quốc Tế	Đã Ký
3.	Nhà Thầu Số 3	Ông xxxxxx	Phó Bộ Phận Hải Ngoại	Đã Ký
4.	Nhà Thầu Số 6	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Văn Phòng Chi Nhánh Nội Địa	Đã Ký
5.	Nhà Thầu Số 7	Ông xxxxxx	Trưởng Phòng Phòng Kế Hoạch và Thiết Kế	Đã Ký

Phụ Lục 2

BẢNG DỮ LIỆU CƠ BẢN

1	Tên Dự Án	Dự Án Nâng Cấp Nhà Máy Điện xxxxxx
2	Khoản Vay Số	xxxx-xxx
3	Tên Gói Thầu	Dự Án Cải Tạo Nhà Máy Điện xxxxxx
4	Gói Thầu Số	15/xxxxxx/06 (ICB)
	Giá Trị Dự Toán	10.585.000,00 đô la Mỹ (khoảng 446.697.600 Đồng Nội Tệ)
6	Ngày Phát Hành Thông Báo Mời Thầu	Ngày 22 Tháng Tư Năm 2006
7	Phương Thức Mua Sắm	Đấu Thầu Cạnh Tranh Quốc Tế Hai Giai Đoạn, Hai Túi Hồ Sơ
A. ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT		
8	Ngày Giờ Đóng Thầu	10:30 giờ sáng ngày 25 tháng 7 năm 2006
9	Ngày Giờ Mở Thầu	11:00 giờ sáng ngày 25 tháng 7 năm 2006
10	Số Lượng Hồ Sơ Dự Thầu Nhận Được	Bảy (7) Hồ Sơ Dự Thầu
11	Ngày Báo Cáo Xét Thầu (Đề Xuất Kỹ Thuật) được nộp cho ADB	26 tháng 9 năm 2006 27 tháng 9 năm 2006
12	Ngày ADB Phê Duyệt	Ngày 11 tháng 10 năm 2006
13	Số Lượng Nhà Thầu Đáp Ứng	Năm (5) Nhà Thầu
14	Số Lượng Nhà Thầu Không Đáp Ứng	Hai (2) Nhà Thầu
B. ĐỀ XUẤT GIÁ		
15	Ngày Gửi Thư Mời tham dự lễ mở Đề Xuất Giá đến năm nhà thầu	Ngày 14 tháng 10 năm 2006
16	Số lượng Đề Xuất Giá Bổ Sung Nhận Được:	Hai (2)
17	Ngày Giờ Mở Đề Xuất Giá	10:30 sáng ngày 4 tháng 11 năm 2006
18	Thời Hạn Hiệu Lực Hồ Sơ Dự Thầu	180 ngày kể từ ngày mở hồ sơ dự thầu Tức là ngày 25 tháng 7 năm 2006
19	Hồ Sơ Dự Thầu Hết Hiệu Lực Vào Ngày	Ngày 21 tháng 1 năm 2007
20	Khoản Tiền Bảo Lãnh Hồ Sơ Dự Thầu	Không dưới 2% Giá Dự Thầu
21	Ngày Bảo Lãnh Dự Thầu Hết Hiệu Lực	Ngày 18 tháng 2 năm 2007
22	Ngày Xác Định Tỷ Giá Hối Đoái	Ngày 4 tháng 11 năm 2006 (ngày mở đề xuất giá) Nguồn: Tỷ giá bán ra của Ngân Hàng Trung Ương xxxxxx
23	Tỷ Giá Hối Đoái được sử dụng để Đánh Giá	1 US\$ = LC41.201 1 DM = LC28.05

Phụ Lục 3

**BẢNG 1: TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(SỬA LỖI SỐ HỌC VÀ GIÁ DỰ THẦU ĐÃ ĐIỀU CHỈNH)**

Nhà Thầu	Nội dung	Giá Dự Thầu Lúc Mở Thầu		Sửa Lỗi		Giá Dự Thầu Sau Điều Chỉnh		Tổng Giá Dự Thầu Sau Điều Chỉnh	Xếp Hạng
		Ngoại Tệ	Nội Tệ	Ngoại Tệ	Nội Tệ	Ngoại Tệ	Nội Tệ	Tương Đương Nội Tệ*	
Số 1	Phần A: Hệ Thống 60 MW	DM10.106.220	28.958.573	DM(+195.005	(-) 75.763	DM10.111.225	28.882.810	312.502.671	(5)
	Phần B: Hệ Thống Hỗ Trợ	5.319.009	49.646.434	(+)32.616	(+)325.142	5.351.625	49.971.576	200.084.657	
	Tổng phụ	15.335.229	78.605.007	(+)127.621	(+)249.379	15.462.8500	78.854.386	512.587.328	
	Giảm Giá	-	-	-	-	0	0	0	
	Tổng cộng	-	-	-	-	15.462.850	78.854.386	512.587.328	
Số 2	Phần A: Hệ Thống 60 MW	US\$7.131.770	21.411.046	US 0	(+)5.908	US\$7.131.770	21.416.954	315.253.010	(4)
	Phần B: Hệ Thống Hỗ Trợ	3.432.015	50.980.671	(-) 2.964	(+) 91.634	3.429.051	51.072.305	192.352.635	
	Tổng phụ	10.563.785	72.391.717	(-)2.964	(+) 97.542	10.560.821	72.489.259	507.605.645	
	Giảm Giá	-	-	-	-	0	0	0	
	Tổng cộng	-	-	-	-	10.560.821	72.489.259	507.605.645	
Số 3	Phần A: Hệ Thống 60 MW	US\$5.855.955	15.116.110	US 0	0	US\$5.855.955	15.116.110	256.387.312	(3)
	Phần B: Hệ Thống Hỗ Trợ	2.713.123	37.011.724	(+) 21.502	(-)205.012	2.734.625	36.805.912	149.475.197	
	Tổng phụ	8.569.078	52.127.874	(+)21.502	(-)205.812	8.590.580	51.922.022	405.862.509	
	Giảm Giá	-	-	-	-	(-)500.000	0	(-)20.600.500	
	Tổng cộng	-	-	-	-	8.090.580	51.922.022	383.262.009	

Số 6	Phần A: Hệ Thống 60 MW	US\$5.565.083	5.553.700	US\$(-)25.326	(+)231.100	US\$5.539.757	5.784.400	234.027.928	
	Phần B: Hệ Thống Hỗ Trợ	2.503.518	15.180.530	(+)17.432	(+)143.150	2.520.950	15.323.680	119.189.341	
	Tổng phụ	8.068.601	20.773.830	(-)7.894	(+)374.250	8.060.707	21.108.080	353.217.269	
	Giảm Giá	-	-	-	-	0	0	0	
	Tổng cộng	-	-	-	-	8.060.707	21.108.080	353.217.269	(1)
Số 7	Phần A: Hệ Thống 60 MW	US\$5.790.140	16.490.708	US\$(+)109.653	(-)132.309	US\$5.899.793	16.358.399	259.435.770	
	Phần B: Hệ Thống Hỗ Trợ	2.790.456	24.749.245	(+)62.105	(+)257.609	2.852.561	25.006.854	142.535.220	
	Tổng phụ	8.580.596	41.239.953	(+)171.758	(-)125.300	8.752.354	41.365.253	401.970.990	
	Giảm Giá (8%)	-	-	-	-	(-)700.188	(-) 3.309.220	(-)32.157.660	
	Tổng cộng	-	-	-	-	8.052.166	38.056.033	369.813.324	(2)

* Căn cứ vào Tỷ Giá Hối Đoái bán ra: _____

Phụ Lục 4
Trang 1/6

BẢNG 2: CÁC TÍNH NĂNG VƯỢT TRỘI CỦA YÊU CẦU KỸ THUẬT

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
PHẦN A	Hạng Mục Thiết Bị 60 MW					
I.	Nồi Hơi và Thiết Bị Phụ Trợ					
(1)	Áp Suất Hơi - Ống Dẫn, Ống, Van - Van An Toàn Nồi Hơi	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Hệ Thống Khí và Khí Thải	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Kết Cấu Thép	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Hệ Thống Nhiên Liệu - Các Bộ Đốt - Máy Bơm Áp Suất Cao và Thấp và Ống Dẫn	Có Có	Có Có	Có Có	Có Có	Có Có
(5)	Hệ Thống Phun Hóa Chất	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Cần Trục Nồi Hơi & Cần Cầu	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Cách Nhiệt	Có	Có	Có	Có	Có
(8)	Quạt Đẩy Thải - Loại Trục - Công Suất 252 x 10 ³ m ³ /giờ m ³ /h	đồng trục Có	đồng trục 252x10 ³	đồng trục 252x10 ³	đồng trục 252x10 ³	đồng trục 275x10 ³
(9)	Thiết Bị Đo Đạc & Giám Sát	Có	Có	Có	Có	Có
(10)	Giá Trị Bảo Đảm - Lưu Lượng, Công Suất 250 tấn/giờ - Hiệu Suất 90,5%	250 89%	250 90,5%	250 90,5%	250 90,5%	260 90,5%
II.	Tuốc bin & Thiết Bị Phụ Trợ Hoạt Động					
(1)	(i) Liên Tục Tối Đa ở Mức 60 M.W. (ii) Định Mức Nhiệt Bảo Đảm 2.327 kcal/kWh.	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Phạm Vi Công Việc 2.1 Rô-tơ Tuốc bin - Đại Tu Tại Chỗ - Sửa Chữa Bên Ngoài Rô-tơ kW và Rô-tơ LP 2.2 Tra Dầu và Hệ Thống Dầu Nâng 2.3 Hệ Thống Trích Hơi và Hệ Thống Đệm Kín 2.4 Thiết Bị Ngưng Tụ và Phụ Kiện 2.5 Phần Hơi và tất cả Công Việc Ống Dẫn Liên Quan 2.6 Hệ Thống I&C Bảo Vệ Tuốc bin	2.325	2.408	2.327	2.470	2.470
		Có	NI	Có	Có	Có
		Có	Có	Có	Có	Có
		Có	Có	Có	Có	Có
		Có	Có	Có	Có	Có
		Có	Có	Có	Có	Có
		Có	Có	Có	Có	Có

Có - Phạm Vi Công Việc Được Chào Đầy Đủ và /hoặc Đáp Ứng Quy Cách Kỹ Thuật Được Quy Định.
NI - Không Cung Cấp Thông Tin trong Hồ Sơ Dự Thầu.

Phụ Lục 4
Trang 2/6

Phần	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
III.	Chu Trình Hơi & Nước					
(1)	Đại Tu Hệ Thống Hiện Thời	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Máy Bơm Ngưng Tụ 2 bộ	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Lò Áp Suất Thấp	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Bộ Xả Khí & Bể Nước Cấp Máy Bơm Nước Cấp	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Lò Áp Suất Cao	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Trạm Điều Khiển Nước Cấp	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Trạm Giảm Áp Suất Hơi – Số Lượng 4	Có	Có	Có	Có	Có
(8)	Thiết Bị Đo Đặc & Giám Sát	Có	Có	Có	Có	Có
IV.	Thiết Bị Phụ					
(1)	Khôi Phục Cản Trục trong khu Tuốc bin & Trạm Bơm Nước Tuần Hoàn	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Hệ Thống Nước Tuần Hoàn	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Hệ Thống Nước Làm Mát Hydrogen					
	- 100% Ống Trao Đổi Nhiệt	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	- Trục Bơm Tuần Hoàn và Phụ Kiện	Có	Có	Có	Có	Có
	Hệ Thống Điều Hòa Không Khí	Có	Có	Có	Có	Có
V.	Hệ Thống Thổi Muội Than Mới					
(1)	Ống Thổi Có Thể Kéo Dài (4 đến 8 ống)	4 (Có)	4(Có)	8 (Có)	8 (Có)	8 (Có)
(2)	Ống Thổi Cố Định	4 (Có)	4 (Có)	Có	8 (Có)	8 (Có)
(3)	Trạm Giảm Áp Với Ống Dẫn và Van	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Hành Lang và Cầu Thang	Có	Có	Có	Có	Có
VI.	Cửa Nhận Nước Tuần Hoàn					
(1)	Thông Số Thiết Kế					
	- Tổng Định Mức Lưu Lượng Dòng	Có	Có	Có	Có	Có
	26.000 m ³ /giờ					
	- Dòng Chảy Qua Màn Chắn ở Mức	Có	Có	Có	Có	Có
	Nước Thấp 6.500 m ³ /h					
	- Độ lệch qua Lưới tối đa 150mm	Có	Có	Có	Có	Có
	- Khu Vực Màn Chắn Bị Nghẽn 25%	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Phạm Vi Công Việc					
	2.1 Dây Màn Chắn Qua Lại 4 Bộ	Có	Có	Có	Có	Có
	2.2 Màn Chắn Dạng Thanh 4 Bộ	Có	Có	Có	Có	Có
	2.3 Bơm Rửa Sau Màn Chắn Bộ	Có	Có	Có	Có	Có
	2.4 Cản Trục Giàn Khoan I bộ 3 tấn	Có	Có	Có	Có	Có
	2.5 Máy Bơm Lắng Dầu Di Động 2 Bộ	Có	Có	Có	Có	Có
	2.6 Tất Cả Công Việc Xây Dựng	Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 4
Trang 3/6

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
VII	Thiết Bị Điện					
(1)	Thiết bị Đóng cắt 6,6 kV	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Ắc Quy - 60V and 110V	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Máy Biến Thế	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Máy Phát Điện	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Động Cơ	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Hệ Thống Chiếu Sáng					
	- Nhà Nội Hơi	Có	Có	Có	Có	Có
	- Nhà Bơm Nước Làm Mát	Có	Có	Có	Có	Có
VIII.	Thiết Bị I và C					
(1)	Phần Cứng PCOM	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Phần Mềm PCOM	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Phụ Tùng Thay Thế PCOM và Tiêu Hao	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Đào Tạo cho PCOM	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Bộ Biến Đổi Áp Suất	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Thiết Bị Đo Áp Suất	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Đồng Hồ và Dụng Cụ Đo Nhiệt Độ	Có	Có	Có	Có	Có
(8)	Hệ Thống Báo Rung cho Tuốc bin	Có	Có	Có	Có	Có
(9)	Hệ Thống Giám Sát Thay Thế Trục Tuốc bin	Có	Có	Có	Có	Có
PHẦN B IX.	Hệ Thống Hỗ Trợ Máy Phát Điện Hydrogen					
(1)	Phá Dỡ Hệ Thống Hiện Thời	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Thiết Bị Chu Kỳ Chính					
	2.1 Các Yêu Cầu					
	- Loại: Chất Điện Phân	Có	Có	Có	Có	Có
	- Loại Chất Điện Phân NaOH (hoặc) KOH	Có	NaOH	Có	NaOH	Có
	- Công Suất: 8Nm ³ /giờ	Có	Có	Có	Có	Có
	- Chất Lượng:					
	Hydro 99%	Có	Có	Có	Có	Có
	Oxy <10 ppm	Có	Có	Có	Có	Có
	Ni-tơ <500 ppm	Có	Có	Có	Có	Có
	Cacbon Monoxit <10 ppm	Có	Có	Có	Có	Có
	Co ₂ <10 ppm	Có	Có	Có	Có	Có
	H ₂ O < 6.2 mg/Nm ³	Có	Có	Có	Có	Có
	- Mức Tiêu Thụ Điện <5kWh/Nms	4,8	4,8	3,0	4,9	5,0
	2.2 Pin Điện Phân	Có	Có	Có	Có	Có
	2.3 Máy Nén Khí Hydro và Máy Sấy Khí	Có	Có	Có	Có	Có
	2.4 Trạm Nạp Khí và Bể Chứa Khí cho 7 Ngày Hoạt Động	Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 4
Trang 4/6

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
IX. (tiếp theo)						
(3)	Thiết Bị Điện	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Thiết Bị Đo Đặc & Giám Sát	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Hóa Chất và Phòng Thí Nghiệm Hóa Chất	Có	Có	Có	Có	Có
X.						
(1)	Đại Tu Hệ Thống Hiện Tại	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Bê Trữ Nước, Máy Bơm Nước & Các Công Việc Đi Đường Ống	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Máy Bơm Cứu Hỏa với Thùng Trữ Diezen (1 bộ) (300 m ³ /giờ và 9,8 thanh)	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Máy Bơm Bù Áp (1 Bộ) (10 m ³ /giờ, 9,8 thanh)	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Tuyến Cứu Hỏa Ngầm Chính (kích cỡ tối thiểu 150mm, ống dẫn DCI)	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Tủ và Vòi Nước Cứu Hỏa (Tối Thiểu 14 bộ)	Có (16)	Có (15)	Có (16)	Có (15)	Có (14)
(7)	Hệ Thống Ống Dẫn Đứng & Tủ (Tối thiểu 35 bộ)	Có (35)	Có (35)	Có (36)	Có (35)	Có (37)
(8)	Hệ Thống Phun Làm Mát Thùng	Có	Có	Có	Có	Có
(9)	Hệ Thống Phun Nước Cố Định Cho Máy Biến Thế	Có	Có	Có	Có	Có
(10)	Hệ Thống Phun để Cứu Hỏa Phòng Máy Bơm	Có	Có	Có	Có	Có
(11)	Bình Cứu Hỏa Di Động & Bình Cứu Hỏa Có Bánh Xe	Có	Có	Có	Có	Có
XI.	Nhà Máy Xử Lý Nước					
(1)	Trạm Tiên Xử Lý (Máy Bơm & Quạt Gió)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Nhà Máy Xử Lý Nước Bằng Khử Khoáng	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Đơn Vị Xử Lý Nước Sạch là 20 m ³ /h	Có(20)	Có (20)	Có(20)	Có(20)	Có(25)
(4)	Dung Tích Thùng/Bình Trữ Nước Sạch là 40m ³	(40)	(40)	(40)	(40)	(40)
	Thay Thế Chung					
	4.1 Trạm Định Lượng Khử Trùng bằng Clo Số Lượng 2 Thùng (2m ³) và Máy Bơm	Có	Có	Có	Có	Có
	4.2 Máy Bơm Tăng Cường Nước Sạch (25 m ³ / giờ, 30m & Hiệu Suất 70%)	Có (HS 74%)	Có (HS 70%)	Có (HS 74%)	Có (HS 72%)	Có (HS 70%)
	4.3 Máy Bơm Chuyển Nước Sạch (20 m ³ /giờ; 40m & Hiệu suất 70%)	Có (HS 74%)	Có (HS 70%)	Có (HS 74%)	Có (HS 72%)	Có (HS 70%)
	4.4 Máy Bơm Trung Hòa (120m ³ /giờ, 20m, Hiệu suất 70%)	Có (HS 75%)	Có (HS 75%)	Có (HS 74%)	Có (HS 76%)	Có (HS 75%)
(5)	Phòng Thí Nghiệm Hóa Chất (1 Lô)	Có	Có	Có	Có	Có
(6)	Thiết Bị Đo Đặc và Giám Sát	Có	Có	Có	Có	Có
(7)	Điện	Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 4
Trang 5/6

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
XII.	Cải Tạo Tuyến Dầu, Hơi, Ngưng Tụ đến và đi từ Bình Chứa Dầu	Có	Có	Có	Có	Có
XIII.	Công Việc Cải Tạo Khác					
(1)	Chống Ăn Mòn cho Công Trình (29,000 m ²)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Mái Nhà Tước bin	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Nâng Cấp Tòa Nhà Hành Chính	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Thiết bị Di Động					
	- Xe Nâng Hàng (2 Đơn vị)	Có	Có	Có	Có	Có
	- Cần Trục Di Động (1 Đơn vị/20t)	Có	Có	Có	Có	Có
	- Xe Tải (2 Đơn vị/5t)	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Dụng Cụ & Công Cụ Đo					
	- Công Cụ Đo Độ Dày Tường Bằng Siêu Âm (40-50mm)	Có	Có	Có	Có	Có
	- Bộ Kiểm tra Độ Rung & Tiếng Òn	Có	Có	Có	Có	Có
	- Máy Đo Độ Dày Lớp Phim Sơn Màng Khô	Có	Có	Có	Có	Có
XIV.	Giám Sát Bộ Nhớ					
	- Máy Tính và Phần Mềm	Có	Có	Có	Có	Có
	- Máy In	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Đóng Gói cho Phụ Tùng Thay Thế	Có	Có	Có	Có	Có
	- Thiết Bị Văn Phòng	Có	Có	Có	Có	Có
XV.	Thiết Bị Điện					
(1)	Thiết Bị 132 kV					
	1.1 Máy Cắt 132 kV	Có	Có	Có	Có	Có
	1.2 Bộ Ngắt Điện 132 kV	Có	Có	Có	Có	Có
	1.3 Máy Biến Dòng	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Thiết Bị Chống Tăng Điện Áp	Có	Có	Có	Có	Có
(3)	Máy Biến Dòng	Có	Có	Có	Có	Có
(4)	Máy Biến Điện Áp (6.6 & 11kV)	Có	Có	Có	Có	Có
(5)	Cáp Điện 6,6kV	Có	Có	Có	Có	Có
XVI.	Đào Tạo cho Nhân Sự của Người Sử Dụng Lao Động					
(1)	Đào tạo tại Nhà Máy cho khoảng 30 thực tập sinh cho 12 tuần (360 người-tuần)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Đào Tạo Ngoài Quốc Gia Người Mua Khoảng 12 cán bộ đào tạo cho 12 tuần (144 người-tuần)	Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 4
Trang 6/6

Mục	Mô Tả	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
XVII.	Thiết Bị Đo Đạc và Thiết Bị Điều Khiển					
(1)	Hệ Thống Thông Tin Liên Lạc					
	- PABX (250 đường)	Có	Có	Có	Có	Có
	- Điện Thoại (200 Số)	Có	Có	Có	Có	Có
	- Hệ Thống Liên Lạc Nội Bộ cho 50 người	Có	Có	Có	Có	Có
	- Loa (40 chiếc)	Có	Có	Có	Có	Có
(2)	Hệ Thống Báo Cháy					
	2.1 Tủ Báo Cháy Chính (Số 1)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.2 Tủ Báo Ngập (Số Lượng 4)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.3 Tủ Báo Khí Gas (Số Lượng 6)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.4 Máy Dò Báo Cháy (250)	Có	Có	Có	Có	Có
	2.5 Cáp	Có	Có	Có	Có	Có
	2.6 Phụ tùng thay thế	Có	Có	Có	Có	Có

Phụ Lục 5

BẢNG 3: SO SÁNH GIÁ DỰ THẦU SAU HIỆU CHỈNH GIÁ

STT	Nội Dung	Nhà Thầu Số 1	Nhà Thầu Số 2	Nhà Thầu Số 3	Nhà Thầu Số 6	Nhà Thầu Số 7
I	Giá Dự Thầu					
1	Phần A: Hệ Thống 60MW	312.502.671	315.253.010	256.387.312	234.027.928	259.435.770
2	Phần B : Hệ Thống Hỗ Trợ	200.084.657	192.352.635	149.475.197	119.189.341	142.535.220
	Tổng (A) + (B)	512.587.328	507.605.645	405.862.509	353.217.269	401.970.990
3	Giảm Giá	0	0	(-)20.600.500	0	(-)32.157.679
4	Tổng Giá Dự Thầu	512.587.328	507.605.645	385.262.009	353.217.269	369.813.311
II	Hiệu chỉnh Giá					
1	Chậm Trễ Hoàn Thành		9.457.590	-	7.020.838	-
2	Hiệu chỉnh Giá Đối Với Bảo Hành Vận Hành	-				
	(i) Công Suất Nồi Hơi	17.587.500	-	5.862.500	-	-
	(ii) Hiệu Suất Nồi Hơi	-	-	-	-	-
	(iii) Công Suất Tước bin	-	16.605.000	-	29.315.000	29.315.000
	(iv) Mức Tiêu Thụ Nhiệt của Tước bin					
	Tổng Hiệu chỉnh Giá	17.587.500	26.062.590	5.862.500	36.335.838	29.315.000
III	Tổng Giá Đánh Giá	530.174.828	533.668.235	391.124.509	389.553.107	399.128.311
IV	XẾP HẠNG	(4)	(5)	(2)	(1)	(3)

